

TRUYỆN NGẮN CHÂU PHI



Nhà Xuất Bản Văn Hóa Dân Tộc

Truyện ngắn Châu Phi

Nhiều tác giả

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

MỤC LỤC

<u>Bến cuối.</u>	
<u>Anh da đen và con voi trắng</u>	
<u>Con người chân thực</u>	
<u>Lễ cưới dưới bóng cây thánh giá</u>	
<u>Tặng vật của Banhđơ</u>	
<u>Tưởng niệm</u>	
<u>Thiên đường trẻ thơ</u>	
<u>Con rắn màu biếc</u>	
<u>Những cuộc đời bị phù phép</u>	
<u>Ả gái điểm ở Mvog-Ada</u>	
<u>Vết sẹo</u>	
<u>XU-LÂY-MAN</u>	
<u>Chiếc xe đòn đám ma</u>	
<u>Người chơi số đề</u>	
<u>Những câu chuyện thành cổ Cai-rô</u>	
<u>Một người chồng cho em tôi</u>	
<u>Người vùng vontá</u>	
<u>Bán tim</u>	
<u>Đến với Naema</u>	
<u>Đi tìm hồn cha</u>	
<u>Tôi là ai?</u>	

“Ngay loài mèo còn chôn đi thứ bẩn thỉu của chúng, thế mà em lại mang nó cùng với mình khắp đó đây”. Nàng nghĩ ngợi về bao lần lớn tiếng nói câu này trong vài tuần sai khi từ bệnh viện về nhà. Nàng không biết anh có quyết định cười không và họ đã đến mức độ để cười. Ít năm trước đây, trước khi ngã bệnh, chỉ một lần duy nhất họ từng lưu ý tới sự hiện của cỗ máy thay thế kỳ quặc như thế này. Đây là vào những buổi sáng của kỳ nghỉ cuối tuần đáng yêu, nằm trên giường, lật giở qua vài trang báo như họ vẫn làm, nàng đang đọc một bài báo nào đó về nạn thất nghiệp và những em gái vị thành niên đi làm điếm. Nàng lưu ý anh, ờ Chúa, tới công việc mà những người thuộc tổ chức bảo vệ tìm cô em gái này trong một máy sản xuất những vật dụng hình túi bằng cao su dành cho đám người phải cắt dạ dày, thảo nào em gái đi trên đường phố, người khốn cùng bé nhỏ đáng thương...

Nàng còn nhớ như in buổi sáng ấy, tờ báo ấy. Càng ngày cuộc nói chuyện giữa họ càng quay lại nhiều hơn. Họ đã buông thả mình nói về cảnh ảm đạm của công cuộc công nghiệp hóa, về những người mới nhanh chóng làm sao đổ nó cho mỗi bất hòa và mỗi bất hòa ấy sẽ biến mấy khi các phương tiện sản xuất thuộc về giới công nhân... thế nhưng những công xưởng ở Liên Xô và Trung Quốc có chắc chắn đã hết nỗi buồn thảm như cảnh đang ngự trị trong các nhà máy ở phương Tây không? Và nàng còn nhớ nàng đã gọi lại cho anh (họ từng gặp nhau ở Bắc Kinh) rằng: Rút cục thì những người công nhân trong nhà máy ở Trung Quốc đã có được hai lần trong một ngày mười phút nghỉ để tập thể dục mềm dẻo bắt buộc. Anh đã nói thế có phải em muốn đổi việc đó lấy thời gian uống trà và một liều thuốc không?

Thứ vật dụng bằng cao su chạy qua trong băng chuyền trước mặt một em gái mười sáu tuổi sẽ làm điếm trong tương lai, cũng như cuộc sống của bất kỳ người công nhân nào thực quá cách xa với cả hai người, khi họ nằm trên giường, cười trong một buổi sáng chủ nhật.

Nhưng giờ thì cỗ máy thay thế kỳ cục đó được đắp vào chính thân thể nàng. Nó lòng thòng ra từ nàng, từ một vết cục nhỏ giấu dưới áo quần nàng. Nàng đi ra từ cái giường dành cho họ và anh hiểu hết không cần nói nửa lời. Ở bệnh viện nàng đã được chỉ dẫn phải ra sao với điều này. Khi những chức năng tự nhiên không còn nữa, thì vấn đề lại riêng tư kinh khủng, bởi vì cả hai đều đã, hay từng phải trải qua. Nàng phải một mình với thứ chất thải của riêng mình.

Các vị bác sĩ nói thứ máy thay thế này sẽ được bỏ đi vào đúng lúc của nó. Sáu tuần, người thứ nhất tiên liệu; không thể lâu hơn ba tháng được là ý kiến người thứ hai bảo nàng. Có thể họ đã phối hợp sắp xếp câu chuyện hoang tưởng này. Họ cho rằng (tất nhiên sau sáu tuần hoặc ba tháng) tất cả mọi thứ sẽ được nối lại với nhau trong cơ thể nàng. Miệng lỗ đục trên cơ thể nàng, giờ đang há miệng, sẽ được khâu liền. Nàng sẽ lành lặn trở lại, phục hồi và mọi thứ sẽ hoạt động. Nàng sẽ quay về nói nghề giáo viên ở trường âm nhạc. Nàng cũng có thể quay lại đây, tại sao không nhỉ (?). Nếu muốn miễn là bản thân không mỏi mệt. Nhưng giữa lúc phải mang cái của nợ này bên mình nàng chẳng muốn nghe điều ấy tí nào. Nàng phải nghe trảng

giang những mẫu chuyện từ đám bạn bè đến đồng viên về những nhân vật kì diệu nào đấy đã chịu đựng, đã sống cuộc sống như bình thường một cách hoàn hảo ra sao. Thậm chí cả một thành viên trong Hoàng gia Anh quốc nữa chứ. Nàng bắt họ phải ngậm miệng lại cùng với câu chuyện hoang tưởng của họ. Nàng bảo nhưng mà tôi chỉ có sáu tuần hoặc ba tháng thôi, tôi chẳng việc gì phải chịu đựng cả. Anh mua tặng nàng hai chiếc áo caftan của người thổ thật đẹp. Anh tự tay chọn lựa, thật phù hợp với nàng, đúng màu, đúng kiểu và lòng khoan khoái khiến nàng lãng quên (điều đó sau này nàng biết chắc chắn cũng là cái anh hy vọng). Nàng mặc chúng để giấu đi cái dụng cụ kỳ quặc kia. Nàng vận khi chiếc này, khi chiếc kia lúc bè bạn đến thăm và trang phục của nàng ai ai cũng trầm trồ. Họ nói nàng chắc chắn giả đồ ốm để trốn việc thôi, nàng trông tuyệt vời thế kia cơ mà. Và anh xác nhận với họ rằng tình trạng của nàng đang tiến bộ trông thấy.

Trước đây họ đã từng nói với nhau rằng trong cuộc sống của họ, trong cái cuộn chỉ rối tung của cuộc sống chung giữa họ thật chẳng hề liên quan đến riêng ai cả, thực sự như vậy đấy! Một công ước trẻ con, tình anh em máu mủ xứng với câu hỏi đầy cường điệu, bất tận như anh có yêu em không, anh sẽ luôn yêu em chứ, nếu một trong hai ta ốm vô phương cứu chữa thì không ai để người kia phải chịu đựng chứ đúng không? Nếu nó xảy ra thì sao? Bậy nào, nó chẳng bao giờ xảy ra đâu. Không thể nói bằng cái lối trừu tượng đứt khoát, kịch điệu ngu ngốc ấy được. Ai có thể nói cái gì là vô phương cứu chữa. Ai có thể đoán chắc đón đau nào là bền cuối, sự kéo dài vô giá trị này chẳng phải để thoát khỏi nó đấy ư? Một người làm phẫu thuật cắt vú hai mươi năm rồi mà giờ đây vẫn còn tới trường đua ngựa hàng tuần. Một gã kia bị mất tuyết tiền liệt mà mọi người vẫn thấy hấn nốc rượu ginphatonic tại bất cứ bữa tiệc côctai nào với người vợ thứ ba nữa là.

Nhưng rồi trước khi tới bệnh viện làm phẫu thuật thăm dò, nàng lại lựa thời gian và khung cảnh để xác nhận thêm lần nữa – “Nếu tình trạng lại xấu, thật xấu...bất cứ lúc nào anh sẽ giúp em ra khỏi nó chứ? Em cũng sẽ làm điều đó cho anh”. Anh không thể trả lời. Nàng đang nằm với anh trong bóng tối. Anh gật đầu rất mạnh, và bản công ước được xác nhận trên bờ vai nàng qua chiếc cằm của anh. Vòng xương cứng cứng làm đau nàng. Rồi anh ân ái với nàng, hòa lẫn vào thân thể nàng cùng điều ước hẹn.

Sau phẫu thuật nàng nom thấy đoạn ống thòi ra từ thân thể, cái cổ máy thay thế kỳ cục ấy. Họ không nói đi nói lại nữa, chỉ mừng mừng tủi tủi, rồi mỗi ngày mỗi tốt lên thôi. Cái vật dụng, thòi ra từ vết thương không như bất kỳ vết thương hở nào do chưa thể khâu liền được, cũng tựa như một câu chuyện tình ái ngẫu nhiên nào đó luôn được giữ kín trong cuộc sống của anh, hoặc của nàng, bởi sức nặng của nó sẽ làm đâm toạc da họ nếu phải thú nhận. Ngay tức thì họ mỉm cười với nhau vào bất kỳ lúc nào mặt họ gặp nhau. Cuối cùng thì cũng thoát được khỏi nó. Một câu chuyện thần kỳ. Nói được nói đi nói lại hàng ngày, trong bất cứ dự định nào họ nghĩ ra cho tuần tới, hoặc tháng tới, hoặc năm tới, không một cái nháy mi mắt, trong mọi sự giả bộ về cuộc sống này lại tiếp ngày tiếp nối không ai tin nổi. Không ngờ một lời nào thật cả. *Hàng tạp hóa đã tới. Một cuộc chặn xe cướp bóc khác. Anh vẫn an toàn trong cái ghế ấy. Họ nói về khuynh hướng tuyển cử Mùa Xuân. Chúng ta cần những cốc rượu vang mới. Em sẽ viết những bức thư. Yêu cầu cà phê và diêm. Một khung khoảng khác ở Trung Đông. Kéo rèm cửa lên. mặt trời ở trong mắt em. Thứ năm em phải đi làm đầu.* Nếu như nàng cầm tay anh lúc này, duy nhất nó sẽ

là bất tử. Và nhục dục, vì thế, không còn xứng với họ chút nào nữa.

Chỉ duy nhất còn lại một điều, mà điều ấy chính do bản chất của nó, đã không trở thành đối trá. Chỉ duy nhất có một nơi tình yêu có thể tồn tại, ấy là: Cuộc sống bị phản bội, nhưng ước hẹn lại không cùng với cuộc sống.

Anh đưa nàng đến tiệm làm đầu chiều thứ năm ấy. Và khi anh quay lại đón nàng, anh nói với nàng là nàng trông rất xinh. Nàng vụng về cảm ơn anh như một cô thiếu nữ lần đầu được khen. Nhưng ẩn dưới nỗi vụng về ấy, nàng kiệt sức. Mỗi xúc cảm mạnh mẽ đầu tiên, ngoại trừ nỗi sợ hãi và ghê tởm trong suốt nhiều tháng qua, là bởi một sự thật tràn ngập nơi anh. Đêm đó, một mình trong căn buồng kê chiếc giường ngủ cho nàng, nàng lôi ra những viên thuốc đã trữ sẵn, và trước lúc hòa chúng vào nước, nàng đặt chiếc bật lửa chặn lên mẫu giấy viết cho anh: “Giữ lời anh nhé. Đừng để em tỉnh dậy”

Suốt từ khi còn là đứa trẻ, nàng đã hiểu đấy là một giấc ngủ sâu lắm, và chỉ thế thôi. Mỗi khi nàng như thấy con chim đầu tiên nằm dưới hàng rào, đôi mắt chẳng bao giờ mở ra nữa khi nó bị một cành con chọc thủng. Người ta chỉ có thể ý thức về một giấc ngủ khi người ta tỉnh giấc, ra khỏi nó và vì thế một người sẽ không bao giờ biết được về giấc ngủ thật sâu này. Nàng không sợ chết nhưng giờ đây nàng lại kinh hoàng với cảm giác bản thân nàng đang phải tỉnh dậy từ nó, bản thân nàng đang quay về từ cái hoàn toàn không phải là chết, không thể là chết. Mí mắt nàng như tấm màn che hồng hồng, xuyên qua nó, ánh sáng đã bùng lên rực rỡ. Nàng mở mắt ra nhìn những bức tường loang loáng của căn phòng bệnh viện. Có một bàn tay đang đặt trên người nàng – đấy là bàn tay của anh.

HÀN THỦY GIANG dịch.

Anh da đen và con voi trắng

GIÔ-MÔ KE-NI-A-TA
(Kê-ni-a)

Câu chuyện như thế này:

Một lần Voi Trắng đã thỏa thuận sẽ ăn ở hữu nghị với anh Da Đen. Sau đó chẳng bao lâu trời nổi cơn giông tố, sấm sét ầm ầm và mưa rào đổ xuống...Không xong rồi!... Voi ta đến nhà anh Da Đen ở cửa rừng và bảo:

- Anh bạn của tôi ơi! Anh có nghe thấy không?

Mưa to gió lớn đang ầm ầm ra đấy!... Mà da tôi lại mỏng manh trắng trẻo thế này... Cho tôi trú tạm trong nhà anh với, dù chỉ cho đỡ ướt độc cái vùi thôi cũng được.

Anh Da Đen lắng nghe tiếng Voi nói và thông cảm với hoàn cảnh của bạn, anh trả lời:

- Ồ, anh Voi thân mến ạ! Chật bụng chứ chặt gì nhà, anh cứ thò vùi vào đây cho đỡ ướt, nhưng cẩn thận một tí anh bạn nhé!

Voi nói:

- Cảm ơn anh! Anh tốt bụng quá! Mà tôi cũng sẽ không ở lại đây lâu đâu anh ạ!...

Thế rồi Voi ta chun vùi vào nhà bạn. Một lát Voi cho luôn cả đầu vào... Rồi, dần dần voi luồn cả thân mình vào nhà nốt, đẩy bạn ra ngoài. Thế là anh Da Đen phải đứng dưới mưa... Anh hỏi lại Voi:

- Sao sự thế lại hóa ra như thế này?

- Anh bạn thân mến ơi! Anh thấy đấy chứ? Da Đen của anh dày hơn và chịu đựng giỏi hơn da trắng của tôi. Vả lại vào trong này cả hai ta thì chặt lắm. Vậy anh cứ ở ngoài ấy, còn tôi trong này xoay xở thế nào cũng được.

...Nếu ở địa vị anh Da Đen bạn sẽ làm thế nào? Tất nhiên là anh Da Đen phản đối.

Các loại thú khác nghe cãi nhau liên kéo tới. Chúng thích thú vây quanh Voi Trắng và anh Da Đen. Cuộc đấu khẩu đang lúc căng nhất thì Sư Tử xuất hiện.

- Chả lẽ lũ chúng mày lại không biết ta đây là chúa tể của rừng này ư? Sư Tử gầm lên - đưa nào dám phá hoại an ninh trật tự của quốc gia ta đấy hả?

Chả là Voi Trắng cũng chiếm một địa vị kha khá trong rừng này nên khi nghe Sư Tử hỏi nó liền đường mật trả lời:

- Ồ. Dạ thưa ngài thủ lĩnh, chả có gì gọi là phá hoại an ninh trật tự trong quốc gia của ngài cả. Giữa tôi và anh bạn tôi đây có một sự bất đồng ý kiến nho nhỏ... về việc cái nhà. Mà, bẩm ngài, như ngày thấy đấy... chính cái nhà đó... tôi đang ở đây!

Sư Tử, kẻ luôn luôn tuyên bố rằng: “Hòa bình và an ninh trong quốc gia là giá trị hơn tất cả”, lập tức dùng quyền tối cao của y mà hạ lệnh:

- Ta truyền cho các vị bộ trưởng phải mau mau triệu tập một cuộc ủy ban giám sát có uy tín để phân giải việc này, đưa đến một kết luận công bằng và hợp lý.

Quay lại phía anh Da Đen, Sư Tử nói thêm:

- Người là kẻ biết điều đấy! Người đã biết xây dựng quan hệ hảo hữu với dân nước ta nói chung và với ngài Voi Trắng nói riêng. Đây cũng là một trong những vị bộ trưởng của ta đấy! Thôi đừng cãi nhau nữa! Cái lều tẹp nhẹp kia của người cũng chẳng mất đi đâu mà sợ. Người hãy đợi đấy, bao giờ ban giám sát thành lập, người muốn kêu ca gì hãy kể với họ. Ta tin rằng người sẽ được họ giải quyết cho thỏa mãn và công bằng, hợp lý.

Nghe Sư Tử khuyến khích, anh Da Đen yên tâm chờ đợi ban giám sát thành lập và hy vọng họ sẽ trả lại nhà cho anh. Voi trắng, vốn luôn luôn nghe lời chúa tể, vội cấp tốc báo cho các ủy viên ban giám sát biết quyết định của Sư Tử.

Ủy ban này bao gồm những vị đại thần như Tê Giác, Trâu Rừng. Vị cận thần Cá Sấu và bá tước Beo thì được bổ nhiệm làm thư ký. Còn chủ tịch ban giám sát là đáng anh minh Cáo.

Thấy toàn bộ thành phần ban giám sát như vậy anh Da Đen phản đối và yêu cầu được cử thêm vào ban giám sát đó dù chỉ là một đại diện thuộc đồng loại anh ta. Nhưng chúng trả lời anh rằng đề nghị của anh không thể được chấp nhận được vì ở giai đoạn hiện thời không một ai trong đồng loại của anh đủ trình độ văn minh để thấu triệt được tất cả sự nghiêm minh và phức tạp của pháp luật núi rừng. Chúng còn nói thêm rằng. Đối với anh không có một lý do gì phải lo lắng cả, bởi lẽ, tất cả các thành viên ủy ban giám sát đều đã từng nổi tiếng công minh xưa nay. Họ toàn là những đáng vô cùng quang minh chính trực và chính thượng đế đã phái họ xuống để bảo vệ quyền lợi cho các chủng tộc thấp hèn.

Và thế là ban giám sát bắt đầu việc xét xử.

Trước tiên là lời khai của Voi Trắng:

- Thưa quý ngài! - Bằng một giọng rất kính cẩn, Voi nói: - Tôi không có ý định làm các ngài phải phí mất thì giờ vàng ngọc để nghe những lời khai dài dòng về một việc nhỏ mọn mà các ngài đã tường tận cả rồi. Tôi xin nói ngắn và gọn thôi. Như các vị đều đã biết, tôi là kẻ luôn luôn đặt nhiệm vụ cho mình là trước tiên phải bảo vệ quyền lợi cho bạn bè lúc xảy ra hiểm nghèo. Và đây, việc này xảy ra hoàn toàn chỉ vì một sự hiểu lầm. Dẫn đến kết quả này là do anh bạn Da Đen của tôi đây thiếu hiểu biết về lôgích của vấn đề. Quý ngài hãy tự xét xem. Anh ta yêu cầu tôi giúp anh ta cứu ngôi nhà khỏi bị bão cuốn. Trong tình thế, tôi biết ngay rằng cơn bão nhất định sẽ xô sập ngôi nhà nếu không làm chặt cái khoảng trống trên trong nó đi. Một mình anh Da Đen thì làm sao có thể lại làm chặt cái khoảng trống ấy được? Hoàn toàn chỉ vì quyền lợi của bạn mà tôi quyết định liều mình xông vào làm chặt cái khoảng trống đó. Và nhờ vậy mà ngôi nhà đã được bảo toàn. Cư xử như thế là trách nhiệm của mỗi chúng ta. Tôi tin rằng bất cứ một ai trong quý vị cũng sẽ hành động như tôi! Tôi xin hết lời.

Sau lời khai của Voi, ban giám sát lần lượt nghe các vị làm chứng, đứng đầu là lão Chó Rừng “nhân đức” nói. Cả lũ đều hòa một duộc với Voi.

Cuối cùng mới tới lượt anh Da Đen. Anh bắt đầu kể sự thực câu chuyện đã xảy ra như thế nào, nhưng ban giám sát cứ ngắt lời anh ra từng quãng:

- Anh bạn! Chúng ta đã nghe rõ các lời khai, biết rõ tình hình sự việc từ rất nhiều nguồn tin khác nhau, và chúng ta cũng đánh giá các lời khai đó rất là khách quan. Điều mà chúng ta muốn anh nói là: - Hãy trả lời cho chúng ta biết. Trong nhà anh, trước lúc ngài Voi vào là hoàn toàn trống rỗng hay có ai làm chật không trống trong đó?

- Trống rỗng, nhưng...

Anh Da Đen toan nói thì các ủy viên ban giám sát đã đồng thanh tuyên bố rằng mọi sự đã rành rành, họ đã hoàn toàn đầy đủ bằng chứng của cả hai bên. Ủy ban họp để thảo luận.

Sau bữa cơm chiều hả hê, (tất cả phí tổn đều do Voi Trắng chịu một cách rất phóng khoáng và lịch thiệp), ủy ban giám sát thống nhất ý kiến. Họ gọi anh Da Đen đến và tuyên rằng:

- Sự hiểu lầm giữa anh và ngài Voi Trắng quang minh đây sinh ra chỉ bởi kết quả của sự kém hiểu biết về tình thế và những quan niệm lạc hậu của anh. Chúng ta đã xác minh rằng đáng quang minh Voi Trắng hoàn thành nhiệm vụ thiêng liêng của ngài là đã chăm nom một cách hiếm có đến chính quyền lợi của anh, ta muốn nhấn mạnh rằng: Vì quyền lợi của chính anh mà cái khoảng trống trong nhà anh đã được sử dụng một cách tiết kiệm và hợp lý. Và, bởi vì anh chưa đạt đến một trình độ hiểu biết để có thể hành động đúng trong trường hợp tương tự như trường hợp vừa xảy ra, bên ban giám sát đã đi đến kết luận công bằng, hợp lý và thỏa mãn cho cả hai bên như sau: Ngài Voi Trắng quang minh đây cứ ở lại trong cái nhà đó, còn anh thì được hoàn toàn tự do lựa chọn một chỗ khác để làm nhà mới, phù hợp với sở thích của anh về mọi mặt. Trong tương lai chúng ta sẽ bảo vệ cho anh!...

Anh Da Đen đành phải im lặng nghe lời vì anh ta không còn một lối thoát nào hết. Hơn nữa, anh sợ rằng nếu thoái thác mà chống đối lại rồi thì anh sẽ phải chọi với những hàm răng sắc và các nanh vuốt nhọn của các vị ủy viên ban giám sát...

Anh Da Đen vừa dựng xong cái nhà mới thì vị đại thần Tê Giác hiện ra. Ngài vung sừng lên hăm dọa rồi ra lệnh cho anh Da Đen phải cuốn gói ngay đi để cho ngài có điều kiện “làm chật” cái khoảng trống trong nhà anh. Nhớ lại nghị quyết của ban giám sát, anh Da Đen đành phải nhượng bộ. Thế rồi đến cái nhà thứ ba lại được bá tước Báo giúp “làm chật” khoảng trống. Tiếp theo, cái thứ tư, thứ năm... Cũng xảy ra những sự việc tương tự mãi cho đến lúc các viên chức to nhỏ của chúa tể núi rừng đều đã được anh Da Đen làm cho đủ chỗ ở.

Và đến lúc đó anh Da Đen mới suy nghĩ làm cách nào để có thể tự bảo vệ mình và thoát khỏi bàn tay của những “vị bảo trợ” kia. Anh buồn bã ngồi trên một hòn đá và nói:

- Tất nhiên chỉ có thể lường gạt người ta đến một lúc nào đấy thôi chứ không thể cứ lần này lượt khác mãi được!

Dần dần, các ngôi nhà mà các vị quyền quý đã chiếm đoạt được đều bị hư hỏng. Sự văn

minh của các ông chủ mới đó không cho phép họ làm cái công việc “đen tối, hèn hạ” là sửa soạn lại cho ngăn nắp trật tự trong nhà. Bấy giờ anh Da Đen đã làm được một ngôi nhà rộng thênh thang dưới chân đồi, xa hơn một đoạn.

Việc đó vị đại thần Tế Giác không khám phá ra ngay được. Vì vậy lúc ngài xông đến thì thấy đấng Voi Trắng anh minh đang chiếm lấy cái “khoảng trống” trong nhà và đang cùng phu nhân an giấc... bá tước Báo thì đang từ cửa sổ nhìn ra... Lão Chó Rừng “nhân đức” thì đang sửa nhặng lên giành chỗ... còn vị cận thần Cá Sấu thì đang ngon lành ngủ trên mái nhà, dưới ánh mặt trời ấm áp...

Đại thần Tê Giác xộc vào, tức thì cuộc cãi vã nổ ra, rồi các vị chuyên nghề ăn thịt ấy ẩu đả, cắn xé lẫn nhau.

Thừa lúc đó, anh Da Đen mang lửa đốt. Ngôi nhà cháy bùng lên thiêu luôn cả các vị quyền quý trong ấy.

Anh Da Đen trở về chốn cũ của mình và nói:

- Tự do và yên tĩnh đến với ta thật là khó khăn nhưng cũng nhờ thế mà ta hiểu được rất nhiều, học được rất nhiều.

Có lẽ tôi cứ im lặng thì hơn, không làm báo cáo, để mặc các thủ trưởng họ giải quyết với nhau, vì càng nghĩ đến chuyện ấy, tôi càng có cảm giác là mình đã đấu tranh vô ích.

Dù tôi có kêu gào, lý luận, dọa nạt hay không thì kết quả vẫn không thay đổi. Sự việc này giờ đây đã bị xếp xó.

Sáng hôm đó, viên tổng giám đốc gọi tôi lên bàn giấy.

- Anh Đahunka, tôi có việc rất khẩn muốn nhờ anh. Anh đi ngay đến Maxi, điều tra tình hình sử dụng công nhân và những triển vọng mười năm tới đây ra sao. Muốn làm được việc này, anh phải xem xét tất cả các hồ sơ tài liệu.

Nếu chỉ bằng lòng với việc phỏng vấn mấy viên chức người Âu thì sẽ bị họ đánh hỏa mù. Họ có thích đâu cái việc ta chuẩn bị để thay thế họ. Vậy công việc tôi cử anh đi là một công việc phải tìm tòi tỉ mỉ.

Được giao nhiệm vụ kể trên, tôi rất sung sướng. Thành phố Maxi cách thủ đô ba trăm cây số, tôi chưa hề đến đây bao giờ. Nó là một thành phố đột nhiên mọc lên từ khi người ta phát hiện ở đây có mỏ đồng. Vùng này trước kia không có người ở. Công ty khai mỏ vô danh là Sômian đã xây lên ở đây một thành phố nổi bật giữa vùng rừng núi vây quanh. Đang từ trong rừng rậm anh bước ngay vào một thành phố với những bồn cỏ được chăm chút tỉa xén rất công phu, trong một vườn hoa cỏ có những lối đi thẳng tắp tới vài chục biệt thự một tầng ở rải rác không ra thứ trật tự nào nhưng lại được tính toán rất khéo léo, biệt thự nào cũng đẹp đẽ và đầy đủ tiện nghi. Một xã hội hiện đại nằm giữa cái thế giới hoang sơ. Tất cả đều được tính trước: Rạp chiếu bóng, câu lạc bộ, bể bơi nước màu xanh ngọc bích và trong vắt như thủy tinh ở ngay trong một vùng hiện vẫn còn hoành hành bệnh giun sán. Thậm chí có cả một tiệm ăn và hai nhà khách phục vụ các quan khách của công ty hoặc những ngài muốn thưởng thức cái không khí tĩnh mịch bởi nơi đây. Vậy nên tôi được xếp chỗ ở sang trọng hơn nhiều so với khi tôi ở nhà. Biệt thự họ thu xếp so với tôi tuy nhỏ nhưng đầy đủ tiện nghi và lịch sự với một loạt những đồ vật vào loại kỹ xảo, nhưng nói chung rất đơn giản. Người kỹ sư dẫn tôi thăm khắp biệt thự, dường như cố ý nhấn mạnh vào mặt này để làm nổi lên rằng: Người ta có thể từ những nguyên liệu không đáng kể sáng tạo nên tất cả, và đây là điều người dân châu Phi không biết đến.

Anh ta cũng khoe với tôi tất cả mọi thứ thành tựu về mặt xã hội mà Công ty Somian đã thực hiện.

- Rốt cuộc, chúng tôi làm việc vì hạnh phúc của xứ này!

Người ta đã xây cho thợ mỏ một khu lều nóc hình chóp nón mà đám...(anh ta dè dặt chỗ này) chẳng bao lâu đã phá nát. Chính vì lẽ đó mà nay người ta đã mở những lớp vỡ lòng đến học không mất tiền để công nhân và vợ họ có dịp học được một số quy tắc về phép xử thế. Đây,

xin nói thực với ông, với việc làm này, người dân bản xứ đây được hưởng lợi mà không phải trả một xu. Người ta cố cố xây cho những con cái công nhân những lớp học xinh đẹp. Các thầy giáo được Công ty trả lương, cung cấp nhà ở, thêm vào đấy là sách vở và vật dụng cần thiết. Tôi tin cả nước này không tìm ra một bệnh viện cũng sạch như cái trạm xá ở Maxi đây. Cứ nửa tháng, lần lượt và có hệ thống, từng kíp thợ mỏ được khám sức khỏe rất cẩn thận. Gần giống như khám cho các nhà du hành vũ trụ.

Người ta còn bảo với tôi rằng họ được cấp một khẩu phần ăn đặc biệt. Công việc dưới hầm nặng nhọc lắm nên phải cho họ ăn uống thực nhiều và tốt.

Nhưng tất cả những điều đó sở dĩ thực hiện được là nhờ vào các mỏ đồng. Công ty này nói mỗi năm mỏ mang lại cho họ một số lợi nhuận là hai mươi tám tỉ frăng C.F.A. Con số gấp hai ngân sách cả nước chúng tôi. Chúng tôi có cổ phần nên họ chia cho bốn tỉ.

Chiều tối, tôi đến ăn ở khách sạn của công ty Somian. Những nhân viên chưa có gia đình đều ăn ở đây. Bước chân vào, tôi có cảm giác vào trong một chiếc tàu thủy. Đèn nê-ông sáng chum, đám bồi làm bận vết trắng quần đen, trong tiệm có đủ các thứ rượu có thể tìm thấy ở một hộp đêm sang trọng tối tân nhất, những chiếc bàn phủ khăn trắng muốt, những bộ thìa đĩa bằng bạc nặng trĩu, những cái đó khiến người ta quên khuấy rằng xung quanh còn có biết bao nhiêu con người đang phải ngủ trong những túp lều, trên những manh chiếu trải ngay xuống đất và không có gì để thắp sáng ngoài một ngọn đèn bão đã cũ kỹ. Viên kỹ sư tiếp tôi lúc chiều mời tôi lại ăn cùng bàn. Anh ta còn giới thiệu với tôi hai “cán bộ” khác cùng ăn.

Thoạt đầu, chúng tôi không nói gì với nhau nhiều.

- Anh không ăn súp à?

- Không, xin cảm ơn.

- Anh lầm rồi, món này là món nhà bếp ở đây làm khéo lắm đấy...

Tôi nghĩ, cuối cùng chính tôi đã phá tan bầu không khí lạnh nhạt. Tôi cũng không rõ lắm bắt đầu bằng cái gì. Đến một lúc chúng tôi gọi lại thời kỳ còn đi học, qua câu chuyện tôi phát hiện có một anh trong bọn quen mấy người bạn cùng học toán cao cấp với tôi trước kia. Câu chuyện trở nên đậm đà. Mấy người còn tỏ thân mật là đằng khác:

- Thế mà anh chả cho chúng tôi biết sớm là anh đã sang Pháp du học.

Lúc này họ tranh nhau mời tôi uống rượu^[1].

Họ nài nỉ tôi cùng đi xem chiếu bóng. Tôi chỉ muốn rút lui. Vừa đi Lendôvơ về tôi mệt lử; và tôi còn muốn trước khi đi ngủ tranh thủ thời gian yên tĩnh để đọc một cuốn tiểu thuyết mà tôi vẫn đem theo trong gói hành lý mà cuộc sống ở nơi thành thị đã khiến tôi chưa đọc được nó.

- Anh rồi rồi không bận gì. Vậy mời anh đến...

Làm sao giải thích cho những viên kỹ sư trẻ tuổi này, những con người xông pha đến nơi rừng sâu với cái đích là khi về họ sẽ được một chỗ đứng trong cái xã hội thượng lưu ở nước họ,

hiếu được rằng: Với tôi, đọc tác phẩm của China Asêbor còn hấp dẫn hơn là bàn cãi với mấy ông bạn, hoặc một đêm đi nhẩy hoặc xem một cuốn phim tối của Mỹ? Câu chuyện trao đổi với nhau từ này cũng đủ cho tôi thấy mấy anh này đều là những anh chàng vui tính dễ yêu, chắc chắn họ đều chân thực, thành thạo nghề; nhưng nói chuyện với họ mà đề cập đến những vấn đề ngoài hai môn vật lý và hóa học thì chán ngấy.

Tôi không nhớ tên cuốn phim, cả đề tài của nó nữa, tôi chỉ biết rằng mấy viên kỹ sư nọ đã cười như nắc nẻ. Về sau, họ nói với tôi là họ được một mẻ “xả hơi”. Thậm chí họ không thấy vẻ khó chịu ở tôi khi trên máy ảnh, xuất hiện một người da đen to béo hai mắt trở ra khi anh ta thấy một người mà anh ta tưởng là gõ lại đi lại được. Người ta làm cho anh ta hét lên giận dữ khăng khăng nói đấy là quỷ hiện hình, cho đến lúc một người da trắng rất bình tĩnh đến vỗ vai và giải thích cho anh ta thấy điều lầm lẫn.

- Chúc anh ngủ ngon nhé. Phim này hay lắm phải không anh?

Sáng hôm sau mới thực sự bắt đầu công việc của tôi. Phải mất hơn một tiếng đồng hồ ở phòng đợi tôi mới được viên giám đốc tiếp. Khi tôi nói cho ông ta biết mục đích của chuyến đi của tôi, ông ta trả lời là ông ta không thể chiều ý được.

Song, tôi đến đây là theo lệnh của ngài bộ trưởng, ông ấy tiếp xúc với ông quận trưởng ở đây và ông này thấy không có điều gì trở ngại cơ mà.

- Theo điều khoản hiệp định ký kết giữa chúng tôi với chính phủ ông thì điều đó không thể được.

- Thưa đồng chí giám đốc, tôi xin nhắc lại với ông rằng tôi đến đây là thừa lệnh của ngài bộ trưởng.

- Lệnh của ngài bộ trưởng đối với tôi đâu có quan trọng hơn bản hiệp định. Các ngài bộ trưởng còn thay đổi, chứ bản hiệp định thì không, ông bạn ạ. Mà bản hiệp định lại bảo đảm tính bất khả xâm phạm của các hồ sơ mà ông bạn vừa nói đến.

Viên giám đốc vừa nói vừa mỉm cười, giọng nói ngọt ngào, thậm chí còn hấp dẫn, có duyên là đằng khác, khiến bình thường ra thì câu chuyện còn tiếp tục. Nhưng với tôi, nội dung phát biểu quan trọng hơn là cách nói.

- Thưa ông giám đốc, ông đã nói một điều khá nghiêm trọng đấy.

Và tôi cũng không còn nhớ tôi ra khỏi phòng làm việc của ông ta như thế nào...

*

* *

- Anh nói là ông Vilôm đích thực nói câu nói?

- Thưa ông quận trưởng, tôi xin khẳng định là đúng thế.

- Anh nên chú ý đến lời vừa nói: Anh làm ơn nhắc lại cho đúng. Bà NguôKa.. bà ghi lại cho chính xác. Chà! câu chuyện rất nghiêm trọng. Mấy người châu Âu này, họ tưởng họ muốn làm

gì được lấy. Họ quên rằng nước chúng ta là nước độc lập.

Viên quận trưởng cho gọi gấp ông Vilôm, giám đốc Công ty Somian đến. Viên quận trưởng này, tôi quen từ hồi còn ở nội trú trường trung học. Nđôtê hơn tôi mấy tuổi. Tôi học năm thứ ba thì anh ta đang chuẩn bị thi tú tài, nhưng trái hẳn với những bạn lớn tuổi cùng lớp, anh ta không coi thường bọn học sinh mới. Lúc nào anh ta cũng vui vẻ. Tôi vẫn thường ước ao khi học tới lớp thi tốt nghiệp, tôi cũng trở nên như anh ta và giữ được cái đức tính giản dị lúc này của anh ta trong cư xử với đám nhỏ tuổi hơn. Trong những lúc chơi bóng đá; dù được hay thua không bao giờ Nđôtê nổi nóng. Nếu trong lúc tranh bóng, anh có làm đối phương bị ngã thì liền sau đó, anh quay trở lại xin lỗi và tỏ ra băn khoăn xem người kia có bị đau không. Khi có những cuộc biểu tình chống viên hiệu trưởng, anh bao giờ cũng tham gia ngay không bàn cãi, nhưng không bao giờ anh hô: “Gaxtông tên ăn cắp! Gaxtông tên thực dân!” vì bản chất anh rất không ưa việc chửi bới, ngay cả với người đã làm hại anh. Nđôtê vốn là một học sinh xuất sắc. Người ta nói từ năm học lớp sáu, năm nào anh cũng được giải thưởng hạng ưu. Vậy mà anh vẫn có thói quen kiên trì chăm chú nghe những lời ba láp của mấy đứa học sinh lười như loại thằng Phalico hoặc thằng Sambaem, Nđôtê quả là một anh bạn tốt.

Tôi đã có dịp gặp lại anh ta hồi chúng tôi du học bên Pháp sắp sửa về nước với bằng bác sĩ thứ y. Đến tận bây giờ tôi vẫn còn hình dung thấy rõ, chủ nhật nào anh ta cũng đến khuyến khích tổ chức nghiệp đoàn của chúng tôi. Anh ta là một trong số những người đã giúp tôi nhiều nhất trong việc giải quyết tâm trạng tự ti của tôi và đã làm cho tôi hiểu ra sự cần thiết của nền độc lập, không phải nền độc lập của riêng cái xứ sở nhỏ bé của tôi, mà của cả Châu Phi. Thấy tôi tỏ vẻ hoài nghi, anh ta đã thuyết phục cho tôi thấy đây không phải là chuyện không tưởng. Anh lấy những thí dụ trong lịch sử thế giới và châu Á. Và chính nhờ anh mà tôi đã tiến tới hiểu được rằng không cần cù học tập liên tục thì không thể nói chuyện chính trị được, và cũng không thể học tập tốt nếu không luôn luôn tự đặt ra cho mình những câu hỏi về tương lai của thế giới, và cuối cùng là phải làm chính trị. Tôi vẫn nhớ câu anh ta nói, mà về sau đến lượt tôi vẫn thường nhắc lại, như thể tôi vừa mới phát hiện ra.

- Nếu anh không làm chính trị, anh sẽ chịu hậu quả của nó.

- Một ý nghĩ bề ngoài xem ra không quan hệ cho lắm nhưng thực ra nó đã có một sức thuyết phục không lường được đối với một thanh niên mới lớn lên như tôi, hồi ấy, tôi là đứa trẻ mà mẹ tôi thường nhắc:

- Con đừng có làm chính trị nhé. Chuyện ấy là của những kẻ lưu manh ăn cướp, con ạ.

Khi ra đời đạo luật về cán bộ và nước nhà tuyên bố độc lập, Nđôtê đã giải thích cho tôi rằng đấy chỉ là trò hề và ông chủ tịch nước cộng hòa của chúng tôi chỉ là một tên đầy tớ của đế quốc Pháp. Một năm sau, không thấy Nđôtê trong đám sinh viên đại học, và tôi được tin là anh ta đã về nước, khi ấy tôi rất lo là anh đã bị bắt.

Sáu tháng sau, đọc báo tôi được biết Nđôtê đã làm đại sứ ở Tuynidi. Tôi không thể hiểu. Và giờ đây tôi lại gặp anh ta làm quận trưởng. Chúng tôi gọi lại một vài kỉ niệm cũ, và không thể nói đến sự việc đã khiến tôi đến gặp anh ta.

- Đạo này anh đã ở đâu rồi? anh ta hỏi tôi.

- Chà, thị xã ấy đẹp quá ấy chứ. Trước kia, tôi có đến đấy mấy lần và tôi thích nó lắm. Hơn nữa, nhà tôi còn muốn hai vợ chồng tôi tậu một ngôi nhà ở đấy:

- Nhất định là đẹp rồi, tôi nói. Nhưng người ta đã bỏ mặc chúng tôi. Đường phố ở ngay giữa thị xã, giờ đây cũng hư hỏng. Năm năm nay, không một phố nào có đèn, trường học thì thiếu...

- Thế ai là thị trưởng?

- Zabuna.

- Ờ, ờ, thế trước ông này là ai nhỉ?

- Là ông già Ekôđô.

- Nhưng giờ đây ông này đã chết rồi?

- Vâng.

- À! Chính ông này phải chịu trách nhiệm về tình trạng suy sụp của thị xã, ông ta không làm một việc gì hết.

Không hiểu tại sao tôi lại cảm thấy khó chịu về việc viên quận trưởng chỉ trích người thị trưởng cũ chỉ vì ông này đã chết rồi.

Có tiếng chuông điện thoại.

- À được. Rất tốt. Mời ông ta lên.

Vilôm bước vào, mình mặc áo lót bằng nilông bỏ ngoài vành quần, đôi chân không bít tất cổ đôi hài xảo xamara.

Tôi vẫn thường lấy làm buồn cười về những vị cao cấp của ta. Trong ngày lễ, họ vận quần áo sẫm màu, đủ cả gilê, cà vạt, dù cho ăn mặc như vậy, dưới trời nắng, họ toát mồ hôi. Nhưng, ngược lại, tôi cũng thấy khó chịu khi một người nước ngoài đứng trước mặt một quan chức của chính quyền ta, lại ăn mặc quần áo tắm biển. Và tôi tin rằng nếu tôi là quận trưởng, tôi đã đuổi tên Vilôm nọ ra ngoài cửa, đòi y phải về ăn mặc lại cho chỉnh tề.

- Chào ông Vilôm, chúng tôi cho mời ông đến để đối chứng một việc. Ông Đahunka có mặt ở đây là người mà tôi nghĩ đã có dịp làm quen với ông, là một phái viên của cơ quan trung ương cử về. Ông ta có nhiệm vụ điều tra một số mặt công việc quản lý tài chính của Công ty Somian. Và hình như ông đã phản đối đưa ra cho ông ta xem một số tài liệu, phải không?

- Thưa ông quận trưởng, tôi nghĩ tôi đã làm đúng bốn phận của tôi. Tôi đã đưa trình ông tổng thanh tra tất cả những tài liệu hồ sơ mà tôi có thể đưa ra được. Hình như làm như vậy chưa đủ để ngài tổng thanh tra vừa ý và ngài ấy còn đòi tôi phải đưa ra một số tư liệu được coi là mật mà tôi không có quyền đưa ra nếu không có sự đồng ý của ông chủ tịch tổng giám đốc của tôi.

- Nhưng thưa ông Vilôm, đây là nhà nước đòi ông đưa xem.

- Tôi không phủ nhận điều đó. Nhưng nhà nước lẽ ra trước tiên phải gõ vào ông chủ tịch

ban tổng giám đốc của chúng tôi để ông ấy ra lệnh cho tôi.

Nđôtê gạt đầu ra vẻ thông cảm.

- Nhưng thế ông có nói với ông Đahunka rằng ông bất chấp chính phủ chúng tôi không?

- Không hoàn toàn đúng thế, thưa ông quận trưởng. Tôi nghĩ có lẽ tôi đã nói là tôi lấy làm buồn vì đã không làm hài lòng được chính phủ vì tôi còn có trách nhiệm đối với ban Tổng giám đốc của chúng tôi.

Tôi không nên nén mình không ngắt lời lão ta để nói rằng tôi không cần đến cách ăn nói văn hoa. Con người công dân trong tôi bị lảng nhục khi thấy một người nước ngoài coi thường mệnh lệnh của chính phủ mình. Câu chuyện tiếp theo là cuộc đối thoại giữa tôi và lão Vilôm. Giọng nói chua chát gay gắt ngay từ đầu tiên đến gần như lời lảng nhục trước khi xô xát. Đã mấy lần tôi đưa mắt tìm một sự đồng tình nào đó trong cặp mắt của Nđôtê, nhưng tôi thấy anh ta tỏ ra lúng túng như muốn biến ngay sang phòng phía sau bàn giấy. Tôi không biết làm thế nào anh ta lại mở được mồm ra nói:

- Thôi câu chuyện cũng không có gì là quan trọng.

Tôi sửng sốt.

- Cũng thường thôi. – Một sự hiểu lầm, phải không? Đích thực là ông Vilôm lý ra đã phải nói năng một cách nhã nhặn hơn. Nhưng là người hiểu ông, tôi biết rõ ông không hề có ý nghĩ xấu đối với chính phủ tôi. Còn anh, ông bạn thân của tôi, tôi rất hiểu anh. Nếu ngài bộ trưởng chúng ta đã không đi tắt và báo cho tôi biết sự việc, tôi đã có thể giới thiệu anh với bên Công ty thì câu chuyện chẳng mắc mớ gì hết...

Nđôtê cứ thao thao như vậy đến năm phút trong lúc tôi và lão Vilôm không nhìn mặt nhau. Rồi anh đứng dậy tiễn lão Vilôm ra tận cửa phòng làm việc. Tôi nghe anh ta nói:

- Chiều tối nay nhé...

- Chiều tối nay? Vilôm tỏ vẻ ngạc nhiên hỏi lại.

- Đúng thế. Chiều tối nay ông bạn đến nhà bà Crêatrích chứ gì. Tôi cũng sẽ đến đấy, ông bạn thân ạ.

Lúc mở cửa cho Vilôm ra, anh ta còn đặt tay lên vai y.

- Làm thế nào khác được ông bạn thân.... Đầu óc thực dân mà. Nhưng nếu không xoa dịu câu chuyện đi thì những người này họ sẽ làm toáng lên và ngày mai chính phủ họ sẽ trả đũa chúng ta bằng cách cắt bớt viện trợ... Chà ông bạn ạ, chuyện đời không phải dễ dàng đâu... Nhưng nếu hấn tái diễn, tôi sẽ không dung thứ.

Càng nghĩ đến chuyện đó, tôi càng không muốn làm báo cáo, có thể người ta cũng sẽ đọc đấy. Người ta nắm tay đập bàn giấy, nhưng rồi người ta xếp lại sự việc. Vilôm sẽ không bị trục xuất, hăng Somian sẽ vẫn tiếp tục phát triển sự nghiệp kinh doanh của họ. Trước mặt tôi là cả một bộ máy xã hội cần phải làm nổ tung lên. Tôi biết rằng điều đó sẽ xảy ra. Đến ngày đó tôi

không hiểu người ta sẽ dùng gì một con người dễ thương và chân thực như Nđôê

NGUYỄN VĂN SĨ dịch

Lễ cưới dưới bóng cây thánh giá

NGU WA THIONG'O

(Kênia)

Ai cũng nói về họ: “Thật là một gia đình đáng yêu. Anh ta là một nhà buôn gỗ phát tài, còn cô ta là một người vợ ngoan ngoãn, luôn làm tròn bốn phận trước thượng đế, chồng con và gia đình”. Oariuki và vợ anh, Miriamuy, là một tấm gương sáng về mối hòa thuận vợ chồng, niềm thương yêu, lòng tín ngưỡng được thực hiện vẹn toàn. Anh chồng cao lớn, chắc chắn, có lẽ hơi thô nhưng giàu có. Cô vợ bé nhỏ, trầm lặng, kín đáo, một cái bóng làm giảm bớt vẻ thô kệch của anh chồng to lớn.

Anh chàng lấy cô gái khi chẳng còn một xu dính túi vì hồi đó anh chỉ là một tay làm công quèn trong trang trại của một gã thực dân, chuyên chở sữa đi bán, chỉ kiếm được ba mươi si-linh mỗi tháng. Cũng có thể coi là một món kha khá đấy, nhưng đã phải húp sữa loãng ngay từ ngày đầu tiên của tháng sau. Anh còn trẻ nên cũng không lấy đó làm buồn; những mơ tưởng có một cơ ngơi đài hoàng cũng chẳng mảy may bận tâm anh. Chắc chắn anh ta đã cùng với những người làm công khác có dính líu đến vụ những tờ đơn thỉnh cầu kháng nghị tập thể. Chính vì thế anh bị coi là một kẻ nguy hiểm, một tên phá hoại. Nhưng thật ra trái tim anh mãi bận việc riêng và cái thú thể thao. Anh hãnh diện cưới trên chiếc xe đạp Ralây. Hát lên những bài ca cũ mà anh còn nhớ, làm điệu bộ của dân xứ Tyrôn để bắt chước Gim Giôgiê, và tiện dịp, lại còn trổ tài của một anh đi xe đạp lão luyện trước đám công chúng có thiện cảm với anh ở thị trấn Môlô. Anh có thể ngồi vững trên xe đạp mà một chân duỗi ra ngoài, đôi tay giơ cao như thể sắp bay lên, hoặc đạp lùi về phía sau làm bọn trẻ con hết sức thích thú. Chiếc xe tuy cũ kỹ nhưng được trang điểm đủ màu sắc rực rỡ, đỏ, xanh, xanh lơ... nhờ chiếc đèn và chiếc kính phản chiếu tự tay anh chế tạo, cùng với tấm biển quảng cáo viết nguệch ngoạc treo ở phía sau xe: “Thử động vào ta xem, nghĩa địa đang ở trước mặt ta!”. Từ một người làm trò ảo thuật trên xe đạp, anh chuyển qua trò khác. Chàng nghệ sĩ bắt chước các ngài chủ da trắng, chế giễu cách nói năng, đi đứng, cũng như cái vẻ kênh kiệu, thái độ hợm hĩnh của họ trước mặt những công nhân da đen. Để cho các biểu diễn trò thêm rôm ra anh còn nhảy múa, những bước đi nhún nảy cùng với đường chỉ may ở ống quần bên trái cố ý xoạc dài suốt từ ngón chân cái đến đầu gối luôn luôn cuốn hút cái nhìn tán dương của trẻ con và những hơi thở dài của các cô gái.

Anh đã chinh phục được trái tim cô Miriamuy như thế.

Chiều chủ nhật nào cô nàng cũng tìm mọi cơ để ra chợ, len lách giữa đám đông mỗi khi anh chàng được tán thưởng đang cúi chào mọi người rất trịnh trọng. Gia đình Miriamuy khá giả chẳng kém gì những tay thực dân ở thung lũng Ríp. Cha cô, ông Duglax Giôn có nhiều cửa hàng hương liệu, quán cà phê trong thành phố. Cùng với vợ, họ thành một cặp vợ chồng hết sức tôn sùng thượng đế, chủ nhật họ đến nhà thờ, trước mỗi bữa ăn đều cầu kinh. Những điền chủ da trắng vùng đó nhìn họ bằng con mắt thiện cảm. Viên quan quản hạt mỗi lần kinh lý qua nhà họ đều dừng lại cúi đầu chào. Tổ ấm của họ cũng lại là tổ ấm của những con chiên ngoan đạo. Họ phản đối việc con gái mình lấy chồng trong vòng tội lỗi, nghèo khó, khổ cực. “Làm sao mà nó lại thích xem những cái trò ngớ ngẩn ấy được?”. Họ bắt cô không được lảng vảng xem những trò

hề vô công rồi nghề của bọn vô thần vào ngày chủ nhật vì nó xúc phạm đến việc đạo. Nhưng Miriamuy có đầu óc độc lập. Ngay từ hồi nhỏ cô đã đứng vững với những lời thuyết giáo ngày chủ nhật: “Con hãy vâng lời cha con, mẹ con, vâng lời tất cả những người dìu dắt con”, hờ hững với sự giáo dục dựa trên những nguyên lý rút ra từ công trình cổ điển của R.C. Sômlê: *“Những đặc tính của người Anh đối với tập quán của người Châu Phi”*.

Trong khi ấy, Oariuki với chiếc xe đạp của mình và những khúc ca của người bán sữa, chiếc quần dài kỳ dị lúc nhảy múa hờ cả da thịt lại như một thứ ánh sáng đưa gia đình hiếm hoi của Đuglax Giôn tới một thành phố rực rỡ ánh đèn nê-ông ở một chân trời xa xôi. Một mặt cô có phần hoài nghi cái ánh sáng đó những mặt khác cô vẫn theo dõi anh ta; và tính tự ái rất khe khắt của cô đã làm cho anh ta ngạc nhiên. Đuglax Giôn cũng cảm thấy thế: Ông hài lòng khi thấy con gái mình tức giận vì chiếc quần bẩn thỉu của chàng, và thâm tâm chỉ muốn cho cô con gái được hưởng cuộc đời sung sướng nhất. Ông không muốn con gái mình lấy một chàng chơi trội vô bổ, văn hóa nửa mùa, chuyên gieo rắc sự hỗn loạn trong các trang trại của người Âu, phá vỡ cảnh quan thanh bình thịnh vượng. Cái quân ấy – như lời viên quan quản hạt khu Bivana thường nói với ông – cuối cùng phải tống vào trại giam. Bọn chúng tham lam và cố tình lừa dối dân thường thất học khi nói với họ về sự độc ác của những nhà thực dân da trắng cũng như các giáo sĩ. Nhìn về phương diện nào thì Oariuki cũng là một kẻ nguy hiểm.

Ông đã cho gọi “kẻ mạo nhận con rể” của ông tới nhà. Ông muốn biết cái gã con trai này có đáng giá không. Còn Oariuki đầu gối hơi run – bởi vì, giống như phần lớn công nhân, anh không thể nào không sợ sệt khi đứng trước những con người thuộc tầng lớp ông chủ đi đạo. Anh đã cẩn thận vá ông quần trái, sửa sang lại đầu tóc và đến nhà ông. Họ mặc anh đứng bên cạnh cửa ra vào, không thềm mời ngồi mà chỉ dò xét từ đầu đến chân. Oariuki bối rối, hết nhìn Miriamuy lại nhìn bức tường như thể tìm sẵn cho mình một lối thoát. Cuối cùng, khi được ngồi xuống rồi anh vẫn không dám nhìn cha mẹ cô cũng như những vị khách quyền quý được mời tới để xem xét, mà chỉ dán mắt lên tường. Song anh thừa hiểu là họ đang “sát hạch” anh, đang phán xét anh thẳng thừng. Tuy nhiên, vốn là một mẫu mực của lòng vị tha của những người sùng đạo, Đuglax Giôn đã gọi mang trà đến cho – theo lời ông – đưa con, vâng đưa con chúng ta, chàng trai trẻ đang ở đây. Làm nghề gì? Bán sữa à? Được! Tốt thôi, tốt thôi, chẳng ai mới sinh ra đã giàu có ngay – cái giàu sang ở đôi tay, anh biết đấy, anh hãy còn trẻ lắm! Tiền công được trả bao nhiêu? Ba mươi si-linh một tháng à? Tốt thôi, tốt thôi, cái giàu sang thật sự là nhờ Chúa ở trên cao kia, anh biết đấy. Còn Oariuki thực lấy làm biết ơn vì những lời nói đó, thậm chí anh còn dám ngược nhìn và mỉm cười với ông lão Đuglax Giôn. Song ánh mắt của ông đã buộc anh phải quay lại ngay về phía bức tường kia. Ánh mắt ấy không nghiêm khắc nhưng lạnh lùng như sắt thép... Vì sao Oariuki muốn lập gia đình khi anh ta còn quá trẻ? Được thôi, được thôi, cái đó tùy anh – vì tuổi trẻ bây giờ mới khác lạ làm sao với tuổi trẻ thời chúng tôi. Chúng tôi không phản đối hôn nhân, nhưng là tín đồ cơ đốc giáo chúng tôi phải có trách nhiệm. Tôi nhắc lại điều này: Chúng tôi không phản đối hôn nhân. Nhưng hôn nhân phải được tổ chức dưới bóng cây Thánh giá. Một đám cưới theo nghi lễ tôn giáo đắt giá lắm đấy. Giữ được một người vợ cũng phải có tiền bạc. Đúng không nào? Anh cúi đầu ư? Tốt lắm. Thật là thú vị khi gặp được một chàng trai trẻ biết phải trái vào thời buổi này. Tất cả những điều tôi muốn bây giờ - và đó cũng là lý do tôi mời các bạn tôi đến làm cố vấn – chính là để nhìn cuốn sổ tiết kiệm của anh. Hồi chàng trai trẻ, anh có thể cho các bậc “tiền bối” đấy được nhìn thấy nó không?

Oariuki đã bị đè bẹp. Anh nhìn những con mắt ngơ ngác của các bậc “tiền tối” rồi quay lại phía bà mẹ Miriamuy như cầu cứu. Có điều, anh đã không nhìn thấy bà đâu. Xa cách với những con bò sữa, xa cách với chiếc xe đạp cùng đám đông hâm mộ mình, xa cách những chốn an toàn ở quán rượu, phòng trà không tên, anh chẳng còn biết làm gì vào lúc này. Anh như con thú bị lừa vào tận chân tường và những chàng thợ săn hăm hở lao đến để giết nó. Đầu óc kêu vo ve, đôi mắt nhìn mờ mờ ảo ảo, song anh vẫn còn nghe được cái giọng dịu dàng của Đuglax Giôn khuyên anh chớ có để con gái ông phải lâm vào cảnh vất vả, bần hàn. Oariuki buồn bã nhìn ra cửa và khoảng trời trống ngoài kia.

Rốt cục anh cũng thoát khỏi cảnh đó. Anh thở phào với đôi chút an ủi. Quả là anh vẫn còn run, song anh hài lòng vì đã được trở về với thế giới quen thuộc, thế giới riêng của anh. Miriamuy đi theo anh: Giây lát anh cảm thấy mình đã thắng Đuglax Giôn. Hai người bỏ đi và tìm được việc làm ở những người Xiôn, những lái buôn gỗ trên cánh rừng Ilmôrô. Họ sống trong một túp lều xoàng xĩnh có thể tránh được những lời chửi rủa hàng ngày của các ông chủ người Ấn. Oariuki tập quen nhẩn nhục. Anh theo nhịp cưa, vừa làm anh vừa ca hát, kể chuyện về những cánh rừng mà đôi khi kết thúc bằng một giọng bi ai. Điều đó ít nhiều đã an ủi lòng anh, làm nhẹ đi cái công việc cưa xẻ mệt nhọc.

Còn Miriamuy, con gái của Đuglax Giôn nghe thấy giọng hát của anh vút lên giữa những tiếng ồn ào ầm ỹ thì trái tim cô cũng như đập hòa theo. Những lời ca đó – lạ Chúa – mới khác biệt làm sao với những bài ca sầu thảm mà cha cô đặt ra, nó khác biệt đến nỗi như một niềm an ủi lớn lắm đối với cô. Thứ bảy và chủ nhật anh dẫn cô vào trong rừng nhảy múa. Khi trở về họ tìm nơi thuận tiện trên bãi cỏ để yêu nhau. Đối với Miriamuy đó là những đêm hạnh phúc kỳ diệu, cho dù những cành lá thông như gai nhọn đâm vào người cô đau điếng, cho dù có lúc cô rên rĩ như cầu cứu mẹ và những cô em gái tưởng tượng của mình khi anh chàng yêu cô điên cuồng, bốc lửa.

Và Oariuki cũng sung sướng: Anh cảm thấy một điều gì thật kỳ diệu đối với mình – một tay cha căng chú kiết không cha (vì ông đã chết khi vận chuyển đạn dược, lương thực cho quân Anh đánh nhau với quân Đức hồi đại chiến lần thứ nhất) lại được hưởng ân huệ của một tiểu thư thuộc tầng lớp này. Song anh thường kiểm lại cuộc đời mình từ hồi còn làm việc hái hoa kim cúc thuê cho người ta dưới ánh nắng như thiêu đốt, hoặc chịu những trận gió tuyết ác liệt của vùng Limuruy cho đến tận khi làm anh chàng bán sữa bò: Dòng hồi tưởng chợt dừng lại ở lần gặp gỡ Đuglax Giôn và những vị cố vấn của ông ta. Không bao giờ anh có thể quên được buổi gặp gỡ đó, không bao giờ quên được nụ cười mỉa mai, cái giọng cùng cực trong họng Đuglax Giôn và bạn bè của ông cố tình làm nhục anh trước mặt Miriamuy và mẹ cô.

Không bao giờ quên được. Anh sẽ cho họ biết tay. Anh sẽ cười mũi trước họ.

Nhưng chẳng bao lâu nốt nhạc lo âu đã hiện lên trong bài ca của anh: Đó chính là nỗi cay đắng của niềm hy vọng và lời hứa hẹn chưa thực hiện được. Giọng hát của anh trở nên ồm ồm như tiếng cưa xẻ gỗ. Anh đã bỏ việc làm với người Xiôn và đem Miriamuy tới Limuruy. Anh giao phó cô cho bà mẹ già của mình rồi đi mất. Hai người đàn bà nương tựa vào nhau, khi thì nghe tin anh đang ở Nairôbi, khi thì ở Mônbađa, Nacuruy, Kixmuy, thậm chí ở cả Campala. Rồi lại có lời đồn đại rằng anh bị tù, rằng anh đã cưới một cô gái trẻ ở Muganda. Miriamuy chờ đợi:

cô nhớ lại những giây phút khoái lạc đau đớn ở cánh rừng Ilmôro những cây dương xỉ, bãi cỏ... Và bây giờ đây đơn chiếc trên giường trống trải chịu cái lạnh như cấn xé của tháng năm, tháng sáu ở đất Limuruy này. Cha mẹ đã từ bỏ cô, và dù thế nào cô cũng không muốn quay về nhà cha mẹ đẻ. Cái thai lớn lên trong cô đã sưởi ấm lòng cô. Và cuối cùng, khi đứa trẻ ra đời, tình cảm giữa mẹ chồng và cô lại thêm gắn bó. Nhưng những tin tức khác lại tiếp tục đến tai họ: Người da trắng đang cung cấp vũ khí cho cuộc nội chiến của người da đen. Điều đó có thật không? Và khi ấy thì Oariuki trở về và cô thấy anh thay đổi hẳn. Anh trở nên u uất. Ở nhà được một tuần, rồi anh nói: “Tôi phải ra mặt trận”. Miriamuy không thể hiểu: Vì sao có sự thay đổi đó? Vì sao anh lại mê đi xa thế? Nhưng cô vẫn đợi chờ, vẫn làm ăn sinh sống trên mảnh đất Limuruy.

Oariuki chỉ có một điều ám ảnh: Xoá bỏ ký ức về lần gặp gỡ đó, chiến đấu tới cùng chống cái bóng ma trong những cặp mắt khinh miệt anh. Anh đã xung trận ở Ai Cập, Palestin, Buycma, Mađagaxca. Anh không mấy tin tưởng vào cuộc chiến và cũng không bao giờ tự hỏi xem nó có ý nghĩa gì đối với người da đen; anh chỉ mong chiến tranh mau kết thúc để anh có thể tiếp tục kiếm ăn sinh sống. Vả lại, rất có thể anh trở về nhà chỉ cần kiếm được chút ít chiến lợi phẩm của cuộc chiến tranh này để làm vốn cho cuộc đời mà anh đã từng phải uống công tìm kiếm khắp các thành phố Kênia thuộc địa. Vậy thì đi đánh nhau cũng là một công việc có lãi: Người Anh đã hứa cho họ việc làm và một số tiền thưởng ngay khi bọn Đức có nguy cơ bại trận.

Sau chiến tranh, anh trở về Limuruy, có gầy đi đôi chút nhưng lại là người quả quyết. Khoảng một vài tuần sau khi anh về, Miriamuy lại thấy mình rung động xôn xao như ánh lửa năm xưa trong lòng cô và cô đã giữ rịt lấy anh. Anh than vãn về chiến tranh, anh ru con bằng những bản hành khúc của người lính. Anh yêu cô, và thế là một đứa trẻ nữa thành hình. Lại một lần nữa anh phải đi tìm việc làm. Anh nghe người ta đồn đại về cuộc bãi công của công nhân một xưởng giày ở Limuruy. Tất cả công nhân bị sa thải. Oariuki và một số người khác đến xếp hàng trước cánh cổng sắt của xưởng máy cốt bán mồ hôi lấy tiền. Những người bãi công đã theo dõi họ - những kẻ mới đến, và đe dọa những tên phản bội trong hàng ngũ họ. Nhưng cảnh sát được thuê tiền đã đến tận nơi; chúng dùng ba toong cán những người mới vào xưởng máy. Tuy vậy Oariuki không được ở trong số người ấy. Phải chăng anh đã được sinh ra từ một ngôi sao dữ? Anh lại lang thang trên đường phố Nairôbi, nhập vào đám đông thất nghiệp. Không công ăn việc làm, không có tiền thưởng, bọn người Anh “tốt” và bọn Đức “xấu” đã mỉm cười trao nắm đấm cho nhau. Nhưng anh cũng chẳng quan tâm xem vì sao mà người da đen lại không tuyển vào làm; trong lúc đó những thanh niên tụ tập ở Pumôani, Kariôcô, Sôri, Moayô, và nhiều nơi khác để chất vấn, anh cũng không nhập với họ. Họ đã gọi cho anh nhớ lại sự đoàn kết xưa kia của anh với công nhân ở các trại trước chiến tranh; những cố gắng ấy cũng chẳng đi đến đâu; việc làm của họ không tránh khỏi thất bại. Vả lại, anh thấy hổ thẹn với quá khứ ấy. Anh nghĩ, nếu anh bót lười biếng đi, bạo gan hơn chắc chắn không khi nào anh chịu nhục trước Miriamuy và mẹ cô. Những lời bàn cãi của bọn thanh niên toàn về những cuộc biểu tình, kháng nghị, súng ống, rồi cả việc cầm khí giới tổng cổ bọn da trắng ra khỏi đất nước quá là xa lạ với ước vọng của anh, với việc kiếm tiền của anh. Anh phải tìm ra cho mình con đường riêng để có một gia sản. Sẽ có lúc anh trở lại gặp Đuglax Giôn cho lão biết tay anh.

Năm tháng trôi qua, song nỗi nhục trước bọn nhà giàu như chua chát thêm, bức bối thêm, khiến anh đau khổ và nhiều đêm mất ngủ. Anh không coi người da trắng là chủ nhân chân

chính của hàng hoá, của cải, đất đai. Anh chỉ độc nhìn thấy hình ảnh Đuglax Giôn vận bộ com lê màu xám, chiếc gilê, chiếc mũ và cả chiếc ô cụp lại lão dùng làm gậy. Bí quyết thành công của con người ấy là gì? Lão là người thế nào?... Anh bắt tay vào những công việc lạ lẫm khi nơi này, lúc chỗ kia. Thậm chí anh còn làm cái việc cầu may là đi buôn chim ưng ở Bahati. Rồi anh mua cả bút chì đen, khăn mùi xoa ở chợ người Ấn để bán lẻ lại kiếm chút lời. Đó có phải là sự nghiệp chính của anh không?

Nhưng, trước khi anh tìm được lời đáp cho câu hỏi trên thì cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc bùng nổ. Một loạt công nhân, viên chức và cả những người thất nghiệp bị quét khỏi đường phố Nairôbi và bị tống vào các trại tập trung. Anh tìm mọi cách lọt khỏi cái lưới ấy và trở về Lumuruy. Anh rất bức bối. Anh chẳng chống đối gì cả người da trắng, lẫn người Ấn mà còn coi họ là những đường nét không thể thiếu của một bức tranh phong cảnh, như những núi non, thung lũng vậy, nên hoá ra anh đã chống lại chính đồng bào của mình. Vì sao họ lại quấy rối hoà bình? Vì sao họ muốn phá vỡ sự vững chãi chân chính vào đúng lúc anh cóp nhặt từng xu một để buôn bán? Bây giờ anh nghĩ - dù anh không mấy tin rằng người Anh đã lừa dối dân da đen. Gần một năm trời anh xa lánh mọi làn sóng xung quanh. Rồi anh đã không vững lòng chống lại cái vòng tay thép của chế độ thực dân mà bắt đầu hợp tác với chúng. Anh đã thoát khỏi cảnh vào trại tập trung. Sự hợp tác đó cũng đã mang lại cho anh lợi lộc. Trong khi những mảnh đất của nhiều người khác bị tịch thu, mảnh đất của anh vẫn nguyên vẹn. Thêm vào đó khi thuế má nặng nề đổ vào đầu những người đàn bà, người già có chồng con bị tù đầy hoặc đang tổ chức kháng chiến ở trong rừng, thì anh và một số kẻ cộng tác đắc lực khác được hưởng toàn bộ hoa lợi của mình. Oariuki cũng không phải là người độc ác, anh chỉ muốn nhìn thấy sớm kết cục cơn ác mộng này, để có thể bắt tay vào nghề buôn bán. Bởi vì ngay giữa lúc đánh nhau hình ảnh Đuglax Giôn vẫn không chịu rời khỏi nơi anh; nỗi nhục ấy đã làm anh đau khổ, nhưng anh vẫn cảm thấy sẽ có lúc chính anh mặt đối mặt với hình ảnh đó.

Giômô Kêniatta từ Maralan đã trở về... Oariuki hơi lo lắng, buồn rầu. Sẽ có chuyện gì xảy ra đối với hạng người như anh khi những người con dũng cảm của đất nước tập hợp lại để ăn mừng chiến thắng? Bọn da trắng mà anh đã từng coi là những đường nét không thể thiếu của bức tranh phong cảnh ở đâu? Nhưng, gần đến ngày độc lập, Oariuki nhận được phần thưởng đầu tiên: Bọn thực dân đang thất trận đã cho anh vay tiền. Anh mua được bộ cửa máy và làm nghề buôn gỗ.

Ít lâu sau ngày độc lập, Oariuki run sợ vì cuộc sống và công việc của mình khi những con người của đất nước từ các trại tập trung, từ rừng núi trở về. Anh chờ đợi sự trừng phạt nhưng những người đó cũng đã quá mệt mỏi. Trong trái tim họ không có chỗ cho sự phục thù sau khi kết thúc cuộc đấu tranh chính nghĩa.

Anh phủ phục trong nhà thờ tạ ơn chúa đã tha thứ cho anh. Anh đã dẫn cả Miriamuy đến đó và cả hai người trở thành những tấm gương trung tín.

Tuy vậy Miriamuy cầu nguyện khác hẳn anh. Cô muốn con người thật của anh trở về. Hai con cô đã được đi học ở Xiriana, và cô tạ ơn Chúa vì điều đó. Còn anh vẫn như bức tường ngăn trở không cho cô nhìn thấy một Oariuki thật sự trở về. Trong thời kỳ khẩn cấp cô đã bảo vệ anh tránh mọi tai họa ghê gớm có thể xảy đến. Cô thật khổ tâm bởi những bài ca, điệu nhảy, cho

đến cả những nụ cười của anh đã tắt ngấm. Đôi mắt nghiêm khắc, bất biến của anh đã làm cô hoảng sợ.

Ấy thế mà, đến lúc này, trong nhà thờ, anh lại hát. Song đó không còn là những khúc ca đã từng làm cô say đắm mà chỉ là những giai điệu buồn thảm cô đã biết quá rõ: “Cầu cho tên tuổi của Chúa vang lừng trước mọi con chiên”. Anh trở thành trụ cột trong ban hát của nhà thờ. Anh thường đánh trống mà sau khi độc lập người ta đã đem đến nhà thờ như là biểu hiện sự nhượng bộ đối với nền văn hoá châu Phi. Anh theo dõi cái buổi làm lễ rửa tội, và cái ngày trọng đại đã đến khi anh trở thành đứa con của Chúa, với tên mới Đôđơ Livanhxtôn. Và từ đây anh ngồi trên hàng ghế đầu của nhà thờ. Cũng giống như công việc phát đạt, anh đã tìm ra cho mình con đường trong ban hát. Anh trở thành một trong những bậc “tiền bối” của nhà thờ.

Và những viễn cảnh khác cũng đang lấp lánh phía chân trời. Ông bà nhạc của anh vẫn sống ở Môlô dù gia sản đã bắt đầu tiêu tán. Họ vẫn chưa tha thứ cho anh. Nhưng trước sự thức tỉnh của anh, họ đã cử người tới dò la tình hình: Liệu cô con gái có trở về thăm họ không? Miriamuy không muốn nghe nhắc tới chuyện đó. Nhưng Đôđơ Livanhxtôn nài nỉ. Cô nhượng bộ. Anh hài lòng. Tuy nhiên điều đó cũng vẫn chưa xoá sạch được ký ức về nỗi nhục của anh. Anh vẫn nuôi chí phục thù.

Dù đã lập nghiệp ở Limuruy, anh vẫn đi đây đi đó khắp miền đất nước. Công việc mỗi lúc một phát đạt. Đó là vào năm người châu Á di cư hàng loạt. Bọn Xiôn không phải là công dân của Kênia. Giấy phép cư trú của họ bị thu hồi. Họ sốt sắng nhượng lại cho Livanhxtôn những hợp đồng béo bở. Đức Chúa mới nhân từ làm sao. Khoảng một năm anh đã kiếm được kha khá tiền để cho vay lãi rồi anh tậu được một trang trại khá lớn ở Limuruy của một điền chủ da trắng. Anh trở thành một nhà buôn gỗ cỡ lớn và người ta coi anh là một trong những người đứng đầu của các bậc “tiền bối” của nhà thờ.

Miriamuy uống công đợi chờ Oariuki của cô. Song cô là một người vợ mẫu mực. Mọi người thán phục tính nhẫn nhục của một con chiên, một người vợ như cô. Còn cô mộ đạo theo cách riêng của mình, cô cầu Chúa cứu vớt những ước mơ quá khứ của cô. Không bao giờ cô làm bộ làm tịch. Cô không đi giày. Sáng nào cô cũng dậy từ sớm vận chiếc “Kiônđô” và đến trang trại cùng làm với công nhân ở đồi chè. Đôi khi cô còn chuẩn bị bữa ăn trưa, nước chè cho người làm khiến anh chồng rất đỗi kinh ngạc. Vì sao, ôi vì sao mà cô ta lại chịu hạ mình trước đám người này? Vì sao cô không xử sự như một phu nhân đi đạo? Rốt cuộc, há chẳng phải cô xuất thân từ một gia đình công giáo? Có phải bây giờ đây cô cần phải làm như bắn đôi tay mình với lũ công nhân kia?

Chuyện ăn mặc cô nhân nhượng: Cô đi giày và đội mũ trắng khi đến nhà thờ. Nhưng cô lao động cật lực và không lúc nào muốn dừng tay. Cô vui sướng khi chạm vào mảnh đất, vui vẻ nói chuyện thoải mái cởi mở với những người làm công.

Những người ấy yêu quý cô. Nhưng họ còn muốn cả ông chồng cũng được như thế. Livanhxtôn thì coi họ là bọn lười biếng: Vì sao họ không làm việc cật lực như chính anh đã từng làm hồi trước? Chẳng bà chủ nào lại hạ cố đưa thức ăn đến tận nơi cho anh! Miriamuy thì đã chiều chuộng họ, và anh đã vạch cho cô thấy điều đó. Thỉnh thoảng anh ngắm nhìn những khuôn mặt cau có của họ và nhớ lại thời kỳ khẩn cấp hoặc thời kỳ ngay trước đó anh đã phải

chịu nhục trước các ông chủ người Xiôn. Dần dà anh đã học được cách dìm chết những giây phút trù trù bằng việc cầu nguyện và lòng mộ đạo. Anh có ý thức về sự ghen ghét ngấm ngấm của họ, nhưng lại cho đó chỉ là sự thèm muốn của kẻ nghèo khó lười biếng trước những người giàu có mà thôi.

Khuôn mặt họ chỉ rạng rỡ khi có mặt Miriamuy. Lúc ấy họ không còn phải thủ thế và họ đã bông đùa, cười vui, ca hát. Họ để cô nhập vào tình thân mật của họ. Họ là những thành viên một hội kín, tin rằng Đức Chúa đã chịu khổ hình và đã chết cho người nghèo. Họ gọi tên hội đó là: “Tôn giáo của những người thống khổ”. Khi chồng cô bận rộn vì công việc kinh doanh cô đã đến dự những buổi họp mặt của họ. Một nhóm rất lạ đàn ông có, đàn bà có đã hát những bài ca tự họ đặt ra và đánh trống, đệm đàn ghi ta. Họ nhảy múa, vỗ tay, khuôn mặt hừng hực lửa nhiệt tình, niềm tin, như thể họ đã đạt tới đỉnh điểm của niềm vui và hứng cảm. Họ nói với nhau bằng điệu bộ rất lạ lùng kỳ diệu. Họ như được tự do, hoà đồng với nhau trong lao động và niềm tin. Đó chính là điều gây ấn tượng mạnh mẽ nhất đối với Miriamuy. Như có một cái gì đang thúc đẩy đôi cánh uể oải của cô phải đập lên dồn dập, và với một niềm tin từ đáy lòng cô trở về nhà hồi hộp đợi chờ. Cô chờ chồng và tin tưởng rằng, qua những buổi hoà nhạc như vậy, vợ chồng cô có thể cứu vớt được một quá khứ đang tan vỡ. Nhưng khi trở về, bao giờ anh cũng là Đôđgơ Livanhxtôn, vị đứng đầu của các bậc “tiền bối” của nhà thờ, là ông chủ trang trại, là nhà buôn gỗ phát đạt. Còn cô vẫn là người vợ trung thành, sẵn sàng nghe chồng nói về những công việc trong ngày, số tiền kiếm được, mất đi và viễn cảnh của ngày mai.

Như lệ thường, ngày chủ nhật vợ chồng họ đến nhà thờ với cái vẻ buồn tẻ thường thấy cùng với những lời cầu nguyện sách vở như cũ, và rồi một vài cuộc thăm viếng riêng các bà sơ, thầy dòng, buổi uống trà không tránh được, hoặc tham dự vào các cuộc từ thiện mà Livanhxtôn là một người tham dự có tiếng. “Thật là một gia đình đáng yêu”. Người nào cũng nói với lòng hâm mộ và kính trọng: “Anh ta là một nhà buôn gỗ phát đạt, còn cô là một người vợ ngoan ngoãn luôn làm trọn bốn phận trước thượng đế và chồng con mình”.

Một hôm anh về sớm. Khuôn mặt anh hớn hở, những nếp nhăn vốn có, dấu vết của những nỗi lo âu, phiền muộn như biến mất. Đôi mắt anh sáng lên đầy vẻ thoả mãn. Miriamuy hơi chột dạ. Có phải đây đích thực là anh? Có phải con người tranh đấu của anh đã trở về? Cô có thể nhận ra anh đang cố kìm nén niềm hứng khởi. Nhưng chỉ lát sau, niềm vui của cô đã đổ sụp. Anh nói. Ông bà nhạc có gửi lời mời và mong muốn anh trở về thăm tại Môlô. Anh rút phong thư ra, liếc nhìn rồi cao giọng đọc. Sau đấy anh quỳ xuống, ca tụng thượng đế vì lòng từ bi và sự hiểu thấu vô biên của người. Miriamuy buồn bã trả lời bằng câu cầu nguyện “Amen”! “Lạy chúa, lạy Chúa, cái gì đã làm trái tim con chai sạn?”. Cô cầu nguyện và thực tâm muốn nhìn thấy ánh sáng.

Ngày đoàn tụ đến gần. Đôi đầu gối anh run run. Anh không tìm nổi niềm vui thắng lợi. Anh kiểm lại cuộc đời mình và khám phá ra rằng chính bàn tay thượng đế đã điều khiển anh. Anh, một đứa trẻ của đường phố, một tay bán sữa bò thuê, nhưng anh không muốn nhớ lại sự ngốc nghếch của một chàng trai trẻ với chiếc quần vá víu làm hề trên chiếc xe đạp. Có đúng là anh, chính anh đã làm trò cười như vậy cho cả thành phố không? Anh sắm luôn chiếc xe hơi Mecxêđéc mới tinh. Việc đó khiến mọi người phải nhìn anh bằng con mắt khác. Vào ngày định trước, tự anh đã chọn một bộ đồ len chải chuốt, chiếc gilê và mang theo một chiếc ô cụp. Anh

nài Miriamuy mặc chiếc áo dài thời trang mà anh mua ở tận cửa hàng len dạ ở thủ đô Nairôbi. Người mẹ thanh bạch của anh cũng ngạc nhiên trong chiếc áo dài và đôi giày của những quý phu nhân. Hai cậu con trai mặc đồng phục và chỉ nói tiếng Anh. Gia đình đáng yêu ấy đi về Môlô. Ông nhạc đang chờ họ. Tuy đã già, mái tóc hoa râm trùm kín đầu, nhưng ông hãy còn tráng kiện. Giôn quỳ xuống, Livanhxtôn quỳ xuống. Họ cầu nguyện rồi ôm chầm lấy nhau mà khóc, con của chúng ta, con của chúng ta, và cả những đứa cháu của chúng ta nữa. Quá khứ như chìm ngấm trong nước mắt và lời cầu nguyện. Nhưng với Miriamuy, quá khứ vẫn đang sống trong tâm trí cô.

Sau những niềm mừng mừng tủi tủi đầu tiên, Livanhxtôn cảm thấy ký ức về cuộc gặp gỡ năm xưa bắt đầu trỗi dậy. Không phải anh tức giận Giôn, ông ta có lý, tất nhiên. Bây giờ đây chính bản thân anh cũng không thể hình dung được việc trao đứa con gái trinh tiết của mình cho một tên cha căng chú kiết, một kẻ làm thuê. Mặc dù vậy, anh muốn lần gặp gỡ xưa kia bị xoá sạch vĩnh viễn trong ký ức anh. Đột nhiên và lại một lần nữa anh thấy bàn tay thượng đế trong sự thức tỉnh này: Anh đã có câu trả lời. Anh hơi run. Vì sao anh đã không nghĩ tới điều đó sớm hơn?

Anh đã nói chuyện với ông nhạc khá lâu rồi để đạt nguyện vọng của mình: Lễ cưới dưới bóng cây Thánh giá. Một sự tái sinh. Đuglax Giôn cảm thấy ngay. Nhưng Miriamuy không hề thấy một ý nghĩa nào của dự định ấy. Cô đã luống tuổi và thượng đế đã ban phước cho cô hai mụn con trai. Chuyện đó có gì là tội lỗi? Một lần nữa, họ chống lại cô. Một đám cưới hợp thể thức dưới bóng cây Thánh giá sẽ là lễ đăng quang của cuộc đời họ. Sự kháng cự của cô bị phá vỡ. Mọi người ca tụng Chúa. Chúa đã lập nên những kỳ công bằng những con đường bí ẩn.

Một vài tuần lễ trước khi tới ngày đáng ghi nhớ ấy là những ngày sung sướng nhất của cuộc đời Livanhxtôn. Anh nhắm nháp niềm vui sướng ấy từng phút một. Ngay cả những lo âu, gian khó dường như cũng đem lại cho anh niềm khoái lạc. Mong sao cho ngày đó đến, và lễ cưới sẽ tổ chức dưới bóng cây Thánh giá, nơi mà anh tìm thấy Đức Chúa. Anh như người trẻ lại. Anh khoẻ ra, vui vẻ như một người tràn đầy hạnh phúc. Cái ngày mà anh trao nhẫn ở bên cây Thánh giá sẽ làm nhòa đi những ký ức đau đớn của quá khứ. Thiếp mời đã in và gửi đi ngay. Xe hơi, ô tô buýt đã xếp thành hàng. Anh dẫn Miriamuy đến Nairôbi. Họ dạo khắp các cửa hiệu của thủ đô: Đại lộ Kêniatta, phố Muandî, Mbinguy, phố Kimati rồi lại đại lộ Kêniatta. Anh làm như tình cờ mà mua cho cô một chiếc áo dài sa tanh màu tuyết có ống tay dài, chiếc khăn voan, đôi găng trắng, đôi giày trắng, và tất nhiên, cả những bông hồng nữa. Thật ra anh đã tra cứu công trình rất hiện đại, nhưng lại trở thành kinh điển của R.C.Sômbê về phong tục của người châu Phi và tìm hiểu cận kề cả luật pháp, giáo dục có liên quan đến vấn đề hôn nhân. Livanhxtôn không muốn mình phạm phải một sơ suất nào.

Mirianiuy đã không gửi thiệp mời cho bất cứ ai. Hàng ngày cô cầu thượng đế cho cô đủ sức chịu đựng toàn bộ công việc này. Cô muốn ngày đó đến và mất đi như một giấc mơ. Một tuần trước ngày ước định ấy cô đã đẻ sinh đôi. Cô không còn là một thiếu nữ để vào một hôm nào đó chạy trốn và rồi ngáy thơ tin chắc mình vẫn là một cô gái đồng trinh ở nhà cha mẹ cô. Và cô đã chịu khuất phục, như một sự đổi lốt bởi một sức mạnh siêu phàm. Có thể cô sai, cô tự nhủ. Và có thể tất cả người khác có lý. Vậy thì vì sao cô lại phải phá huỷ niềm hạnh phúc của số đông người ấy? Bởi vì ngay cả nhà thờ cũng sẽ hân hoan kia mà! Anh, một nhà buôn phát đạt, sẽ là

một tấm gương cho người khác. Nhiều bà, nhiều chị đã đến chúc mừng cô tốt số có một tấm chồng như vậy. Họ muốn chia sẻ niềm hạnh phúc cùng cô. Một vài người còn khóc nữa.

Ngày hôm ấy thật huy hoàng. Cô có thể ngắm nhìn một vài cánh đồng ở Môlô theo vòng bánh xe lăn, quang cảnh ấy đã khơi gợi trong cô những kỷ niệm buồn bã thời thơ ấu. Cô cố làm ra vẻ vui tươi. Nhưng cô càng cố gượng cười thì nước mắt lại trào ra. Kết quả những năm tháng đợi chờ lại là thế này ư? Kết cục những năm tháng hi vọng lại dẫn đến hôm nay ư? Cha cô với khuôn mặt đầy nếp nhăn, bộ quần áo màu đen có đuôi, chiếc gilê, vóc dáng cao, vân vân và vân vân. Cô hổ thẹn quay mặt đi. Cô cầu nguyện để có thêm sức lực. Khi người ta dẫn cô đến gian giữa của thánh đường cô không còn nhận ra ai nữa - ngay cả những người đồng chí, những người lao động đã nhập hội “Tôn giáo của những người thống khổ”, đang tụ tập thành từng nhóm ở ngoài đám đông kia.

Nhưng với Livanhxtôn thì đó lại là giây phút cao cả thiêng liêng. Tất cả cuộc đời anh đã chịu làm nô lệ chỉ vì cái giây phút này đây. Giây phút ấy đã tới. Anh chăm chú đặc biệt đến cách ăn mặc sao cho hợp: Anh vận bộ quần áo đen có đuôi, người cao lớn, anh nở một nụ cười hóm hỉnh trước các bậc quyền quý anh mới nhận ra, đặc biệt đối với các vị linh mục và các nhà kinh doanh. Livanhxtôn còn nhận thấy chẳng mấy chốc mà nhà thờ đã chật ních những vị tai mắt. Còn công nhân, dân thường đứng cả ở phía ngoài. Những tín đồ của hội “Tôn giáo của những người thống khổ” mặc đồ đỏ mang theo ghi ta, trống to, trống nhỏ. Lúc đi qua, anh đã liếc mắt nhìn họ một cách soi mói. Nhưng chỉ vùn vụt xảy ra trong khoảnh khắc. Anh vẫn thật sự hân hoan.

Bây giờ Miriamuy đang đứng trước cây Thánh giá, chiếc khăn voan trắng che mặt. Tim cô đập dồn dập. Cô hình dung ra một bà lão chơi trò cưới xin với đám rước linh đình của những cô gái già tiết hạnh. Đúng là một câu đố. Một chuyện khó hiểu. Và cô nghĩ: Có mười cô gái đồng trinh khi người yêu đến. Năm cô khôn ngoan, còn năm cô khác điên rồ. Lạy Chúa, lạy Chúa mong sao cho cái cặp này mau đi đi, cách xa ta trước khi ta trở thành một kẻ nô lệ... và lúc đó vị linh mục cất giọng nói: “Đôđgơ Livanhxtôn, con có bằng lòng nhận người đàn bà này làm vợ con, và dù tốt, dù xấu thì chỉ có cái chết mới chia lìa con và vợ con không?”. Livanhxtôn đáp bằng tiếng “Vâng” với giọng rất hứng khởi. Đến lượt cô rồi đây. Lạy Chúa, lạy Chúa, mong sao cái đôi này, cái đôi này xa ta ra... “Miriamuy, con có bằng lòng nhận người đàn ông này làm chồng không?”. Cô cố gắng trả lời. Nước miếng tắc nghẹn ở cổ - năm cô gái đồng trinh - năm cô gái đồng trinh - người yêu đến - và nhà thờ lúc này yên ắng trong nỗi chờ đợi khủng khiếp.

Bỗng nhiên phía ngoài nhà thờ ồn ào lên phá vỡ sự yên ắng đó. Mọi người đưa mắt nhìn ra cửa. Những tín đồ của hội “Tôn giáo của những người thống khổ” dường như không hiểu nổi thất kinh đang bao phủ trên những khuôn mặt ấy. Có lẽ lúc này tâm trí họ đang phấn khích. Họ đánh trống to, trống nhỏ, đàn ghi ta tạo nên một hợp âm ầm ỹ. Mấy vị canh gác nơi giáo đường đi ra bắt họ ngừng lại. Hừm, hừm, hừm... lễ cưới còn chưa xong đâu đấy... Nhưng còn lâu họ mới chịu nghe. Những tiếng nói lại vang lên, mắt họ ngược lên trời, chân họ đánh nhịp trên đất.

Lần đầu tiên Miriamuy ngẩng đầu. Cô mang máng nhớ ra là đã không gửi thiệp mời ngay cho cả bạn bè mình. Thế làm sao mà họ lại đến được tận Môlô? Cô rùng mình và cảm thấy có lỗi. Nhưng chỉ trong giây lát. Và điều đó không quan trọng. Không nên có vào lúc này, phút này.

Cô quay nhìn lại - Ở gần cây Thánh giá, nơi con tìm thấy Chúa - cô đã thấy Oariuki đứng trước cô như thời xưa anh đã ở Môlô. Anh cười xe đạp, anh đi vòng quanh trước đám đông những người hâm mộ anh - anh đã làm điều đó vì cô - anh đã nhận ra cô trong đám đông đang xúc động - cô tin chắc là thế - và đến khi anh nhảy múa cô càng tin rằng anh đã yêu cô, anh đã làm thế vì cô... Lạy Chúa, lạy chúa, tiếng gì mà rền rĩ thế - những chiếc trống to, trống nhỏ như rền rĩ trong trái tim đang muốn bật khỏi lồng ngực cô. Cô đích thực là Miriamuy. Cô cảm thấy mạnh mẽ, khoẻ khoắn đến nỗi dám ngẩng đầu cao hơn đầy kiêu hãnh. Và vị linh mục như kêu lên: “Miriamuy, con có nhận?”. Đám đông lại chờ đợi. Cô nhìn Livanhxtôn, nhìn cha cô và không thấy bất cứ sự khác biệt nhau nào giữa hai con người ấy. Cô trả lời bằng giọng nhỏ nhẹ nhưng rất rõ: “Không”.

Một dòng người qua nhà thờ. Có phải họ đã nghe thấy được lời đáp đúng đắn ấy? Vị linh mục lẩm bẩm như người mất trí: “Miriamuy có muốn?...”. Lại một lần nữa yên lặng, trả lại cho những bài ca ngoài kia một điều gì đó tha thiết hơn. Cô lật tấm khăn voan nhìn thẳng vào cử tọa:

- “Không! Tôi không thể, tôi không thể lấy Livanhxtôn, bởi vì tôi đã có chồng. Tôi đã cưới Oariuki và anh ta đã chết!”.

PHONG VŨ dịch

Cai Bôriơ đứng trên một tảng đá lớn bên thác Mòa. Ông cao to, đen, hùng dũng, một con người tràn trề sức lực, như thể sấm chớp loé sáng qua những đám mây đen.

- “Dẫn Benxali lại đây!”. Ông gầm lên át cả tiếng ầm ầm của thác réo. - “Đây là con trai của chị ta, và đương nhiên, theo phong tục của bộ lạc, nó còn quý hơn cả đứa con riêng mà ta chưa bao giờ có. Nhưng rất tiếc, khi lâm trận, nó đã hành động như một kẻ hèn nhát; nó sẽ phải chết như những kẻ hèn nhát khác đã phải chết trước nó”.

Cả đội quân đứng bên sông rừng rùng rùng như những lớp sóng. Vô vàn những vì sao lấp lánh trên bầu trời không trăng cúi xuống nhìn cảnh tượng ở bên sông, cũng như đang lấp lánh và có lẽ còn nhiều màu sắc hơn chính bản thân chúng. Bởi vì năm trăm ngọn lửa dầu cọ đổ lộng bên dòng thác Mòa như biến cả mặt sông thành một dòng sông máu gầm thét. Những người da đen rung rung đuốc và kéo thành hàng dài trên các mỏm đá dọc triền sông. Những con người ken nhau nối mãi đến tận bờ rừng đang sợ hãi đợi chờ cảnh tượng khủng khiếp ấy. Có thể đây cũng sẽ là số phận của mỗi người trong bọn họ vào ngày mai. Hơn chục nghìn “chiến binh” đợi chờ cuộc hành quyết. Ánh sáng từ bóng đêm làm nổi bật lên những thân hình trông giống các pho tượng gỗ mun, và những mũi kiếm lấp loáng như những ngôi sao của mặt đất đang đáp lời những vì sao lấp lánh ở trên trời.

Từ bờ sông cho đến tận cánh rừng phía sau, lệnh được truyền đi từ miệng người này sang người khác. Đó là những tiếng thì thào trong hàng quân, một giọng nói âm âm, u u không dứt lan ra một cách bí ẩn - như thể trái đất bị họ đè nén, đang gầm lên kháng cự.

Từ nhân ngồi giữa những người lính gác cạnh đống lửa ở trong rừng, rừng mình vì những ngọn giáo chạm vào vai, khi người ta ra lệnh cho anh đứng dậy.

Hai người lính mà ánh lửa soi rõ thân thể họ đã nâng Benxali đứng lên - vì đôi tay anh bị trói quặt sau lưng. Anh nghiêng răng đau đớn khi họ xốc anh lên, anh bị vết thương rất nặng ở cánh tay phải.

- “Can đảm lên, Benxali”, người lính đi bên trái thì thầm.

- “Ta không sợ chết”, Benxali buồn rầu đáp.

Họ dẫn anh qua rừng, từ chỗ đống lửa mà anh ngồi bên như một bóng đen của chết chóc được soi sáng bởi muôn ngàn ánh đuốc, đến với số mệnh đang đợi chờ anh bên dòng thác Mòa.

Mặc dù bị trói hai tay, cái thân thể màu nâu bóng của Benxali vẫn cử động khá uyển chuyển, bắp thịt vòng xoắn lên rất đẹp. Anh cao hơn những người lính gác một cái đầu. Anh bước đi tự tin, không giống như một người đang đặt chân lên mảnh đất lần cuối, dù anh biết rằng tử thần đang đợi anh trước mắt.

Không cần người dìu, anh nhảy từ mỏm đá này sang mỏm đá khác mà không loạng choạng, rồi anh dừng lại trước phiến đá mà chú anh đang ngồi.

- “Benxali”, Cai Bôriô kêu lên, “ngay cả trong giây phút cuối cùng này, ta vẫn muốn nghe lại câu chuyện của ngươi. Có lẽ, Thượng đế với trí tuệ siêu việt của Người vẫn giữ cho ta một điều gì đó có thể tha cho ta việc hành quyết một đứa con cưng của chị ta; cho dù ta cảm phần sự hèn nhát, và ta trừng phạt sự hèn nhát ấy ở bất cứ ai, ngay cả ở đứa con của chính ta, ta vẫn thấy không đáng ghê sợ bằng cái ý nghĩ phải dìm chết kẻ kế vị của ta”.

- “Thưa chú, lúc này đây, chẳng còn gì để nói nữa”. Người bị trói đáp lại với điệu bộ mệt mỏi.

- “Dù vậy, ta vẫn cần phải nghe ngươi”, thủ lĩnh của đội quân ra lệnh. Trong lúc nửa mặt bên trái của ông co giật về xúc động, thì nửa bên phải xấu xí lại không biểu lộ một cảm giác nào. Một mắt ông bị chốt còn để lại vết sẹo của bốn vết răng xung quanh đã kéo khuôn mặt ông vẹo hẳn về một bên.

“Như tôi đã nói”, Benxali cự lại, anh cất giọng nói trong cái thung lũng chết chóc, để nhiều người, thật nhiều người trong các chiến hữu của anh nghe thấy, “chỉ trong một tuần lễ thôi, thưa Cai Bôriô. Chú ra lệnh cho chúng tôi tấn công Gbadoriô ngay trong thành phố” kiên cố nhất của hắn. Tôi thấy vinh dự, biết ơn và tự hào vì chú đã trao cho tôi thống lĩnh toàn quân.

“Suốt buổi chiều chúng tôi nằm trong rừng và chỉ tiến vào thành phố lúc chập choạng tối, khi biết chắc rằng quân cảnh vệ của chúng mệt mỏi, đói ăn, thèm ngủ.

“Mọi chuyện đối với chúng tôi khá tốt. Chia thành bốn cánh, chúng tôi trèo qua những bức tường thành bằng đất bao quanh thành phố và phóng hỏa những ngôi nhà chen chúc nhau cùng một lúc và nhiều địa điểm khác nhau.

“Nhưng thưa chú, Gbadoriô cũng biết chặn đứng cuộc chiến như chú. Không còn nghi ngờ gì nữa, hắn đã có những tên do thám trong hàng ngũ chúng ta, và chắc hắn đã biết trước về cuộc tấn công này. Niềm hi vọng của chúng tôi trắc trở. Ngay khi nổ súng ở một góc phố mà chúng tôi tiến vào được, thì hóa ra đó là một thành phố hoang, và chúng tôi đã mắc bẫy.

“Vâng, thưa chú, mắc bẫy. Bởi vì chính Gbadoriô cũng biết giấu người của hắn ở trong rừng, ở bất cứ kẽ hở nào mà chúng tôi nỗ lực tìm lối thoát, chúng tôi đều phải chịu những trận mưa gươm giáo của đối phương. Mãi về sau chúng ta mới giải tỏa được, nhưng cả đội hậu quân và những chiến binh bảo vệ đường dây liên lạc ở phía ngoài của thành phố đã bị tiêu diệt cho đến người cuối cùng. Lạy Chúa! Cảnh tượng đẫm máu trong thành phố mới khủng khiếp làm sao! Chúng tôi lâm vào tình trạng: Hoặc thiêu đốt vì những ngọn lửa đang rực cháy phía sau, bị tiêu diệt bởi vô số những bàn tay không biết khoan nhượng của kẻ địch ở trước mặt, hoặc là đầu hàng làm nô lệ. Không thể lựa chọn, chúng tôi không còn cách nào khác là phải chiến đấu. Và tôi tin là chúng tôi đã chiến đấu ngoan cường. Chỉ có điều, trước ánh lửa sáng rực, quân ta như phải phơi mình chịu những trận mưa gươm giáo quyết liệt của quân thù, mà theo tôi, đó là một điều bất lợi cho chúng ta.

Tuy vậy chúng tôi đã chiến đấu dũng cảm, dũng cảm hơn nhiều so với sức của mình. Hai

đưa em trai tôi đã anh dũng hi sinh bên cạnh tôi. Tôi yêu hai em tôi như chính mẹ tôi - chị của chú đã từng yêu chúng. Lúc này đây, thật là tồi tệ khi có ý nghĩ rằng chúng tôi có thể bắt lấy hàng ngàn nô lệ trong thành phố của Gbadorior. Bọn nô lệ ngày nào mà chả đến thành phố, nhưng chúng không phải là hai đứa em tôi. Cho dù hàng chục nghìn nô lệ, có giá trị như vàng, nhưng thật là một sự trao đổi đáng nguyên rủa cho hai đứa em đã mất của tôi! Ôi! Thừa chú!”. Anh kêu lên tuyệt vọng, “tôi đã chán ghét cảnh huynh đệ tương tàn, và nó chẳng còn gì đáng để tôi phải chết”.

Những giọt nước mắt trào lên trên đôi mi mắt Benxali như những giọt máu trong ánh sáng đỏ rực của muôn ngàn cây đuốc. Đầu anh gục xuống ngực, đôi vai nhô lên, và nỗi đau khổ đã làm anh câm lặng.

Nhưng Cai Bôrior bị dẫn vật đau khổ không kém gì con người đang gục ở mỏm đá kia, đã kêu lên tàn nhẫn: “Ta đang nghe người đây!”

“Lúc này, thật chẳng còn bao nhiêu để nói nữa”. Chàng trai nói tiếp bằng cái giọng uể oải và với một trái tim như tan vỡ. “Chúng tôi đã chiến đấu. Chúng tôi đã tổn thất. Chính tôi đã đâm giáo trúng tim Gbadorior. Ít ra, thừa chú, địch thủ cũ của chú đã chết. Hòa bình, mà trong nhiều năm hắc xua đuổi khỏi xứ sở chúng ta, một lần nữa đã có thể lập lại. Và vì thế, tôi đã hi vọng một cách khá nhiệt thành. Song, tôi đã kiêu hãnh quá sớm. Mũi giáo của tôi còn ngập sâu ở ngực Gbadorior trong lúc quân của hắc vẫn gầm thét như sấm động trên khắp bãi chiến trường... Rồi chúng kết lại thành bức tường thành của cái chết. Tuy vậy, cái chết của Gbadorior cũng đã thổi vào chúng tôi một sinh lực mới. Chúng tôi không chịu nhượng một tấc đất. Chặn đứng sự phản công của kẻ thù chúng tôi đã mở được một con đường máu. Và cuối cùng, khi có được một chút an toàn hiếm hoi mà chúng giành được... thì chuyện đó đã xảy ra...”

“Tôi đã dùng gươm chém cho đến khi cánh tay tôi vô cùng đau đớn. Đột nhiên, thanh gươm và cả sự mệt mỏi như biến mất khỏi bàn tay tôi. Tôi không cảm thấy đau đớn nữa. Nhưng máu đã trào lên cánh tay tôi âm ỉ, rồi nhẹ nhàng chảy xuống những ngón tay. Tôi dán mắt nhìn bàn tay ở bên cạnh và cảm thấy mình thật là ngu ngốc. Những ngón tay này, bàn tay này vẫn là của tôi. Nhưng tôi không điều khiển được nữa. Dây thần kinh đã đứt nơi vết thương ở cánh tay tôi. Cánh tay ấy, đến hôm nay, đã chết hoàn toàn, và cả người tôi cũng sẽ đi theo nó. Tôi đã nói, thừa chú, rằng tôi không thể làm hơn được, không thể hơn không thể hơn được nữa...”

“Và vì thế mà người đã chạy trốn!” Cai Bôrior rít lên đau khổ.

Benxali còn cảm thấy đau khổ gấp nghìn lần vì sự kết tội nhục nhã ấy. Đầu anh thông xuống ngực...

“Benxali!” “Benxali!” Cai Bôrior lại kêu lên.

Không một người đang sống nào đứng bên cạnh dòng sông chết chóc ấy lại có thể nhìn thấy một lần thứ hai nữa cái ông già tuyệt vọng đến khủng khiếp như thế này. “Benxali, chúng ta là những đứa con của cái chết và không thể trốn nó. Nó đến khi nó muốn, nhưng tốt nhất là biết chết trong danh dự, hơn là chết vì rủi ro. Nó có thể đến trong chiến tranh, có thể tới lúc hòa bình, nhưng không có sự lựa chọn, nó phải đến...”

Tuy nhiên, ngay cả lúc lâm chung, người đàn ông cũng phải biết xuôi tay một cách danh dự. Hãy nhìn vào người chú của người đây này, cái lão chốt Bôriơ ấy mà! Hãy nhìn cái khuôn mặt bị cào xé này, cái chòong mắt không còn ánh nhìn này”.

“Ta đã nhìn thấy cái vẻ xấu xí của khuôn mặt ta, một lão chốt, ở trong tấm gương, và tuổi già của ta như sung sướng và kiêu hãnh. Ta cũng có lúc đẹp như người, và vào lúc ở tuổi người, bây giờ ta đi săn trong rừng. Định mệnh như muốn ta và con báo cùng săn một con hươu. Ta đã bắn được con thú trên một lối mòn, thì bỗng nhiên ta cảm thấy một con báo lớn hoang dã, man rợ vồ vào người ta. Nhưng ta không hề nghĩ rằng ta sẽ chịu khuất phục. Người thấy đấy, con báo đã cào xé khuôn mặt ta. Nhưng nhờ vào lòng nhân từ thần thánh, và ý nguyện sống, ta đã quắp đôi chân quanh mình con thú dữ và bóp cổ nó. Bằng nỗi khát vọng rất trong sáng là phải sống, cái ý chí phải hành động đối mặt với nguy hiểm để vượt qua mối đe dọa của nó đã giúp ta thêm sức lực bóp thật chặt cổ con thú. Hồi đó ta còn khỏe, nhưng cũng không khỏe bằng người bây giờ đâu... Ta quắp thật chặt và ta bóp cổ nó cho đến chết. Rồi ta đã vác xác nó trên vai về tới tận thành phố và ngã gục bất tỉnh trước cửa ngôi nhà của cha ta. Thà rằng ta được chết vào ngày hôm đó, còn hơn là phải sống để nhìn thấy cái đêm hôm nay! Ôi! Benxali!”

“Ôi! Benxali!” ...

Cai Bôriơ dừng lại, quay đầu nhìn về phía cánh rừng đằng sau ông. Một giọng nói như tiếng vọng của lời ông. Ở cái nơi không một người đàn bà nào được quyền bén mảng tới, vậy mà đang có một người đàn bà than khóc, giọng vút cao lên như không hề đếm xỉa đến nỗi đau khổ của ông.

“Ôi! Benxali! Ôi! Cai Bôriơ! Ôi! Benxali! Ôi! Cai Bôriơ!..” Cái điệp khúc ấy cứ lặp đi lặp lại không ngừng trong đêm tối.

Cai Bôriơ kinh ngạc nhìn chăm chăm vào những thân cây thẳng đứng sáng lên dưới ánh lửa của vô số cây đuốc ở những doanh trại rải rác khắp rừng. Những cành lá lao xao như hợp thành một mạng lưới âm thanh choàng lên những đốm lửa, và ngăn cách với bầu trời sao trên đầu các chiến binh. Bài ca thê lương của người đàn bà vang lên một cách bí ẩn trong khung cảnh ấy làm não nuột người đàn ông còn chưa chết, nhưng chắc chắn cuộc đời mình chỉ còn trong khoảnh khắc. Những tiếng gọi tuyệt vọng của người đàn bà đã làm nổi lên những tiếng rì rầm của các chiến binh dọc suốt triền sông như thể một câu thần chú không lời làm sồn gai ốc tất cả những người đứng ở đó.

Cuối cùng người đàn bà xuất hiện từ cánh rừng. Các hàng quân giãn ra cho cô ta đi. Hai người lính trẻ dìu một người đàn bà khác theo sau cô ta tìm lối đi trên những mỏm đá và vì người đàn bà thứ hai còn mang theo một chiếc giỏ to nên người bà ta còng lại gập bội dưới sức nặng của vật mang theo cộng thêm cái gánh nặng tuổi tác.

Không ngừng khóc, người thiếu phụ nhảy lên một mỏm đá lớn và gieo mình dưới chân Cai Bôriơ.

“Ôi! Cai Bôriơ!” - Cô nói bằng một giọng nhọn sắc như khoét sâu nỗi đau đớn của ông, và hai tay ôm chặt lấy đôi mắt cá chân ông. “Tôi đến đây vào giây phút cuối cùng này, để cầu xin ông tha chết cho chồng tôi... Chồng tôi không đáng chết. Đã năm năm trường anh ấy tận tâm

phụng sự ông...”

“Thôi đi!”. Cai Bôriơ kêu lên.

“Người không cần phải tới đây. Người có tin rằng, những tình cảm của người với Benxali đâu có thể sánh được với tình cảm mà ta đối với người con cả của chị gái ta không? Thật là yếu đuối và ngu ngốc! Có phải một người đàn bà cũng có thể hiểu nổi những việc làm hết sức đau đớn đối với ta trong cái đêm này chăng?”.

“Nếu ông thực sự đau khổ”, người đàn bà vừa rít lên vừa đập tay lên phiến đá “thì tất ông phải cứu sống anh ấy”:

“Banhđơ, đừng quá ngây thơ đến thế! Thời chiến những con người sẽ chẳng là gì cả nếu không phải là những người đàn ông. Và đàn ông, đó là lòng can đảm, một ý chí hiến dâng chính bản thân cuộc đời vì lợi ích chung. Tối hôm nay, Benxali không phải là cháu của Cai Bôriơ mà là một người lính trong quân ngũ. Có phải là sau này người ta sẽ nói về Cai Bôriơ, về Benxali, nếu như tối hôm nay Cai Bôriơ đã bỏ qua cho một tội đáng phải tử hình đối với cháu của những người khác, đối với chồng của những người đàn bà khác không?”.

“Chiến tranh và quân đội đã mang lại gì cho tôi? Tôi căm ghét nó cũng giống như mẹ tôi, bà tôi đã phản đối nó, trước khi nó làm cho tôi đau khổ đến thế này”. Những lời của người thiếu phụ đâm xuyên vào khắp cánh rừng và những người đàn ông cảm thấy máu trong tim mình tan thành nước lũ bởi vì Banhđơ đã nói nhân danh những người mẹ, người vợ.

“Cai Bôriơ, chiến tranh đã không để lại trong ông một chút lòng nhân ái nào chăng? Trong sáu tháng, chỉ trong sáu tháng tôi được làm vợ của Benxali! Ôi! Cai Bôriơ! Ông cũng từng có một thời trai trẻ, hãy thương xót lấy tôi!”.

Một phút sau cô ta đã đứng lên trước mặt ông. Bằng một động tác rất nhanh và điên cuồng cô ta đã xé toạc tấm yếm che ngực. Bộ ngực với hai bầu vú căng lên như muốn nói rằng chính cô đang có mang.

“Ba tháng gần đây” cô đau khổ khóc “tôi đã mang trong mình đứa con của Benxali! Đứa trẻ đầu lòng của anh ấy... Cai Bôriơ, chẳng lẽ ông muốn biến tôi thành quả phụ, và con tôi thành đứa trẻ mồ côi? Không lòng nhân ái Không!...”.

Trước sự thức tỉnh ấy Cai Bôriơ ôm mặt khóc nức nở.

Lại một lần nữa những tiếng rì rào kỳ lạ nổi lên giữa các chiến binh. Họ mơ hồ cảm thấy rằng, họ đã hợp nhau để dựng lên trong đội quân một Cai Bôriơ, như một con quỷ, mà mỗi người trong số họ với tư cách một cá nhân đều căm thù ông, nhưng với tư cách một quân nhân họ không thể làm gì khác hơn là tin vào chủ tướng. Mỗi người đều thấy buồn thảm thay cho Benxali, thương cảm thay cho Banhđơ. Song, dù họ có mừng tượng ra cây thập tự đang dính lên người Benxali, họ vẫn không lên tiếng cứu anh.

Cai Bôriơ còn dư sức để khóc thật lâu. Nhưng rất nhanh, những giọt nước mắt như khô cạn, và ông trở lại giận dữ với chính mình. Bằng cử động đầy vẻ thịnh nộ ông lau nước mắt, rồi nói một cách rất nghiêm khắc với Banhđơ:

“Này, người đàn bà kia, ta không thể làm gì được nữa đâu”.

Dù Benxali không sợ chết, anh cũng phải hãi hùng khi nhìn thấy người vợ lâm vào tình cảnh này.

“Banhđơ!”. Anh nhìn vợ và kêu lên: “Cai Bôriơ có lý. Chú tôi sẽ săn sóc vợ con tôi... Và bây giờ, thưa chú, Banhđơ phải được đưa ra khỏi nơi đây; nếu không cô ta sẽ làm mũi lòng tôi... vợ tôi... Ôi! Em thân yêu! Cầu chúa thương xót em và con của chúng ta! Lạy chúa! Ôi! Banhđơ... Em hãy đi đi!”.

“Hãy khoan, Benxali! Hãy khoan!...”

Cô run lên cầm cập trước giọng nói của mình. Khi gọi đến tên chồng, cô đã nhét vào miệng tấm yếm dút ở ngực. Khuôn mặt cô tối sầm lại và người cô co giật như thể cô đang quần quai đau đớn khi hấp hối. Cai Bôriơ giật miếng vải ra. Cô lão đảo tránh xa ông.

“Lạy Chúa, hãy tha thứ, hãy tha thứ cho con! Con không còn biết con đang làm gì nữa...”. Cô loạng choạng, đôi tay run bần bật. Cô thực sự đau khổ như đang ở địa ngục. Tuy nhiên, do một điều bí ẩn mà những người đàn ông gọi là bản ngã, cô đã lấy lại được sức lực để kìm chế nỗi đau khổ.

“Cai Bôriơ”, giọng cô đã bớt run, “Tôi cầu xin một điều nữa, một điều sẽ có tác động đến ông. Bà ơi, đưa cho tôi cái giẻ!”.

Bà lão đứng ở hòn đá bên dưới đưa cho cổ chiếc giẻ to. Banhđơ xiết chặt một cách tuyệt vọng chiếc giẻ ấy vào ngực mình, rồi một lần nữa quay về phía người chiến binh già:

“Cai Bôriơ, tôi mang đến biếu ông một tặng vật. Bởi vì đôi khi những tặng vật lại tác động đến các ông hoàng nhiều hơn là những lời cầu xin.

Nhưng tôi biếu ông tặng vật này chỉ là vụn bất đắc dĩ”.

Cô lại quỳ gối trước mặt ông một lần cuối cùng:

“Tôi cầu xin ông tha chết cho chồng tôi!”.

“Đứng lên, hỡi người đàn bà kia!”. Ông nói rất nhẹ như chỉ để nói với riêng cô. “Người là một người đàn bà quả cảm... Con người sẽ là người kế vị của ta, bởi vì ta đau khổ không kém gì người khi Benxali phải chết...”.

Người thiếu phụ nháy bật lên. Dường như cô đã thay hình đổi dạng, đã vượt qua cả nỗi đau khổ, tuyệt vọng. Lúc này cô giống hệt như Nữ Thần Báo Thù.

“Bà kia!”, Cai Bôriơ nói với bà lão, “hãy đưa cô ta về nhà”. ;

“Tôi sẽ đi, Cai Bôriơ”. Banhđơ điên cuồng hét lên và tiếng vọng lại từ cánh rừng nghe rõ mồn một. “Nhưng trước hết ông hãy nhận lấy tặng vật của tôi!”.

Rất nhanh chóng và bằng những cử chỉ thật khéo léo cô đã hành động và mấy giây phút tiếp theo mà không người nào kịp ngăn cô lại.

Khi Benxali hiểu ra việc cô làm thì đã quá muộn. Anh hét lên: “Đừng, Banhđơ - còn đứa con!”.

Người thiếu phụ thậm chí không nghe thấy cả tiếng hét của anh.

Nhanh như một ánh chớp cô đã mở nắp giỏ, vút chiếc nắp bay lên trên không rồi hai tay nâng giỏ lên chụp miệng giỏ vào đầu Cai Bôriơ như chụp một chiếc mũ trùm. Ngay sau đấy, cô quay về phía dòng sông, khom người, tay giơ lên quá đầu, lấy đà rồi tung mình vào dòng thác đang sục sôi gầm réo điên cuồng...

Chuyện đó xảy ra trong nháy mắt làm cả đám đông chỉ kịp kêu lên: “Ôi trời ơi!”, rồi bị cắt đứt ngay bởi tiếng kêu kinh ngạc của cô như nhấn chìm cả mọi tiếng ầm ầm của dòng nước. Nhưng mỗi người đều chỉ biết đứng yên bất động, tê liệt vì nỗi bàng hoàng sửng sốt.

Trong khoảnh khắc họ trông thấy dòng nước đã cuốn người thiếu phụ đi mà vẫn còn nghe thấy tiếng cô kêu: “Benxali! Benxali!”. Sau đấy, không còn nghe thấy gì nữa. Dòng nước đã nhấn chìm cô, quăng quật cô, và rồi cô đã mất hút dưới ánh mắt sững sờ của họ...

“Người thật là một người đàn bà cuồng nhiệt!”. Giọng nói nặng nhọc của Cai Bôriơ phát ra từ trong chiếc giỏ.

Ông đẩy chiếc giỏ lên quá đầu, quăng nó xuống phiến đá mặc nó từ từ lăn rồi rơi xuống sông cho dòng nước xiết cuốn trôi đi.

Cảm thấy một cái gì lạnh lạnh trên mí mắt. Cai Bôriơ đưa tay lên sờ trán.

Benxali quay khuôn mặt chết lặng đi vì tuyệt vọng nhìn chú anh ở phiến đá bên trên.

“Lạy chúa... Chu... ú ời!”. Lời nói dừng lại trong cổ họng lạnh buốt sợ hãi của anh.

Bởi vì Cai Bôriơ đã bị một con rắn độc màu nâu đang ngo ngoe, nhanh chóng vòng quanh trên trán thành một tấm khăn xếp. Một con rắn khác đang cuốn quanh cổ. Và con thứ ba, lớn nhất, từ cẳng tay đang xoắn mình vươn đến đầu ông.

Nhìn thấy thế hai người lính trẻ đứng trên phiến đá gần thủ lĩnh của họ nhất đã hoảng hồn nhảy xuống đất gần chỗ bà lão đang một mình khóc nức nở.

Không một âm thanh nào, ngoài tiếng gầm réo vĩnh hằng của thác nước có thể phá tan được cái yên lặng chết chóc của đêm tối.

Vào lúc Cai Bôriơ đụng vào con vật lạnh lạnh trên trán, ông đã cảm thấy hai mũi kim nhọn hoắt trên mí mắt ông, một mũi châm vào cổ, một mũi châm vào cánh tay.

Ông nắm con rắn ở trên đầu và gỡ nó ra. Cúi gập người xuống phiến đá ông đập nát đầu con vật. Rồi ông giật mạnh con rắn ở trên cổ và bằng cả sức vóc mình ông nghiêng nát nó trên phiến đá. Và con thứ ba rời khỏi cánh tay ông. Không chút do dự ông dấn chân lên lưng con vật. Nó ngóc đầu dậy, nhưng bằng những động tác nhanh ghê gớm, ông đã lấy chân đạp lên nó hàng chục lần. Rồi ông cúi xuống cầm nó lên tay và bóp chặt nó cho tới chết.

Ông từ từ ngồi xuống phiến đá.

“Cai Bôriơ sắp chết rồi!”. Ông kêu to lên với những người đang đứng ở dưới - “Hãy cõ trói cho Benxali! Nhanh lên, các người! Ta chỉ còn sống trong giây lát nữa thôi!”. Mồ hôi nhỏ rờng rờng trên khuôn mặt ông. “Hỡi các chiến binh, các người hãy thề đi, hãy thề rằng Benxali, sẽ là thủ lĩnh của các người!”.

Họ đã thề. Và lời thề vang lên trang trọng trong cái thung lũng của tử thần, vang lên một cách phi thường át đi cả tiếng thác nước đang gầm thét.

“Đó là một người đàn bà quả cảm, Benxali... Vì cô ta và vì ta con hãy thề, hãy thề sẽ là người kế vị xứng đáng của ta...”.

Benxali được cõ trói, đã lao ngay lên phiến đá nâng đầu người chú đang hấp hối ấp vào ngực mình...

“Chú ơi, cháu có cần gì một vương quốc đâu?”. Khóc nức nở như một người đàn bà, những giọt nước mắt của Benxali chảy xuống khuôn mặt anh, xuống người anh hòa lẫn với những giọt mồ hôi của người chú đang nép sát vào ngực anh. Cha anh chết khi anh còn là một cậu bé. Cai Bôriơ đối với anh còn hơn một người cha trong suốt bao nhiêu năm trời.

“Chú ơi, không có chú, không có Banhđơ cháu làm sao sống được...!”.

“Hãy can đảm lên... trước cuộc đời! Hãy thề đi, Benxali... nhanh lên, con của ta; hãy thề đi!”. Những tiếng nói cứ đứt đoạn trong họng của người chiến binh già. Ông cảm thấy quá ngột ngạt. Hơi thở không đều phì phò, nặng nhọc. “Ta vui lòng đổi cuộc đời ta, lấy cuộc đời con, Benxali!”. Ông đã sống một cuộc sống dữ dội, ông cũng đang chết một cách dữ dội. Toàn thân ông như kháng cự mãnh liệt trước sự tấn công của tử thần để nói cho được rõ lời mình. Đôi mắt ông đã bắt đầu ngây dại, bất động: “Cô ta ẩn tàng... sự thông minh của đàn ông...”. Đôi mắt ông từ từ nhắm lại. Nhưng thân thể to lớn của ông vẫn co giật trong những nỗ lực sau chót để thực hiện nốt cái ước vọng cuối cùng trên trần thế:

“T... Tôi thề!”

Đó là tiếng nói cuối cùng của ông..

Benxali vừa khóc, vừa thề.

Và khắp triền sông, khắp cánh rừng một lời chúc thiêng liêng xúc động từ nghìn vạn con người vang lên: “Benxali muôn năm!”.

Cai Bôriơ nghiêng đầu rồi nặng nề rơi xuống ngực cháu ông. Trong năm phút người ông hoàn toàn tê liệt và mười phút sau ông đã chết.

“Ôi! Banhđơ. Ôi, chú của tôi. Ôi, Banhđơ”.

Nhưng hàng vạn chiến binh vẫn chúc mừng anh: “Benxali, Benxali muôn năm!”. Anh nhìn xuống họ và lắc đầu. Vào cái giây phút ấy anh cảm thấy cuộc sống nhiều lắm cũng chỉ là một nỗi tủ nhục, nhưng vẫn phải tiếp tục sống.

“Benxali muôn năm!”.

Mọi người vẫn hát. Tiếng hát lần lượt nối tiếp nhau và cái khối âm thanh mỗi lúc một bốc cao thêm. Thoạt đầu, tiếng hát còn nhỏ nhẹ, êm êm đầy rung cảm, sau đó trở nên căng hơn cho tới lúc căn phòng ăn chật hẹp ùn lên tiếng hát ồn ào, rộn lên ở cả hai phòng ngủ chất đầy mũ áo. Mọi người tụ lại và ca hát. Chỉ mỗi mình Mavit là ngồi yên, mắt long lanh đang nhìn chăm chăm vào bàn tay nâu sần của bà mẹ, dù bàn tay ấy đã được người ta nắm vuốt cho mềm mại. Đôi mắt mẹ còn nóng đỏ nhưng đã khô nước mắt; nụ cười mĩa mai thoáng đôi nét giễu cợt như còn hiện lên quanh cái miệng mím chặt, trông mẹ thật thảm thương. Mavit nhận ra rằng ngón tay cái bên trái của mẹ cô hằn vết sẹo và đã bị dập nát. Cô chẳng buồn ngược mắt lên, không buồn nhìn chiếc quan tài, cũng chẳng cần ngó cuốn thánh ca đã mở sẵn, cô ngồi thẫn thờ không để ý đến ai. Miệng cô mím chặt như cổ tình không chịu hé răng nói một lời. Cô ngồi đây, tâm trạng căng thẳng, nhìn không chớp vào ngón tay dập nát của mẹ cô. Căn phòng vẫn đây nhưng tưởng như không có. Một người đàn bà to béo đang khóc bù lu bù loa, nhưng không ai buồn chú ý. Mọi người vẫn hát, nhưng Mavit không nghe thấy gì.

“Chúng con không có nơi nương tựa

Hãy để linh hồn vất vưởng của chúng con

được nương tựa nơi Người”.

Bọn họ bắt đầu chuyển sang câu thơ thứ hai. Người đàn bà to béo cũng đã đủ thời giờ trăn trăn lại để cố gắng góp thêm một giọng nữ trầm, run rẩy. Thằng bé khoác chiếc áo có cái cổ kiểu Iton cũng đang bám theo lời ca bằng ngón tay gõ nhịp của mình. Mavit lờ mờ nhận ra bóng con Rôđi, tay cầm một khay hoa tươi, đang đi lảng vảng kiểu cách, nói chỏng lỏn với một người đàn bà khoác chiếc áo dài đứng gần cửa nhất, sau đó lại tiếp tục cái điệu bộ tất tưởi, lảng vảng. Mavit cảm thấy hết những sự việc đang xảy ra, cô không nhìn nhưng cô đều thấy rõ, không rung động nhưng vẫn cảm thấy mọi việc đang diễn ra. Chẳng có gì được ghi lại trong ký ức, nhưng cô vẫn có thể cảm thấy hình ảnh người đàn bà già nua đang hiện lên, cảm thấy căn phòng đang biến thành người mẹ đã chết, căn phòng mà nhìn chỗ nào cô cũng chỉ thấy mẹ, tràn đầy và cuộn xoáy biết bao hình ảnh mẹ. Người mẹ có đôi bàn tay khảnh khiu xương xẩu và cặp mắt luôn luôn hoảng sợ.

Chính cặp mắt ấy đã từng nhiều lần dò hỏi “Mavit, tại sao chúng lại đối xử với mẹ như vậy? Mavit, hãy nói cho mẹ biết đi con, tại sao chúng lại đối xử với mẹ như vậy?”

Mavit đã tìm ra câu trả lời, lòng cảm thấy bùng bùng căm giận, miệng cô nóng ran, tê buốt. Thế là cô nói như quát lên với mẹ già “Chỉ vì một lẽ mẹ là người da đen! Mẹ là người da đen, mẹ ạ, nhưng lại sinh ra những đứa con da trắng. Đó là lỗi của mẹ, tất cả là lỗi tại mẹ... mẹ đã đẻ ra những đứa con da trắng. Phải, những đứa con da trắng, mẹ ạ. Ôi những đứa con da trắng!”. Mavit mơ hồ nhận thấy căn phòng đã đông nghịt người đông đến chen chúc nhau, nóng bức, ngột ngạt và ngập ngụa. Lẽ tất nhiên trong cái không khí ấy, mẹ bị ép dí xuống. Người ta đã dành cho mẹ một chỗ quá chật hẹp ở chính giữa căn phòng. Một địa vị cao quý trong một cổ

quan tài bằng gỗ thông, khắc vền vẹn mấy chữ ngắn gọn, dè xẻn: *Maria Lupdor* 1889 – 1961 R.I.P^[2].

Xin hay yên nghỉ. Mọi người xúm xít vây quanh và nhường nhau chỗ ngồi; ô trống của cái cửa cũng bị lấp kín. Mẹ mình giờ đây đã an nghỉ. *Maria Lupdor*. *Maria Uynhimainor* *Lupdor*. Mavit ngược mắt lên nhanh xem tấm biển có thực còn ở đấy không, rồi bất giác lại nhìn vào ngón tay dập nát của bà mẹ. Không ai thêm để ý đến cô. Và tiếng hát vẫn tiếp tục không ngừng.

“Chúng con không còn nơi nương tựa

Hãy để linh hồn vất vưởng của chúng con được nương tựa nơi Người...”

Hoa. Mùi hoa nồng nặc, nghẹt thở. Hoa, cái chết và tiếng ca. Một người đàn ông có bộ mặt hồng hào, đỏ ửng, đứng sau khung cửa, gân cổ lên hát đến nổi mạch máu trên thái dương nổi lên gân guốc. Người ta chạy ra, chạy vào, nhốn nháo, ồn ào. Họ đến đây để nhìn mẹ lần cuối, để đặt một bông hoa vào quan tài cho mẹ, sau đó mở sách thánh ca và hát một bài tiễn đưa. Một người mẹ nghèo khổ, bị lừa dối, có cặp mắt buồn thảm và đôi tay treọ xương méo mó. Một người mẹ đã đẻ ra những đứa con da trắng, và đẻ ra một Mavit da đen. Giờ đây, lũ con da trắng cũng đang cất cao giọng, hát bài ca dâng mẹ:

“Đừng để chúng con phải sống cô đơn,

Hãy nuôi chúng con và an ủi chúng con...”

Vậy mà mới cách đây một tháng thôi, Mavit đã nhìn thấu những cặp mắt giờ đây đang lúng túng và ngơ ngác của chúng.

- “Mavit con, tại sao chúng lại đối xử với mẹ tồi tệ đến thế?” Thế là Mavit nổi giận; nước bọt trong miệng nóng ran lên.

- “Mavit con, hãy nói cho mẹ biết tại sao chúng lại đối xử với mẹ như thế?”

Lập tức, Mavit dồn dập đáp lời bà, xoáy từng chữ, từng câu:

- “Chỉ vì mẹ đã già rồi và mẹ lại là người da đen, nên những đứa con da trắng của mẹ muốn đuổi mẹ ra khỏi nhà”.

Mavit định nói thêm: “Chúng cũng muốn đuổi cả con mẹ ạ, bởi vì mẹ đã tạo ra cho con màu da đen. Mẹ ơi! Con là con của mẹ, là giọt máu của mẹ. Chúng nó cũng muốn con phải ăn ở dưới bếp và chỉ được đi lại phía cửa sau. Chúng ta chẳng được ai thăm hỏi, mẹ ạ, bà con mình không được phép đến chơi. Chúng ta thương chúng nó, thế mà chúng lại căm ghét chúng ta. Chúng ghét ta vì ta là da đen. Con và mẹ, mẹ ơi!”

Nhưng rồi Mavit im lặng, và chỉ nhìn một cách đau đớn, chua chát vào cặp mắt của mẹ già.

- “Mẹ còn có lợi ích gì đối với chúng nữa đâu. Bây giờ mẹ chỉ là một mối phiền hà, một mối phiền hà về dòng máu, về dòng máu da đen”.

Nhưng bà mẹ làm sao có thể hiểu được, bà như ngơ ngác nhìn Mavit.

- “Nhưng mẹ có muốn vào căn phòng ấy đâu. Thật đấy, Mavit ạ, mẹ chẳng muốn vào phòng ấy làm gì”. Khi bà nói, nước mắt tuôn ra giàn dụa, khóc nức nở như một đứa trẻ vừa bị mất đồ chơi. “Đó là phòng ăn của mẹ, thật đấy Mavit ạ. Chính là căn phòng ăn của mẹ mà!”.

Thế là Mavit cảm thấy một ý nghĩ ghê tởm và đen tối đang tràn ngập lòng mình. Cô phải hét lên như điên như dại: “Mẹ là người da đen, còn những đứa con mang dòng máu của mẹ thì da trắng. Dim, Rôdi và Sonni đều là da trắng, da trắng hết! Còn mẹ, mẹ đã sinh ra con. Sinh ra con, một đứa con da đen!”.

Cõi lòng tan nát, Mavit kiệt sức đi trong cái tâm trạng vừa được khám phá và cô khóc òa như một đứa trẻ.

“Mẹ ơi, tại sao mẹ lại sinh ra con thành một người da đen?”

Lúc đó, chỉ còn lại một cảm nghĩ mơ hồ đang lớn vồn trong cặp mắt mẹ dịu hiền, và hình ảnh của một thời quá vãng xa xôi bỗng hiện lên: Mẹ đã ôm ấp tuổi thơ của cô trong cánh tay mình, mẹ đã đu đưa vuốt ve triu mến cô. Tiếng mẹ hát ru, ngâm nga, nhỏ nhẹ, hát cho cô nghe những bài ca êm dịu, với giọng ca dứt quãng và rạn vỡ những bài ca mẹ đã từng hát những năm nào, trước khi mẹ đến thành phố Kêptao:

“Cái ngủ mà ngủ cho ngoan...,ạ ơi hời!”

Giọng mẹ mỗi lúc một khỏe hơn, xúc động hơn, mỗi khi cặp mắt buồn tẻ của mẹ bắt gặp lại tuổi ấu thơ, gặp lại con suối qua vùng Vongát, gặp lại ngôi nhà thờ đổ nát và mảnh trăng lên về cuối làng Sôlite.

Mẹ đã thấu hiểu và ru Mavit trong cánh tay mình những năm về trước.

Còn bây giờ mẹ đã được trở lại căn phòng ăn, trong khi những cái bóng đen đã trườn qua tường.

“Hãy ở lại với con, chiều tà buông xuống quá nhanh...”

Những cái bóng ấy đã lọt qua bức màn buông rủ. Đó là con Rôdi nhiều sự, lúc nào cũng mím chặt môi. Và Sonni nữa. Còn tên Dim đến có một mình, không đem theo con vợ da trắng. Với vẻ chăm học, hẩn tảng lờ như không hề biết Mavit, chỉ lặng thinh, nhìn cô rồi quay sang nói với người đàn ông hồng hào đứng sau khung cửa. Bàn bè của bà mẹ ở cả trong bếp. Một nhóm người vẻ đầy sợ sệt túm tụm thành một cụm, ngồi quay quần xung quanh lò sưởi...

- “Mavit, tại sao chúng lại bảo bạn bè của mẹ đừng vào thăm mẹ?”

Mavit nhún vai, thờ ơ:

- “Mavit ơi! Hãy nói cho mẹ nghe tại sao chúng lại bảo bạn bè của mẹ đừng vào thăm mẹ?”

Mavit quay ngoắt về phía bà: “Mẹ có muốn trong phòng ăn của mẹ lại có bà Saophi da đen ngồi ở đó không? Hay bà Aoka có cái đầu tóc xoắn? Hay cô Eva hoặc thím Lơđi? Mẹ có muốn thế không? Mẹ có muốn con vợ thẳng Sonni nhìn thấy họ không? Hay mẹ mẹ muốn cái đồ dơ dáy – con Rôdi da trắng – tình cờ đến làm quen với học à? Mẹ có muốn làm lũ con da trắng của

mẹ phải xấu hổ, nhục nhã không? Mẹ có muốn phơi bày cái dòng máu da đen của chúng ra không?”

Và bà già đã khóc nức nở, - “Mẹ chỉ muốn bạn bè mẹ đến thăm thôi. Họ có thể ngồi chơi ở trong bếp cũng được!”

Mavit bất giác thở dài, xót thương cho tâm hồn chất phác của bà mẹ. Đôi chan bà run lấy bầy, hình như bà muốn nói: “Thế thì các bạn của mẹ, những người bạn da đen, họ làm cái gì nào? Tại sao họ phải ngồi ở dưới bếp?”

Từ cặp mắt hiền dịu của bà, nước mắt ứa ròng ròng, trông bà càng già hơn. – “Mavit ạ, mẹ muốn bạn bè đến thăm mẹ, dù họ ngồi ở trong bếp cũng được. Con giúp mẹ đi, vì họ là tất cả những gì mẹ có được”.

Và giờ này, bạn bè của mẹ đã ngồi cả trong bếp; một tốp người đầy vẻ nhút nhát, sợ hãi, đang vây quần quanh chiếc lò, họ nói chuyện với nhau bằng giọng lơ lửng của những người Nam Phi thuộc vùng Calêđôn. Họ nói chuyện về mẹ, về thời thơ ấu của họ với nhau, về bà Aoka và thím Lonđi, về cô Eva và mẹ. Về vùng đất Calêđôn bị cắt khỏi thành phố Kêptao ồn ào, sầm uất. Ở đây có nhà thờ Môraviên Mitson đồ sộ, có dòng sông nước ngọt chảy qua vùng Vongát, vùng Kakoaiđơcan và tan biến đi ở gần vùng Gratkôp. Họ gọi lại với nhau hình ảnh mảnh trăng quê vàng rực, trắng lợt, mọc lên sau những ngọn đồi của làng Sôlite. Và lúc này đây, họ đang ngồi với vẻ sợ sệt, túm tụm bên nhau quanh bếp lò, cùng nói chuyện với mẹ. Bà Saophi choàng khăn choàng mới và bà Aoka dễ nhận thấy vì đôi giày vàng đi mượn, quá chật. Và cả thím Lonđi và cô Eva nữa.

Còn trong phòng ăn, họ hàng ông bố đang ngồi đấy, họ đang hát. Một bên, bạn bè da trắng của ông bố, những người không hề biết bà mẹ bao giờ kể từ khi bà còn sống. Còn bên kia, chỉ có mình Mavit với người mẹ da đen, một Mavit có cặp mắt long lanh, đang gãi gãi vào cái móng tay đã dập nát của bà mẹ, dù chẳng để làm gì. Và tiếng hát thì vẫn dâng ùn lên khi còn người đến viếng.

“Khi nào những người giúp đỡ khác đã bắt lực,

Và không còn nữa những lời an ủi

Thì chúa hãy cứu lấy kẻ bơ vơ,

Ôi. Người hãy ở lại cùng con...”

Họ hát ca, cầu hồn cho người đàn bà đã chết.

Mavit có thể giúp đỡ bà mẹ, có thể tỏ lòng cảm thông với mẹ khi cần, có thể che chở và bảo vệ mẹ và cô ngăn cản hành vi bạo ngược, ti tiện, nhỏ nhen của bọn em đối với mẹ. Nhưng không bao giờ cô cố chấp, tranh cãi với chúng nó, Rôđi, Sonni, hoặc Dim. Mavit không bao giờ cầu xin chúng gia ơn với mẹ, hoặc giải thích cho chúng biết rằng bà già đã chết dần chết mòn. Cái tâm sự riêng tư, đau xót này đã bào mòn đời cô, đã đầy vò, cào xé tận đáy lòng cô. Cô chỉ là một cái bóng mà ai cũng trông thấy nhưng chẳng nghe nói bao giờ. Cô chỉ là một thực thể mơ hồ, một bộ phận trong số đồ đạc trong nhà. Giá như, bằng cách nào đó, chúng có thể biết được

tình cảm của cô, những tình cảm bị nén xuống tự đáy lòng, một ngọn núi lửa đang sôi sục. Nếu thế cô sẽ trốn khỏi nơi này, nếu cô trốn được, chỉ cần tìm một căn phòng ở Utstôc hoặc San – Rivo, và như vậy, sẽ quên đi nỗi niềm tan vỡ, tuyệt vọng. Nhưng còn mẹ... Còn bà mẹ già. Mavit không bao giờ nói chuyện với chúng, nhưng đã có lần cô trút hết cả nỗi căm tức lên đầu người mẹ bất lực.

- “Mẹ đã gửi chúng đến trường học dành riêng cho người da trắng. Mẹ tự hào về những đứa nhãi con da trắng ấy, trong khi đó thì mẹ ghét bỏ con, phải không?”

Bà mẹ nhìn cô chăm chăm, nín thinh.

- “Mẹ khuyến khích chúng nó đưa bạn về nhà chơi, về nhà của mẹ, còn con, mẹ bảo con phải ở lại dưới bếp. Chính mẹ cũng mang màu da đen cơ mà! Mẹ ạ, rõ ràng là mẹ ghét con, đúng rồi, mẹ chẳng ưa gì con. Và bây giờ, chúng đã đẩy mẹ xuống bếp. Lỗi tại mẹ, chứ còn tại ai nữa. Tất cả là do mẹ hết!”

Cứ như thế, cô day nghiêng bà già, còn bà thì chẳng biết nói sao, bà không thể hiểu gì nữa. Bây giờ, cô ngồi đây, đang bị những kỷ niệm ấy dày vò, hành hạ, trong khi bọn chúng vẫn rên lên những bài thánh ca.

Căn phòng chìm ngập trong bầu không khí tê lương, sâu thẳm. Những bóng người đang chìm sâu, xám đen và bây giờ thì tối sầm lại. Những dòng lệ, những đóa hoa, những chiếc khăn tay... và bao trùm lên tất cả là cặp mắt bà mẹ, sợ sệt, ngơ ngác và giản dị, sợ sệt ngay ca khi đã chết. Mavit đặt lên mắt bà hai đồng xu, để mọi người không thể trông thấy được đôi mắt sợ sệt, ngơ ngác và đã chết đại của bà.

“Con cầu mong Chúa có mặt ở nơi.”

Người anh trai của ông bố cất tiếng hát, hai mắt nhắm nghiền, lão ngồi cạnh đầu chiếc quan tài. Lão rất căm giận cuộc hôn nhân giữa em lão với một người đàn bà da đen. Sống tội sống nợ! Ngài Lupsơ kết hôn với con mụ thuộc bộ lạc Hôttentôt. Lão tránh né không bao giờ chịu chào “bà em dâu” trong khi bà còn sống, dù chỉ là một lời chào xã giao. Lão rất tự đắc về việc đó. Và bây giờ, lão dự đám tang này cũng chỉ vì một lẽ đơn giản: Đây là người vợ đã chết của em lão. Có thể thôi. Đây là lần thứ hai lão có mặt trong căn phòng ăn này. Lần thứ nhất là lần dự đám tang ông em. Và bây giờ một cô gái da đen, lão phải nhận làm họ, đang ngồi kia với cái vẻ lúng túng và câm lặng. Thật là phiền, phiền phức quá!

“Chỉ có ân đức của Người mới có thể

đánh bại được sức mạnh của quỷ Sa-tăng...”

Thằng bé có cái áo kiểu Iton, cất tiếng hát. Bà mẹ nó vẫn chưa hoàn hồn sau cái trận bị choáng đột ngột vì được tin ông Lupsơ có người vợ da đen. Mọi người đều hát, trừ Mavit. Cô đang tự hành hạ mình với những kỷ niệm xót xa.

- “Mẹ sắp chết rồi, con ạ”, đôi mắt hiền dịu ấy đã từng nói với Mavit điều đó từ tuần lễ trước, “Mẹ cảm thấy mẹ chẳng còn sống nổi nữa đâu”.

- “Mẹ bảo những đứa nhãi con da trắng ấy, chúng hãy lo liệu ma chay cho mẹ đi. Mẹ đã làm nô lệ cho chúng kia mà!”

- “Chúng nó là con của mẹ thực đấy, nhưng chúng không đối xử tốt với mẹ”.

- “Mẹ có biết tại sao không? Con sẽ nói cho mẹ rõ”. Và cô đã giải thích cặn kẽ, dần từng tiếng một, với một vẻ giận dữ đáng sợ. “Bởi vì chúng lấy làm hổ thẹn về mẹ, chúng ghê sợ mẹ, e ngại người đời biết rằng chúng có người mẹ da đen”.

- “Nhưng mẹ đã làm hết sức mình vì chúng nó”.

- “Đúng vậy đấy! Mẹ còn làm quá sức mình vì chúng nó nữa kìa! Mẹ nâng niu chúng, nhưng mẹ lại lấy làm xấu hổ về con, có đúng như vậy không? Vì thế, mẹ con ta mới phải chia nhau một căn buồng ở phía sau, để mọi người đỡ phải nhìn thấy mặt chúng ta. Bây giờ mẹ sắp sửa qua đời, những đứa con da trắng của mẹ - chúng sẽ cảm ơn Chúa về việc mẹ sắp chầu Giời!”

- ” Chúng nó là anh chị em của con đấy, Mavit ạ”.

- “Mẹ nói gì vậy?, Mavit há hốc miệng vì kinh ngạc. Cô sững sốt trước câu nói sượng sùng của bà mẹ.

- “Chị em gì kia chứ! Con căm giận chúng, và con giận cả mẹ nữa. Con giận mẹ thực đấy!”

Bà mẹ già thều thào: “Nhưng dẫu sao, các con đều là con của mẹ mà! Mẹ xin con Mavit con ơi, đừng để mẹ phải chết cực chết khổ thế này!”

Mavit lặng đi, ứa nước mắt.

...- “Mavit, con! Con hãy giúp mẹ để cha xứ Giôdép làm ma cho mẹ đi!”

Thế mà bây giờ, viên mục sư từ nhà thờ của ông bố lại xuất hiện ở đây và đứng lừng lững phía đầu chiếc quan tài, trông vẻ người lầu lỉnh, ma mãnh và mảnh khảnh; tay trái ông ta túm chặt lấy chiếc áo thầy tu, tay phải cầm một cuốn sách kinh đã mở sẵn.

“Ta nói rằng ta nhất thiết phải chú ý đến cung cách của ta.

Như thế để ta khỏi phải phạm lỗi trong cách nói năng.

Ta sẽ giữ mồm giữ miệng như ta thường làm với khả năng.

kiểm chế của mình:trong khi ta nhìn thấy kẻ vô đạo”.

Mavit cảm thấy sự hài hước cay độc trong chuỗi lời cầu nguyện ấy.

Cô thấy mình bức sốt, ngột ngạt, một sự ngột ngạt đến kì lạ, không sao chịu nổi. Nước bọt trong miệng cô sùi trắng hai bên mép và đầu óc quay cuồng như người say. Nhìn khắp căn phòng, chỗ nào cũng thấy mẹ, một hình ảnh trọn vẹn của người mẹ hiện lên, cũng với cặp mắt ấy, thân hình ấy và tâm hồn ấy. Có cái gì đấy đang tràn ngập lòng cô, đang rạo rực râm ran khắp cơ thể cô. Không có gì khác cả. Ở cô bây giờ, tất cả chỉ là lời luận tội gắt gao:

- “Chúng tamà là những kẻ vô đạo ư?!” , cô rít lên, cổ họng khản đặc. “Chao ôi! Bọn bay là

những đồ nói láo! Chính chúng bay đã giết chết mẹ ta! Chúng bay đã hủy hoại đời ta! Để thường chúng bay không biết đến Chúa của chúng bay hay sao?.

VŨ VĂN TÙNG dịch

- Bố ơi...
- Gì thế?
- Con và bạn Nadia bao giờ cũng ở cạnh nhau.
- Tốt lắm.
- Cả ở trong lớp, cả trong giờ chơi, cả ở nhà ăn.
- Rất tuyệt. Bạn ấy rất đáng yêu và ngoan ngoãn.
- Nhưng trong giờ thần học, con lại vào một lớp, bạn ấy vào lớp khác.

Người bố đưa mắt nhìn vợ đang thêu một tấm khăn thì thấy vợ mỉm cười:

- À, chỉ riêng trong giờ thần học thôi.
- Nhưng tại sao lại thế hả bố?
- Vì con theo một đạo, và bạn ấy theo đạo khác.
- Thế là sao ạ?
- Con là tín đồ đạo Hồi, còn bạn ấy là tín đồ Thiên Chúa.
- Tại sao hả bố?
- Con còn nhỏ, bao giờ lớn, con khắc hiểu.
- Con lớn rồi.
- Chưa, con còn nhỏ.
- Nhưng tại sao con lại là tín đồ đạo Hồi?

Đến đây, người lớn phải kiên nhẫn và thận trọng để khỏi vi phạm các phương pháp giáo dục hiện đại.

- Bố theo đạo Hồi, mẹ theo đạo Hồi, nên con cũng là tín đồ đạo Hồi.
- Còn Nadia thì sao ạ?
- Bố mẹ bạn ấy theo đạo Thiên Chúa. Bởi vậy bạn ấy cũng theo đạo Thiên Chúa.

Anh sẽ kể về ông bà, cụ kỵ và tổ tiên xa nữa, xa mãi để con gái anh phát ngán mà hỏi sang chuyện khác. Nhưng nó đã hỏi:

- Thế theo đạo Hồi tốt hơn hay đạo Thiên Chúa tốt hơn hả bố?

Suy nghĩ một lúc, người bố đáp:

- Cả hai đều tốt.

- Nhưng phải có một đằng tốt hơn chứ ạ?

- Cả hai tôn giáo đều tốt.

- Hay là con cũng theo luôn đạo Thiên Chúa, để con và Nađia không bao giờ phải tách rời nhau?

- Không, không được. Ai cũng phải theo tín ngưỡng của cha mẹ mình.

- Nhưng tại sao ạ?

...Giáo dục hiện đại quả không phải dễ!

- Con không muốn lớn lên cái đã rồi hãy hỏi ư? – Anh trả lời bằng một câu.

- Không ạ.

- Thôi được rồi. Thế con có biết một là gì không? Đó, người theo một này, người thích một khác. Theo đạo Hồi là một mới nhất. Bởi vậy, con vẫn phải theo đạo Hồi.

- Nghĩa là Nađia không còn hợp một?

Thật chẳng ra làm sao! Có lẽ anh đã phạm một sai sót nào đó. Bây giờ làm sao gỡ ra được đây?...

- Đó là vấn đề thị hiếu, nhưng ai cũng phải theo tín ngưỡng của bố mẹ.

- Con sẽ bảo bạn ấy rằng bạn ấy đã không còn hợp một, còn con đang theo một mới nhất, được không ạ?

- Tín ngưỡng nào cũng tốt – người bố vội ngắt lời con – cả tín đồ đạo Hồi, cả tín đồ đạo Thiên Chúa đều tin vào Thượng Đế.

- Nhưng tại sao họ lại tin trong những căn phòng học khác nhau ạ?

- Vì mỗi người tin theo cách riêng của mình.

- Theo cách riêng là thế nào ạ?

- Điều đó thì sang năm hay sang năm nữa con sẽ biết. Còn bây giờ con chỉ cần biết rằng tín đồ đạo Hồi tin ở thượng đế và tín đồ Thiên Chúa cũng tin ở Thượng Đế!

- Thế Thượng đế là ai hả bố?

Tới đây người bố lúng túng. Sau đó, cố giữ bình tĩnh anh hỏi:

- Thế ở trường cô giáo nói những gì về chuyện này?

- Cô đọc kinh Cô-ran, và chúng con học thuộc các câu kinh, nhưng con chẳng hiểu gì cả.
Thượng Đế là ai hả bố?

- Là người sáng tạo ra tất cả mọi thứ trên thế giới này – người bố ngáp ngừng một chút rồi nói.

- Tất tần tật hả bố.

- Ừ, tất tần tật.

- Thế đấng sáng tạo nghĩa là gì hả bố?

- Nghĩa là người làm ra tất cả.

- Làm bằng cách nào ạ?

- Bằng ý chí vô biên của mình.

- Thế Thượng Đế sống ở đâu ạ?

- Ở tất cả mọi nơi trên thế giới.

- Nhưng, khi chưa có thế giới thì Thượng Đế ở đâu?

- Ở cao lắm, tí trên kia.

- Trên trời ấy ạ?

- Ừ.

- Con muốn nhìn Thượng Đế một cái.

- Không thể được.

- Nhìn qua tivi cũng không được ạ?

- Ừ.

- Thế tại sao bố lại biết Thượng Đế ạ?

- Là vì đúng như thế.

- Ai là người đầu tiên biết thượng đế ở trên kia.

- Các nhà tiên tri.

- Các nhà tiên tri ấy ạ?

- Ừ, ví dụ nhà tiên tri Muhamet chẳng hạn.

- Làm cách nào ông ấy biết được hả bố?

- Vì ông ấy có một sức mạnh đặc biệt.

- Mắt ông ấy rất tinh ạ?

- Ừ.

- Tại sao vậy hả bố?

- Vì thánh Ala làm mất ông ấy tinh.

- Nhưng tại sao mới được chứ, hả bố?

- Bởi vì người ta có thể làm tất cả những gì Người muốn.

- Thánh là người thế nào hả bố?

- Thánh rất hùng mạnh, rất khỏe khoắn, có thể làm được mọi việc.

- Giống như bố ấy phải không bố?

Anh cố nén cười:

- Không ai bằng được Người.

- Thế sao Người lại phải sống ở trên kia?

- Vì đối với Người, mặt đất bé quá. Nhưng Người trông thấy tất cả mọi điều.

Cô bé ngẫm nghĩ một chút rồi nói:

- Nhưng bạn Nadia bảo Người đã từng sống trên mặt đất.

- Đó là vì Người biết hết những gì xảy ra trên mặt đất, chẳng khác gì Người sống ở đây.

- Nhưng bạn ấy nói rằng một bọn đã giết chết Người?

- Nhưng Người vẫn sống mãi và không bao giờ chết.

- Nhưng Nadia nói Người đã bị giết chết?

- Không phải đâu con ạ, chúng tưởng chúng đã giết chết Người, nhưng Người không chết, Người vẫn sống.

- Thế ông nội con vẫn sống?

- Không, ông mất rồi.

- Ông bị một bọn giết ạ?

- Không, ông tự chết thôi.

- Tại sao ạ?

- Ông bị ốm, cho nên ông chết.

- Thế em gái con cũng sẽ chết chứ ạ, vì nó đang bị ốm kia kìa?

Anh cau mày, trông thấy của chỉ tức giận của vợ.

- Không, em con sẽ khỏe, chắc chắn như vậy.

- Thế tại sao ông lại chết hả bố?

- Vì ông ốm yếu và già cả.

- Bố cũng sẽ ốm yếu và già cả, tại sao bố không chết?

Người mẹ mắng cô bé, cô bé ngơ ngác không hiểu ra sao. Nó bần khoăn nhìn mẹ, rồi nhìn bố.

- Chúng ta chết là theo ý của Thượng Đế, khi nào Người muốn thế - cuối cùng, người bố đã tìm ra cách trả lời.

- Thế tại sao Người lại muốn chúng ta chết ạ?

- Mọi chuyện đều là do ý của Người.

- Thế chết là tốt hả bố?

- Không đâu, con.

- Vậy tại sao Thượng Đế lại làm điều không tốt?

- Người mà đã muốn, thì ai cũng phải chết thôi.

- Nhưng chính bố vừa nói rằng chết là không tốt cơ mà?

- Bố lầm, con ạ.

- Thế tại sao mẹ lại tức giận khi con nói rằng bố sẽ chết?

- Vì Thượng Đế còn chưa muốn như vậy.

- Bao giờ Người muốn ạ?

- Người gửi chúng ta xuống thế giới này, rồi Người lại gọi về.

- Để làm gì?

- Để chúng ta ở đây làm những điều tốt, chừng nào chúng ta còn chưa phải rời bỏ thế giới này.

- Nhưng tại sao chúng ta không ở lại?

- Nếu mọi người không rời bỏ mặt đất, thì sẽ không đủ chỗ.

- Tất cả những gì tốt đẹp, chúng ta sẽ để lại đây hả bố?

- Chúng ta sẽ đi tới một chỗ còn tốt đẹp hơn nữa.

- Tới đâu ạ?

- Lên trên kia.

- Lên với Thượng Đế?
- Ừ.
- Và chúng ta sẽ trông thấy Người?
- Ừ.
- Và như vậy là tốt hả bố?
- Tất nhiên.
- Vì vậy chúng ta mới cần phải đi khỏi đây?
- Nhưng chúng ta còn chưa làm tất cả những điều tốt mà chúng ta có thể làm.
- Còn ông nội, ông đã làm tất cả rồi?
- Ừ.
- Thế ông đã làm được những gì ạ?
- Ông đã xây dựng được một ngôi nhà và trồng được một khu vườn.
- Thế thằng Tulu, em họ của con bị chết hồi nọ thì đã làm được những gì ạ?

Người bố tuyệt vọng ném ánh mắt về phía người mẹ để cầu cứu. Sau đó anh nói:

- Nó cũng đã xây dựng được một ngôi nhà nhỏ trước khi nó ra đi.
- Còn thằng Lulu ở bên cạnh nhà mình cứ đánh con luôn và chẳng làm điều gì tốt cả.
- Nó là đứa hư.
- Và nó sẽ không chết chứ ạ?
- Nó sẽ chết khi nào Thượng Đế muốn.
- Mặc dù nó không làm được điều gì tốt?

- Mọi người đều chết cả. Nhưng ai làm được điều tốt sẽ được lên chỗ Thượng Đế, còn ai làm điều xấu sẽ bị thiêu trong lửa.

Cô bé buông một tiếng thở dài, im lặng vài phút. Còn anh, anh cảm thấy mệt rũ rời. Anh trả lời con gái anh có đúng không? Nhưng vừa lúc ấy, cô bé đã lại nói:

- Con muốn lúc nào cũng ở bên cạnh Nadia.

Anh đưa mắt ngơ ngàng nhìn con, cô bé liền giải thích rõ:

- Kể cả trong giờ thần học.

Anh cười vang lên. Người vợ cũng cười.

- Anh không nghĩ rằng có thể bàn luận những vấn đề như thế với các con - anh nói với vợ.

Người vợ đáp:

- Khi nào con gái mình lớn, anh có thể nói hết với nó những mối hoài nghi của anh.

Anh ngoảnh mặt về phía vợ, cô hiểu xem chị nói câu đó là nói thật hay nói đùa, nhưng anh thấy chị đã lại cúi xuống khung thêu.

VŨ ĐÌNH BÌNH dịch.

Con rắn màu biếc

TAHAR BEN JELLOUN
(Marốc)

Tôi thích du lịch bằng thuyền. Vào thời đại của tốc độ và tắc nghẽn trên không, thuyền là một thứ xa xỉ? Ta đông dài chuyển dịch. Đó là dịp để tạo ra sự trống rỗng và chuẩn bị bước vào một nhịp độ mới. Hè này, tôi đã ở trên tàu *Marrakech*, một cái tàu chở khách đi lại giữa Sète và Tanger. Vừa lên tàu, một người đàn ông thấp nhỏ, trạc năm mươi, tiến về phía tôi giơ hai tay dang rộng, chào và hôn tôi. Tôi chưa bao giờ thấy người đàn ông ấy. Tôi hơi bối rối và không nói gì. Có vẻ như đó là một chuyện nhằm, lẫn lộn hẳn do có sự giống nhau. Không, không phải thế tí nào. Người đàn ông trấn an tôi:

- Tôi tên là Hadj Abdelkrim, tôi sinh ở Marrakech vào một ngày nóng nực khác thường; tôi lấy vợ người Silice và làm cha ba đứa trẻ, chúng biết ông và quý mến ông. Tôi, chẳng may, tôi lại không đọc sách. Ấy là bà vợ đọc hộ tôi. Tôi không đọc, nhưng có kinh nghiệm về cuộc đời, về chuyện gì có thể thấy được và chuyện gì không. Nghề nghiệp của tôi ấy à? Làm cho người ngoại quốc yêu mến đất nước tôi, khiến nó hiện ra với cả vẻ đẹp và sự phức tạp của nó. Nhưng điều khiến tôi tìm tới ông và tôi cũng đã chờ phút này từ lâu, đó là do muốn kể cho ông nghe một câu chuyện, một câu chuyện thực. Ông thực sự là nhà văn chứ? Vậy thì hãy nghe tôi. Chuyện liên quan tới Brahim, một người đàn ông lặng lẽ, một người tử tế muốn tìm cách nuôi sống gia đình. Đó là câu chuyện về một số phận dọc đường đụng phải cái ác. Ông nghe này...

Hadj Abdelkrim đang ở giữa phòng xalông, các du khách chạy vội tới để nghe ông ta kể:

*

* *

Đã lâu rồi các khách du lịch không còn dừng lại trước Brahim và bày răn của ông ta. Một mối già nua, không còn tin tưởng gì, lũ răn chẳng đáp lại điệu nhạc của vị sư phụ - người dụ răn nữa. Ông hoài công thay ống sáo và giai điệu, chúng chỉ hơi ló đầu, nhón nhác hoặc ngái ngủ. Một giải pháp duy nhất có thể khiến việc trình diễn trở lại hấp dẫn: Đổi những con vật thay vì đổi nhạc cụ. Brahim quyết định chịu lỗ và mua một con rắn cái bóng loáng, còn non và nhanh nhẹn. Nó được mang tới từ một cái làng nổi tiếng về rắn. Ông ta vuốt ve, đùa giỡn với nó, rồi chơi một đoạn nhạc của ông cho nó nghe. Rất có năng khiếu, nó nhảy múa một cách xuất sắc, uốn éo đúng như mong muốn, tuân theo nhịp thật chính xác, thè lưỡi ra để kết thúc đợt biểu diễn. Brahim lấy lại được niềm tin tưởng ở bản thân. Bọn răn đực đều bị cô rắn cái làm mê mẩn.

Đêm hôm sau, Brahim có một giấc mơ lạ: Quảng trường vắng tanh, sáng rọi ánh trăng rằm. Ông ta ngồi chính giữa, xếp bằng tròn. Ông ta không tài nào cự quây. Có thể nói ông bị gắn xuống đất bằng loại cồn dính đặc biệt. Trước mặt ông là con rắn, dưới hình dạng của một người đàn bà màu xanh biếc. Ông không tài nào biết được là cô ta bận đồ hàng voan màu biếc hay làn da cô màu ấy. Thân là đàn bà, đầu là đầu rắn. Cô ta vừa nói vừa quay tròn quanh ông: "Chiều nay, ta đã biểu diễn, ta đã cho ông thấy ta có thể làm gì. Ta không phải là người như

người tương đầu. Người chó có bắt ta phải uốn éo để làm vừa lòng bọn du khách của người. Ta đáng phải hơn thế, ta còn trẻ, ta ham sống, ham chạy trong đồng ruộng, thích có cảm xúc, khoái lạc và có được những kỷ niệm lúc về già. Nếu bọn du khách của người thích những cảm xúc mạnh, họ chỉ việc đi về cùng Amazonie hoặc tới xứ sở của những tảng đá có khả năng lưu giữ ký ức. Ta báo trước cho người, nếu người mang ta ra làm trò, người sẽ hối tiếc... Sau cùng, ta cũng không dám chắc là người có thời gian để mà tiếc bất kỳ điều gì đi chẳng nữa...”.

Vừa nói, nó vừa quay tròn quanh ông, chạm vào tay hoặc vào sườn! Ông định đáp lại. Ông chỉ ú ớ trong họng. Ông đã bị thôi miên. Rất tự tin, nó tiếp tục bài diễn văn của nó: “Chó trình bày vấn đề của người và xin ta thương hại. Hãy buông ta ra và người sẽ được yên ổn. Ta có nhiều việc phải làm. Đang mùa gặt, ta phải trở về dưới những tảng đá. Ta thích bàn tay mát mẻ của các cô gái cúi xuống hái lúa. Bọn khách du lịch của người làm ta phát ngán. Bọn họ xấu xí. Còn người, người vừa lòng khi được món tiền boa thăm hại của bọn họ. Hãy tự trọng một chút. Giờ thì người có thể về. Quảng trường sắp đầy người. Mặt trời sắp mọc. Và người, người hãy suy nghĩ đi. Nhưng, nếu người muốn yên ổn, hãy trả lại tự do cho ta”.

Brahim chồm tỉnh dậy, run rẩy và người nóng rực. Ông xem xét cái thùng nơi bày răn đang ngủ. Con răn cái đang ở đó, lặng lẽ chìm trong giấc ngủ say, yên chí, ông làm lễ gọi rửa rồi cầu kinh sáng. Hôm ấy, ông chấp hai tay và xin Chúa chứng giám và che chở: “Lạy thánh Alla, Người vĩ đại nhất, khoan dung nhất. Hãy khiến cho cái ác và những kẻ vô lương tâm tránh xa con. Con là một kẻ yếu đuối. Con kiếm ăn nhờ bọn súc vật. Con không có cách để chống lại cái ác, cũng không đổi được nghề nghiệp. Thời buổi thật khó khăn. Chúng con làm nghề dụ răn truyền từ đời cha đến đời con. Con sinh ra và con được nuôi dạy giữa những con răn độc. Con không bao giờ tin chúng hoàn toàn. Bọn chúng tráo trở. Là tín đồ Hồi giáo ngoan đạo, con không tin vào kiếp luân hồi, nhưng đã có lúc con gặp phải những người mang trái tim và tâm hồn của những kẻ xưa là răn cái biến nhờ đạo đức giả và cười cợt nham hiểm”.

Ông không quen cầu kinh và thanh minh cho mình. Đã bao năm ông làm nghề này mà không hề đặt ra những câu hỏi cho bản thân. Giấc mơ đêm ấy đã khiến ông lung lay. Có cái gì đó có thật. Brahim thấy sợ. Sợ một tai nạn, sợ một cái nhìn xúi quẩy.

Hôm đó, ông phải dụ răn trong một khách sạn trước một nhóm khách du lịch trả thêm tiền để chứng kiến một cuộc biểu diễn mà chất ngoại lai được bảo đảm: Xem một con răn nhảy theo điệu nhạc của một gã sơn cước. Brahim đọc một bài kinh trước khi rời nhà, tránh không đi bằng xe đạp, móc quanh cổ một bàn tay bằng bạc. Về nguyên tắc nỗi sợ hãi đã được xua đi. Ông tới khách sạn vào giờ đã định. Khách du lịch vừa ăn xong món cút cút^[3]. Họ đã uống rượu vang màu phớt hồng và uống bia. Họ béo tốt và hơi ngái ngủ. Người dẫn chương trình giới thiệu Brahim: “Thưa quý bà cùng quý ông, giờ thì đây, người mà các vị thường được nghe tiếng nhưng chưa hề được thấy, đây là điều khác biệt giữa miền Bắc và miền Nam, đây không phải là ảo thuật mà là thơ, đây, người dụ răn nổi tiếng nhất của chốn này đây, người liều mạng sống của mình để mang xúc cảm lại cho các vị đây, Brahim và những con răn của ông...”.

Các máy ảnh đều sẵn sàng. Một số du khách có vẻ không bị tác động; họ uống trà ướp bạc hà kèm món sừng linh dương. Brahim ra mắt, yếu ớt và ngập ngừng. Ông cúi mình chào cử tọa. Khi cúi xuống, ông tưởng như nhìn thấy người đàn bà kia vận đồ xanh trong giấc mơ. Cô ta có cái đầu chim và mặc chiếc áo dài kiểu Bắc Phi màu xanh biếc bó sát mình. Cô gần như không có vú. Cô ta ngồi trên cành cây và đu đưa chân như một đứa trẻ. Brahim thối sáo, trì hoãn phút

mở thùng đựng rắn. Khách du lịch thôi không còn gà gật. Tất cả đều dăm dăm nhìn cái thùng. Brahim đẩy nắp và thò tay vào thùng. Ông bắt con rắn cái. Thực ra chính nó bám vào cổ tay ông. Đúng lúc ông sắp vuốt ve đầu của nó, nó cắn ông. Nọc độc của nó vẫn còn nguyên. Vậy mà nó đã được lấy nọc trước mắt Brahim khi ông mua nó. Ông ngã xuống chết thẳng cẳng, mồm đầy máu và sùi bọt trắng nhờ nhờ. Thứ bọt đó, chính là nọc độc. Khách du lịch lại tưởng là một trò đùa vô duyên. Một số thất vọng, tỏ ý phản đối; một số khác thắng thốt vì cái chết ấy nôn hết bữa ăn ra. Người ta chụp ảnh. Kỷ niệm về một cái chết tức thì. Kỷ niệm về người nghệ sĩ chết trên sàn diễn.

Thi thể của Brahim được mang tới nhà xác trung tâm và đặt trong ngăn mang số 031.

*

* *

Ali và Fatima, hai đứa trẻ dắt tay nhau tới trường trên bì cuốn sách tập đọc của CM2 đã lớn lên. Từ nhỏ được hứa hôn với nhau, họ lẽ ra có thể hợp thành một cặp vợ chồng tiểu tư sản yên ổn, không lắm chuyện, ngoan ngoãn như cái hình ảnh từng làm hàng triệu học sinh mơ mộng. Họ lấy nhau vì họ yêu nhau và không một ai có thể ngăn trở đám cưới ấy. Dù bề ngoài như vậy, có quá nhiều chuyện tách biệt họ: Ali được học hành và làm trong một hãng tư nhân. Patima xuất thân tầm thường và chưa đọc thông viết thạo. Ali là kẻ mà người ta thường gọi là “cái nhìn làm con chim phải rơi”, để biểu hiện thói đam mê phụ nữ của anh người ta cũng nói rằng có “đôi mắt màu lục” trong khi mắt anh ta đen. Anh ta thích uống rượu, lái xe nhanh và đánh cặp vợ của người khác. Fatima là người đàn bà nội trợ, chăm lo việc gia đình và hoàn toàn quên mình vì chồng, người mà chị thường xuyên phải chờ đợi, và quên mình vì hai đứa con. Một người đàn bà an phận thủ thường, không ranh ma, bao giờ cũng sẵn sàng, không đem lại cho chồng một điều ngạc nhiên nào, không còn gì là bí ẩn đối với anh ta, một phụ nữ đầy thiện ý và thiện tâm, một phụ nữ yếu đuối mà lòng tốt quá mức giống như là ngớ ngẩn. Giống như mẹ và bà của mình, Fatima đã quen với thói yếu đuối yên phận cho đến ngày chị quyết định hành động, quyết làm một điều gì đó để giữ Ali bên mình. Nhưng cuộc sống của anh lại ở tận đâu ấy. Hiển nhiên không còn gì níu giữ anh lại trong cái gia đình mà tập quán thật nặng nề và buồn nản. Khi Fatima dám phản đối, Ali tát cho hai cái và sập cửa bỏ đi. Anh ta chơi gái. Anh chẳng phủ nhận chuyện đó và quan niệm rằng mình chẳng cần phải thanh minh với ai. Điều này chỉ làm cho thói ghen tuông của Fatima trở thành kịch phát. Một cơn ghen bệnh hoạn. Các thầy thuốc chẳng thể trả chồng lại cho chị. Họ kê cho chị các loại an thần. Fatima không dám thổ lộ với gia đình. Nhưng người xung quanh đều đoán được nỗi bất hạnh của chị. Một hôm chị quyết định đi hỏi một mục thầy bói: “Chồng mày đẹp trai. Nó sẽ lừa dối mày và còn lừa dối mãi. Nó không thể nào tự kìm chế được. Ta thấy một lũ đàn bà xinh đẹp vây lấy nó và muốn hôn hít nó. Nó tinh lực mạnh lắm. Nó cho đàn bà cái các gã đàn ông khác không cho nổi. Có thể nói rằng nó sinh ra để thoả mãn tất cả mọi chị đàn bà từng bị số phận hiến cho bọn bất lực. Vai trò của nó là sửa lại những sự hỏng hóc. Mày chẳng làm gì được đâu. Cái loại đàn ông ấy không phải sinh ra để cho hôn nhân và cuộc sống gia đình. Ngay cả nếu mày giấu nó trong tủ, bọn họ cũng tới đánh bật nó ra và lấy mất. Hãy can đảm lên! Ta chỉ có thể nói với mày như vậy thôi, con ạ!”. Fatima tuyệt vọng. Chị tâm sự với Khadouj, láng giềng, nữ y tá ở bệnh viện thành phố. Khadouj chỉ còn có việc đồng lõa với Fatima. Chị ta đã cố quyến rũ Ali, nhưng không được.

Không những chị hiểu mối ghen tuông và hoảng loạn của bạn, mà còn chia sẻ điều đó nữa. Chị khuyên bạn tới gặp một mục sư, một người đàn bà có tiếng là chuyên giải quyết những vấn đề của đôi lứa. Bà ta có một văn phòng trong căn hộ nhỏ và tiếp khách theo kỳ hẹn. Đó là một phụ nữ trẻ, hiện đại, từng học môn tâm lý học ứng dụng. Chị không có dáng vẻ của những mục sư già chột mắt và đáng ngờ. Chị đề nghị Fatima trình bày vấn đề của mình. Chị ta ghi chép và nêu những câu hỏi rõ ràng.

- Vậy là bà muốn thu hồi lại chồng, ông thuộc về bà và chỉ một mình bà? Tôi có thể kê cho bà những viên thuốc hòa tan trong cà phê sáng của ông nhà, nhưng hiệu quả không chắc lắm. Cũng có loại cỏ trộn với bánh mì, nhưng có thể gây ngộ độc. Bà muốn lấy lại chồng khỏe mạnh, tôi chắc thế, không ốm đau...

Fatima nói thầm gì đó với Khadouj rồi nói:

- Tôi không muốn anh ấy trở thành bất lực hoặc thành thân tàn ma dại. Tôi chỉ muốn có được anh ấy như tôi từng biết, như đã từng yêu, mạnh mẽ, mê say và âu yếm.

- Trong trường hợp này, tôi sẽ kê cho bà bài thuốc hiệu nghiệm cổ xưa, bài thuốc của tổ tiên ta: Một viên bột nhào bánh mì chưa cọ men đã qua đêm trong miệng một người chết, phải là người mới chết, không phải một cái xác bị bỏ quên trong nhà xác. Chỉ cần chồng bà cắn vào viên bột ấy, ăn nó, là ông sẽ thay đổi và trở về giống như bà mơ ước. Đúng ra, miếng bánh cần chuyển từ mồm người chết qua miệng ông nhà. Có thể làm việc đó trong giấc ngủ, nếu bà không khiến cho ông ăn được.

Fatima nêu khó khăn trong việc tìm được một cái xác. Khadouj ra hiệu cho chị. Chị trả tiền cô thư ký ở bàn giấy chỗ cửa ra vào, ngay cạnh phòng đợi.

Chiều hôm đó, bột nhào đã sẵn. Khadouj bọc vào chiếc mùi soa và tới bệnh viện. Đêm đó, chị trực. Sự ngẫu nhiên đôi khi thật được việc. Chị xuống nhà xác, mở một vài hòm, tìm người chết cuối cùng mới tới để đặt miếng bột vào miệng. Số 031 hãy còn ấm. Miệng hơi hé mở. Hãy còn bột mép trắng nhờ và máu. Chị y tá nhét miếng bột vào giữa hai hàm răng người chết một cách dễ dàng. Sáng sớm, chị ta mang miếng bột về vẫn bọc trong cái mùi soa cũ. Ali ngủ say sưa, Fatima, khẽ hé miệng anh ra và đặt miếng bột vào. Anh ta cắn vào đó mà không biết. Ali không tỉnh dậy nữa. Anh đã chết. Thuốc độc hãy còn hiệu nghiệm.

Fatima ngất đi. Bấy giờ người đàn bà màu biếc mang đầu rắn nói với chị những lời như sau: “Phép phù thủy không hề có. Nhưng sự ngu ngốc thì có đấy. Như kẻ từng muốn giữ ta lại trái với ý ta. Nó đã chết vì chuyện đó. Một kẻ khác định đi ngược dòng nước và nó đã mất sạch. Một kẻ thiếu phẩm cách, kẻ kia thiếu niềm kiêu hãnh. Trong cả hai trường hợp, đạo lý của câu chuyện là đều do ta rút ra; cần cảnh giác với bọn rắn độc, nhất là khi chúng bị nguyên rửa bởi vàng trắng ứ tràn cay đắng và tởm lợm trong một đêm nào đó. Vĩnh biệt, con gái của ta. Rốt cuộc con sắp an giấc ngàn thu. Con thấy đấy, ta không phải hoàn toàn xấu đâu...”

ĐẶNG ANH ĐÀO dịch

Những cuộc đời bị phù phép

NADINE GORDIMER (*Nam Phi*) - 1923

Giải thưởng Nobel năm 1991

Có hai người đàn ông trong tỉnh, một người điếc và một người say.

Người thứ nhất là thợ đồng hồ, còn người kia là bác sĩ. Họ chẳng bao giờ gặp nhau trừ khi bác thợ đồng hồ đến ông bác sĩ khám chứng loét dạ dày, hoặc khi ông thầy thuốc cần lau dầu đồng hồ; nhưng họ gắn liền với nhau trong tâm trí Ca-tơ Shan, cô gái hai mươi tuổi. Với Ca-tơ, sự liên kết này bắt đầu từ dạo cô cùng các em trai cô hãy còn bé. Đối với bọn trẻ nhà Shan, chỉ có hai loại người: Những người được mẹ chúng dành cho nhiều thời gian và những kẻ bà chẳng phí thì giờ bận tâm đến. Cả bác thợ đồng hồ lẫn ông bác sĩ đều thuộc loại được bà Shan ưu ái.

Bác thợ đồng hồ Si-mon Dát-nớp làm thuê cho cha Ca-tơ ở cửa hiệu kim hoàn của ông. “Tôi có ối thì giờ dành cho bác Si-mon”, bà Shan thường nói vậy, kèm mấy tiếng “xin nhớ cho”, giọng ngụ ý bảo lưu một cách khôn ngoan. Chả là, nói chung, bà không ưa họ hàng, mà bác này thực tế là một trong đám họ hàng người Lít-va và Nga mà vào những năm hai mươi, Mác-cút Shan đã giúp cho “di tản” sang Nam Phi từ khi Ca-tơ chưa đẻ, và từ sau đó, ông tỏ ra khinh khỉnh quàu quạu với họ, trái với bản tính hòa nhã của ông - một thái độ cáu gắt nảy sinh từ mối xung đột trong ông giữa tình cảm gia đình đối với họ và sự bức tức vì nỗi họ là loại người mà chẳng hi vọng vợ mình có thể ưa được. Vì mặc dầu Mác-cút thường cau mặt khi thấy vợ khinh rẻ họ hàng mình, trong thâm tâm, ông vẫn giấu một niềm tự hào tai quái vì đã lấy được một người vợ biết khinh rẻ họ. Những người xa lạ ấy, (bà Shan gọi họ thế) quen nằm trên nóc bếp lò. Mỗi tuần họ không tắm quá một lần. Họ ăn những món gớm ghiếc, cá muối với xúp củ cải đường. Hồi đó, nhà Shan còn dùng bếp lò than, lũ trẻ hình dung các ông chú bà cô kỳ cục đó nằm túm tụm rúc vào nhau trên mặt lò đầy mồ hóng sau khi đã cào tắt lửa vào buổi tối, người nào người nấy ngón tay nhóp nhép đầu mỡ như dân E-xki-mô. Giá Ca-tơ, Uy-li-am và Di-ki có nghe nói là các bà cô thường nhai ủng của các chư vị phu quân để làm cho nó mềm thì bọn chúng hẳn cũng chẳng lấy làm lạ.

Si-mon Dát-nớp không phải đích thực là họ hàng cùng huyết thống với Mác-cút Shan, mà chỉ là anh chồng một bà chị gái của bà Shan. Người chồng này chết và Si-mon phải làm “hình nhân thế mạng” hộ tống em dâu “di tản” sang đây. Có lẽ vì không có quan hệ máu mủ gì kìm giữ nỗi bức tức với tội lỗi, nên ông Shan ít ưa Si-mon nhất trong số bà con lưu vong, trong khi bà vợ lại quý bác nhất. Dường như Shan lấy làm phiền lòng vì nỗi sau đêm đầu tiên, bác thợ đồng hồ điếc này vẫn thực sự chẳng nỡ nần gì ông; không như những người khác, bác ta chẳng có gì đặc biệt phải hàm ơn ông. Si-mon đã hoàn lại khoản lệ phí để sang đây do Shan ứng trước, bác lại là một thợ lành nghề mà ông không thể hi vọng kiếm được ai sánh bằng ở đất Nam Phi này.

Ca-tơ vẫn nhớ hình ảnh bác thợ đồng hồ như cô thường nhìn thấy từ cửa ra vào mỗi khi tới cửa hiệu của cha cô; bác ngồi trong cái lồng kính ba mặt có gắn dòng chữ SỬA ĐỒNG HỒ bằng vàng lá như một biểu ngữ dăng ngang cái đầu cúi xuống của bác. Khi Ca-tơ lớn lên, lá vàng bắt đầu bong, và qua cái vòng tròn của chữ o, có thể thấy tai trái của bác ngày một rõ thêm, ở lỗ tai

đó, thỉnh thoảng lại thấy xuất hiện một núm trợ thính mới màu da thịt, hoặc màu đen, hoặc màu ngọc trai, nhưng thường thường, khi làm việc, bác không đeo núm nghe. Bác chỉ đeo vào khi có ai đến gần để nói với bác và trước khi người đó lên tiếng, chính lúc dòng mạch tiếp xúc với thính giác, ta có thể thấy bác nhăn mặt dưới tác động bùng nổ của tiếng gầm gào ngoài thế giới mà bác đã bị bung bít tách khỏi. Hẳn như một người được thả xuống biển trong cái chuồng lặn vậy.

Ca-tơ thấy bác gắn khớp với cái bàn như bàn gắn khớp với khung kính của nó. Trước mặt bác là những đồ đựng nhỏ xíu nông toẹt và những thanh kim khí phẳng, vuông với mỗi chiều độ gần mười phân trên đó lều nghêu những cái nhíp gấp tinh xảo, những dụng cụ dò, như những con côn trùng chân dài ngoằng bước giữa những đám chân kính đỏ, những bánh xe bé tí và những lò-xo nom tựa lộn tọc một đĩa trẻ rung ra khi ta gãi đầu cho nó. Những chiếc chuông thủy tinh bé xíu bảo vệ những bộ phận bên trong đồng hồ mà bác không làm tới. Cô cảm thấy không dám thở mạnh gần những bộ phận bày ra, sợ chúng bị luồng hơi thở của mình cuốn bay đi và rớt vào một cái khe nào đó trên mặt bàn mòn, đầy vết rạch.

Mùa hè cũng như mùa đông, phần lớn các ngày, bác chỉ ngược lên khi Mác-cút Shan lập cộ đi tới, dúi vào tay bác một chiếc đồng hồ để chẩn bệnh cho nó, miệng quát: “Chậm hăm lăm phút trong hai bốn giờ” hoặc: “Lau dầu. Xem nó chạy có ổn không”. “Hở?” người đàn ông điếc đặc nói bằng cái giọng khó nghe như tiếng huyết gió, mặt cau lại lơ đãng và rờ rẫm tìm “máy” - bác gọi dụng cụ trợ thính của mình như thế - trong khi cố nén mình, ngao ngán trước sức mạnh của ông chủ. Shan sốt ruột gào lên nhắc lại thành thử một nửa những điều ông nói thì bác thợ đồng hồ không nghe thấy, còn nửa kia thì vang lên như sấm khi máy nghe được bật. Cường độ của nửa câu đó giáng vào bác như một cú đòn, đến nỗi bác ngớ ra mất một lúc, không hiểu gì cả. Rồi ông Shan lại sốt ruột hơn bao giờ hết và lại hét to gấp đôi. Vì sự truyền đạt trái giò ấy, ông Shan có khuynh hướng tóm gọn hết sức những gì ông cần nói với bác thợ đồng hồ của mình và miễn mọi màu mè lịch sự, thành thử tất cả những gì đến với Si-mon Dát-nốp từ thế giới bên ngoài suốt tám giờ trong ngày chỉ là một sự công kích bằng những yêu cầu và những câu hỏi cấn cẩu.

Vì bác thợ đồng hồ chỉ nhạy cảm với tiếng tích tắc đồng hồ, chứ không thính với độ thì thầm của giọng người, nên ông Shan đâm có thói quen lăm bằm của Si-mon ngay trước mặt bác.

Bà Shan tức điên vì nỗi người duy nhất mà chồng bà có can đảm lên tiếng xỉ vả lại là một kẻ chỉ thuộc một nửa về thế giới và do đó, hết sức bấp bênh, hầu như không có chỗ đứng. Bản thân bà đã cố gắng và thực tế, suốt đời vẫn tiếp tục cố gắng làm cho ông chồng dám đương đầu với bà. Nhưng không, người duy nhất Mác-cút dám khiêu chiến bằng cách dương lá cờ gan thỏ để của mình lại là một người không có khả năng để tin là mình hiểu rõ sự thách thức. Bà Shan bèn trả đũa bằng cách bênh vực Si-mon Dát-nốp.

- Dát-nốp, - bà giảng cho các con mình - là một nhà quý phái tự nhiên, một ngẫu nhiên kỳ lạ trong đám bà con lưu vong. Sự làm lụng vất vả của bác thành một lý tưởng về phục vụ tận tâm, sự cô lập ép buộc của bác với thế giới thành một lý tưởng về suy tưởng trầm mặc. Về phần uất ngờ ngắc, bất lực lộ ra trong mắt bác ta - cái ánh man rợ nén lại trong mắt con bò tót không

biết những mũi xiên đã đâm vào chỗ nào trong vùng vai đầy gân bắp - trước sự cục cằn của chồng mà bác không nghe thấy được, bà diễn giải như là sự tự chủ của một người bề trên. Cái vẻ nhu mì do tật điếc tạo ra cho bác khi bác đi quanh phố trong giờ ăn trưa, đối với bà là một phẩm chất mà mặt đất nên thừa kế.

Đạo bé, Ca-tơ đôi khi vẫn đứng hồi lâu dán mũi vào cái lồng kính, mỉm cười kính cẩn với Si-mon; bác thợ đồng hồ đáp lại với nụ cười từ tốn lấp lánh nước bọt của mình gật đầu ra hiệu cho cô chú ý, đồng thời giơ lên một bộ phận đồng hồ nào đó cho cô xem. Hễ thấy ông bố lại gần là cô bé im sững, tránh né cái vẻ thô lỗ gây sự ông phô ra khi nói với Si-mon.

*

* *

Một hôm, vào cái năm Ca-tơ lên chín, trước lễ giáng sinh một tuần, cô bé lảng xảng quanh cửa hiệu của bố. Tháng Chạp ở Nam Phi lại vào giữa mùa hè nóng thiêu, và thành phố mở vàng này phô một không khí hội hè nhộn nhịp thiếu sinh khí với những tuyết giả trong những tủ kính cửa hàng, những dây đèn xanh đỏ xung quanh toà Thị chính và những giọng say bia lè nhè của các thợ mỏ mặc áo thể thao sặc sỡ vỗ bồm bộp vào lưng nhau bên ngoài các “ba”. Cửa hiệu kim hoàn bận tít tít. Ca-tơ chạy việc vặt cho bố, cho cô gái bán hàng người Nam Phi và uống nước chanh trong các phòng đằng sau cửa hiệu, nơi để những hộp các-tông, rơm và giấy lụa để gói hàng; đám chuột nhắt ở đây rất hỗn, bất cứ cái gì ăn được hễ quay lưng là biến mất liền.

Vào cỡ này trong năm, công việc của bác thợ đồng hồ luôn luôn bị ngắt quãng bởi những yêu cầu lắp dây đồng hồ mới cho khách hàng, hoặc chỉnh những chuỗi hạt quá dài, hoặc sửa những vòng bạc bị hỏng lấy. Để hoàn thành công việc sửa chữa đồng hồ, bác đến làm từ sáng sớm, trước khi cửa hàng mở và ở lại khá lâu sau khi đóng cửa. Và suốt ngày, trong khi xung quanh bác tiếng lao xao của khách hàng, tiếng gói hàng sột soạt và tiếng chuông của máy báo thu ngân tràn ngập cửa hàng, bác cứ còm cồm gập người trên bàn làm việc, cô gắng làm mấy việc một lúc, nhiều khi dưới con mắt nôn nóng, nhiều sự của Mác-cút Shan hoặc của cô bán hàng. Ổ xăng-duých ăn trưa của bác nhiều khi không được đụng tới. Có lần, một con chuột nhắt từ phòng trong mạo hiểm ra cửa hàng gặm hộ. Suất trà sáng và chiều của bác nổi vầng lên trong tách. Trên cái bàn ngổn ngang trước mắt, những lục phủ ngũ tạng nhỏ xíu của đồng hồ bị lẫn dưới những dây đeo bằng kim khí, những chuỗi hạt, những vòng tay. Bản thân bác trông cũng giống như một con chuột nhắt lưng xám, luống cuống hối hả trên mớ công việc bộn bề.

Vào cái ngày đặc biệt này, bác bận đến nỗi chẳng chú ý gì đến bộ mặt của cô bé lảng vảng đến quan sát qua lớp kính. Dù sao cô cũng ngắm bác một vài phút. Bác lắp một mớ bông bong trong bụng một chiếc đồng hồ; đặt một chiếc bánh xe lên trên, cho ba mẫu chân kính vào những lỗ nhỏ bằng mũi kim. Rồi bác lấy ra chiếc “panh” để gắp một cái gì đó ngậm trong cùn. Hoá ra nó không ở đấy. Bác khoắng “panh” mò tìm, nhìn vào một cái đĩa khác, cuối cùng, nhướn mày lên, cho chiếc lupa soi gần ở hốc mắt trái rơi vào lòng bàn tay.

Bác đứng dậy khỏi chiếc ghế đẩu, lần lượt nhìn đôi thật kỹ dưới từng chiếc chuông thủy tinh, trong lòng từng chiếc đĩa. Bác lục bới một cách có hệ thống cái nắp hộp các-tông, trong đó bác giữ phoi giữa từ những dây đeo đồng hồ, những chuỗi hạt, những vòng tay - một mớ sợi

xoăn kim loại màu vàng và bạc, nhỏ như những dấu chấm câu. Bác ngừng một lúc như để nghĩ xem nên tìm tiếp ở chỗ nào. Rồi ánh chớp loé của một giải pháp, một người dịu bình thản làm mặt bác thư giãn. Bác từ từ đứng lùi lại, đẩy chiếc ghế đẩu cọt két ra sau trên sàn xi măng. Rồi bác túm chặt lấy bàn làm việc; hai bàn tay ngửa lên bên dưới mặt bàn, nâng nó lên và đổ tuột tất cả cái mớ linh tinh trên đó rơi loảng xoảng xuống đầu chính mình.

Bác đứng đó, hai tay buông thõng bên sườn, giữa đám đồ nát. Mắt bác long lanh và miệng bác mím lại, khiến lớp da lõm chồm râu trắng, trắng ra ở cả trên lẫn dưới cặp môi đờ đẫn. Bác thở hồng hộc, to đến nỗi có thể nghe rõ qua cái im lặng đột ngột trùm khắp cửa hiệu đầy những người.

Ca-tơ vùng chạy trước khi dứt cú chuông im lặng ấy. Khi cô trở lại vào cửa hàng, có một đoàn đại biểu từ một mỏ tới, coi bộ hân hoan, đang chọn một hộp đựng dao đĩa ở khu vực gọi là gian nghĩa trang, để tặng một quan chức sắp về hưu. Đằng sau khoang SỬA ĐỒNG HỒ, bác thợ đồng hồ đang đặt những chiếc cuối cùng trong bộ đồ đựng bé tí xíu của bác trở về cái góc mọi khi vẫn để chúng; chỉ thiếu những cái chuông thuỷ tinh, chắc An-be, gã lao công làm công việc dọn dẹp đã quét chúng đi rồi. Mặt bác thợ đồng hồ tái nhợt nhưng bình thản đằng sau những chữ bằng vàng lá.

*

* *

Bà Shan dành nhiều thời gian cho ông bác sĩ còn nhiều hơn cho bác thợ đồng hồ. Những lần Ca-tơ, hoặc Uy-li-am hoặc Di-ki ốm, và bà Shan đợi bác sĩ Con-no trên chặng đường đi *tua* buổi sáng thăm bệnh nhân, bà thường dành sẵn một đĩa bánh nướng mới ra lò cho ông dùng trà trước mười giờ. Và nếu ông đến sớm hơn, vào lúc nhà còn đang rộn rịch lau chùi quét dọn (công việc này không vì có người ốm mà được phép cắt đoạn), hể thấy ông tới gần là bà cho A-mê và Phát-ca-tê, hai người ở rút lui cùng chiếc máy hút bụi rền rĩ và máy cọ sàn o o của họ, kéo theo dây dợ lòng thòng.

Bà Shan thường đứng chống nạnh tươi cười, trong khi ông bác sĩ khám bệnh cho đứa trẻ. Ngay cả nếu trước đấy mười phút, bà có thốt ra miệng những điều lo sợ nghiêm trọng nhất về bệnh tình của đứa bé với mẹ hoặc em gái bà qua dây nói, khi bác sĩ xuất hiện, bao giờ bà cũng chuyển sang một trạng thái tin tưởng và bình tĩnh. Thái độ bà trở nên bông lơn và đông đánh: “Nào, cưng, giơ cái tom-tom cho bác sĩ xem đi... thật đấy, Di-ki, việc gì con phải mặc bộ quần áo ngủ này? Tại sao bọn nó lại cứ đi thích những cái đồ chẳng hợp tí nào nhỉ? Ôi, trẻ con, trẻ con...!”

Rồi đi khám xong, ông bác sĩ và bà Shan biến mất vào phòng khách, rì rầm nói chuyện riêng. Khi bác sĩ Con-no đứng dậy ra về, bà Shan thường tiễn ông qua lối vườn rồi đứng nói chuyện thêm qua cánh cổng hoặc cửa xe hơi.

Sau khi ông lái xe đi khỏi, bà chậm rãi theo lối vườn trở vào, thận trọng nắm trong tay tờ đơn thuốc ông đã kê; chậm rãi đi qua nhà, vào phòng ngủ, nơi đứa bé nằm. Nó gần như là một bất ngờ đối với bà... “Ồ, con cưng đấy ư” - Bà lơ đãng nói: “Con phải nghỉ học mấy ngày. Bây giờ mẹ phải đến hiệu tân dược mua thuốc theo đơn này. Còn con phải nằm yên trên giường, không

được chạy nhảy, nghe chưa? Bác sĩ Con-no bảo...”

Rồi bà ra máy điện thoại nói chuyện với mẹ và em gái lần nữa: “Vâng, ông ấy đã đến. Đó, con thích ông ta chính ở điểm đó, khi mình cần là ông ta đến ngay lập tức. Và tất nhiên, đúng như con đoán... bị lạnh bụng thôi mà, và ông ấy nhận ra ngay lập tức. Ông Rô-be đôn hậu, con sẵn sàng giao tính mạng mình cho ông ta bất cứ lúc nào, kể cả những khiếm khuyết của ông”.

Bà mẹ bao giờ cũng nhắc đến bác sĩ Con-no bằng cái tên thánh oai vệ mà bà đã thấy ghi trên những tấm bằng học vị của ông ở trong phòng khám: Ro-be En-đrit-giơ. Trong nhiều năm, Ca-tơ vẫn mơ hồ nghĩ rằng cách gọi ấy chỉ là một thứ danh, như thể người ta gọi ngài thiếu tá, hoặc ngài Tổng giám đốc, hoặc ngài Tổng biên tập vậy.

Những “khiếm khuyết” mà bà Shan và thực ra là gần như cả tỉnh đều biết, nhưng mặc dầu vậy, vẫn tin tưởng ở Ro-be En-đrit-giơ, tất nhiên là tật say sưa của ông ta. Không phải ông chỉ nghiện rượu, mà ông bị xiềng vào cái ma men một cách thảm hại, như một con chó to tướng và rụt rè rất giống ông bị xích vào cũi vậy. Ông không uống trong các cuộc liên hoan với bạn bè, mà chỉ độc酌 một mình trong những cuộc say lúy túy thường xuyên và trái quy luật: Có khi tuần nào cũng khướt, có khi cách quãng hàng tháng, có khi lại thường nhật suốt cả tháng ròng. Một dạo, ông tỉnh táo đến hơn một năm, dạo khác, họa hoằn ông mới tỉnh táo trong một năm trời.

Trừ phi yếu lử là sau một chiều nhậu đặc biệt dài, ông thường không uống tại nhà, mà lái xe ra thảo nguyên cùng với gã làm vườn người Phi và một hòm Bran-dy thô của Nam Phi - loại rượu rẻ tiền nhất; ông uống ấu, bất cần chọn rượu. Rồi ông ở đó vài ba ngày. Rượu thì bảo đảm cho ông quên lãng, còn gã người Phi, vốn chẳng thắc mắc, hay phản đối, hay lí sự, hay tỏ lòng thông cảm, thì bảo đảm sự sống còn.

Bởi vì điều kì cục là con người khốn khổ này, trong khi lần đi uống, không phải cho khinh khoái mà để ngụp vào sảng loạn, dờ dẩn một cách đáng xấu hổ, như một con vật ốm, theo bản năng, giấu bệnh của mình để những con cùng loại khỏi thấy, lại vẫn thấy muốn sống sót. Mong muốn này mãnh liệt đến nỗi dường như nó che chở cho ông khỏi bị hại. Ông lái xe trong khi say mà không tự giết mình và ông giải phẫu cho bệnh nhân trong khi say mà không giết họ. Thành thử, đối với dân phố, ông mang cái huyền thoại về một cuộc đời được phù phép, nên họ không sợ giao phó tính mạng cho ông. Ông sống một mình với bà mẹ trong một ngôi nhà rộng, bị sao lãng, với cái không khi ngắt ngư, ẩn dật của những bức tường, đồ đạc, của cái đã hấp thụ cái nhìn bất hạnh của những người cư trú lạng lẽ. Tại đây, trong phòng khách với những cái bình trống không, ông đã ngồi buồn bã sám hối cùng bà mẹ không hề trách móc một câu. Tại đây, trong phòng khách nơi ông khám bệnh cho bệnh nhân dưới tấm ảnh mờ nhạt chụp người vợ đầu của ông trong bộ đồ đánh vợt (những người vợ của ông đã đến và đi không gây được thiện cảm của ai), những lúc tuyệt vọng, ông đã giấu rượu trong những chai mang nhãn thuốc chữa bệnh. Và tại đây, trong hành lang nơi lớp bụi lưu cữu bao năm đã biến những mớ lông đen xơ xác của một cái đầu linh dương thành một bộ tóc giả trắng phếch, nhiều bận, ông đã nằm sổng sượt dưới chân cầu thang suốt đêm, không đủ sức để lên phòng ngủ.

Ngôi nhà lạng lẽ nhưng nói lên tất cả những điều đó. Hồi đó, ngày nào cô cũng đến nhà bác Con-no để tiêm một đợt pê-ni-xi-lin chữa mụn nhọt phá khắp người. Những mụn nhọt của tuổi

dậy thì ấy khiến cô hoang mang ghê tởm mình (thân thể cô trùng phạt cô hay chính nó bị trùng phạt, cô biết mình có tội, tuy không biết là tội gì) và trong ngôi nhà này của bác sĩ Con-no, có một cái gì lập tức nhận ra và về bề với sự ghê tởm bản thân. Cái đầu linh dương, những chiếc bình, cô gái quá cổ mặt xanh xao vận đồ ten-nít đều nhận họ hàng với cô. Em không đơn độc, chúng nói, có cả một phía cuộc đời phù hợp với cảm giác của em.

Sự vợ vào đó làm cô bàng hoàng và khơi dậy ý thức phải đấu tranh chống lại một nhận thức được áp đặt mà cô không muốn. Lần đầu tiên cái đầu bạc sớm, xương xẩu của bác sĩ Con-no cúi xuống đôi bàn tay to, sạch, đang bẻ đầu âm-pun để tra mũi kim tiêm vào, không gọi cho cô hình ảnh của sự cứu nạn, của kỹ năng và không làm cô yên tâm như trong tất cả những lần khác, những lần lên sỏi, sưng a-mi-đan hay gãy tay.

*

* *

Lớn lên, càng ngày Ca-tơ càng ít đến cửa hiệu của cha. Cô rời tỉnh đi học, mới đầu ở một trường nội trú, rồi một trường đại học. Mỗi lần về thăm nhà, cô đều cảm thấy sốc khi thấy cửa hiệu vẫn nguyên như cũ, bác thợ đồng hồ vẫn làm việc trong cái khoang đằng sau dòng chữ bằng vàng lá. Ở tuổi mười bảy, mười tám cô cảm thấy thế giới cũng quay với cô, làm cho những thứ này vẫn tĩnh lại, vẫn nguyên chỗ cũ, như cái lâu đài, nơi nàng công chúa chích ngón tay và làm cho mọi vật ngủ lịm cả trăm năm?

Cô mỉm cười với bác thợ đồng hồ từ xa nhưng không đi tới để nói chuyện với bác, như thể nếu vậy thì sẽ làm sống động cái bóng của con bé năm xưa thường đứng đó, bên kia dòng chữ, ngắm nhìn bác. Cái con bé hôm lễ giáng sinh nóng thiêu đã thấy cái bàn làm việc của bác rung mình lật nhào xuống đất như thể con vật nào đó nằm bên dưới, xưa nay vốn cần cù quy phục, bỗng cựa mình trong một cơn phản kháng bất lực.

Một khi mọi sứ mệnh của thời trẻ thơ đã lùi lại sau lưng cô (nhà trẻ Shan trải suốt lần lượt từ bạch hầu, thanh quản đến ho gà đều qua tay bác sĩ Con-no điều trị), trong nhiều năm Ca-tơ không cần đến thầy thuốc nữa, nhưng mẹ cô thì vẫn cần luôn và một kỳ nghỉ, từ trường đại học về, Ca-tơ bức bối khi nghe thấy nói là bà Shan vừa đi đến nhà Ro-be En-drit-giơ. “Lạy chúa, sao mẹ không thể đi đến một bác sĩ khác”. “Thôi mẹ thà chữa ông ấy còn hơn là nhờ đám trẻ đồng bóng ấy”. Bác sĩ Con-no vẫn đi lại trong vùng trên chiếc xe hơi mà mọi người đều né ra nhường đường như thể đó là một con bò thân lang thang quanh phố phường; sau những lần mất tích theo chu kỳ, trở về, ông vẫn được lặng lẽ chấp nhận dưới tấm ảnh ở phòng khám trong ngôi nhà cũ kĩ, không kèm theo lời bình luận nào.

Trên các trang sách thì giun quằn, người say rượu gục xuống rãnh nước vĩa hè chết bất đắc kỳ tử, thế giới chuyển vần. Ở cái tỉnh nhỏ này, Ca-tơ cảm thấy mọi thứ đều kiên nhẫn ghìm bước, phải, chẳng hạn, để giữ cùng nhịp với hai con người được mẹ nó giành cho nhiều thời gian đến thế.

Khi Ca-tơ tốt nghiệp và khi bà mẹ, với cung cách đảm đang thường lệ, thông báo rằng bà đã dùng ảnh hưởng của mình với Ban giám hiệu một trường địa phương dành sẵn được một chân giáo viên ở đó, thì tất cả những gì cô gái viện ra giải thích tại sao cô không muốn, không

thể trở về sống ở cái tỉnh nhỏ này đều là những lý do lo-gich hợp lý mà con cái thường dùng trong quá trình tách mình khỏi cha mẹ.

Nhưng lạ thay, với Ca-tơ, mặc dù cô biện bạch, lý sự như vậy, đó vẫn không phải là sự thật: Cô không nghĩ đến những cơ hội giành được học vị cao hơn, đến phạm vi xã hội rộng mở hơn cho sự lựa chọn, đến sự kích thích văn hoá của cái thành phố cô sẽ đến, và ngay cả nếu cô có đẹp những luận điệu dập khuôn kể trên và thay vào đó, nói toạc rằng ở đó có nhiều tiền hơn, thì cũng chẳng cần lý do thật sự khiến cô ra đi hơn chút nào.

Lý do đó và nó là một nỗi kinh hoàng trong cô - đã dần dần hình thành và từ toàn bộ thời thơ ấu của cô, thể hiện ở phận vị hai con người mà thực ra cô chỉ biết sơ sơ - một ông điếc và một ông say. Tại sao lại là họ? Hai người thiệt thòi, vô tội chẳng bao giờ hại ai chút đỉnh, như mẹ cô thường nói, mà hồi bé, cô mặc nhiên kính trọng bởi lẽ họ thuộc loại người được cô dành cho nhiều thời gian.

Vậy mà, đến năm hai mươi tuổi, chính vì họ mà Ca-tơ biết cô không thể trở về sông ở tỉnh quê hương. Họ gắn liền trong trí cô và cô phải quay mặt khỏi họ, khỏi những mảnh vỡ của hình ảnh họ, để sống.

DƯƠNG TƯỜNG
Dịch từ nguyên bản tiếng Anh

Năm giờ sáng, dường như có tiếng gà gáy cục cù cu. Anata từ từ trở mình và mở mắt ra rồi đưa tay dụi mắt. Sáng nào thì ả cũng chỉ làm từng ấy việc. Dù ngày hôm qua làm gì, dù đêm hôm qua làm gì, năm giờ sáng ả cũng thức dậy. Cũng có thể là vì tiếng gà gáy hay vì một điều gì khác. Dẫu sao thì ả vừa qua một giấc ngủ ngon lành.

Người khách qua đêm còn đang ngủ, nhưng qua hơi thở ả biết anh cũng sắp dậy. Anh còn rất trẻ. “Anh ta bao nhiêu tuổi nhỉ?” Suốt đêm bao lần ả tự hỏi mình câu đó. “Nhiều nhất cũng chỉ hai mươi”, ả nghĩ.

Anh là người khách qua đêm của ả, nói theo cách nói nghề nghiệp, nghĩa là anh là một trong những người đã đến nhà và ngủ với ả qua đêm. Tuy nhiên, ả nghĩ rằng, khác với thông thường, ả dẫn anh về nhà vì một lễ kỳ cục... Thông thường, người khách được ả dẫn về là một người đẹp trai hay là kẻ nháy đẹp hoặc lém lỉnh. Tuy nhiên giá cả phải được bảo đảm, nhưng nhiều khi những thứ mơ hồ, khó xác định khác cũng ảnh hưởng đến sự lựa chọn. Và những cử chỉ lịch thiệp luôn luôn gây được thiện cảm với đàn bà, dù gái nhà lành hay gái điếm. Chàng trai trẻ này là một người lém lỉnh. Trông anh nói sao mà dễ thương đến thế! Anh biết diễn đạt mọi chuyện, bằng cách hay nhất... Điều đó cắt nghĩa vì sao anh chỉ trả giá 800 phrăng, trong khi những gã đàn ông khỏe mạnh và lịch sự khác phải trả 1000 phrăng mà Anata đã chọn anh. Đêm qua, Silax hoạt động mạnh mẽ đến nỗi ả cảm thấy cặp vú mình đau nhức và tấm lưng thâm tím. Ở nước ta người ta thường nói về những vết cào xước khi làm tình và những vết đau bé hơn thế nữa, nhưng Anata - người có kinh nghiệm trong sự chung đụng với đàn ông - không hề muốn cái đó chút nào. Thực sự ả không hề muốn cái đó. Tuy nhiên ả thích loại đàn ông như thế. Vì vậy nên ả không có ý định lấy tiền của anh nếu như anh có, nhưng tin chắc rằng anh không có tiền. Điều đó có nghĩa là: Ả gái điếm vùng Mvog-Ada có thể bán mình để kiếm tiền nhưng khi ả thích người đàn ông nào, ả coi người đó như người tình và trao gửi thân xác mình cho người ấy không vì tiền nong gì cả. Có người nói rằng, họ sẽ duy trì lâu dài tình yêu với cô gái mà họ đã may mắn gặp được trong một hộp đêm Yaoundé. Đó là một trong những điều trái ngược ở Mvog - Ada, vùng đất có một ngàn dân và con người không hề tin vào bất cứ điều gì. Đó là nơi dành cho bọn gái điếm, bọn nghiện hút, lừa đảo và lang băm. Tóm lại, đó là nơi tụ tập của bọn cận bã xã hội. Tất nhiên người xa lạ không thể hiểu được một tý gì về luật lệ của khu phố này.

Năm giờ rưỡi, ả nhẹ nhàng vuốt ve người đàn ông. Trong niềm hạnh phúc vì sự có mặt của Silax, ả cảm thấy có điều gì gờn gợn... đó là cảm giác dường như vừa làm tình với đứa con trai của mình.... ả hiểu rất rõ rằng, chẳng bao lâu nữa ả phải bỏ nghề vì tuổi tác. ả nghĩ: Chẳng mấy chốc mình tới đầu mút của giới hạn... Lúc đó mình sẽ làm gì? Câu hỏi ấy xuất hiện trong đầu ả không biết bao nhiêu lần. Ồ, ta sẽ trở về làng, ta có thể gặp một người đàn ông da trắng và anh ta sẽ đưa mình tới châu Âu.

Chuyện đó thường xảy ra. Người châu Âu yêu cuồng say các ả gái điếm và thường đưa họ

về nhà mình, ở đó người ta không thể biết được người đàn bà có bước chân sáng cả căn phòng ấy lại đến từ một nơi bẩn thỉu nhất của khu phố Mvog - Ada. Ả nghĩ: “Mọi sự đều tốt đẹp. Chả là người ta từng nói rằng nhiều sinh viên da đen sang châu Âu học đã có những sự may mắn như thế. “Thế hay đấy!” Ả tự bảo mình và nở nụ cười chế giễu. Nhưng ả thực sự tin rằng mình chỉ hành nghề vài ba năm nữa để đủ khả năng trang trải cho cậu em trai Đuđu học lớp ba và đứa cháu họ Côlin học lớp sáu. Cả hai cậu bé đều do ả nuôi nấng từ khi còn nhỏ. Chính mẹ đẻ của ả giao phó chúng cho ả. Chúng là niềm tự hào của ả, là lý do duy nhất để sống. Ả mong mỗi chúng trở thành người đạo đức, lịch thiệp và giàu có. Thường thường vào khoảng nửa đêm, ả dẫn “khách hàng” về, đi vào phòng khách, thì bọn chúng đã ngủ say, đôi khi ả thấy Côlin còn đọc, còn Đuđu thì úp sách lên mặt mà ngủ.

Đó là lúc ả hãnh diện nhất. Ả không thể nói với khách rằng: “Hai cậu bé trong phòng khách là em trai của tôi. Chúng đang theo học và mọi chi phí do tôi lo liệu cả”.

Rồi ả nồng nhiệt hiến mình cho người khách qua đêm. Mỗi quan hệ giữa Anata và hai cậu bé ả nuôi nấng thể hiện rất lịch sự. Chúng biết rất rõ rằng ả là gái điếm nhưng vẫn dành cho ả niềm kính trọng và tình cảm sâu nặng. Chúng không thích việc ả làm, nhưng chúng nhận thức bởi rằng chính chúng là kẻ nhận tiền bạc của khách làng chơi, nếu không thì chẳng có cách nào để sinh sống được. Bởi thế nên chúng cố cư xử tốt nhất khi đêm đêm thấy ả dẫn khách về nhà. Đôi khi ả nói chuyện với chúng về mọi thứ nhưng trừ nghề nghiệp của ả ra. “Tôi mong các cậu trở thành những người nổi tiếng của nước cộng hoà, còn tôi chỉ là ả gái điếm”. Đôi khi ả thờ dài và nói thế. Hai cậu con trai nhìn ả, không nói một lời nào, sự lặng lẽ ngượng ngùng bao trùm khắp cả căn phòng... Rồi họ chuyển đề tài sang chuyện khác.

Khi ả dẫn khách về nhà mà chúng còn thức, cả hai cậu đều lịch sự chào người đàn ông, và nếu người đàn ông không quá vội vàng thì chúng sẽ nói về bóng đá - Nhưng Anata không bao giờ để giờ phút ấy kéo dài. Ả sẽ dẫn khách vào căn phòng mà cửa vẫn còn đóng, để hành nghề của ả...

Ả âu yếm vuốt ve Silax một lúc. Cuối cùng anh thức dậy, ngáp dài, chẳng nói chẳng rằng, xoay mình đè lên người ả. Anata không hề phản kháng.

Một mỗi, họ cứ nằm như vậy trên giường. Sau đó Silax nhảy ra khỏi giường, lấy quần áo đang mắc trên đỉnh, quay lại với Anata đang nằm bất động. Ả nhận thấy anh đang lúng túng. Má bên trái gằn gặt. Anh đứng nhìn ả một lúc lâu rồi miễn cưỡng nói “Anata ạ, tôi nói thật tôi không có tiền. Đến đồng xu nhỏ cũng không có”.

Ả gái điếm nhìn anh chằm chằm. Silax đã làm ả hài lòng. “Một người đàn bà, cho dù là gái điếm đi nữa cũng có tình yêu với một người đàn ông”. Ả nói to, Silax trở mắt nhìn lúng túng. Anh cứ nghĩ rằng ả sẽ nổi giận. Nhưng ả nói: “Khi nào anh thích, hãy trở lại đây”. Chàng trai hôn ả một cái hôn cuồng nhiệt rồi nhẹ nhàng rời khỏi căn nhà... Khi nhìn chàng trai ra đi, Anata ngạc nhiên rằng anh không hề e ngại, sợ sệt, mặc dù tuổi còn quá trẻ. Ả nghĩ: “Anh chàng này thật dữ dội và cũng thật bất trị”.

Một lúc sau ả mới bước ra phòng khách, Đuđu và Côlin đều đang ngủ. Ả thức chúng dậy và đưa cho mỗi đứa một đồng 100 phrăng để chúng tự sống qua ngày, chúng sẽ ăn đậu và các

món rán, và dù sao đi nữa đêm chúng trở về nhà sẽ thấy có món canh mà ả có ý định sẽ nấu với một ít thịt ả sẽ đem về từ “hội” của ả là gã hàng thịt Maguyđa. “Hội” là cái từ dùng ở Mvog-Ada để chỉ những người bạn thỉnh thoảng giúp đỡ mình. Tuy nhiên sự giúp đỡ của họ không bao giờ vô tư và những ả gái điếm sẽ trả lại tử tế.

Nhưng Anata rất có thiện chí với Maguyđa. Gã đã đưa cho ả ba bốn lần, mỗi lần một pao (450gram) thịt bò, đến lần thứ năm thì nháy mắt nói với ả một câu, Anata trả lời: “Tối nay sẽ gặp anh. Thế mấy giờ anh đến”. ả chẳng sợ gã chút nào, gã đâu phải là loại người dai sức. ả thấy mình thật là may mắn đã tình cờ bắt gặp gã đó.

Cô bạn Tecla cũng có một “hội”, người đó có cơ bắp đặc biệt khoẻ. Đó là lý do, vì sao ả phải tìm gã hàng thịt khác để làm “hội” mới. Ôi... Tenla tội nghiệp!

ả cầm cái xô đi lên núi cách nhà mấy mét. ả bảo mình bước đi thật nhanh vì sáng nay may mắn sao núi thật vắng vẻ. Rồi ả đi tới cái gọi là “nhà tắm” sau nhà ả, Đó là cái mái che kéo dài ra, bốc mùi thật kinh khủng vì một lý do rất dễ hiểu. Nó được dùng vừa làm nhà xí vừa nhà tắm. Một tấm tôn nhỏ ngăn hố chứa phân nhưng nó không ngăn nổi mùi uế khí. Những con nhặng có thể bay qua lại, đôi lúc đậu xuống đùi và vú ả khi đang tắm sát cạnh tấm tôn, tuy nhiên ả chẳng chú ý tới chuyện đó. Một lần khi đang tắm ả nhắc tấm tôn lên. ả phát hiện ra rằng bàn chân chỉ cách hố phân mấy milimét. ả vẫn rùng mình mỗi lần nghĩ tới tai nạn đó... Khốn khổ, ả đã ngã vào hố phân.

Ô uế sao một ả gái điếm! Gái nhà thổ như người ta vẫn gọi. Ai có thêm muốn gì con đã ngã vào hố phân? Tin tức đồn đại về chuyện này sẽ lan đi khắp thành phố nhanh như gió thổi. Bởi thế từ đó trở đi ả quyết dùng tấm tôn như là biển báo hiệu ngay khi bàn chân tiếp xúc với tấm tôn là vội vàng lùi lại và giữ một khoảng cách an toàn với miệng hố. Tắm táp xong, ả lau khô thân mình.

Đó là lúc ả lại nhìn thấy những cái đó. Hôm qua lần đầu tiên ả nhìn thấy chúng và thật sự lo lắng. Không, không thể như thế được. ả chọn lựa khách hàng rất cẩn thận kia mà! Nhưng sao những cái mụn này chỉ mọc ra vùng đó? Nhiều bạn bè của ả đã báo trước rằng: “Chẳng bao lâu mà sẽ thấy những cái mụn quái dị, phát triển rất nhanh và thực sự nguy hiểm”. Nhưng ả không tin điều đó. Từ khi hành nghề đến nay ả bị ốm nhiều lần. Nhưng cũng chỉ là “đái giắt” qua loa. Nhiều khách hàng lui tới sau đó nhiều lần phàn nàn vì bị lây bệnh. Trường hợp như thế ả chỉ cần tới thầy thuốc kiểm một ít thuốc kháng sinh chứ chẳng cần đơn thuốc, ả sẽ uống khá nhiều thường là hai lần vào buổi sáng và buổi chiều. Rồi ả chờ đợi một ngày, coi như tự mình điều trị. Khách hàng cũng tự chạy chữa lấy. Tuy nhiên khi họ bình phục - và điều đó cũng dễ kiểm tra - Anata sẽ tiếp họ mỗi người một lần không mất tiền...

Tuy nhiên bạn bè ả thường giải thích cho ả biết rằng có một thứ bệnh nguy hiểm nhất, tên rất lạ, viết ra có nhiều chữ S và chữ I. Đó là bệnh gì? ả tự hỏi. ả nghĩ một lúc và cái tên đó đã xuất hiện, đó là “Syphilis” tức là bệnh giang mai. ừ, cái tên chết tiệt sao mà nhiều S và I đến thế! Triệu chứng của nó là đây, ả nhìn thấy trên thân thể mình từ ngày hôm trước.

Cái nhìn của ả bị mờ đi. Rủi ro làm sao! ả nghĩ – mỗi lần bị bệnh, ả nghĩ ngay đến người đáng ngờ của mình đã ngủ với. Điều đó cắt nghĩa vì sao trước đây ả rất chú ý trong việc chọn

khách hàng. Ngay khi nhìn thấy cái mụn quái dị, ả đã không dám nhìn thẳng vào nó. ả bảo rằng đó là dấu hiệu chắc chắn của bệnh giang mai. Sau đó, ở trong nhà của ả hoặc trong nhà của khách ả tiến hành phép thử theo cách của gái điếm. Nếu không có gì khả nghi ả tin chắc người khách qua đêm của ả là mạnh khỏe... Trước đây ả thường làm như thế và tin chắc mình tránh được thứ bệnh chết tiệt đó.

Tuy nhiên, từ hôm qua, những cái mụn này ở đâu ra? Nhìn sát lại gần, ả còn thấy những cái mụn khác còn bé hơn. Trái tim ả đập thình thình như tiếng trống trong buổi diễu hành. Trong một lúc, ả gái điếm vốn cứng rắn như vậy trước những người đàn ông cáu kỉnh, đã rơm rớm nước mắt, bị khuất phục trước những cái mụn bé xíu...

ả không có tiền, hầu hết khách hàng đã bỏ cuộc, vì tháng sắp hết, mọi người ở trong “tuần nước cạn” và anh chàng Silax đều cáng chằng đưa cho ả một đồng nào... không bao giờ ả còn lặp lại loại khách như thế, chỉ tốn sức chằng được gì.

“Thật đáng buồn cho cuộc đời của con đi”. ả tự nghĩ. “Một mình trụ lại mọi người. Chúng tôi chịu sự khinh rẻ của thành phố đạo đức giả, ban đêm đi giải tỏa sự thèm khát, và chứng bệnh hoa liễu này dính vào cũng đáng!” Anata cảm thấy cơn giận trỗi dậy từ đáy sâu tâm hồn. Trong trường hợp tương tự như thế, ả cảm thấy giận dữ tất cả những ai mà ả nhắc đến phải có trách nhiệm trước sự rủi ro của ả. “Thứ nhất là bố ta” ả nghĩ. Ông không bao giờ cho ta đi học, vì theo ông trường học tốt nhất đối với con gái là làm thế nào cho nôi súp được ngon. Ông già Tchakrêax thành thực khuyên các cô gái không cần phải biết quá nhiều thứ. “Bà lão Matalinna nhà tôi chưa bao giờ đến nơi tụi con gái mang kính và bôi đen suốt ngày. Thế mà tôi thật hài lòng với bà khi...” Lão thích nhắc lại, giọng oang oang. “Rồi thì, dẫu sao bọn con gái cũng bỏ cha mẹ ra đi”. Ông già Ignarơ dạy giáo lý chẳng đã từng quả quyết rằng những cô gái từ bỏ cha mẹ để đi theo chồng cũng giống như những vật bị khuất lấp được tước bỏ lớp che phủ.

Ông già Tchakrêax đã từng bảo mình: “Con gái xuất giá sớm ngày nào hay ngày ấy”. Bởi thế khi Anata mới mười lăm tuổi, ông gọi cô lại và bảo rằng: “Mày đã là đàn bà rồi, cần một ông chồng. Tao có ông bạn cũ ở Exsixsima là Yevo Clan, người có bốn đồn điền ca cao, đã có sáu vợ và có tình cảm thực sự đối với mày, là một đám khá. Hôm qua tao và ông ấy đã nói chuyện với nhau.” Anata tức khắc phản đối. Đối với ông già Tchakrêax điều này thật không thể tha thứ được. Ông bảo con gái:

- Nếu mày không vâng lời tao thì cút ngay. Tao không muốn thấy cái mặt mày nữa. Nếu tao phải nhận thức ăn từ tay mày thì tao sẽ chết!

Anata bỏ nhà và từ đó là bước đầu tiên trong cuộc đời giang hồ của ả.

Thôi nghĩ về cha mình, sự phẫn uất của ả dồn về phía xã hội. Chính cái xã hội này mọi nơi mọi lúc khinh rẻ, coi thường bọn gái điếm. ả nghĩ rằng, tuy vậy tất cả bọn gái điếm chui rúc ở khu nhà ổ chuột của khu phố Mvog-Ada và ngoại ô đều là những con người khổ khổ và bất hạnh cần có sự thông cảm và giúp đỡ hơn là sỉ nhục, lăng mạ. Chúng tôi làm gái điếm vì sự rủi ro, tai biến cũng giống như đôi khi người ta ăn thịt bò mà sở thích lại là thịt nhím. Đó là số phận của chúng tôi và chẳng có cách nào làm khác được... Nhưng người đời không hiểu... họ không muốn hiểu. ả thở dài kết thúc chuỗi ý nghĩ. ả mặc quần áo vào, chui ra khỏi nhà tắm.

Chính lúc đó ả nghe những tiếng hét. Mvog-Ada là khu dân cư điển hình nên nói chung là có đủ loại âm thanh.

Nhưng khi tiếng hét to thêm, ả bước ra xem thử chuyện gì xảy ra.

Từ xa đám đông đang kéo ra từ nhà Debôra. Anata quá hiểu Debôra. Đó là một người đàn bà trẻ, nở nang ở cách nhà ả không xa. Người ta thích gọi ả ta là Debô, nổi tiếng về việc đánh “khách hàng” khi anh ta định quẹt tiền sau buổi hành lạc. Phải nói rằng ả ta chọn khách rất sành, toàn những anh chàng bé nhỏ, không bao giờ đưa về nhà những gã lực lưỡng. ả không chọn loại thanh niên ngổ ngáo. Từ mờ sáng, khi đến giờ chia tay, nếu khách trả đủ tiền thì không có chuyện gì. ả để cho khách đi êm thấm, nhưng thật không may cho ông khách nào không có tiền thì ả sẽ xử lý. Trước hết ả xỉ vả. “Mày không có tiền à? Thế thì tại sao lại đi tìm gái? Đưa ngay tiền cho tao.” Rồi giả vờ khóc lóc. “Trời ơi mày quần tao suốt đêm mà mày bảo mày không có tiền? Các anh các chị ơi, hãy giúp tôi. Nó muốn quẹt tiền tôi.” Chuyện tiếp theo thật bi thảm cho người khách khốn khổ vì ngay khi cô ả kể, ba người anh của Debôra ngủ ở phòng khách bật dậy lao vào bắt người đàn ông. Ba thanh niên như ba con bò mộng vật khách xuống nền nhà, dẫm đá túi bụi.

Trái với nỗi lòng của mình. Anata mỉm cười nghĩ về những người khách khốn khổ của Debôra. Những ả gái điếm đã bộc lộ kế sinh nhai của họ, họ đòi hỏi phải trả tiền, nếu không thì bị trừng trị. “Tuy nhiên, có kẻ gặp may mắn như anh chàng Silax” - ả suy nghĩ và thở dài.

Khi ả đến nhà Debôra, người khách khốn khổ đang bị đám đông la hét, kích động. Thì ra người đàn ông này có trả tiền, nhưng ít hơn giá cả đã thỏa thuận với Debôra. Bởi thế nên khi khách đưa số tiền ít ỏi đó ả giả vờ không thấy và bắt đầu thực hiện hành động của ả. Hình như ả cảm thấy thích thú khi làm việc đó. ả sắp sửa đổ lên đầu vị khách khốn khổ nước mà ả rửa ráy, thì vì nghe những tiếng kêu quen thuộc, mấy ả gái điếm ở gần đó chạy tới lôi người khách khốn khổ ra ngoài. Ông khách ấy còn may, vì Debôra nhắc đi nhắc lại với bất kỳ ai muốn nghe: Tôi quyết làm cho nó khốn khổ nhất kể từ khi lọt lòng mẹ nó. Ăn, nó phải trả tiền, uống nó cũng phải trả tiền, làm bất cứ cái gì nó cũng phải trả tiền, làm bất cứ cái gì nó cũng phải rút tiền ra khỏi túi. Thế mà nó quần tôi suốt đêm lại không muốn trả tiền là lẽ làm sao?...

Anata mỉm cười trở lại nhà mình lòng dăm chiêu suy nghĩ. ả nghĩ về tất cả những thứ bệnh đó, những thứ bệnh hoa liễu nguy hiểm. ả nhớ tới người bạn Eva bị mắc cái bệnh gọi là bệnh “vi trùng đầu nhọn”, theo các thầy thuốc bệnh này không thể chữa được, hết phương sách, nhưng một số gái điếm lại bảo có thể tiêu diệt vi trùng đó được. Eva đã cố gắng mọi thứ từ những cách chạy chữa theo kinh nghiệm địa phương đến thuốc kháng sinh hiệu nghiệm nhất. Tất cả chỉ phí công, bệnh “vi trùng đầu nhọn” vẫn còn và Eva vẫn đau đớn. Bây giờ ả trở về quê mình, ở đó có thầy thuốc thề sẽ chữa cho khỏi bệnh. Tuy nhiên, tất cả những ai đã gặp Eva đều nói rằng ả đang thối rữa dần, như một xác chết và cuộc sống của ả đang chỉ còn tính từng ngày...

Khi nghĩ về những điều này, Anata không khỏi run, tự bảo: “Chỉ mong rằng mình không gặp chuyện đó”.

Bốn giờ chiều, trời đẹp, mặt trời tỏa ánh nắng xuống khu phố Mvog-Ada và vùng phụ cận.

Phố Yaoundé có nhiều ngọn đèn treo dưới ánh mặt trời trông thật lộng lẫy. Đường phố phía trước nhà Anata đang đông đúc... xe ô tô lướt qua rú máy. Đàn ông đàn bà qua lại thờ ơ. Từ ngôi nhà bên cạnh đường phố, ả đứng nhìn xe cộ một cách thèm khát. “Giá mà ta cũng có một chiếc xe”. ả nghĩ khi thấy một người đàn bà ánh mắt hãnh diện đầu ngẩng cao sau tay lái chiếc Merxêdex lái xe lướt ngang cạnh ả.

Rồi ả lững thững bước đi. ả quần ngang hông cái khăn nhiều màu hết sức phù hợp với ả. “Cái khăn này mới đẹp làm sao”, ả nghĩ. Khi nào cũng thế, khi nhìn những người đàn bà thật đẹp cũng như thật xấu qua đường, ả hối tiếc vì mình không có một người chồng để anh ta quan tâm săn sóc. Một người chồng, cái từ đó vang lên trong tai. ả nghĩ về một người chồng có thứ nhựa thơm có thể chữa lành vết đau cho mình và làm mọi nỗi phiền muộn tan biến. Lúc này nỗi buồn tràn ngập người ả... ả lại nghĩ tới những cái mụn của mình, đi vào phòng, cởi váy nhìn những nốt mụn đau nhưng nhức... những cái mụn ấy sáng nay hoàn toàn ngả màu vàng và có những mụn khác mới xuất hiện.

Thế thì chắc chắn là giang mai rồi, ả chỉ còn hy vọng bệnh của mình không phải là bệnh “vi trùng đầu nhọn” như Eva. ả làm dấu thánh cầu cho qua vận rủi rồi mặc váy vào... Buổi sáng, ả đến nhà thầy thuốc Xêphax. Ông ta hẹn ả ngày hôm sau sẽ trở lại để ông có thì giờ kiểm một số loại thuốc cho ả. ả sẽ trả tiền đằng hoàng khi bình phục.

Người ta vẫn lục tục kéo đến hộp đêm như đàn kiến vào tổ. Trong đêm nhìn El Đôđô thật nhộn nhịp. El Đôđô là hộp đêm Anata thường đến, là “cơ sở” của ả giống như bạn bè cùng nghề vẫn nói.

Đêm đến, từng đoàn gái điếm cố gây cho mọi người chú ý: Họ ngồi thành từng tốp, cười nói thật to bởi những cái có không đâu, thỉnh thoảng nhún nhảy theo điệu nhạc trên sàn nhảy, thường theo cách dâm dục, lén lút liếc tìm những bộ mặt đàn ông mới thấy lần đầu. Ngay khi các ả phát hiện được một gã đàn ông độc thân, bề ngoài hấp dẫn, nghĩa là ông ta giàu... Một ả đến kêu gọi ông ta... Đó là vào cái giờ “yêu đương lý thú” như các ả thường gọi. Vì lý do đó, các ả lẩn tránh những người nhảy đẹp nhưng xem chừng ví lép. Đó là thời điểm hai ba giờ sáng khi câu lạc bộ đóng cửa, các ả phải tìm được kẻ trợ cấp tài chính để đi chợ ngày hôm sau. Ngược lại, các ả cũng tránh những gã đàn ông có quy tắc, mỗi đêm cố tìm một ả mới vào nghề mà giá cả lại không đủ cao.

Ở “El Đôđô” vẫn có những ả “điểm mới”, nhưng đó là những ả đặt cơ sở của mình ở những hộp đêm khác. Dễ dàng nhận ra họ vì hay đứng một mình và hơi xấu hổ ở những góc tối. Những góc tối này là do những ả gái điếm chính quy nhường lại vì họ nghĩ rằng khách hàng thích những ả đứng chỗ sáng hơn vì những ả đứng chỗ tối rất nhiều khả năng mang bệnh.

Khách đến đây có giáo viên, kỹ sư, sinh viên các trường đại học, các nhân viên cao cấp, và đặc biệt hơn là có cả những bác sỹ! Người ta có thể tự hỏi các thầy thuốc ấy đến đây làm gì, cái nơi mệnh danh là ổ vi trùng này? Cuộc đời là vở kịch lớn có nhiều cảnh... Họ chẳng có lỗi gì... Họ cũng giống như những người khác.

Âm nhạc đã nổi lên khắp nơi. Từng đôi xoắn xuýt nhau. Người ta có thời gian tuyệt vời để quên đi nỗi phiền muộn. Mọi thứ thật đẹp đẽ.

Anata và Tecla ngồi gần loa phóng thanh. Đây là nơi sáng rõ nhất phòng. Tecla tìm mọi cách làm cho bạn mình vui nhưng Anata vẫn buồn bã, không biết làm gì nữa: “Bình tĩnh lại đi Anata. Đây đâu phải lần đầu bạn bị bệnh. Nó cũng như lần trước thôi mà. Bạn chỉ điều trị là khỏi ngay thôi”.

Đó cũng có thể là sự thật nhưng Anata đã quá ám ảnh với bệnh vi trùng đầu nhọn nên yên lặng. Hơn nữa ả cảm thấy vô cùng chán nản, chẳng muốn trò chuyện gì với đám khách nữa khi đã biết mình có bệnh. ả không dám đưa đàn ông về nhà, ả nghĩ rằng, thật là có tội nếu làm tình với người đàn ông mà mình biết được rằng anh ta sẽ bị lây bệnh với số chất độc tăng dần sau mỗi lần chung đụng. Khác với nhiều bạn bè cùng hành nghề, Anata tôn trọng khách hàng của mình.

Bạn bè của ả thường đả kích quan niệm đó, đôi lúc họ gọi ả là “con đĩ mang trái tim thánh”. Nhưng ả không quan tâm đến những lời nói đó. Ban đêm ả thích ở nhà hơn nhưng Tecla cứ khẳng khẳng nài nỉ - vì thế nên ả đến đây nhưng quyết không rủ khách nào về nhà nữa. Điều nhảy đến cao trào, không khí tràn đầy dục vọng. Nhiều cặp lắc lư trên sàn nhảy, có lúc trông giống như một màn kịch câm về tình ái diễn tả theo lối tự nhiên chủ nghĩa. Đối với ả tất cả là như thế. Đã nửa đêm. Nửa đêm ở Mvog-Ada! Nửa đêm... ngôi nhà của ả gái điếm và người ngủ muộn. “Ta phải sống”, đó là câu khẩu hiệu của mọi người.

Một gã đàn ông xán lại cạnh Anata và mời nhảy. ả từ chối. Gã bỏ đi và lẩm bầm: “Đồ con đĩ bẩn thỉu. Mày tưởng mày là vàng đấy à? Mà tao chịu trả tiền kia mà!”. Anata liếc nhìn gã hết sức khinh bỉ, cái liếc khinh bỉ chỉ có những ả gái điếm mới có được. Rồi ả hoàn toàn không nghĩ đến gã nữa. Ngay lúc đó, ả suýt rên lên vì đau đớn. Tecla ngạc nhiên hỏi: “Mày tại sao không chịu nhảy với gã ấy. Gã ấy trông được chứ, mặc dù...! Mày làm như mày là một nữ tu sĩ... Mày thật đáng ghét!” Ngay lúc đó lại có một gã đàn ông khác tới mời Anata, Tecla đẩy Anata vào sàn nhảy trước khi Anata nhận lời, và Anata biết mình đã ở trong vòng tay người đàn ông. Một điệu nhảy thông thả, người đàn ông áp sát người ả hơn, ả cũng nép vào người gã.

Mấy phút sau, ả cảm thấy sự thèm muốn trời dậy trong lòng gã đàn ông. ả vẫn nép sát vào người gã một cách thận trọng. Hình như không thể chịu được nữa, gã thì thầm: “Tôi muốn ngủ với cô”. Câu đó có nghĩa là người đàn ông muốn theo ả gái điếm về nhà. ả trả lời như thường lệ: “Điều đó tùy thuộc vào anh nhưng phải về nhà”. Gã tiếp tục: “Tôi có một ngàn năm trăm...”. Anata nhảy tiếp một lúc rồi nói: “Anh nghĩ rằng tôi là ả gái điếm đáng giá một ngàn năm trăm à? Đừng nói gì với tôi nữa”. Nhưng ả vẫn nhảy, càng ép sát người vào gã hơn. Gã đàn ông giải thích: “Cô biết đấy, bây giờ là cuối tháng, tiền nong khó khăn lắm!” ả nói mỉa: “Khi tiền nong khó khăn thì nên ở nhà không nên đi quấy rầy người khác khi túi rỗng...”.

Rồi giả vờ cáu kỉnh, ả nhẹ nhàng muốn rời khỏi gã. Một lần nữa, gã ép sát ả vào ngực mình: “Cô tình quái quá. Nói thực, tôi có... hai ngàn”... Anata thấy rằng cái chuyện đang bàn đây ả không muốn tý nào. Nếu người đàn ông cứ tiếp tục nâng giá lên thì đến một lúc nào đó buộc ả phải ưng thuận. Nhưng ả không thể làm việc đó được. Thực sự là ả không muốn. ả phải giữ vững nguyên tắc của mình là đêm chỉ trở về nhà một mình. Vì thế, ả nói với gã: “Tôi muốn bốn ngàn – nếu không đủ số tiền đó, buông tôi ra” và ả không nhảy nữa. Gã nhìn ả? – Những bốn ngàn! Nó tưởng nó là người đàn bà duy nhất ở hộp đêm này à? Trời ơi, những bốn ngàn! Gã khạc nhổ xuống trước ả để bảo ả cuốn xéo. ả bước ra tìm Tecla nhưng đã muộn. Tecla đi rồi.

Bởi thế Anata quyết định trở về nhà.

Mãi suy nghĩ, Anata không thấy họ. Hai cảnh sát đang đứng dưới ánh đèn phố, chiếc xe ba bánh đang đậu ở vỉa hè. Họ ghép thành cặp kỳ lạ, một người rất trẻ, khoảng hai lăm, người kia chừng năm mươi. “Cho xem giấy tờ” người trẻ nói bằng giọng ngọt và đe dọa. Trái tim Anata đập liên hồi – Trong trạng thái không bình thường ả đã quên mang theo giấy tờ. “Thực sự là một ngày rủi ro”, ả nghĩ. ả biết cái giá phải trả: Một đêm ở bất cảnh sát, được, nhưng còn bao nhiêu thứ rắc rối nếu họ nhận ra mình là gái điếm. Người cảnh sát bước bên phía trước, nắm lên vai ả: “Chúng ta có thể giải quyết nếu cô là người thông minh... Cô phải biết đêm nay rất lạnh”. ả hoàn toàn hiểu được như thế nghĩa là thế nào rồi. Bỗng nhiên Anata cảm thấy vô cùng mệt mỏi. ả đứng lặng, tự nghĩ: Sao mà lăm sự rắc rối đến thế! Gã cảnh sát trẻ nhận ra rằng cái gì gã có thể tìm thấy trong đôi vai tròn lẳn của những ả gái điếm nửa đêm về nhà một mình... Điều đó sẽ cho gã một bài học trong tương lai để xử sự có lương tâm hơn trong nghề nghiệp của gã. Đất nước này trông mong điều đó. ả mỉm cười nhìn gã.

Chiếc mô tô mở hết tốc độ chạy trên đường nhựa. Anata và gã cảnh sát ngồi yên lặng. Trước đó ả nói cho gã biết nơi nhà mình ở. “Ngay bên cạnh xưởng mộc Gaxtôn”. Gã nói gã biết nơi đó. Một chỗ ngoặt đưa họ qua sân xưởng mộc nhỏ mà phía trước lại có những cây gỗ to đến thế, mà không bao giờ dùng cả. Có thể làm như thế để người ta tưởng rằng xí nghiệp của ông phát đạt... ả không hề biết gã cảnh sát lỏng tay lái. Tai nạn đã xảy ra ngay trước xưởng mộc. Chiếc xe đâm thẳng vào khúc gỗ. ả biết ả sẽ chết tại chỗ, và chẳng có gì trên đời có thể cứu được ả. ả có một ý nghĩ: Hình ảnh của hai đứa trẻ ả đang cưu mang mờ dần: “Trời ơi, hai đứa bé rồi sẽ như thế nào?” Đó là ý nghĩ cuối cùng của ả. Cú đâm xốc thật kinh khủng. Chỉ còn mấy mét nữa là đến nhà, mà ả đã chết, không một tiếng kêu. Cuối cùng gã cảnh sát thấy mình nằm trên đồng mùn cưa trên sân xưởng mộc.

Gã đứng dậy đi tới khúc gỗ mà mô tô đã húc phải. Đầu tiên là gã nghĩ đến chiếc xe. Chiếc xe vẫn nằm đấy, hình như tay lái có cong chút ít nhưng khi gã phát động thì máy nổ ngay. Gã nắm đầu Anata và lôi cánh tay đầm máu ra phía sau. Rồi mọi việc diễn ra rất nhanh, gã leo lên mô tô, chạy đi với tốc độ tối đa...

Trong vùng, mọi người đang ngủ say. Lúc đó là ba giờ sáng, và đêm lạnh thế, ngủ rất ngon. Tiếng động cơ ô tô tan biến về phía xa. Đó là đêm Mvog-Ada, một người đàn bà vừa chết. - ... Ôi! Đáng buồn thay. Một ả gái điếm vừa mới chết... Ôi, không có gì ngoài ả gái điếm!... Cuối cùng, một ả gái điếm không phải là con người hay sao?

*VƯƠNG TRỌNG dịch
(Từ nguyên bản tiếng Anh. rút ra trong tạp chí LOTUS số 58)*

Vết sẹo

NA ĐIN GODOMI

(*Nam Phi*)

Giải thưởng NôBen 1991

Cô vợ mới nhìn thấy họ trước tiên và lập tức nhận ra Anna, cô vợ trước, mặc dù cô này mới chỉ biết cô kia trong ảnh.

An-na khoác tay ngài Bi-an-chi đi bách bộ trên hè; lão Mác-cut với vẻ lịch sự quá đáng – đó là điểm yếu của lão ta – khuynh khuynh khuỷu tay một cách ngộ nghĩnh dẫn An-na đi. Lần đầu tiên sau khi từ I-ta-li-a trở về, họ cùng ăn trưa trong một tiệm ăn Tàu ở mạn dưới thành phố rồi đi bách bộ trên hè phố vắng vẻ, như một chiếc tên lửa theo quỹ đạo vạch sẵn, họ tiến về phía người chồng cũ của An-na và cô vợ mới của anh ta.

Không chờ tới chỗ rẽ thì sang bên kia phố làm sao cho được, - đó là chuyện vô nghĩa lý, bởi bên đó đã đầy những kiện hàng gắn chặt vào chân đế. Chỉ trong một khoảnh khắc ngỡ như dài hàng thế kỷ, cả đôi này lẫn đôi kia chắc là đều sững sờ do dự, tuy nhiên trên thực tế họ vẫn tiếp tục đưa chân về phía trước.

- Em không muốn gặp cô ta một chút nào, - người vợ mới vừa thở vừa nói – trước khi Giô, chồng cô, người có thị lực không sắc bén gì cho lắm, kịp nhận ra rằng cô vợ đầu tiên của anh cùng với người bạn cũ Mác-cut Bi-An-na-chi đang đi tới. Nhưng lúc này thì Giô cũng đã nhìn thấy họ.

- Chỉ cần em đừng làm gì xuẩn ngốc, - anh dặn trước người vợ trẻ, e cô có thể bỏ chạy, có thể đột ngột đứng lại hoặc làm chuyện gì đó bất thường.

- Ô, anh đấy à, trời... - về phần mình, An-na đã thốt lên.

- Ô, chuyện vặt ấy mà! Hoặc sớm hoặc muộn, chuyện ắt sẽ xảy ra, cho nên tốt hơn hết là phải mau chóng.

Rồi Mác-cut kéo An-na đi tiếp, chậm chạp quay đầu về phía cô ta, vẻ trịnh trọng và khiêu khích – một ví dụ rõ nét của điều mà trước đây họ cùng Giô vẫn thường nói với nhau: “Mác-cut lúc nào cũng sắm vai kẻ si tình”. Và như thế đâm ra lại hay hơn; An-na bám ngay lấy lão, như một đứa trẻ con sợ quá hay sợ sệt suýt bị chết ngạt trong vòng tay người mẹ rồi vừa chống chế với nỗi sợ của bản thân, vừa cản trở người mẹ đang muốn đưa con mình tránh xa nỗi sợ đó. Cô vợ mới thấy rõ An-na đang nép sát vào người bạn đường của mình, làm như cô ta chỉ có biết mỗi anh ta mà thôi, chỉ nhoẻn cười đáp lại nụ cười của anh, miệng nói liến thoắng, đôi tay mang găng trắng cử động không ngừng.

Khi họ gặp nhau, cảm tưởng đầu tiên của cô vợ trẻ là trên mặt An-na có một vết sẹo, chứ không phải dáng người cao cao sang trọng, đôi chân chắc lắn, chiếc áo dài đỏ hoặc đôi giày cao gót do thợ thủ công Tây Ban Nha đóng rất khéo tay, cũng không phải cặp mắt đen thăm thăm hoặc chiếc mũ rộng vành của An-na thu hút sự chú ý của cô. Cô chỉ nhìn thấy vết sẹo, chính là vết sẹo, theo cô, mới đem lại cho diện mạo An-na một sự độc đáo hiếm thấy. Tất nhiên, cô vợ

mới đã thấy vết sẹo trong ảnh. Vì từ trước đến nay, Giô vẫn giữ tất cả thư từ An-na gửi anh hồi chiến tranh. Khi Giô cùng cô vợ mới chuyển đến ngôi nhà mới, anh lôi một bọc những lá thư đó từ trong hòm ra, ngay trước mặt cô, rồi dọn chiếc tủ có ngăn trên dùng để mắc những chiếc áo dài cũ kỹ. Người đàn bà trẻ lặng lẽ quan sát anh. Anh cũng lặng lẽ nốt, và sau một hồi dao động, - sự do dự của anh hiện rõ cả đằng sau gáy anh, khi anh ngẩng đầu lên ngăn trên, - anh lôi từ đó thư ra một tấm ảnh và ngắm nghía, mặt quay nửa vòng về phía vợ như vẫn thường biểu lộ sẵn sàng chỉ cho chị chỗ thú vị nhất trong một tờ báo hay một quyển sách. Người đàn bà trẻ ngoan ngoãn lại gần chồng và từ lúc đó họ cùng ngắm nghía gương mặt An-na.

Tất nhiên, vết sẹo làm hỏng gương mặt cô ta, - lúc đó Giô đã nói thế.

Người vợ mới biết sự tích vết sẹo đó. Bất kỳ ai đã từng nghe nói về An-na và Giô cũng đều biết. Vết sẹo là hậu quả của một vụ tai nạn ô tô xảy ra trong tuần trăng mật của hai người. Vào một đêm trên đường ra bờ biển, Giô ngủ thiếp bên tay lái, và chiếc xe bị lật, đổ kèn xuống một cái hào sâu. Mảnh kính chắn gió văng ra vạch một vết từ mép trái xuống tận cằm An-na. Cố nhiên, vết sẹo không làm hỏng chút nào gương mặt cô. Ngay cả trong bức ảnh cũng không thấy rõ điều đó. Bản thân An-na đã không chịu làm phẫu thuật chỉnh hình để xóa đi vết sẹo.

- Em đã không thể trở thành như trước được nữa, - cô nói với một giọng buồn buồn, nửa cười cợt nửa chua chát. - Mà nếu như em đã không thể trở thành như em ngày trước, thì em không để cho bề ngoài của mình bị phụ thuộc vào óc tưởng tượng của nhà phẫu thuật. Thôi, tốt hơn hết là cứ để vết sẹo đó như một nếp nhăn hoặc một vết lõ ở chỗ chiếc răng đã mất. Em không thể nào chịu được những chiếc xe hơi nom như thể chẳng thể nào chở người đi được - tất cả vỏ xe phải gò lại, vết sơn mới ánh lên, và cái cách người ta tắt bật chạy tìm những bác sỹ tâm thần hòng thoát khỏi bất kỳ một dấu vết nào của sự lo sợ, em cũng không chịu nổi.

Không ai biết ý An-na định nói gì khi nhắc tới “ngày trước”, - cô muốn nói rằng mình từng xinh đẹp hay là dễ coi chẳng hạn; cũng như vậy, không một ai biết rằng cô coi vết sẹo đã làm hỏng gương mặt mình hay là cô làm như những ông bố bà mẹ nghèo túng đang phải không ngừng tích đếm trước đứa con lem luốc, chỉ nghĩ đến chuyện đặt nó vào góc nhà với đôi tay chơi với. - Cô hiểu từ lâu rằng tốt hơn hết là mình thật xinh đẹp, dẫu có khuyết tật, còn hơn là làm một người đẹp theo những chuẩn mực miễn chê.

Giờ thì họ vẫn đứng nguyên tại chỗ, chắn ngang bờ hè của quảng phố rộng rãi và vắng vẻ này, tựa như một nhóm người sống sót sau một trận đắm tàu trên bãi biển mênh mông, hoang vắng. Bi-an-chi chọn một dáng đứng kiêu kỳ, trình trọng chờ người ta giới thiệu về mình: An-na hơi ngھn cổ, trên một thoáng hiện môi nụ cười niềm nở, rạng rỡ, mặc dầu hai tay vẫn ở tư thế cũ, một tay khoác vào tay Bi-an-chi còn tay kia kẹp chặt chiếc túi xách, - cô làm như bình thản cho hai người kia thưởng thức những cử chỉ đóng kịch của một quý bà rộng lượng đang mở sẵn vòng tay chào đón hai người trẻ tuổi kia.

Cô vợ mới nhìn chăm chú vào gương mặt tươi cười đó. Cô đứng bất động, dùng cả hai tay giữ chiếc túi ở phía trước nom hệt như một cô học trò đang giữ chiếc mũ của mình: “Tôi vẫn chưa quen biết chị. Tôi không việc gì phải chào hỏi chị, một khi chưa ai làm quen chúng ta với nhau”.

Cái nhìn của An-na và Giô gặp nhau ở đâu đó trên mái đầu của người đàn bà trẻ. Dĩ nhiên là Giô đã thấy An-na sau khi cô từ châu Phi trở về. Hôm thứ sáu, lúc sáng sớm, anh đã gặp cô ở sân bay (“Cớ sao anh lại phải ra đón?” – Cô vợ mới đã hỏi thế, hơi nhấn mạnh ở tiếng “anh”. “Ồi chà, em biết không, theo anh, chỉ đơn giản là theo phép lịch sự, - Giô đáp – Thật là buồn khi chẳng ai ra đón, mà máy bay lại hạ cánh vào cái thời điểm rất bất tiện, chắc gì đã có người bạn nào của cô ta chịu ra sân bay”). Khi anh về đến nhà, tối thứ sáu, hai người không nói năng gì với nhau về chuyện sáng nay anh đã đi đâu, anh như chàng Oóc-phê vừa xuống tận An-đơ để đem nàng Eva đi vượt qua muôn ngàn cách trở trong khi cô vợ mới của anh cũng giống như những người phụ nữ đó, chính là tình yêu thực sự, tình yêu trần tục của mình – An-na và Giô trao đổi với nhau lời chào “Hê-lô” ngắn quăng, giống như những cặp vợ chồng khéo léo lảng tránh những hình thức chung chung. Giô khúng khắng ho và nói:

- Hình như các vị chưa gặp nhau bao giờ thì phải?... Đây là Gin-xi. Gin này, đây là An-na. Và đây – ngài Bi-an-chi Mác-cut.

Trên gương mặt cô vợ trẻ xuất hiện một nụ cười miễn cưỡng và căng thẳng tựa như đôi môi cô dính chặt vào nhau. Nụ cười tắt ngấm ngay lập tức, và gương mặt cô trở lại lạnh lùng. Có cảm giác rằng khi họ giới thiệu hai người với nhau, An-na đã dùng nụ cười rộng rãi và rạng rỡ của mình để moi được từ cô một cử chỉ tương tự lời chào đó. An-na trở ra tất cả sự duyên dáng hiếm có của mình – nó xuất phát từ chính bản thân cô, từ thân thể cô, từ chiếc áo dài, từ từng rung động của thớ vải như toát ra chung quanh một mùi hương mạnh mẽ. Giô đứng nhìn như thể bị thôi miên – biết bao vẻ đẹp triu mến trong sự chào hỏi đó. Gương mặt An-na, bộ điệu của cô ta như muốn nói lên rằng: Vâng, cô là một cô gái kiều diễm, tôi rất hân hạnh được làm quen với cô. Đúng thế đấy, cô hãy tin tôi. Tôi tin rằng tôi sẽ yêu quý cô. Đừng e dè như thế, đừng sợ, tất cả chúng ta đều là người lớn, được giáo dục hẳn hoi... Vậy mà, trong lúc An-na nói những lời dễ nghe trong các trường hợp tương tự “Rất hân hạnh được làm quen. Gin-xi, cuộc sống thế nào?” – thì không ai – kể cả vợ mới kể cả Giô, kể cả ngài Bi-an-chi đang mãi dăng tay chị – vâng, không một ai biết gì về sự xâm lấn khủng khiếp của nỗi kinh hoàng và thất vọng. Một khoảnh khắc kéo dài bất tận trong đáy lòng An-na. Trước mắt cô bỗng có một màn đêm bao phủ - màn đêm muôn thuở của một sự mất mát không thể lấp bù. Cơn ghen của cô ta tựa hồ cảnh quan ngựa mất của một trái tim trong lồng ngực con thú nhỏ, ẩn chứa gặp phải một lưỡi dao tàn nhẫn, một trái tim vốn vẫn đập, vẫn sống trong bầu không khí lạnh lẽo hải hùng.

“Anh ấy là của tôi, - một giọng nói bỗng vang lên từ sâu thẳm, nơi con người vật vã đấu tranh với bản thân mình, nơi tất cả đều chập chờn, đều mỏng manh - Anh ấy là của tôi! Anh ấy là của tôi... là của tôi...”.

- Anh biết đấy, lần nào cũng vậy, hễ ra nước ngoài là cô ấy như thế nào, - Mác-cut phân bua, khi nói với Giô, ông ta gặng diễn tả An-na trong trường hợp đang kể. - Nếu cô ta sang I-ta-li-a thì món mì ống bên đó có sợi quá ngắn đối với cô ấy, và nếu ở Niu Y-oóc - thì món kẹo cao su của chúng tôi, xin lỗi các vị, là không đủ độ dai đối với cô ấy.

Liệu có nên nghĩ rằng An-na nhai kẹo cao su hay không? Chỉ có mỗi Mác-cut mới nảy ra trong đầu cái ý nghĩ mông muội ấy. Giô cười vui vẻ - thưởng thức sự sắc sảo của Mác-cut mà anh đã trót quên đi mất; cả An-na cũng cười, bởi vì do hoàn cảnh tình cờ, chị và Mác-cut bỗng

bị lôi cuốn vào một mớ hồ lộn nào đó và họ phải rồn nhau. Câu chuyện sau đó được chuyển một cách thoải mái tự nhiên từ Mác-cut, Giô với An-na sang An-na với Giô.

- Tôi quên hỏi, - Giô chuyển sang phía An-na - ở Phlo-ren-xi-a, An-na có gặp Ben-la và Le-xly không? An-na có nghe thấy chuyện gì xảy ra trong căn hộ của họ vào đúng ngày hai người ra đi hay không?

- Thôi đừng nói nữa! Em theo dõi trúng hết. Họ có điện cho em sang Giê-noa, - à không, không phải Giê-noa, - mà điện sang Vơ-ni-dơ... - thế rồi An-na bắt đầu kể tỉ mỉ chuyện đã xảy ra như thế nào, còn Giô thì thỉnh thoảng gật đầu hoặc chêm vào một câu:

- Hừ, vậy mà họ bảo tôi... Họ nói với tôi hoàn toàn khác... Cô ta có thể máy môi với ai cũng được, và từ bất kỳ tình thế nào cũng biết rút êm. Và lúc này, hơn bất cứ bao giờ, thấy rất rõ là điều ấy hoàn toàn đúng. Duyên dáng, sinh động, giàu nghị lực, giỏi làm chủ bản thân, cô vượt qua mọi khó khăn một cách đơn giản nhẹ nhàng, ngay trước mắt Giô, cô vợ mới và người bạn cũ của anh ta để chuyển hoá kẻ bất khả thắng thành kẻ chiến thắng. An-na như một đứa trẻ lêu lổng đã không bao giờ thêm tin rằng người ta có thể tước mất con búp bê yêu dấu của mình, và trong quan hệ với Giô, cô ta đã dấn thân vào một trò chơi không đẹp, cô ta coi thường hết, chừng nào rốt cuộc sự việc chưa dẫn đến một vụ ly hôn; nhưng ngay cả trong lúc đó, cô vẫn không hề gợn lên trong đầu một ý nghĩ rằng đến một khi nào đó, anh có thể rũ bỏ những tình cảm cũ và đi cưới một người khác làm vợ. Thế là cô ta rơi vào cảnh ngộ của một người bị ruồng bỏ, một người thừa, bị loại khỏi cuộc đời Giô. Nhưng cô ta quả là vẫn khôn khéo như cũ, cô ta chứng tỏ sự thành thạo để giành chiến thắng, như 'không chỉ một lần cô đã chứng minh, - bởi vì chính họ đã cố vũ rất lâu với sự thán phục không giấu giếm rằng cô là người không biết thất bại là gì. Và cô đã trở hết nghệ thuật của mình ra một cách hào hứng chẳng khác gì một con thú đã được thuần hoá biểu diễn tiết mục xiếc của nó, ở đây kể cũng khó mà nói rằng bản thân con thú đó thích hợp với tài nghệ của mình hay chỉ đơn thuần lặp lại một cách máy móc những hoạt động đã học được dưới sự đe dọa của ngọn roi vô hình.

Cô vợ mới lặng lẽ đứng bên; cô không biết nói gì, cũng chẳng có chi để mà chia sẻ. Mác-cut có ý lánh đi, xong vẫn sẵn sàng đỡ đầu người bạn gái vào bất cứ lúc nào nếu như cô ấy hằng hực; nhân đây cũng phải nói rằng, xét theo diễn xuất cợt phách của cô ta, chuyện đó có vẻ hoàn toàn thiếu căn cứ. Sau đó, họ đường đột chia tay nhau, và ngay tức khắc, sự lê thê vô tận của cuộc gặp gỡ cũng biến mất, làm cho nó trở thành một cuộc gặp gỡ bình thường và thoáng chốc, trao đổi cho nhau lời chào lịch thiệp "Chúc mọi sự tốt lành" - khi nói Mác-cut nghiêng mình trước cô vợ mới trong lúc cô này lộ rõ vẻ lúng túng không biết nên đáp lại cử chỉ đó của ông ta như thế nào, còn Giô thì bằng một động tác quen thuộc, - tự nhiên, giơ hai ngón tay chào lại, đôi nào lại theo đôi nấy đi theo ngả cũ, An-na và Mác-cut nghe rõ phía sau mình tiếng gót giày của cô vợ mới gõ trên mặt hè; An-na có cảm giác rằng đó là tiếng chân của một con chuột đang bỏ chạy.

An-na thở một cách nặng nhọc. Qua vạt áo dài, Mác-cut nom thấy làn da nhẵn nhụi, rám nắng, thấy bộ ngực phập phồng, thấy rõ cả một hoặc hai nốt ruồi gì đó. Thật là lạ, những cái đó không hề kêu gọi trong ông ta một ham muốn nào, ngược lại - chỉ là một nỗi nhớ nhung về quê hương, về một trong những bãi tắm quê hương, về một trong những bãi tắm ở I-ta-li-a, nơi

trước chiến tranh ông ta đã nằm trên cát hết mùa hè này đến mùa hè khác để ngắm mặt trời và biển. Ông ta nắm chặt tay An-na, trước kia chưa lần nào ông ta có tình cảm thân thuộc, gần gũi với cô ta như thế. Và, như một người lính sau trận quyết chiến phát hiện một dòng máu rỉ ra trên mặt đồng đội, Mác-cut thấy mồ hôi vã ra qua lượt phấn trên trán An-na. Bằng một động tác nhanh nhẹn, cô ta mím miệng, lấy môi này lau vào môi kia, như tất cả những người phụ nữ vẫn thường làm để cho mỏng bớt lượt son thừa. Phía trên môi cũng lấm tấm những giọt mồ hôi. Nhưng hai khoé mép thì lại làm thành một nụ cười lo lắng. Một phút sau, An-na quay lại nhìn Mác-cut: Cái nhìn của cô căng thẳng đến mức cặp mắt bỗng tối hắc đi, ngỡ như chúng đã mất hết sắc thái và chỉ còn ánh lên như hai vũng nước xám xịt dưới ánh mặt trời.

- Cô ta đúng hệt như một đứa trẻ bên cạnh ông bố bà mẹ chỉ mãi lo bàn tán những chuyện của mình! Cô ta chắc là chỉ mong đến lúc có người tóm tay lôi mình đi chỗ khác! Một sinh vật nhu nhược và nhọt nhọt. Anh có thấy thế không?

- Có, - Mác-cut đáp.

An-na há mồm ra để thở.

- Trời ơi, sao em hồi hộp thế - Cô buột miệng.

Mác-cut gật đầu tỏ vẻ cảm thông.

- Có lộ liễu lắm không? - An-na ngạc nhiên hỏi.

- Đương nhiên là có, - ông ta đáp.

- Cô ta giống hệt một con chó con bị xích! Ông chủ dừng chân, cô ta cũng dừng chân. Chỉ còn trông mong đến khi nào, mới được phép đi tiếp.

Mác-cut nhún vai. Nhưng với An-na như thế vẫn còn là ít.

- Chẳng lẽ lại không đúng thế ư? - Cô hỏi dồn.

- Ừ thì cũng đúng như em mong muốn... Mác-cut chống chế. Bằng một khát vọng uế oải, ông ta muốn dứt khỏi câu chuyện về cô vợ mới nọ, làm như đó là một người đàn bà khốn khổ không đáng phải có một cử chỉ mạnh mẽ hơn. Tôi có cảm tưởng rằng đó là một cô gái dễ ưa.

- Ô, tất nhiên rồi, - An-na đồng tình và bật cười - Tuy nhiên cũng có thể nghĩ rằng trong hai người đàn bà chúng tôi thì tôi đã thắng. Bất kỳ người nào cũng phải công nhận rằng tôi đã chiếm chỗ của cô ta.

Họ cười to.

- Cô ta nhìn vết sẹo của em mới ghê chứ! Anh có để ý không? Như một cô bé thiếu giáo dục nhất, cô ta nhìn không chớp mắt vào vết sẹo trên mặt em.

- Ừ thì quả là cô ta hết sức lúng túng, khốn khổ thật.

- Vì sao vậy? Do đâu mà cô ta lại lúng túng hơn cả những người khác? Em có cảm giác rằng lúc nào em cũng nhủ thầm: “Đừng sợ, đừng sợ, ta không ăn thịt cô đâu mà”. Còn Giô thì thật là

tội nghiệp...

- Anh đã nói với em từ đầu: Tốt hơn hết là mau mau rũ bỏ những chuyện đó đi, - Mác-cut nói bằng giọng hách dịch của một gã đàn ông tuổi đã xế bóng.

An-na vui vẻ lại ngay, đúng là nom cô ta trẻ hẳn ra.

- Mác-cut, ông lão này, anh yêu quý của em, cô ta nói đùa, - cô bé đó hẳn là đã tưởng rằng, anh là người tình mới của em đấy, một anh chàng ngoại quốc trác táng mà em tóm được ở một sòng bạc nào đó.

- Em nói gì vậy, - Mác-cut làu bàu.

- Anh vốn biết là cô ta rất khá. Trên thực tế. Và vô cùng, vô cùng bé nhỏ. Anh biết đấy, chơi lại cô ta, thì em là một người khổng lồ. Chứ sao nữa, điều đó không tồi đâu. Giô sẽ thấy rõ hơn ưu việt của mình và có thể kèm sát cô ấy.

Mác-cut hiểu rằng đây là An-na nghĩ đâu nói đấy; cô ta đâu cần đến lời đáp của ông, mà chỉ cần có ông bên cạnh.

Lát sau, An-na quay mặt lại với ông ta, vẻ kênh kiêu, khiêu khích, lúc này cô ta đẹp thực sự, dường như được tỏa sáng bởi ngọn lửa của niềm kiêu hãnh trong mình, và bằng một giọng hoàn toàn khác, giọng của một đứa trẻ đang chờ lời khen của người cha, giọng nói chứa đầy mâu thuẫn như chính bản thân cô ta, rằng:

- Em làm như vừa rồi có được không?

Cô ta xiết chặt tay Mác-cut rồi nhón nhác nhìn vào mặt ông ta.

Mác-cut nhìn An-na với vẻ đồng cảm và thán phục.

- Em thì... - ông ta chỉ biết lắp bắp, em thì...

An-na theo dõi biểu hiện cặp mắt ông ta bằng cái nhìn thăm dò thấu suốt khiến cho bất kỳ ai cũng không trốn được.

- Nhưng tóm lại là anh thấy em như thế nào? Nên làm như thế nào thì phải? Em làm như vậy có được không?

- Tuyệt. Em làm thế là tuyệt. Em trội vượt lên trong chuyện đó.

Làn môi An-na từ từ căng ra thành nụ cười, Mác-cut quan sát thấy miệng cô hé ra hàm răng trắng, má cô ửng đỏ, những nếp nhăn đuôi mắt chùng giãn ra, cái nhìn của ông ta dừng lại nơi cặp mắt cô đang lóng lánh niềm vui. Đó là cặp mắt của một chiến binh đã già nhưng rất cuộc lại nghe thấy tiếng pháo hoa đắc thắng.

Giô lái xe, ngồi sát sườn anh là một người đàn bà xa lạ - cô vợ mới của anh. Anh thấy bên mình là gương mặt một người đàn bà trẻ trung, chung thủy, say sẩm, đầy hy vọng và... tầm thường nữa. An-na đã khiến anh hiểu ra điều đó trong vòng mười phút, khi cô ta đứng bên anh. "Những kẻ đạo đức chó má", - anh nghĩ thế với một nỗi chua chát. Chỉ bằng sự hiện diện của

mình. An-na đã làm cho tất cả trở nên tương đối sáng rõ.

Và Giô, vừa mới mười phút trước đó đã thấy An-na duyên dáng như thế nào, thuỷ chung và nồng nàn như thế nào bất kể những gì đã xảy ra, vậy mà bây giờ, lần đầu tiên anh mới nếm trải một tình cảm hoàn toàn khác đối với cô. Chuyện cũ đã qua, đã chết, không phương vãn hồi; anh không còn yêu cô ta nữa; và vì chuyện hôm nay, vì chuyện mai sau, rốt cuộc thì anh căm ghét cô ta.

NGUYỄN ĐĂNG dịch

Người mang cái tên ấy chẳng còn trẻ trung gì nữa. Tuy vậy ở cái tuổi của mình lão vẫn giữ được vẻ tráng kiện. Cũng chẳng thể khác được bởi lẽ Xu-lây-man phục vụ tại giáo đường. Lão ta phụ trách việc thu tiền lạc quyên, giữ gìn sự ngăn nắp trong ngôi nhà của Đấng tối cao, dọn dẹp và tu bổ nơi này. Vì giáo đường bằng gỗ nên thường bị hư hỏng chỗ này chỗ nọ. Các tín đồ rất kính nể lão, họ đóng góp cho lão một cách nhiệt thành.

Ở nhà Xu-lây-man trở thành một tên bạo chúa và hành hạ dã man các bà vợ (lão ta có ba vợ) việc ấy thể hiện những thói xấu không ngờ lại có ở lão...

Khi tuổi già đến lão quyết định phải kiếm thêm người vợ tứ tư để hạnh phúc được mỹ mãn, thêm nữa người vợ ấy phải thật trẻ. Để hợp với người con gái lớn của lão cũng chừng tuổi ấy.

Trước cửa giáo đường có một vòi nước - đây là chỗ tập trung các phụ nữ trong vùng. Kết thúc cho nhanh việc dọn dẹp, Xu-lây-man ngồi xuống tắm da cừu đối diện với vòi nước và đưa mắt nhìn về phía các cô gái đi lấy nước, dò xét xem ai trong số các cô thích hợp sẽ trở thành vợ lão. Qua đường xẻ của những chiếc áo lấp ló những ngùn ngực tròn căng, rắn chắc, những làn da ẩm mồi sáng bóng lên. Nín thở, nuốt nước bọt thèm thuồng, Xu-lây-man dõi theo các cô gái như người đi săn quan sát con mồi. Sau khi bị kích thích bởi việc nhìn ngắm tận mắt những tấm thân tươi trẻ của các cô gái, lão quay về nhà và trút giận lên đầu mấy bà vợ già. Giờ đây họ không chỉ bị chửi mắng mà còn bị đánh đập nữa...

Và thế là lão trở nên nổi tiếng giữa các tín đồ như một người phải chịu cực hình vì có nhiều vợ. Còn Xu-lây-man thì chẳng nói năng gì cả, lão vẫn ngồi, trên tấm da cừu của mình và thỉnh thoảng lại đưa mắt về phía vòi nước. Lúc nhá nhem tối, khi đã ngồi đến hết giờ cầu kinh cuối cùng, lão ta đến chơi nhà một người nào đó. Viện cơ đó lão đã có dịp ngắm tường tận con gái chủ nhà. Hôm sau lão gọi cô gái vào giáo đường, nhờ quét sàn và lấy nước để làm lễ tẩy rửa. Và khi họ chỉ còn lại một mình, lão mở đầu câu chuyện một cách xa xôi.

- Công việc của con thế nào, có gì mới không?

- Lão hỏi, mắt nhìn chăm chăm vào ngực cô gái. Rồi nói thêm: - Hãy tránh xa bọn trai trẻ ra con gái của ta ạ...

Và lão cũng không bỏ lỡ cơ hội áp sát vào người cô gái. Cô gái cố không để ý đến thái độ của lão, cô tự nhủ rằng lão cũng đáng tuổi bố cô. Còn Xu-lây-man thì mắt cứ đảo đi đảo lại, mồm há ra rồi ngậm lại, hơi thở mỗi lúc một hỗn hển. Cô gái chẳng dám kêu ai. Ai có thể tin cô? Một người thẳng thắn, trung thực đến thế...

Một năm trôi qua, Xu-lây-man đã thay đổi đến mức khó nhận ra. Lão giống hệt một con lạc đà chỉ thiếu một đám bọt sùi bên mép. Tuy vậy, nói chuyện với các tín đồ lão vẫn nhã nhặn lịch thiệp như trước.

- Còn chút nữa là các mục già sẽ giết chết ông ta - một tín đồ nói với vẻ chắc chắn. - Cần phải làm một cái gì đó...

- Hay là tìm cho ông ta người vợ thứ tư - Một người khác đề nghị.

- Chính thế! - Người thứ ba tán thành ! Cô ta sẽ làm nhẹ bớt cuộc sống của ông ta đang bị các mục già làm hỏng.

Cuối cùng người ta đã tìm được cô dâu. Cô gái tên là I-a-xin Nơ Đua, con gái một người đánh cá. Cô đã hai mươi tuổi, tuy vậy chưa có người đàn ông nào dám hỏi chỉ vì lẽ cô ta quá chua ngoa đánh đá, chẳng giống một thiếu nữ tí nào. Cô ta tham gia mọi cuộc cãi lộn của đám thanh niên và chẳng tha một ai. Có điều là cũng chính vì thế mà cô ta chẳng từ một điều gì.

Khi người ta thông báo rằng Xu-lây-man xin ăn hỏi, cô ta chỉ lặng yên nghe, mặc dù rất nóng lòng muốn trút lên đầu ông bố hàng đồng thối mắc.

Và vào một buổi chiều, chú rể thân hành đến nhà họ. Ông bố cô dâu rất hả hê vì chuyến viếng thăm này: Ông ta rất sung sướng khi người chọn con gái ông ta không phải là ai khác mà chính là Xu-lây-man. Chú rể chẳng tiếc quà tặng. Như người ta vẫn nói: Muốn bê thì cho cả bò. Lão giúp đỡ ông bố vợ tương lai một cách rộng rãi, còn khi thu tiền quyên góp ở giáo đường lão làm như không thấy ông ta hoặc kín đáo dúi trả ông ta những đồng xu ông ta góp.

Ngày đính ước đã đến, Xu-lây-man làm thịt một con cừu đực, tổ chức một bữa tiệc mời cả vùng và tuyên bố rằng vào ngày cưới lão sẽ chộc tiết hai con bò nữa để đổi lấy sự trinh bạch của cô dâu.

... Một số thứ lặt vặt được bổ sung thêm, ngoài hai con bò như đã hứa, còn áo sơ mi, khăn trùm đầu, vòng xuyên nữa. Thêm vào đó Xu-lây-man quyết định chẳng cần dè sẻn chi tiêu, còn xây cho I-a-xin riêng một căn nhà.

- Ông ta cho người vợ trẻ chẳng thiếu thứ gì! - Dân trong vùng bàn tán.

Đám cưới bị hoãn lại vài lần vì căn nhà chưa xây xong. Chú rể rất sốt ruột và tuyên bố với mọi người một điều quan trọng là lão cũng sẽ tặng cho người vợ tương lai tất cả đồ đạc trong căn nhà mới.

Bố mẹ cô dâu rất hoan hỉ. Thịt thà, đủ cho mọi người ăn trong cả tuần. Trống đánh rộn ràng. Đám thanh niên nhảy múa mệt mỏi.

Sau đó cuộc sống trở lại bình thường. I-a-xin được hưởng mọi ưu đãi của người vợ yêu. Cô ta sinh một đứa con. Cô gái đã trở thành đàn bà thực thụ với những ưu điểm và khuyết tật của mình. Nhưng người đàn bà trong I-a-xin càng nở rộ thì Xu-lây-man càng già yếu...

Không thể chịu đựng thêm được nữa, I-a-xin tự tìm cho mình một gã nhân tình. Một buổi sáng Xu-lây-man bắt gặp cô trong vòng tay của thằng cháu lão. Lão bỏ đi. Đôi nhân tình cũng nhìn thấy lão.

Ngày hôm sau Xu-lây-man không nói năng gì và cả những ngày sau đó lão vẫn tiếp tục im lặng. I-a-xin càng im lặng hơn, còn thằng cháu, lẽ tất nhiên rồi! Cả ba người cũng giữ kín điều bí

mật.

Tuy vậy tấn bi kịch cảm lạnh vẫn tiếp diễn. I-a-xin không thể bỏ Xu-lây-man mà không bồi thường. Cha cô ta thì chẳng đủ tiền nếu hai người li dị do lỗi của cô ta. Cả hai vợ chồng, ai cũng nghĩ lẽ phải thuộc về mình.

“Mặc kệ cho cô ta bỏ về nhà bố mẹ. Xu-lây-man nghĩ - đằng nào thì ta cũng sẽ đòi tiền đám cưới và giữ thẳng con trai lại”.

“Nếu ta bỏ lão - I-a-xin tự nhủ - ta sẽ phải trả lão tất cả những gì lão đã cho ta - Nhưng đồng thời cô ta cũng nghĩ thêm:

- Thực ra tại sao lại phải trả lão nhỉ? Vì ta có xin lão cái gì đâu. Đứa con là của ta chứ. Ta bỏ chồng vì lão không còn là đàn ông nữa”.

Thế là mọi sự lại như trước đây. Sự ghen tuông đã khiến Xu-lây-man trút giận lên đầu mấy bà vợ già.

Một năm trôi qua, I-a-xin sinh được một đứa con trai nữa. Mấy bà già trong vùng đến gặp Xu-lây-man bảo lão đặt tên cho đứa bé. Nhưng Xu-lây-man đã chuẩn bị sẵn tinh thần và quyết định tấn công:

- Tôi không thể thừa nhận đứa bé. Nó không phải là con tôi.

- Hãy bình tĩnh, ông Xu-lây-man! Đó là ý Đấng tối cao. I-a-xin là vợ ông thì đứa trẻ cũng là con ông.

- Ý Đấng tối cao gì ở cái chuyện này? Đấng tối cao chẳng giúp việc ấy đâu.

I-a-xin chẳng đợi đến khi cuộc nói chuyện kết thúc. Cô ta bỏ về nhà bố mẹ, mang theo tất cả của cải cô đã được tặng, mặc dù theo luật đạo Hồi, trong trường hợp tương tự người vợ phải để lại của cải ở nhà chồng! Khi cha của I-a-xin định khuyên can lão đừng kiên tụng, lão đã khôn khéo lái câu chuyện sang những chủ đề cao siêu. Tuy vậy chần chừ mãi lão vẫn chưa đàm đơn kiện được. Chỉ tới khi không còn chịu nổi những lời ong tiếng ve, lão mới đến chỗ các cụ già trong khu và tuyên bố:

- Tôi đồng ý ly dị, nhưng chỉ với điều kiện: Cô ta bồi thường cho tôi mọi phí tổn và trả lại tôi đứa con.

- Đứa nào? Cô ta có hai đứa con. Và theo luật, cả hai đứa đều thuộc về ông.

- Ông cũng chưa giải thích cho chúng tôi tại sao cô ta bỏ ông.

- Cái đó thì để tự cô ta giải thích. Tự cô ta! Tự cô ta!

- Không, thưa ngài đáng kính! Chúng tôi muốn nghe lời ông, cô ta là đàn bà.

Nhưng Xu-lây-man vẫn làm thinh.

Người ta cho gọi cha của I-a-xin đến.

- Có nghĩa là con gái ông muốn ly dị phải không?

- Nó nói là nó không muốn.

Giờ thì chẳng ai có thể hiểu được đầu vào đầu nữa. “Buổi sáng tỉnh táo hơn buổi tối” - các cụ già quyết định nghỉ và sáng hôm sau họ cho mời I-a-xin Nơ Đua.

- Cô kia, cô phải trở về với chồng.

- Tôi không về.

- Có nghĩa là cô muốn ly dị. Nhưng hãy nhớ rằng, cần phải có lý do xác đáng. Và cô phải đền bù cho ông ta...

- Thứ nhất là tôi không muốn ly dị. Thứ hai là tuy vậy tôi không thể sống chung với ông ta. Thứ ba, tôi không có ý định trả ông ta cái gì, kể cả những đứa con!

Cô ta đã làm cho các cụ già hoàn toàn rối trí. Các cụ đã định cho lẽ phải thuộc về Xu-lây-man. Nhưng khi mức độ sự việc không dàn xếp được trong phạm vi gia đình, mọi người phải kéo nhau lên quan tòa.

Người ta triệu tập từ các khu những người nổi tiếng là am hiểu luật. Cả Xê-rinh Phro-khơ Ton - người nắm chắc pháp luật và biết nói thẳng sự thật vào mặt người ấy đau khổ, - cũng được mời đến.

Tổng cộng tập hợp được hơn năm mươi vị, nên mọi người quyết định họp ở quảng trường. Ngay từ chiều, những kẻ vô công rồi nghề đã tụ tập tại đấy. Suốt đêm các nhà luật học đọc kinh Co-ran và ôn lại các quy định đối với việc thành hôn và ly dị.

Trời đã sáng, Quan tòa nói cho những người được triệu đến biết rằng họ sẽ phải nghe về việc gì, sau đó ngài quay sang phía Xu-lây-man và I-a-xin.

- Xu-lây-man, ông có đồng ý cho vợ và các con ở trong ngôi nhà của ông không? I-a-xin có đồng ý mang con về ở với chồng không?

- I-a-xin đã bỏ tôi, - Xu-lây-man trả lời - nên tôi muốn cô ấy đền bù cho tôi số tiền xin cưới và trả tôi đứa con.

- Thế ông không muốn cô ta trở về với ông à?

- Khi người vợ bỏ nhà ra đi và mang theo tất cả của cải ấy à?

- Cô nói gì về điều này I-a-xin? - Xi-rinh Phro-khơ Ton ngắt lời lão.

- Tôi nói gì ấy à? Tôi chưa ly dị với Xu-lây-man nhưng từ lâu ông ấy đã chẳng còn là chồng tôi. Và thế là tôi bỏ ông ấy.

- Đúng, - quan toà xác nhận. - Nhưng chỉ Xu-lây-man mới có quyền cho phép cô ra đi.

- Cô ta đã bỏ đi và tôi yêu cầu phải được đền bù các phí tổn - Xu-lây-man vùng dậy.

- Tôi sẽ chẳng đền bù gì cho ông cả, - I-a-xin đáp.

- I-a-xin, chiếu theo luật hôn nhân và ly dị, cô phải đền bù cho ông ta tiền dẫn cưới.

- Tiền để đổi lấy sự trinh bạch ấy à? Được rồi, nếu ngài nghĩ việc ấy là công bằng. Duy có điều, nếu thế ông ta phải trả lại tôi điều đó...

Tình thế tương tự, quan toà chưa gặp phải bao giờ. Ý kiến của toà bị chia làm hai: Một phe, nhất là những người trẻ tuổi, thì ủng hộ I-a-xin, còn phe kia ủng hộ Xu-lây-man. Thấy vấn đề không thể giải quyết được, quan tòa yêu cầu những người có mặt phải giữ trật tự và họ chuyển sang vấn đề con cái.

- Xu-lây-man và I-a-xin có hai đứa con, việc chăm sóc chúng, theo luật, được giao phó cho Xu-lây-man, nhưng I-a-xin đã phá bỏ giao ước hôn nhân...

- Tôi muốn nhấn mạnh rằng đứa con thứ hai I-a-xin sinh ra không phải của tôi - Xu-lây-man gượng gạo thừa nhận.

- Tôi muốn hỏi ông rằng theo luật nào mà con lại phải trả cho cha? Vì ông đẻ ra nó chẳng! Phro-khơ Ton hỏi.

- Tôi nghĩ rằng... luật bảo vậy.

Xê-rinh Phro-khơ Ton ngẫm nghĩ một lúc rồi nói:

- Tôi, người đang đứng trước mặt ông đây, đã mất cha từ khi còn trong bụng mẹ, bảy tháng sau tôi mới ra đời. Tuy vậy cái chết của cha tôi chẳng hề cản trở việc ra đời của tôi.

- Cái chết của người chồng không cản trở đến người vợ sắp sinh - quan tòa nói.

- Còn bây giờ mọi người nghe hãy nghe đây, - Phro-khơ Ton nói tiếp. - Điều gì xảy ra với tôi nếu khi đó mẹ tôi mất?

- Tôi có sinh ra trên đời này không?

- Không, không! - Đám đông kêu lên. Cuối cùng, toà án đã cho I-a-xin được kiện.

HOÀNG THUYỀN DƯƠNG dịch

Chiếc xe đèn đám ma

KI-CHI-A TUA-RÊ

(Bờ biển Nga)

Con người giết con vật, mổ bụng để xem tim, nhưng họ không muốn ai mổ tim mình ra. Trái đất sinh ra để nuôi sống con người và ấp ủ con người khi chết. Nhưng không ai để cho người sống mổ quả đất ra xem đất đã làm gì cho người chết... Sự đời là như vậy. Ấy thế mà tôi muốn mở ngôi mộ của cha tôi để hỏi ông cảm thấy thế nào ở dưới đó. Vâng! Tôi sẽ hỏi ông có thật con người đều bình đẳng lúc còn sống và khi đã chết không ?

Cha tôi vốn là người bán những đồ cũ do người chết để lại, nghèo, sống vất vưởng nên chúng tôi rất sợ điều bất ngờ xảy ra. Điều bất ngờ đã đến thật. Cha tôi lâm bệnh. Bệnh viện huyện không phương cứu chữa nên phải đưa đến bệnh viện của trường đại học để may ra được chăm sóc tốt hơn. Bác sĩ nhanh chóng khám bệnh và quyết định mổ. Tám ngày sau, phòng mổ đã sẵn sàng. Cha tôi được gây mê, bác sĩ mặc bô-lu trắng sẵn sàng với bộ đồ mổ được khử trùng cẩn thận. Chúng tôi đợi bên ngoài. Bỗng một chiếc Méc-xê-đét bóng nhoáng lướt nhanh đến khu cấp cứu. Có việc gì xảy ra vậy? Một ca cấp cứu nguy kịch chăng? Người bác sĩ vội rời phòng mổ giữa tiếng huýt sáo. Từ chiếc Méc-xê-đét một con người phì nộn bước ra, người đẫm mồ hôi hay mỡ. Bốn người khỏe như vâm ì ạch khiêng. Một người đàn bà hét hải theo chiếc băng-ca khóc suốt mướt và hò hét mọi người. Chồng tôi... hãy cứu chồng tôi... Vâng, chồng bà, một ông lớn giàu sụ... cấp cứu vì bội thực trong bữa tiệc do ngài C khoản đãi. Hình như ông lớn đã một lúc ngấu nghiến hai đùi cừu quay và cả con gà “rô-ti” như con trăn nuốt mỗi vậy. Nhưng ông ta quên rằng khi trăn nuốt những con mồi thì phải nằm bất động hàng tuần mới tiêu hoá nổi. Đàng này ông trăn gió háu ăn lại ngốn thêm món tôm hùm và nốc rượu Mác-ti-ni. Thế là ông phải mổ cấp cứu.

Phòng mổ thứ hai đã sẵn sàng, nhưng bác sĩ phẫu thuật chưa đến. Ông lớn phải được cứu chữa trước người khổ rách kia chứ.

Khi những cành lá đung đưa trước gió thì rễ của cây có ăn nhằm gì, mặc cho gió thổi. Người thầy thuốc chỉ biết làm nghề nghiệp của mình. Con người chế tạo ra chiếc rìu, rồi chiếc rìu trở nên khó bảo. Người thầy thuốc thạo tay nghề nhưng không thạo đối với số phận người khác. Ông không cứu được ông “trăn gió” và vội vàng trở lại phòng mổ trước. Nhưng ông đã chịu hai lần thất bại trong ngày, không cứu được cha tôi. Không phải ông là người chịu trách nhiệm về cái chết đó. Bây giờ rễ cây không điều khiển được chiếc lá đung đưa hay rụng xuống. Hai người chết lại để gần nhau trong nhà xác.

Bệnh viện xôn xao hân lên. Những lá quốc kỳ ba sắc được treo rủ khắp các góc. Những chiếc xe lớn xe con tranh nhau đường vào nơi đỗ xe. Cả một cuộc chạy đua đến viếng người quá cố lòng danh. Những người vô tích sự hoặc dân thường bị những mô-tô hộ tống và cảnh vệ quốc gia xua đuổi, chen lấn nhau la chí chóa. Có những con người để lại dấu vết của mình cả trên tảng đá. Còn những người khác chỉ khi trời mưa đất bùn nhão ra mới thấy vết chân lờ mờ của họ vừa đi qua. Chúng tôi thuộc loại người thứ hai và cái chết của chúng tôi cũng như vậy. Chúng tôi mong muốn khóc người đã chết - trong thanh bình, được chôn cất theo tập quán của

mình, nghĩa là chậm nhất ba ngày sau khi chết. Người ta không cho chúng tôi đến gần nhà xác. Người y tá cho biết chỉ được chôn cất sau khi đám tang ông lớn xong xuôi. May ra một tuần nữa chúng tôi mới được phép.

Cha tôi lúc còn sống thích tham gia tất cả các hội hè trong vùng. Trẻ con trong vùng, nay có người đã trở thành ông lớn, đều biết cha tôi. Nước hoa và cái bắn đều nặng mùi, nhưng ruồi thích đậu vào người bắn thử hơn là người thơm tho. Cha tôi thường thích giúp đỡ những ai hiểu được nỗi thống khổ. Chỉ có người nghèo mới hiểu nỗi. Lý do đơn giản vì họ nghèo. Làm sao để có thể làm ma cho cha, tôi phải nhờ người can thiệp. Một Bộ trưởng trẻ, người cùng dân tộc, rất rõ cha tôi vì bố ông và cha tôi là đôi bạn thân. Tôi chắc hẳn ông sẽ thông cảm nỗi đau khổ của chúng tôi, khi tôi tỏ ý chờ can thiệp, ông đã từ chối. Hoàn cảnh của chúng tôi là như vậy. Con khỉ sinh ra và sống trên cây. Khi nó rơi xuống người ta chỉ biết nó rơi.

Tôi lại đến nhờ ông chú họ cùng đến gặp ngài Bộ trưởng, lần này ông tỏ ra rất xúc động. Ông từ tốn: “Vâng, tôi rất thông cảm... nhưng chịu thôi. Tôi không giúp được gì vì mọi người đang lo quốc tang... và còn nghi vấn đây là một vụ ám sát”. Ông khuyên chúng tôi đi mua chiếc áo quan và hứa sau đám tang Ông lớn, ông sẽ can thiệp để trao xác lại cho mà chôn cất. Ừ con khỉ chỉ biết nó rơi. Chúng tôi đành theo lời khuyên của niềm hi vọng duy nhất.

Đất nước chúng tôi sản xuất gỗ. Nhưng gỗ lại quá đắt đối với con người sống trong rừng và chăm sóc cây. Chúng tôi đến cửa hàng bán áo quan xem khắp lượt nhưng không chiếc nào hợp với cha tôi vì đắt quá. Hàng giờ đồng hồ qua. Tôi đếm đi đếm lại số tiền có trong tay. Ông chủ cửa hàng đã phát cáu. Một chiếc Méc-xê-đét bóng lộn đỗ xích trước cửa hiệu. Người đàn bà đã khóc ở bệnh viện, bước xuống. Bà rất diện trong bộ áo quần đen, lủng lẳng những vòng vàng chuỗi ngọc trên cổ. Màu vàng óng ả hài hoà tuyệt diệu với màu đen. Ánh kim cương lấp lánh. Tôi chẳng hiểu bà ta đang mặc tang phục hay y phục dạ hội. Theo sau bà có ba chàng trai mặc áo màu đen cài chùy hoa đỏ trên ve áo. Họ vào cửa hiệu, ông chủ quên bằng chúng tôi và xun xoe tỏ ra cảm động vì bà quả phụ đã đem lại niềm vinh dự cho cửa hàng là đưa ba ngài bộ trưởng đích thân đến chọn quan tài cho chồng bà. Người chủ lùi ra sau, ra lệnh cho bọn tôi tó lảng xảng khắp nơi lục lọi và cuối cùng khiêng ra một chiếc quan tài sang trọng đó. Chiếc quan tài đẹp, làm bằng thứ gỗ quý đỏ au, bọc ngoài một lớp phóc-mi-a. Nắp quan tài có gắn chúa Giê-su trên cây thánh giá bằng bạc. Nguyên chiếc quan tài cũng đã làm cho bọn ma quỷ khiếp vía rồi. Chiếc quan tài này cũng được dùng làm hộ chiếu đi thẳng đến Thiên đường. Tác phẩm nghệ thuật này lại được điểm thêm những chiếc vòng sáng loáng để khiêng, bên trong lót nhung đỏ. Người ta thanh toán bằng séc và mang quan tài ra xe. Người chủ hiệu nhìn theo chiếc Méc-xê-đét xa dần về phía chân trời rồi quay lại nhìn thấy chúng tôi. Ông nổi trận lôi đình văng vào mặt chúng tôi: “Chúng bay làm cái quái gì ở đây, hả? Nếu chỉ mua quan tài thì cuốn xéo đi cho rảnh mắt”. Thế rồi ông ta tếch thẳng. Trong lúc ông đang bán kiệt tác nghệ thuật kia, chúng tôi có thì giờ xem xét suy tính. Nếu không tính đến luật lệ hiện đại, chúng tôi có thể chôn cha không cần áo quan. Như vậy cha tôi có thể được tiếp xúc trực tiếp với đất. Thi hài của ông sẽ được nhanh chóng hoà lẫn với đất và biến thành bụi. Linh hồn ông sớm được giải thoát để trở về phù hộ cho những người còn sống. Nhưng để hợp với lễ thói xã hội, chúng tôi phải xoay cho ra một ít tiền để mua quan tài. Thực ra đó chỉ là một chiếc thùng hình chữ nhật bằng gỗ trắng, gỗ của người nghèo, bào sơ qua, chẳng cần trau chuốt. Chiếc quan tài rất

phù hợp với con ma nghèo như cha tôi. Chúng tôi không phàn nàn điều gì, vì đó là điều kiện xã hội của chúng tôi. Chúa đã cho loài người hai lỗ: Một lỗ ra phân, lỗ kia để đái và sinh đẻ. Nhưng loài chim chỉ có một lỗ cho cả hai việc mà chúng có phàn nàn gì đâu!

Vào nghĩa địa lại là một vấn đề. Người coi nghĩa địa cho biết là nhà nước và bố mẹ của Ông lớn đang chuẩn bị nơi yên nghỉ cuối cùng cho ngài con trai. Dân mật hạng như chúng tôi đừng có ho he bèn mảng. Hai tên vệ binh chắn lối ra vào. May thay trong đó có một tên là con nhà nghèo. Nước mắt rưng rưng tôi cố van nài, nên anh ta cũng động lòng và muốn giúp. Thật là nguy hiểm cho anh ta khi anh ta chỉ lờ đi cho chúng tôi len vào không ai hay biết. Nghĩa địa rộng bao la. Khu dành riêng cho những Ông lớn ở lối đi chính giữa ngọn đồi. Bên trái, tít ở *góc* cuối cùng không thấy lối đi là khu người chết của chúng tôi. Ngay người đào huyệt, đắp mộ cũng có hai loại, ở khu người nghèo, họ là người của dân thất nghiệp, không nghề nghiệp chuyên môn gì. Còn khu kia, là những kiến trúc sư, thợ nề, thợ mộc, họa sĩ thật sự. Bên này chúng tôi mua huyệt theo thứ tự từ trái sang phải. Nhưng cũng chẳng phàn nàn gì, vì tất cả huyệt dành cho người nghèo đều giống nhau: Một cái hố hình chữ nhật, rộng một mét rưỡi, dài hai mét rưỡi, sâu gần hai mét, có thể thu nhận mọi cỡ khách hàng cao, lùn, gầy, béo. Khi tìm xong huyệt, tôi xem như đã tạo được nơi ở cuối cùng cho cha, món của cải độc nhất mà cả đời cha tôi nay mới có. Tôi lại gần sang bên kia để xem mộ “đối thủ” của cha tôi như thế nào.

Ô! Đây là kỳ quan thứ tám chăng? Kỳ quan vườn treo Ba-bi-lon đặt cạnh ngôi mộ của ông ta cũng trở thành vô nghĩa. Một ngôi mộ cực đẹp. Tôi nghĩ nếu chắc được nằm trong toà lâu đài như thế này thì tôi sẽ chết ngay bây giờ! Một ngôi mộ khó ai tưởng tượng nổi: Rộng, sâu, hoàn toàn lát bằng đá, nhẵn bóng soi rõ mọi cảnh vật. Phía trên là một toà lâu đài đang xây dựng. Nơi an nghỉ cuối cùng của ông “trần gió” cũng chính là toà lâu đài của ông ta. Thi hài của ông có lẽ được bảo quản đến một nghìn một năm lẻ. Trên lâu đài cao ngất là cây thánh giá có hình Chúa Giê-su bằng bạc thật. Vậy là Ông lớn có giáo xứ riêng rồi. Ông ta chắc không còn ghen tuông gì với các vua Pha-ra-ông thời Ai-Cập cổ đại.

Chiếc xe đòn lại là vấn đề hóc búa nhất. Không còn tiền nữa. Tôi cáu tiết vì những thủ tục hành chính rối rắm. Ở quê tôi, người chết được khiêng đi, có súng hỏa mai hộ tống. Họ đi rất chậm với dụng ý để cho người quá cố còn muốn nói gì với người đi qua thì nói, để xem người chết muốn ra đi hay còn nuối tiếc ở lại. Thỉnh thoảng, những người khiêng quan tài dừng lại. Khi họ đi vòng tròn có nghĩa là người chết còn muốn ngỏ lời tạm biệt với một người thân nào đó. Mọi người đi qua một lượt để xem người chết muốn nói gì. Sau đó đám tang mới đi thẳng tới nơi hạ huyệt. Chỉ khi đó mới gọi là đã chết thật. Nhưng bây giờ không còn đưa tang kiểu đó mà buộc phải thuê xe đòn. Thôi thì đủ thứ phiền toái. Nào ông tài xế bận, nào luật lệ đi đường, nào giao thông ùn tắc. Thế là cứ chạy y như là người sống xua đuổi người chết đi vậy. Thực ra tôi không phàn nàn lắm về sự đổi thay này. Nhưng vấn đề là không có tiền. Chúng tôi lại đến hiệu cho thuê xe đòn. Con thạch sùng không có dao quắm đeo ở thắt lưng, nên nó chỉ đớp côn trùng và nhai luôn cả lớp vỏ cứng không cần bóc. Xe đòn cũng có nhiều loại, nhiều giá, xếp hàng dãy. Có chiếc Méc-xê-đét bóng nhoáng màu đen có điều hoà nhiệt độ. Những chiếc 504, SG2, Tô-y-ô-ta cũng vậy.

Một đoàn mô-tô tiến vào dừng lại trước chúng tôi và dẹp các xe trên đường. Lại một đoàn mô-tô khác tiến vào. Chiếc Gia-ga theo sau. Chúng tôi phải đưa xe tang lên vỉa hè để nhường lối

cho hàng rào danh dự. Sau chiếc Gia-ga là chiếc xe tang của nhà giàu, một chiếc 504 có điều hoà nhiệt độ. Hàng trăm ô-tô theo sau. Chúng tôi đợi hơn nửa giờ cho đoàn xe sang trọng qua xong mới tiếp tục xuống đường. Hơn một giờ sau những nhà chức trách rời nghĩa địa ra về. Thấy cha xứ, tôi vội vàng đến quỳ xuống bên người khấn khoản... Ông cau có: Mày muốn gì?... Tôi trình bày rằng cha tôi vừa mất, hôm nay an táng... Hôm qua con đã đến trình đức cha... Nay nhân có cha ở đây, xin đức cha làm... Tôi chưa kịp nói hết câu, đức cha dùng ngón tay trỏ chỉ vào mặt tôi, giận dữ nói: Ngươi cũng phải thôi vì có bữa tiệc lớn ở nhà tang chủ để tỏ lòng biết ơn những người dự tang lễ, đang đợi ngươi. Chính phủ đứng ra lo việc này. Ngươi Tổng Giám mục đích thân làm lễ cầu phúc trong bữa tiệc sẽ bắt bằng nếu người thứ hai vắng mặt hoặc đến muộn. Một cha xứ khác tỏ ra sốt ruột chờ cha bề trên cùng đi. Cha bề trên tỏ ra lúng túng. Nếu không đi làm lễ cầu hồn cho cha tôi thì còn gì là danh dự của Giáo hội. Ngươi ghé bên tai cha xứ thì thầm. Họ trừng mắt nhìn tôi, giận dữ ra mặt, quát: Nhanh lên, tôi không muốn gở mớ ra ở đây.

Cha tôi được chôn cất vội vàng, cái huyết ngôn đất lấp nhanh hơn con vật háu đói nuốt mồi. Cha xứ đọc vội câu kinh: Chúa phán con là bụi, nay trở về với bụi. Già rồi, con tìm nơi yên nghỉ. Chúa sẽ đón con trong xứ Chúa. A-men!

A-men! Mọi người đồng thanh.

Cha xứ bảo tôi nói nhanh mấy câu với người quá cố. Nước mắt lưng tròng, tôi bắt đầu: Cha ơi! Cha chết rồi, yên lành với đất. Mọi người đều bình đẳng khi đã chết. Cha và Ông lớn vừa chôn cất kia, cùng mất một ngày. Đừng khóc về sự khổ cực của cha ở trên mặt đất nữa. Nay thì cả hai đều bình đẳng rồi...

Cha xứ huých cùi chỏ vào tôi và chữa lại: Hai người đã bình đẳng từ sáu ngày nay rồi.

Đã bình đẳng ư! Tôi nhắc lại câu hỏi, nhìn đám đất đỏ phủ lên quan tài cha tôi, nhìn ánh mặt trời chiếu trên mộ người kia đặt trên ngọn đồi chính giữa nghĩa địa.

Ít lâu sau, tôi biết các nhà chức trách không hài lòng về đám tang của thằng khố rách lại diễn ra cùng ngày với đám tang của người con kính yêu của đất nước. Quả thật, người khố rách có thể sẽ kiêu hãnh đến xứ sở của Chúa trước Ông lớn. Thật là một sự lảng nhục, phạm thượng. Các nhà chức trách phải ra sức hành động để không được lặp lại điều xấu xa đó: Viên chức phụ trách nhà xác đã để cho chúng tôi lấy xác bị hạ chức. Người coi nhà xác bị đuổi. Anh lái xe tang của cha tôi cũng mất việc. Ông chủ hiệu cho thuê xe đòn bị khiển trách.

Vậy đó, khi cành và lá cây rụng đưa trước gió, phải chăng là lỗi tại rễ cây?

NGUYỄN THÀNH KÊ dịch

Người chơi số đề

NƠ-KEN NƠ-VAN-CVÔ
(Nigêria)

Đám đàn ông lơ nhố, người đứng kẻ ngồi trước nhà bưu điện, mệt mỏi chờ đợi, ai nấy đều cầm trên tay những tấm phiếu chơi số đề bóng đá. Nhân viên bưu điện đi nghỉ trưa hết cả. Phải vài phút nữa mới đến giờ làm việc buổi chiều của họ. Dưới ánh nắng như thiêu, như đốt, đám đàn ông trở nên cáu bẳn vì quá ư sốt ruột.

- Mãi mà họ chẳng đến cho - một ông trung niên, đứng dậy khỏi tảng đá vừa ngồi, thốt lên. Có lẽ họ chẳng bao giờ quay lại nữa!

- Thì mặc xác họ, - anh chàng trẻ tuổi cao lêu đêu đáp. - Tôi quá biết cái lũ nhân viên bưu điện này. Chúng lừa bịp tôi suốt ba năm nay rồi, thế là đủ! Một anh bạn tôi mới đây đã dạy tôi bí quyết chơi. Nói có trời cao đất dày chứng giám, mua ít một thì đến mừng thất cũng chẳng trúng được đâu. Thôi, tôi sẽ tạm nghỉ đã. Đến khi nào trường vốn, tôi sẽ mua một lúc cả trăm tờ vé đề.

Chàng trai với đầy vẻ thách thức đưa mắt nhìn những người nghe đứng xung quanh đang hoài nghi cười ruồi. Anh ăn mặc xoàng xĩnh, giày mòn vẹt đế nhưng đôi mắt lại cháy rực một niềm hi vọng mãnh liệt.

- Thực mà, thực mà! - Nhà diễn thuyết quả quyết nói to. - Anh Bai-Ô, bạn tôi, tháng trước anh ấy còn làm cùng chỗ với tôi nhưng giờ thì chỉ ngồi mát ăn bát vàng. Anh ấy đặt mua một trăm bảng - quý vị có hiểu không? - Những một trăm bảng và thắng luôn một nghìn. Giờ gặp đâu tôi cũng thấy anh ấy phóng những chiếc xe ô-tô to ơ là to với các cô gái đẹp mê hồn. Anh có nằm mơ cũng không thấy nổi họ đâu! - Những lời cuối cùng anh đổ xuống đầu người đàn ông ốm o đứng cạnh, khiến y trở nên rụt rè hẳn. Có nằm mơ cũng không thấy nổi!

Nhà diễn thuyết trẻ tuổi có kiểu nói chuyện với ai cũng như với đám bạn bè bằng vai phải lứa quen biết từ lâu.

- Dĩ nhiên rồi, - người đàn ông rụt rè đáp và cúi nhìn tờ năm bảng mà y định dùng mua phiếu.

- Vậy đấy, - nhà diễn thuyết kết thúc. - Tôi chả thèm đợi lũ nhân viên bưu điện đáng nguyên rủa nữa. Tôi đi đây.

Anh nở một nụ cười thân thiện với tất cả mọi người xung quanh rồi chậm rãi bỏ đi.

Anh chưa kịp khuất thì cửa nhà bưu điện đã mở. Gã đàn ông nhẩn nại lao ngay tới ô cửa, mua phiếu trước tất cả mọi người, đề số vào và lập tức cảm thấy điều mà suốt mười năm trời nay y luôn cảm thấy - niềm hi vọng rằng rốt cuộc rồi thế giới cũng sẽ trở nên nhân hậu đối với y.

“Một trăm bảng... - y thầm nghĩ, nhớ lại những lời cháy bỏng của nhà tiên tri trẻ. - Thật

không ngờ!". Y mỉm cười dè dặt, mơ màng. Một người qua đường nhận thấy nụ cười của y, nghĩ rằng nó dành cho mình, liền cười đáp lễ, nhưng O-kô-li E-đê, biệt danh là Lật Đật - do các bạn đồng nghiệp ở công sở nơi y làm việc đặt cho y - không nhìn thấy gì cả. Y còn mãi nghĩ tới những trò đồng đánh của vị thần mới mẻ, bí ẩn - số đề bóng đá này. Đến chỗ bên ô-tô, y lưỡng lự nhìn chiếc xe buýt đang đỗ ở đó. Giờ lên xe buýt ngồi thì hay đây: về tới nhà còn những một dặm nữa, mà nắng làm y nóng ran hết cả gáy lên rồi. Thế nhưng với đồng lương chết đói thế này làm sao y có thể cho phép mình sai sang như vậy?

Vì thế y lại tiếp tục cuộc bộ và mồ hôi đầm đìa, lần được về căn phòng chật chội nhếch nhác của mình ở tầng trệt một ngôi nhà ẩm ỉ, đông đúc. Ở đây thì chẳng thể nói gì về chuyện tiện nghi. Căn phòng chỉ có những vật dụng tối thiểu nhất: Một chiếc giường sắt cá nhân, một bàn, một ghế. Và bếp cũng liền ở đấy, được ngăn ra bằng một tấm chắn cũ.

O-kô-li E-đê cởi ra bộ y phục mặc ngày - cái quần soóc xanh may từ vải sợi bông với cái áo sơ mi - và chui vào tấm áo choàng màu da lươn rồi đặt nước lên bếp nấu canh.

- Không, không thể thế, - y lẩm bẩm một mình. Y vẫn chưa xua được suy nghĩ của mình khỏi dòng chảy mà anh chàng diễn thuyết hồi nãy đã hướng y vào. - Nhưng lỡ đâu tay ấy nói thật thì sao?... Đặt liền một lúc cả trăm? Hoặc giả, năm chục?...

Nước trong cặp lồng sôi sùng sục. O-kô-li E-đê nấu xong bữa chiều, ăn hết, rửa sạch bát đĩa và trải ra bàn mấy tập giáo trình, vùi đầu vào học. Đây là việc chính của đời y. Chính vì muốn mau mau được ngồi vào bàn học nên y luôn luôn vội vàng hấp tấp như vậy. Và y bị gán cái biệt danh Lật Đật, chẳng qua chỉ vì mỗi lần giờ làm việc vừa kết thúc là y lập tức lao như tên ra khỏi công sở.

Thế nhưng O-kô-li E-đê không sao tập trung tư tưởng được. Lòng y náo động liên hồi, đầu óc rối tinh. Chao ôi, như vậy mà cũng gọi là sống ư? Thật chán chường! Năm năm ròng y nhai đi nhai lại mấy quyển giáo trình này, vậy mà lần nào cũng trượt vồ chuối. Liệu có bao giờ điều y hằng mơ ước được trở thành hiện thực không? Chuyển du lịch sang Anh. Trường đại học tổng hợp, bằng luật sư. Và lại quay trở về Ni-giê-ri-a. Cỗ xe ô tô lông lầy, thật dài, mang nhãn hiệu Mỹ. Đàn bà... Thật nhiều đàn bà... Bộ tư pháp... Và tiền. Tiền cũng phải có thật nhiều, như nước... Nên chẳng, lại dốc sạch túi ra chơi? Bao giờ cũng có người trúng cơ mà. Nếu ai có được trúng một lần những bảy mươi năm nghìn!... O-kô-li E-đê ngồi phất dậy, sững sờ trước con số khổng lồ này. Y rất háo tiền. Lúc nào cũng vậy. Một lần, y đánh mất một đồng bảng và cả ngày hôm đó y đã nhịn đói để bù lại số tiền này.

Nhưng liền đó nỗi hoài nghi lại xâm chiếm y ngay, và thở dài ngao ngán, O-kô-li E-đê quả quyết ngồi vào bàn và lại vùi đầu vào sách vở. Thế nhưng chỉ sau đó vài phút từ đâu đấy bên cạnh con số 75.000 lại chập chờn trôi tới và dai dẳng nhảy nhót trước mắt y. Y kéo ngăn bàn ra, cầm cuốn sổ gửi tiền nhà băng lên, y mở sổ. Số tiền gửi: 100 bảng. Đúng 100 bảng! Cái gì thế nhỉ, một sự trùng hợp ngẫu nhiên? Hay là một điều lành? Biểu tử vi trên báo tuần này đã tiên đoán cho y: "Hãy mạo hiểm, vận may phù hộ bạn!". Chà, sao số tiền y gửi nhà băng lại đúng bằng số tiền mà gã trai nọ nói nhỉ.

Tuy thế, với 100 bảng này cũng có thể bị thua sạch lắm chứ... Nếu như y bị thua... Y còn có

trách nhiệm trước mẹ cha mình, ông cụ bà cụ phải đầu tắt mặt tối trên mảnh ruộng con xúi, nó cần cỗi lắm, chả gì mọc lên được nữa. Ký ức về mảnh ruộng này luôn luôn bám sát y, chế ngự y, xây bức tường ngăn y với những thèm muốn của y. Y ném trả lại ngăn bàn cuốn sổ gửi tiền nhà băng và lại ngồi vào học. Không, phải vứt bỏ ngay những ý tưởng rồ dại này ra khỏi đầu, quên hẳn đi, không nghĩ nữa.

Vậy mà y vẫn nghĩ, ở đâu đó trong thẳm sâu tiềm thức, nơi nó không bị gì điều khiển, hoàn toàn hỗn độn.

- Ta sẽ trúng! - O-kô-li E-đê choàng tỉnh dậy với những lời này thốt trên môi. - Ta sẽ trúng!

Thần kinh y căng tựa dây đàn, thân thể nóng rực, tay nhóp nhúa mồ hôi, họng khô khốc vì kích động. Với một trăm bảng không thể nào trượt được! Y bật dậy, lấn bấn tìm việc để làm cho khỏi phải suy nghĩ, vì suy nghĩ - đó nghĩa là trăn trở, dằn vặt.

Sáng hôm sau, lúc đi làm, O-kô-li E-đê mang theo cuốn sổ gửi tiền nhà băng, tuy vậy y vẫn chưa đủ can đảm để tự thú nhận với mình việc y định làm cùng nó. Hôm đó công việc ít và khi sắp mệt mỏi vì cảnh vô công rồi nghề, bỏ sang phòng khác tán gẫu với cô thư ký, O-kô-li E-đê lúi lúi ngay ra ngoài phố. Trạng thái nôn nao cứ riết róng bám lấy y. Y đi gần như chạy và gắng không nghĩ ngợi gì. Các nhân viên nhà băng, tựa hồ đã đoán trước được ý định của y, tiếp y với vẻ dửng dưng mà họ vẫn gặp những ai rút tiền ra chứ không gửi tiền vào.

Chiều đó, về tới nhà, O-kô-li E-đê không sao bắt mình đi nấu ăn được. Khổ sở vì căng thẳng, y nằm lăn ra giường, úp mặt xuống gối. Thần kinh tựa hồ bị tê liệt. Không nhớ, không nghĩ gì nữa, mặc xác những gì muốn xảy ra. cứ xảy ra! Lúc y như được thăng thiên, lúc y như bị biến thành tro bụi. Tất cả nội lực mà bấy năm nay y đã tích tụ được trong mình, tan biến sạch, chỉ còn độc một niềm hi vọng le lói ở đâu đấy bên trong.

Rồi dần dà suy nghĩ của y trở nên sáng sủa hơn và như thể muốn tìm điểm tựa, ulla về bám lấy một điều gì đó vững chãi và đáng tin cậy. Y nhớ lại, thời học sinh có một lần y đưa tiền tiêu vặt của mình cho vay lấy lãi. Một người bạn bố y đã kéo tai y. Nhưng chính hôm đó y đã làm việc này.

O-kô-li E-đê lôi từ túi ra tập ngân phiếu. Ba mươi bảng. Tất cả những gì còn lại từ số vốn mà y đã ký cóp dành dụm được suốt năm năm liền ở bản năng tự vệ đã kiềm chế y, y không dốc hết tiền ra chơi liền một lúc vì nhớ rằng của cải không về ồ ạt ngay lập tức, còn phải đợi thêm một thời gian nữa... Trước mặt y chao đảo hiện lên những khuôn mặt thẳng thốt, sùng mộ của đám đông trong nhà bưu điện khi y tuyên bố rằng y sẽ mua 70 bảng... Hai ngày liền y đã nạp tiền cho vị thần linh đó...

Nắng mai tung ánh sáng vào phòng O-kô-li E-đê lột toàn bộ cảnh nghèo nàn thảm hại của nó, nhưng cùng với ánh nắng, là không khí trong lành mát mẻ cũng ulla vào phòng như hứa hẹn một cuộc sống khác, đầy rẫy những chuyện giạt gân.

Đúng là sự nghèo nàn vô vọng! O-kô-li E-đê bỗng thấy xấu hổ cho cảnh sống của mình, căn phòng bẩn thỉu bé bằng lỗ mũi. Hừ, đến khi nào y lĩnh tiền trúng thưởng rồi... Giờ y không còn hoài nghi chút nào về chuyện y sẽ trúng thưởng. Có gì, chuyện vặt! Sơn lại tường, treo màn

cửa mới trải tấm thảm thật đẹp - mọi sự sẽ tuyệt vời... O-kô-li E-đê đi làm trong tâm trạng phấn chấn.

Sau giờ làm việc, y rẽ vào một cửa tiệm sang trọng và sắm cho mình đủ lệ bộ cho vai trò mà y định đóng sau vài hôm nữa. Trở về nhà, y bắt tay vào dọn dẹp trật tự, vừa nhún nhảy làm vừa khe khẽ hát "khá rồi" - xong việc, y lùi ra sát cửa, ngấm nghĩa thành quả do sự cố gắng của mình đem lại và thốt lên như vậy. Trên bốn bức tường, trước đây những vết bẩn và hoen ố, nay treo lịch, mấy tấm màn cửa trông thật hay. Với cảm giác mãn nguyện hết sức dễ chịu - cái cảm giác mà suốt ba mươi năm sống trên cõi đời y chưa lần nào được nếm trải, y mở cái hộp bóng loáng nước sơn ra, dùng kính xem xét từng đồ vật nằm bên trong: một bộ com lê, cái cà vạt đúng mốt, đôi giày đen, cái áo sơ-mi.

- Sao không nhí, nếu mình mặc chúng ngay bây giờ, tất nhiên kể cũng có khi sớm, nhưng...

O-kô-li E-đê ngượng ngịu mỉm cười. Cuối cùng cũng đóng bộ mới và ngấm nghĩa mình trong tấm gương con. Nhiều thứ còn chưa đủ, nhưng làm sao có thể có tất cả ngay lập tức được, đợi thêm ít nữa cũng chả chết ai... Hôm sau y đi làm trong bộ y phục mới, thanh lịch, bảnh bao và trang trọng.

Những người thích đùa cợt xúm xít quanh y.

- Ra thế, anh chàng Lật Đật của chúng ta đang chuẩn bị cưới vợ!

- Không có lẽ.

- Nàng tên là gì thế?

- Sao cậu lại kín như bưng vậy? Giá biết trước, bọn tớ cũng đã chuẩn bị cùng.

- Tôi quả thực không ngờ anh ta cũng có bồ.

- Người ta nói đúng ghê, tấm ngấm tầm ngấm mà đâm chết voi. Lũ con gái chết mê chết mệt những gã trai như thế.

- Chết mê mệt, quả đúng thế.

Sếp ném ra cái nhìn nghiêm nghị và đăm nhân viên vội vã về chỗ của mình. Sự phục tùng ngoan ngoãn của họ khiến ông ta làm phách hơn. Ông ta cao gầy, đôi mắt đỏ ngầu như một kẻ nát rượu lờ đờ sau cặp kính cổ lai hy. Ông ta nghi hoặc nhìn O-kô-li E-đê một cách rất chăm chú và hiển nhiên đã phát hiện ra bộ cánh mới của y. Kín đáo đưa mắt nhìn lướt qua tấm áo sơ-mi có dăm ba chỗ cháy của mình, mua được trong một cuộc đấu giá, sếp sầm mặt lại. Ông ta đủ sức trị bất cứ ai có ý định chơi trội hơn mình. Đây đâu phải phòng triển lãm mốt, đây là công sở.

Nỗi thèm khát cuộc sống mới mẻ, thú vị, những cảm giác lạ và trạng thái vô tư lự mê mải bao trùm lên O-kô-li E-đê. Cửa đáng tội, tính thận trọng còn chưa bị dập tắt hoàn toàn, người ta đã dạy dỗ cho y điều gì đó nhưng O-kô-li E-đê đã giả bộ làm ngơ. Rốt cuộc, ai chẳng muốn được hưởng mùi đời, vậy mà cho tới nay y mới chỉ sống toàn bằng hi vọng, của cải mới chỉ đang trên đường về với y. Y rẽ vào một quán ba và lần đầu tiên trong đời công khai nhòm ngó lũ gái điếm

không hề giấu dếm, nốc cạn vại bia, lắng nghe những giai điệu nhạc quý phái. Y bỗng thêm bắt chước những người khác, đi ra giữa nhà quay cuồng, uốn éo, nhảy nhót nhưng bản tính nhút nhát đã ghìm chân y lại. Y uống thêm bia, mắt hấp ha hấp háy, đầu óc quay cuồng. Rồi y đứng dậy định ra về. Một cô ả, hẳn đã để ý thấy bộ cánh của y, liếc mắt đưa tình với y nhưng khi y tiến lại gần hơn, lạnh lùng ngoảnh mặt đi. “Hãy đợi đấy, nôm ả, rồi em sẽ lại chẳng quần lấy ta”. O-kô-li E-đê tự an ủi thầm.

Hàng xóm láng giềng nhận ra ngay sự thay đổi: Một chàng trai vốn hiền lành khiêm tốn là vậy, thế mà nay lại giở trò hoá dại này. Lời ong tiếng ve nổi lên. Nhưng O-kô-li E-đê không mấy may bận tâm với những đôi lông mày nhướn lên kinh ngạc và những tiếng xì xào. Y chấp chới lao vào cuộc đời mới trên đỉnh sóng mơ ước và hy vọng.

Chủ nhật, người ta công bố kết quả các trận đấu bóng đá. O-kô-li E-đê quên mua báo - thân xác y đang bị nhức nhối vì những thứ vui quá độ: Bụng đau, mồm như dính kẹo, mắt nhức, chân tê dại.

Các giải thưởng sẽ được thông báo sau vài ngày nữa. Giải lớn nhất - năm mươi ngàn bảng. O-kô-li E-đê dễ hời hợt đến nỗi phải ra ngoài phố đi dạo cho hời tâm chút ít. Không hẳn là vì lý do sợ những trái tim trong lồng ngực đập liên hồi như trống trận.

Nổi khát thêm vui thú càng ngày càng kích động y mạnh hơn nhưng tiền đã hết. Một bận y dẫn gái về nhà. Sáng ra y dậy muộn và bắt đầu vội vã mặc quần áo. Cô gái cũng tỉnh dậy, y định thanh toán tiền nong với ả nhưng lại thiếu một bảng. Cô gái không chịu thiệt.

- Mai lại đến đây - O-kô-li E-đê thô bạo ngắt lời ả!

- Lại còn thế nữa! Giả ngay bây giờ mau.

Dáng điệu cô ta trông đói khát và dữ tợn, hẳn ả đã quen chiến đấu và giành giật cho mình từng xu một. O-kô-li E-đê hết hoảng. Hàng xóm mà rõ chuyện, chẳng biết họ sẽ nói những gì.

- Anh không trả, tôi sẽ không để cho anh đi làm việc gì cả, - ả sẵn sàng rít lên với y. - Nhược bằng không, tôi sẽ lấy cái kia đi - ả lao tới vợ vội cái áo vét-tông của y.

- Không, không! Phải trừ cái vét-tông này ra! Kia, cầm lấy cái này đi, nào! - Y chìa cho ả hộp phấn.

Khinh bỉ ném trả cho y cả cái áo vét-tông lẫn hộp phấn, ả xông tới đâm y thùm thụp.

O-kô-li E-đê muộn giờ làm việc. Sếp hí hửng theo dõi cảnh y vào phòng. Sáng nay, ông ta gặp những chuyện không vui. Sau trận cãi nhau với vợ, ông ta chẳng khác gì quả bóng bị châm kim. Cấp dưới đánh hơi thấy tâm trạng giận cá muốn chém thớt của sếp mình, tìm cách lánh mặt ông ta.

- Hoá ra ngài cũng chịu hạ cổ đến tôi đây, - tức tối nhìn O-kô-li E-đê, sếp lên tiếng.

- Như ông thấy đấy, - y lúng búng đáp rồi ngồi vào bàn của mình.

- Tôi đang nói với ai vậy? - sếp nổi trận lôi đình. - Anh làm thế, không nghe thấy gì ư, vậy

thì tôi sẽ sa thải anh... Phải, phải sa thải anh... Các ngài có thấy không, hẳn ta cho mình cái quyền muốn đến lúc nào thì đến. Hay anh nghĩ anh đã là giám đốc rồi! Anh cho rằng chỉ mình anh mới có bộ com-lê thôi ư?

Câu giễu cợt này mang lại một hiệu quả mạnh mẽ: Đám công chức bật cười sảng sặc, tay vỗ đùi đen đét, hào hứng thét gào.

Thái độ đồng tình của họ, càng đổ thêm dầu vào lửa. Sếp hoàn toàn không tự kiểm chế mình chút nào.

- Hừ, các ngài cứ thử nhìn anh ta xem kìa! - Ông ta nói tiếp. Đám đồng nghiệp nhìn chăm chăm O-kô-li E-đê lúc đó đang ủ ê đứng cạnh bàn mình - trong bộ com-lê trên người anh ta khác chi trên giá áo... Nếu như anh là giám đốc...

Ông ta chưa kịp nói nốt. Đám cấp dưới kêu ồ lên và lặng người đi: Bộ mặt sếp của họ bị biến thành tảng thịt nhầy nhụa co giật màu xanh đen mà trên đó, mực tong tống chảy xuống.

O-kô-li E-đê đứng sững nhìn ông ta thêm một vài khoảnh khắc rồi khi đã biết chắc rằng lọ mực lưu lại được vết tích của nó, y bỏ ra khỏi phòng.

- Mặc chúng nó sa thải! - Trên đường đi về nhà, y thét to - Chúng còn chưa rõ ta là ai! Chẳng bao lâu nữa chúng sẽ biết!

Về tới nhà, y nặng nề ngã vật xuống ghế và đưa tay lên ôm đầu. Y cứ ngồi như vậy hết cả ngày. Rồi chiều tới. Y đứng dậy, người vẫn run rẩy vì kích động. Và đúng phút đó một cái phong bì xanh được đút vào qua khe cửa.

- Ai đấy? - Y giật mình lên tiếng hỏi.

- Tôi đây!

- Tôi là ai?

Không có câu trả lời. O-kô-li E-đê nhấc phong bì lên - con tem nước ngoài. Tay y run run. Hai lần liền y rút lá thư, lần nào y cũng vội vã nhặt nó lên khỏi sàn. Y mãi vẫn chưa dám giở ra xem: Giở ra rồi, điều bí mật sẽ trở thành sự thật. Nắm chặt lá thư trong tay, y nằm lăn ra giường và nhắm nghiền mắt lại. Rồi bất thành lình y ngồi bật dậy, hối hả xé phong bì và lôi ra tờ giấy được gấp lại trong đó. Lý trí tựa hồ bị suy giảm, y không sao nắm bắt được ý nghĩa bức thư, nhưng ở đâu đó trong lòng mình y đã hiểu ra và trái tim âm thầm cào xé lồng ngực.

- Mười bảng, - phải hồi lâu O-kô-li E-đê mới thì thào thốt lên được thành tiếng. - Trúng. Mười bảng...

Cuối cùng y mới lảng máng hiểu ra. Không, không thể thế được! Không thể thế, y đã đặt cọc những gần một trăm bảng cơ mà!... Cần phải hỏi lại. Y lao ra phố nhưng lập tức hiểu ra rằng chẳng có đâu mà đến cả. Không, thật không ngờ! Mười bảng! Nhưng y vẫn rảo bước đi, đi gần như chạy, vô phương hướng.

Cần phải làm một việc gì đó... có thể ở đâu đấy người ta cất tiền hớ hênh... phải tìm ra và

lấy cắp... Y không thể kiếm được chỗ làm khác nữa, và nếu như y lại quay về làng cũ, cha mẹ y và hàng xóm láng giềng sẽ cho rằng y chẳng được tích sự gì cả... Mong sao ở đây đừng có cảnh sát.

Tiếng phanh xe rít lên bên cạnh, chiếc ô-tô quay ngoắt sang bên, xô phải vỉa hè. Người lái xe tức giận xô ra và hầm hầm đi về phía O-kô-li E-đê.

- Anh đi đứng gì mà như mù thế hả? Muốn chết thì nhảy xuống biển mà tự tử, nó ở ngay kia kia.

O-kô-li E-đê không nói không rằng và cũng không dừng lại. Y cứ bước thấp bước cao đi như người máy được lên dây cót sẵn.

- Hừ, đồ sâu bọ! - Người lái xe thét lên sau lưng y.

- Không bỏ để người ta phải bắn tay!

Anh ta quay lại xe và nổ máy phóng đi. O-kô-li E-đê dừng lại bên bờ vịnh và ngáy người ra nhìn mặt nước phẳng lặng trong ánh ngày rực hồng đang qua. Xa xa, phía cửa biển, vô số những con thuyền sắc sỡ sắc màu đang tung tăng đi lại như những con thủy quái trong truyện cổ tích thiếu nhi. Một chiếc thuyền bơi rất gần bờ. Những người đánh cá sải mạnh mái chèo, hồ hởi với cơn gió nhẹ thuận chiều. Rồi họ cất tiếng hát vang.

“Họ mới hạnh phúc làm sao!” - O-kô-li E-đê thầm nghĩ. Y đưa mắt dõi theo họ cho đến khi họ chỉ còn là những chấm đen nhỏ xíu nhoà dần trong màn sương xanh lãng đãng, ở đằng đông, mặt trời đã bị chẻ ra thành những mảnh nhỏ xinh đỏ ối. Lát nữa thôi, đêm sẽ nuốt chửng ngày không gì cưỡng lại được.

O-kô-li E-đê nhìn quanh và khi biết chắc rằng ở gần không có một người nào, y giang rộng hai tay, lao mình xuống vực.

HỒNG THANH QUANG dịch

Những câu chuyện thành cổ Cai-rô

NA-GHÍP MA-PHU-BƠ

(Ai Cập)

Giải Nobel Văn học năm 1998

Chị mở mắt và trông thấy Kha-di-gia với Ai-sa ngồi nơi chân giường, đang nhìn mình với ánh mắt vừa lo âu vừa hi vọng. Chị thở dài, nhìn ra phía cửa sổ và bắt gặp ánh nắng ban mai.

- Mẹ đã ngủ khá lâu - Chị nói với vẻ ngạc nhiên.

- Có vài giờ thôi, vì đến mai gần sáng mẹ mới thiếp đi mà. Thật là một đêm kinh khủng, đến chết con chẳng thể quên.

Chị nhớ lại ngày hôm qua, cơn đau, sự vật vã trần trọc thâu đêm và trong lòng chị trào lên nỗi buồn và xót thương hai đứa con gái đã phải liên tục thức trông mình. Chị thầm nghĩ đến đức Thánh, đoạn khẽ khàng nói, ý chừng như xấu hổ:

- Mẹ làm khổ các con quá.

- Chẳng phải nói thế, có điều mẹ làm chúng con sợ quá. Mẹ đau lắm, có phải không? Con đã nghĩ là mẹ cảm thấy đỡ hơn nên ngủ thiếp đi, thế là con đi nằm, nhưng mà tiếng rên của mẹ đã làm con tỉnh dậy. Ôi, con không thể chịu được... Con thức đến sáng luôn. - Kha-di-gia âu yếm nói.

- Còn con thì dù sao vẫn thấy an tâm, - Ai-sa nói xen vào. - Vì sáng nay khi anh Pha-mi bảo đó là dấu hiệu chúng tỏ phần xương gãy trở lại đúng vị trí.

- Chúng nó đi rồi à? Mọi việc đều ổn cả chứ? - Chị hỏi và nghĩ đến mấy đứa con trai.

- Vâng, các anh ấy muốn nói chuyện với mẹ, xem thử mẹ cảm thấy thế nào. Nhưng mà con không cho đánh thức mẹ dậy, vì mai mẹ mới thiếp đi được một chút.

Chị thở dài:

- Đội ơn Thánh A-la, cầu mong sao mọi việc kết thúc êm đẹp. Mấy giờ rồi?

- Một giờ nữa là đến chuông gọi lễ cầu nguyện trưa.

Chị cảm thấy như đã muộn lăm rồi. Chị nhắm nghiền hai mắt, và khi mở ra trong đó hiện lên nỗi sợ hãi.

- Có thể đang trên đường về nhà?

Hai cô con gái hiểu ngay mẹ nghĩ đến Ai-sa, chính cả hai cô cũng nơm nơm lo sợ.

- Cứ về, chẳng có gì mà sợ. - Ai-sa mạnh bạo nói. - Con đã biết phải nói gì với ông ấy.

- Không biết có ăn thua gì không?

Càng gần tới giờ ông ấy trở về, nỗi lo lắng của chị càng tăng lên.

- Sao lại không ăn thua? Ta sẽ nói đúng như đã thoả thuận với nhau và mọi việc sẽ ổn cả.

Chị tiếc lúc này không có mặt La-sin và Pha-mi, chúng sẽ giúp chị yên tâm hơn. Kha-di-gia nói vậy thôi, chứ liệu có giấu diếm chuyện này mãi được không? Chị âu yếm ngược mắt nhìn hai con gái. Đúng lúc đó Um Ha-na-phi vào và thì thào, như sợ ai đó nghe trộm ngoài cửa:

- Thừa bà, ông đã về.

Tim chị đập dồn dập, hai cô con gái chạy lại giường, nép sát vào chị và nhìn nhau hoảng hốt.

- Hai cô đừng nói gì cả, - Um Ha-na-phi bảo, - tôi e là hai cô không thể lừa dối được ông chủ đâu. Tự tôi sẽ nói, Thánh A-la sẽ phù hộ tôi.

Im lặng căng thẳng bao trùm, y như những lúc trong phòng tối bọn trẻ con nghe tiếng bước chân và sợ sệt cho rằng đó là quỷ sứ đang tới. Đúng lúc ấy họ nghe tiếng bước chân của Át Xai-git mỗi lúc một gần. A-mi-na khó nhọc phá tan sự im lặng.

- Ông chủ sẽ vào phòng ta, và sẽ không gặp ai cả. Hãy đi bảo với ông ấy là ta ốm, nằm đây, thế thôi. - Chị nói với Um Ha-na-phi.

Các cô gái nhanh chóng rời khỏi phòng, để mẹ lại một mình. Chị phó thác mình cho số phận trong tâm trạng cô đơn, như cách ly hẳn với thế giới bên ngoài. Tâm trạng buồn xuôi, nhần nhục này thường là dấu hiệu một ý nghĩ táo tợn liều lĩnh của kẻ cùng đường. Chị bắt đầu cân nhắc xem phải nói với chồng thế nào, bởi lẽ dần dà chị càng nghi ngờ tính đúng đắn của những việc mình đã làm. Trong sâu thẳm tâm can chị vẫn e ngại rằng mình đang làm trái lẽ và chính điều đó làm chị lo sợ, bồn chồn. Chị nghe thấy tiếng chiếc gậy gõ xuống sàn phòng khách. “Lạy Thánh A-la, xin người rủ lòng nhân từ cứu vớt!”. Chị thì thầm và đưa mắt nhìn ra cửa. Át Xai-git bước vào, lờ mắt nhìn chị và đứng sững giữa phòng.

- Cô bị ốm ra sao? - Ông hỏi với giọng dịu dàng khác thường.

- Ơn đức Thánh, Át Xai-git ạ, em cảm thấy dễ chịu, hoàn toàn dễ chịu.

- Nhưng mà Um Ha-na-phi nói với tôi là cô bị ốm.

- Em bị đau xương đòn gánh. - Chị đưa cánh tay phải lên.

- Có chuyện gì xảy ra với cô? - Ông hỏi và chăm chú xem xét chỗ băng bó với vẻ lo âu.

Giây phút quyết định đã đến. Phải nói gì đây? Tự cứu mình bằng cách nói dối? Đến lúc mọi việc yên ổn đâu vào đấy, sẽ có thể cầu xin lòng thương. Chị ngược mắt lên và bỗng run rẩy khi gặp ánh mắt chồng mình. Tim chị đập liên hồi. Tất cả những lời lẽ chị đã sắp xếp trong đầu bỗng tan biến, mọi toan tính dự định cũng không còn rạch ròi, sáng suốt nữa. Chị chớp chớp mắt lúng túng, không nói nên lời. Át Xai-git ngạc nhiên.

- Có chuyện gì vậy, A-mi-na? - Ông hỏi.

Chị không biết cần phải nói gì, chỉ biết là mình không đủ sức nói dối.

Chị bị chìm trong tâm trạng rối bời, tuyệt vọng. Thời gian vẫn tích tắc trôi.

- Sao cô không nói gì cả?

Trong giọng nói của ông chị cảm nhận được sự sốt ruột và sắp phát khùng. Ôi lạy đức thánh A-la, lúc này chị cần được giúp đỡ biết bao. Chỉ có quỷ sứ mới đẩy chị vào tình trạng vô vọng thế này.

- Tôi lấy làm lạ là cô không muốn nói gì cả!

Với nỗi hoảng loạn tột cùng, chị không thể im lặng được nữa, và lắp bắp:

- Chúa thượng của em, em đã làm tội lỗi... em bị ô-tô quệt vào người.

At Xai-git tròn xoe mắt kinh ngạc và sau đó ánh mắt ông lộ vẻ lo lắng pha trộn sự bức bối.

Ông bắt đầu ngờ rằng tâm trí vợ không được bình thường. Nhưng A-mi-na đã hết do dự, chị quyết định thú nhận tất cả, bất chấp điều gì có thể xảy ra tiếp theo. Sức nặng của tội lỗi và sự liều lĩnh khiến chị giàn giụa nước mắt và giọng nói nghẹn ngào; một phần còn do chị thầm mong chồng động lòng thương hại.

- Ngài An Hu-xê-in của chúng ta cho gọi em và em đã đến thăm viếng ngài. Lúc quay về thì ô-tô quệt phải em. Đức Thánh đã trừng phạt em như thế, chúa thượng của em ạ. Nhưng mà em đã tự đứng dậy được, không cần ai giúp đỡ cả. - Những từ này chị cố nhấn mạnh rõ ràng. - Lúc đầu em không hề thấy đau. Em đã nghĩ là không làm sao hết và đi về nhà, đến nơi mới bị đau buốt. Cả nhà đã mời thầy thuốc đến khám cho em. Thầy thuốc bảo xương đòn gánh bị gãy. Em đã phạm nhiều tội lỗi, chúa thượng của em ạ, nhưng em đã phải trả giá cho tội lỗi đó. Lạy đức Thánh nhân từ rộng lòng tha thứ cho con.

Át Xai-git nghe với bộ mặt lăm lè và chăm chăm nhìn vợ. Không thể đoán biết được ông nghĩ gì. A-mi-na gục đầu nhẩn nhục và chờ đợi phán quyết. Sự im lặng kéo dài. Chị có thể nghe thấy được trong đó sự đe dọa và chị không hình dung nổi số phận dành cho mình cái gì đây. Cuối cùng thì chị nghe thấy chồng nói với giọng hết sức từ tốn:

- Thầy thuốc bảo sao? Liệu đây có phải là ca gãy xương nguy hiểm không?

Chị sửng sốt nhìn chồng. Mọi điều đã được lường trước, duy có điều này, thái độ từ tốn này thì không. Giá như đây không phải là chuyện nghiêm trọng thì chị đã ước mọi việc lặp lại lần nữa, để tin đây là sự thật. Sự xúc động trùn lên toàn thân chị và nước mắt trào ra giàn giụa. Chị mím môi cố kìm giữ tình cảm rồi thì thầm:

- Thầy thuốc bảo chẳng có gì mà sợ cả. Xin đức Thánh che chở cho ông trước mọi điều xấu. Át Xai-git ạ...

Người đàn ông đứng yên, tự kiểm chế không đặt thêm câu hỏi; rốt cuộc ông đã vượt lên được ý muốn đó và đi ra cửa.

- Cô hãy nằm yên cho đến lúc đức Thánh giúp cho cánh tay khỏi hẳn.

Ngay khi bố đi khỏi, Kha-di-gia và Ai-sa chạy ào vào. Hai cô đứng tò mò và lo âu nhìn mẹ.

Họ nhận thấy cặp mắt chị đỏ hoe.

- Qua rồi chứ mẹ? Đức thánh phù hộ... - Kha-di-gia hỏi với tâm trạng chờ đón điều tồi tệ nhất.

- Mẹ đã nói hết sự thật. - Chị lúng túng đáp.

- Sự thật?!

- Mẹ không thể làm khác được, có điều gì giấu được ông ấy đâu.

- Một ngày đen đủi cho tất cả chúng ta. - Kha-di-gia kêu lên, hai tay áp nơi tim.

Ai-sa bàng hoàng không nói nên lời. Còn người mẹ thì mỉm cười, có phần xấu hổ, khuôn mặt tái nhợt của chị bỗng bừng đỏ. Chị không chờ đợi sự từ tốn, thông cảm của Át Xai-git, vậy mà... Chị muốn kể cho các con biết:

- Bố đã tỏ ý xót thương mẹ, xin đức Thánh cho ông ấy sống lâu trăm tuổi. Ông ấy im lặng nghe mẹ, rồi hỏi thầy thuốc bảo gì, khi đi ra còn bắt mẹ nằm yên cho đến khi đức Thánh chữa lành cho mẹ.

Hai cô con gái ngạc nhiên nhìn nhau, không dám tin, nhưng rồi thở phào nhẹ nhõm.

- Thấy chưa, đó chính là nhờ phúc đức của ngài An Hu-xê-in! - Kha-di-gia kêu lên sung sướng.

- Mọi cái đều có giới hạn của nó, thậm chí cả sự nổi giận của bố. - Ai-sa xen vào. - Bố không thể nổi nóng với mẹ trong hoàn cảnh này, bây giờ ta biết rõ là bố đánh giá mẹ cao như thế nào... Ôi, mẹ thật hạnh phúc! Sự trân trọng, thông cảm như thế! Xin chúc mừng!

Gương mặt chị lại ửng đỏ.

- Cầu mong đức Thánh ban cho ông ấy sống lâu trăm tuổi. - Chị ngượng ngùng nói. Tạ ơn đức Thánh đã cứu giúp. Còn con, hãy đến với bố đi. - Chị quay sang Kha-di-gia. - Hẳn là bố đang cần con.

Cô gái cảm thấy như mắc vào một cái bẫy nào đó, như mọi lần, khi phải gần bố, cô luôn luôn cảm thấy lúng túng bất an.

- Thế sao Ai-sa không đi?

- Con phục vụ bố tốt hơn. - Chị bảo con với ý trách móc. - Đừng bướng bỉnh, có khi ngay lúc này bố đang cần con.

Cô gái hiểu rằng phản đối chẳng ăn thua gì, vẫn như mọi lần, mỗi khi có việc gì cần đến cô thì mẹ đều dứt khoát cho rằng cô làm tốt hơn Ai-sa, và khỏi phải nhiều lời. Tuy nhiên cô thích cãi lại, để thích thú được nghe mẹ khẳng định: "Trong việc này... việc này con hơn hẳn Ai-sa, trong việc kia... con làm tốt hơn Ai-sa..." Bởi vậy nên vừa bước ra cửa cô vừa nói:

- Cứ hễ có việc gì xảy ra là mẹ gọi Kha-di-gia, như trong nhà chẳng còn ai nữa cả. Không có con thì mẹ làm thế nào?

Thế nhưng, vừa khép cửa lại, cô đã thấy lo sợ. Bố sẽ đối xử với cô sao đây nếu chẳng may cô chậm trễ hoặc lầm lẫn việc gì đó? May sao At Xai-git đã tự thay quần áo và chỉ sai cô pha cà-phê. Cô hoàn thành nhiệm vụ này một cách nhanh nhẹn rồi bung đến cho bố, hai mắt không dám nhìn lên, dáng vẻ ngượng ngập và sợ sệt, sau đó cô quay ra phòng khách để ngồi chờ bố sai khiến việc khác. Nỗi lo sợ không rời cô lấy một giây. Làm sao cô chịu đựng được suốt ba tuần lễ liền, nếu ngày ngày cứ phải phục dịch bố thế này. Cô biết rằng đây quả thực là công việc nặng nề kinh khủng và lần đầu tiên cô hiểu được vai trò của mẹ đáng giá thế nào trong nhà này. Cô tự thương xót cho thân phận mình và cầu mong sao mẹ chóng bình phục.

Thật xúi quẩy cho cô là Át Xai-git thấy mệt mỏi sau chuyến đi đã quyết định nghỉ ngơi và buổi chiều không ra cửa hàng như cô đã phỏng đoán. Vậy nên cô như bị giam lỏng trong phòng khách. Ai-sa rón rén đến với bộ mặt khiêu khích muốn trêu chọc cô, nhưng Kha-di-gia đã lừ mắt xua đuổi; cô không thể chịu được các trò đùa trong hoàn cảnh thế này. Mãi tới khi Át Xai-git nằm xuống ngủ trưa cô mới được tự do để chạy ngay đến bên mẹ. Cô kể những việc đã làm cho bố, những ánh mắt tỏ vẻ hài lòng của bố đối với cô. Cô cũng không quên kể về việc Ai-sa quấy rầy cô như trẻ con. Khi bố tỉnh giấc, cô dọn bữa trưa cho ông. Sau bữa ăn, Át Xai-git xem xét giấy tờ sổ sách, rồi gọi cô lại, bảo phải nói với Pha-mi và Ia-sin khi nào về, đến gặp ông ngay.

Chị nghĩ ngay rằng bây giờ bố sẽ trút hết mọi bức tức lên đầu hai thằng con, Ia-sin và Pha-mi cũng nghĩ như vậy và hai cậu đến phòng bố với tinh thần sẵn sàng đón đợi những điều xấu nhất. Còn ông bố lại cũng làm hai cậu ngạc nhiên. Ông gặp hai con trai với thái độ bình thản khác thường, yêu cầu kể đầu đuôi sự tình và những điều thầy thuốc đã chỉ bảo. Ông chăm chú nghe, đoạn hỏi:

- Thế cả hai anh đều ở nhà khi mẹ đi chứ?

Từ đầu hai cậu đều chờ câu hỏi này, nhưng sự bình thản của bố đã làm họ mất cảnh giác và bây giờ hai cậu ngồi im thín thít, tim đập hồi hộp. Át Xai-git không ép buộc; ông biết câu trả lời của hai cậu, ông chỉ muốn cho hai cậu thấy rằng ông nắm rõ lỗi của họ. Át Xai-git lặng lẽ chỉ tay ra phía cửa, ý bảo hai cậu đi được rồi, đoạn ông lẩm bầm một mình:

- Đức Thánh ít ra cũng đã bán cho ta đức tính kiên nhẫn.

Mọi việc diễn ra cho thấy Át Xai-git có lo lắng đến tai nạn xảy ra và điều này làm cả nhà ngạc nhiên; tuy vậy, ông không lo lắng tới mức không còn hứng thú với thói quen đi chơi, tiệc tùng khi chiều xuống. Ông ăn mặc chải chuốt, xúc nước hoa thơm lừng và ra khỏi nhà. Tuy nhiên, trước khi đi, ông có ghé qua phòng vợ và hỏi thăm chị cảm thấy thế nào. Chị cảm ơn một cách dài dòng, nước mắt đầm đìa, không thấy được là ông đang chuẩn bị đi chơi đêm, cho dù vợ ốm đau nằm đây. Chỉ riêng cái việc ông ấy đến đây đối với chị đã chứng tỏ ông ấy quý chị hơn cả chị tưởng. Mà nói cho cùng, điều căn bản là ông ấy đã không nổi giận với chị. Liệu chị còn mơ ước điều gì hơn thế nữa? Mấy cậu con trai đã bảo nhau “xem thử hôm nay ông già có nhìn được đi chơi đêm không?”. Nhưng chị đã bảo: “Việc gì bố phải làm thế? Ông ấy biết rõ là không có gì nguy hiểm đối với mẹ cơ mà?...”. Có thể trong tâm trí chị vẫn thầm mong tối nay ông ấy sẽ không đi đâu cả, nghĩa là ông ấy sẽ xử sự như người chồng phải xử sự khi vợ ốm đau. Được thế thì chị sẽ cảm động xiết bao. Nhưng, đã hiểu rõ tính cách chồng, chị đã phải vờ vịt mà

nói át đi những lời to nhỏ của các con, coi như việc ông ấy đi chơi hoàn toàn phải lẽ. Cho dù vậy, Kha-di-gia vẫn nói: “Làm sao bố có thể vui chơi khi biết mẹ trong tình cảnh thế này?”.

Nhưng Ia-sin đã chen vào:

- Khi bố biết là mẹ chẳng có gì nguy hiểm cả thì việc gì bố lại không đi? Nỗi buồn của đàn ông khác hẳn của đàn bà. Việc người đàn ông đi vui chơi tiệc tùng không có gì mâu thuẫn với nỗi lo buồn của ông ta cả, trái lại, việc vui chơi là cần thiết, nó giúp ông ta đủ sức gánh vác nghĩa vụ nặng nề trong cuộc sống.

Ia-sin nói như vậy không phải chỉ để bênh vực bố, mà thực ra còn để tự thanh minh cho ý muốn đi ra khỏi nhà cậu đã bắt đầu cảm thấy bị gò bó. Kha-di-gia hiểu ngay ý tứ của Ia-sin, cô đập luôn:

- Thế ví dụ như anh thì hôm nay liệu anh có đến tiệm cà-phê quen biết kia không?

Ia-sin rửa thềm và trả lời rất nhanh:

- Tất nhiên là không, nhưng mà tao là tao, còn bố lại là chuyện khác.

Khi chồng đi khỏi chị cảm thấy nhẹ cả người như vừa thoát một nỗi nguy hiểm thực sự.

- Có thể bố cho rằng mẹ bị thế này là đáng lắm.

- Chị nói với nụ cười trên môi. - Cầu mong đức Thánh ban phước cho ông ấy và tất cả chúng ta.

- Chính bạn bè của bố cũng là những người đàn ông hay ghen tuông, vậy mà họ chẳng thấy có gì xấu trong việc đồng ý để vợ ra khỏi nhà khi cần thiết. - Ia-sin nói với giọng khích bác. - Vậy thì tại sao bố lại biến nhà mình thành nhà tù?

- Sao mãi đến lúc này anh mới phát biểu lời bào chữa này? - Kha-di-gia hỏi.

Ia-sin cười rũ ra, thân hình to lớn lắc lư:

- Vì tao không có cái mũi của mày để tự vệ khi cần thiết.

Những ngày đau ốm trôi đi. Con đau hành hạ chị tối đầu tiên không lặp lại, tuy nhiên mọi cử động nhỏ đều làm chị bị nhói đau nơi vai, chị mau chóng bình phục nhờ cơ thể khỏe mạnh và sức lực dồi dào. Tuy nhiên thầy thuốc cấm chị cử động, và chính điều này khiến chị thấy khổ sở hơn cả cơn đau nơi xương gầy. Nếu không có mấy đứa con trai luôn luôn trông chừng thì ắt hẳn chị đã rời khỏi giường bệnh sau một thời gian ngắn, bất chấp lời khuyên của thầy thuốc. Tuy vậy nằm trên giường, chị vẫn luôn luôn để mắt đến công việc trong nhà. Chị cứ lo mấy đứa con gái quên điều gì đó, hoặc bỏ qua việc gì đó và luôn luôn hành hạ các cô bằng những câu hỏi: “Con giũ bụi rèm trên gác chưa? Con lau khung cửa sổ chưa? Con đã xả hơi nước vào bồn tắm của bố chưa? Con tưới cho cây hoa nhài chưa? Con tưới đậu rồi chứ?”. Kha-di-gia đã nổi xung lên và nói: “Mẹ có thể yên tâm là con coi sóc, chăm chút cái nhà này hơn mẹ một trăm lần!”.

Việc bị đẩy ra khỏi vị trí quan trọng bậc nhất làm chị thấy khổ sở. Liệu cái nhà này, hoặc

một ai đó trong cái nhà này có làm sao với “sự vắng mặt” của chị không?

Cứ cho Át Xai-git cảm thấy thiếu vắng chị, nhưng điều đó có nghĩa là ông đánh giá chị rất cao, hay đó là biểu hiện của sự giận dữ về tội lỗi chị gây ra, kéo theo bao nhiêu điều rắc rối trong gia đình? Tất nhiên là nếu trật tự trong nhà bị đảo lộn, chị sẽ lo lắng rất nhiều, nhưng nếu mọi việc đều trôi chảy như thường thì chị cũng không kém phần khổ tâm. Thực ra chẳng có ai lấp được vào chỗ trống vốn là của chị. Mọi việc đều chứng tỏ nhà này đòi hỏi rất nhiều và hai cô con gái không đáp ứng xuể. Chị không hề đặc chí với điều này, dù chỉ trong ý nghĩ. Chị bệnh vực Kha-di-gia và Ai-sa một cách nhiệt tâm, với nỗi lo âu canh cánh. Chị nóng lòng chờ đến ngày được phép rời khỏi giường bệnh.

Sáng sớm của cái ngày mong đợi ấy, chị sung sướng bật dậy như một cô bé. Như ông vua trở lại ngôi báu sau những ngày bị đày ải, chị chạy vào bếp và đánh thức Um Ha-na-phi. Người hầu choàng tỉnh với vẻ mặt sững sốt, rồi mừng rỡ chào bà chủ. Họ hồ hởi bắt tay vào công việc trong bếp. Cùng những tia nắng đầu tiên của ngày mới chị đi lên gác và các cậu con trai hoan hỉ đón chào, chúc mừng chị với những cái hôn. Chị vào đánh thức Ha-man. Cậu bé ngạc nhiên, vui sướng vùng dậy, ôm cứng lấy cổ chị. Chị nhẹ nhàng gỡ tay cậu bé và vờ nghiêm giọng:

- Con muốn mẹ lại bị gãy xương à?

Cậu bé mỉm cười hôn chị tới tấp:

- Mẹ ơi, bao giờ ta lại cùng nhau đi dạo?

- Khi nào đức thánh cho con đủ trí khôn để không dẫn mẹ đến nơi trái ý muốn của mẹ, kéo lại như lần trước, suýt nữa thì mẹ chết đấy.

Cậu bé hiểu mẹ muốn nhắc cậu nhớ đến nguyên nhân trực tiếp đã dẫn đến tai nạn vừa qua, cậu mỉm cười như muốn nói rằng mình đã ăn năn suốt mấy tuần, giờ đây mới thật sự an tâm. Ka-man thực sự đã lo các anh sẽ dò xét và tìm ra “thủ phạm” thực sự của tai nạn này. Kha-di-gia và Ia-sin đã có vẻ hơi nghi ngờ nhưng may mà mẹ đã che giấu được bằng cách nhận hết lỗi về phần mình. Tuy vậy, nỗi lo sợ vẫn dấy vò cậu khi nghĩ là bố sẽ điều tra, cậu luôn luôn nơm nớp chờ bố gọi đến mình. Ngoài ra cậu còn bị day dứt vì biết rằng mẹ rất đau đớn, khổ sở vì vết thương và phải nằm một chỗ. Bây giờ thì mọi chuyện đã qua, việc điều tra dò xét đã chấm dứt, những lộn xộn do vụ tai nạn kéo theo cũng chấm dứt, mẹ lại ngày ngày đến đánh thức cậu, đêm đêm lại ru cậu ngủ. Mọi việc lại như trước đây, lại bình yên, cậu lại được thoải mái vui cười, hết bị lương tâm cắn rứt.

Chị rời khỏi phòng Ka-man và đi lên tầng trên cùng. Từ trong phòng của chồng vọng ra tiếng cầu kinh, bài “Rạng danh đức Thánh”. Tim chị đập loạn xạ. Chị không biết nên đi vào phòng nói lời chào chồng hay nên chuẩn bị bữa ăn sáng cho chồng đã. Chị muốn trốn tránh giây phút gặp mặt vì lo sợ và xấu hổ. Chị tự biện bạch bằng những cái cớ giả tạo để che giấu nguyên nhân chủ yếu của hành động này. Chị vào phòng ăn và dọn bàn **với** sự cẩn thận thái quá. Thế nhưng việc thấp thỏm chờ đợi còn làm chị khổ sở hơn cả việc gặp mặt chồng. Chị cũng cảm thấy lạ lùng là sao lại sợ vào phòng “của mình” như đây là lần đầu tiên phải vào đó, nhất là bấy lâu nay Át Xai-gít đối xử nhẹ nhàng như thế, đến thăm nom sức khỏe chị luôn như thế. Dù sao thì đây sẽ là giờ phút gặp nhau riêng biệt giữa hai người kể từ khi chị bị tai nạn. Chị

đã khỏi, nghĩa là không còn tấm mộc “đau ốm” để che chắn chị với cơn thịnh nộ của chồng, kể từ lúc chị nói ra sự thật về tai nạn vừa qua. Khi mấy cậu con trai vào phòng ăn chị thấy yên tâm hơn. Tiếp sau đó Át Xai-git xuất hiện trong bộ lễ phục.

- Nào! - Ông nói cứ như không có chị ở đây. - Các anh ngồi vào bàn đi.

Họ ăn bữa sáng, còn chị vẫn đứng ở vị trí thường ngày của mình. Chị đã hết lo sợ, mặc dầu biết rằng khi chỉ còn lại một mình với chồng, chị sẽ không dễ dàng ứng xử tí nào cả. Ăn sáng xong Át Xai-git trở về phòng mình, còn chị thì sau đó ít phút bùng khay với tách cà-phê lên cho ông. Chị đặt cà-phê lên bàn rồi đứng sang bên, chờ đợi ông dùng xong sẽ giúp ông thay quần áo để ra phố. Át Xai-git trầm ngâm uống cà-phê. Đó không phải là sự trầm ngâm biểu lộ lòng khoan dung, tha thứ mà cũng chẳng phải sự trầm ngâm của người không muốn nói chuyện. Đây là sự im lặng toan tính, không, sẽ chẳng có một lời tốt đẹp nào đâu, sẽ chẳng có vài câu trò chuyện buổi sáng như lệ thường nữa đâu. Chị thấy lúng túng. “Ông ấy đang suy tính gì đây?”. Chị vừa phỏng đoán vừa thấy như tim bị bóp nghẹt. Và sự trầm ngâm im lặng không kéo dài. Người đàn ông chăm chú suy tính và đã quyết định xong, rõ ràng đây không phải sự suy tính chột đến mà là kết quả của nhiều ngày nghĩ ngợi.

- Cô đã bình phục rồi? - Ông hỏi mà không ngẩng đầu lên.

- Ơn đức Thánh cao dày. - Chị thì thào.

- Tôi lấy làm lạ và chẳng thể nào hiểu được, - Át Xai-git nói tiếp, - tại sao cô dám làm một việc như thế.

Tim chị đập loạn, mắt chị hoa lên. Có bao giờ chị chịu đựng cơn thịnh nộ của chồng đâu, mà đó là những lúc chị bênh vực người khác, còn lúc này, chính chị là người có lỗi. Nỗi sợ hãi khiến chị như bị cầm bắt.

- Hay có thể suốt bấy nhiêu năm tôi đã bị lừa dối mà chẳng hề biết tí gì cả? Sao?

Chị đau đớn và khiếp đảm chìa hai tay ra phía trước:

- Vì đức Thánh cao cả, chúa thượng của em ạ, em đã phạm tội lỗi ghê gớm, nhưng em không hề làm gì để bị nghi ngờ như thế đâu.

- Làm sao cô lại có thể phạm tội lỗi ghê gớm như vậy? Tôi đi khỏi nhà có một ngày thôi mà!

- Em đã phạm điều tội lỗi, ông chủ của em ạ. - Toàn thân chị run rẩy. - Em cầu xin lòng độ lượng của ông. Em đã rất mong được thăm viếng ngài An Hu-xê-in của chúng ta. Em nghĩ rằng điều này có thể lý giải cho việc em ra khỏi nhà một lần duy nhất.

Át Xai-git lắc đầu, vẻ không hài lòng, như muốn bảo: “Cô nói chuyện này chẳng ích gì”, đoạn ông nghiêm khắc nhìn vợ và nói với giọng không khoan nhượng:

- Tôi chỉ có một điều để nói: Cô hãy đi ngay lập tức khỏi nhà tôi.

Chị lặng người, như bị sét đánh. Trong những giây phút nặng nề nhất, khi chị chờ ông ấy từ

cảng Xa-ít về, chị đã sẵn sàng chịu đựng mọi điều, mọi lời quát mắng, nguyên rửa, chị chờ ông trút lên mình toàn bộ cơn thịnh nộ, thậm chí cả việc đánh đập... còn đuổi ra khỏi nhà thì chị chưa hề nghĩ tới.

Hai mươi lăm năm chung sống đã đem lại cho chị một sự an tâm khiến chị không thể hình dung được điều gì có thể tách hai người ra, có thể khiến chị bị đuổi khỏi nhà. Còn Át Xai-gít sau khi nói được những lời đó, cảm thấy nhẹ mình, như thoát khỏi sức nặng đè nén tâm trí ông suốt ba tuần qua.

Ông đã tự đấu tranh với bản thân khi nghe vợ khóc lóc thú nhận tội lỗi. Lúc đầu ông không tin rồi sau đó ông trấn tĩnh được để chấp nhận thực tế. Lòng kiêu hãnh của ông bị tổn thương. Tuy nhiên ông không nổi khùng trước tình cảm của vợ, ông chờ lúc vết thương lành hẳn. Phải nói là ông không định đối xử đến mức thế này, vì ông lo lắng cho người đàn bà quen thuộc gần gũi kia, người đàn bà có những đức tính khiến cho ông coi trọng. Hầu như ông đã quên hẳn tội lỗi của vợ mà chỉ cầu xin đức Thánh phù hộ cho vợ ông mau chóng bình phục. Mối lo cho sức khoẻ của vợ đã làm trỗi dậy trong lòng ông những tình cảm vốn được che giấu rất kín. Ngày đầu tiên trở về biết vợ bị nạn, ông đã thấy buồn chán, cô đơn. Chỉ lúc thấy rằng vợ sẽ mau chóng bình phục ông mới yên lòng. Nhưng, cũng từ đó ông thận trọng suy xét mọi khía cạnh của sự kiện, từ nguyên nhân cho đến hậu quả, rồi nhìn sự kiện tai nạn của vợ với con mắt khác.

Thật không may cho người vợ là ông đã có đủ thì giờ để suy nghĩ rồi quyết định được mọi việc mà không hề bị quấy rầy. Ông nghĩ rằng nếu theo tình cảm mà tha thứ cho vợ ắt hẳn ông sẽ không còn được kính trọng, nghĩa là ông sẽ đi ngược với tập quán, với truyền thống, với lịch sử và dây cương sẽ tuột khỏi tay ông, sợi dây chẳng được ông coi trọng hơn bất cứ điều gì khác, với bản tính quyết đoán và nghiêm khắc của ông. Ông sẽ không còn là A-mát Áp An Giáp-va mà sẽ là con người khác nếu như ông làm ngược lại các nguyên tắc. Điều không may cho người vợ chính là việc ông được tự do suy nghĩ, cân nhắc từ đầu đến cuối. Giá như ông đã nổi xung lên thì sự thể đã khác, bởi ông trút được mọi sự bực tức thì mọi việc chẳng còn gì đáng xét nữa. Nhưng lúc vợ đang đau yếu ông không thể bùng lên cơn thịnh nộ, mà lúc này, khi vợ đã bình phục, lòng tự trọng không cho phép ông nổi giận lại. Ông đã có đủ thì giờ và yên tĩnh để cân nhắc và tìm ra cách thể hiện sự giận dữ của mình, để xử lý xứng đáng với mức độ sai phạm và chính mức độ nguy hiểm của tai nạn đã cứu chị tránh khỏi cơn thịnh nộ của chồng, giờ đây trở nên nguyên nhân của hình phạt nặng nề.

Ông đứng lên với cặp mày nhíu lại, ông với lấy áo khoác nơi đi-văng.

- Tôi tự mặc lấy áo được. - Ông nói khô khốc.

Giọng nói của ông làm chị sực tỉnh khỏi tâm trạng rối bời, chị hiểu là chồng ra lệnh cho mình đi khỏi phòng, bèn tiến về phía cửa.

- Trưa nay khi tôi quay về, tôi không muốn gặp lại cô trong nhà này nữa. - Ông nói thêm khi chị đã ra tới ngưỡng cửa.

TỪ ĐỨC HOÀ dịch.

Một người chồng cho em tôi

I-SAN AP-ĐEN-KA-ĐÚT

(An giê ri)

Em tôi chưa có chồng. Đó là việc của tôi... Em tôi không đẹp, chúng tôi đều biết như thế, chính nó cũng biết thế!

Nó kín đáo và nhút nhát. Nó như mất hồn trước đám đông và lẩn trốn vào chỗ vắng người. Rồi cả buổi chả nói một lời. Nó có thể suốt cả đời chả mở mồm nói một tiếng....

Em tôi không có của nả... gia đình tôi sống qua ngày, dựa vào lương của bố tôi và của tôi. Cả một thời gian dài trôi qua và đến giờ tôi mới nhận thức ra là em tôi chưa có chồng. Thỉnh thoảng tôi có để ý những tiếng thở dài của mẹ tôi.

Rồi tôi cũng nghe hàng xóm cầu nguyện cho em tôi “Lạy chúa, cho cô Dai-náp tằm chồng!”

Mỗi ngày, tôi lại thấy em tôi lăm lè và mồn mõi... Thế nhưng, tôi vẫn không nhận thức được vấn đề của em tôi... Vả lại không ai trong nhà nêu vấn đề này ra cả... có lẽ vì tự trọng.

Cho đến hôm mà tôi định lấy vợ. Tôi đã hai mươi chín tuổi và lương tháng được ba chục đồng li-vơ-rơ. Tôi có thể rút ở quỹ tiết kiệm ba trăm đồng li-vơ-rơ. Chỉ có việc lấy vợ, xây dựng một tổ ấm. Tôi tìm mẹ tôi và vui mừng vừa cười vừa nói với mẹ: “Mẹ ơi, mẹ định lấy cho con cô nào?” Mẹ tôi ngạc nhiên nhìn tôi tựa hồ như tôi rơi trên cung trăng xuống. Rồi bình tĩnh, mẹ tôi trả lời tôi không một chút hào hứng: “Đó là việc tất nhiên và quyền của con”.

Vẻ lạnh lùng của bà làm tôi suy nghĩ...

Nhưng tôi lại cười và nói với bà “Mẹ có ý nghĩ gì về cô gái có bà con với đường bố con không?... và đừng cho là cô A-mi-na, con gái ông láng giềng là hơn nhé!”.

Mẹ tôi lại thở dài có vẻ đau buồn và nói:

“Mày chọn lấy con ọ, mày chọn xong, tao sẽ đi hỏi nó cho mày”... rồi, mẹ tôi khóc... những giọt nước mắt lạnh lẽo như những giọt sương. Tôi ngạc nhiên hỏi: “Mẹ sao thế?... mẹ giận vì con sắp lấy vợ sao... thôi chả cần việc vợ con!” Mẹ tôi khóc nức nở. Rồi lấy hai tay bưng mặt, bà than thở: “Con ơi, đó là vì việc của con Dai-náp... mẹ muốn lấy chồng trước con, lạy chúa cho nó một anh chồng hiền lành... con gái tội nghiệp của mẹ một mình trong cái xó ấy, nó làm mẹ đau lòng... thiệt thòi cho nó quá!”

Và vấn đề được đặt ra cho tôi, không còn nghi ngờ gì nữa, đó là việc của tôi, đeo đẳng suốt đời tôi.

Em tôi chưa có chồng. Nó đã hai mươi bảy tuổi và chưa lấy chồng. Tôi sững sờ lặp đi lặp lại câu “Đúng thế, Dai-náp chưa lấy chồng” tôi đứng lên bỏ ra ngoài phòng lớn mặc cho mẹ tôi vẫn tiếp tục than thở về số phận của em tôi. Tôi nhìn em tôi, nó đang ngồi xếp quần áo, tựa hồ như tôi muốn khẳng định là nó chưa chết và những lời than thở của mẹ tôi không phải là những điều vẩn. Rồi tôi về phòng tôi gục đầu suy nghĩ.

Vấn đề bắt đầu được đề cập dưới mọi khía cạnh. Tôi tự hỏi tại sao Dai-náp lại chưa có chồng? Bởi vì nó không đẹp ư? Mọi cô gái trong khối phổ đều đẹp hơn nó chẳng! Mặc dù thế, không phải là nó không có nhan sắc... ai mà đã quen với những cái mụn nổi đầy trên mặt nó rồi thì sẽ thấy nó đẹp lắm. Đôi môi của nó khéo tô và đôi mắt nhỏ, lặng lẽ mơ màng, trán nó rộng và nhìn nó cân đối mặc dầu đôi chân hơi dài.

Tôi hình dung những nét về em tôi như là lần đầu tiên tôi thấy nó. Tôi phân tích từng phần con người nó, kể cả bộ ngực của nó. Rồi tôi phản ứng... với tôi: Vì tôi cảm thấy như mình đưa nó ra chợ với hy vọng có một người đàn ông nào đó hấp dẫn vì thân hình nó, ngực vú của nó, đôi môi che kín bởi đám mụn và người đó mua nó. Rồi tôi cáu với em tôi:

- Cần lấy chồng để làm gì? Tại sao lại lấy chồng nếu số phận mình không thế? Nó đã sống hai mươi bảy năm nay không chồng con, nó rất khó có khả năng sống như thế cả đời. Rồi một ý nghĩ thoáng qua trong tôi... nó có thể lấy chồng được lúc nó đi làm. Nó có thể tìm một việc làm hoặc làm trong một xưởng. Rồi nó có thể tìm được trong số bạn bè cùng làm một người sẽ lấy nó. Nhưng tôi sức nhớ rằng nó không biết làm gì cả, rằng nó chưa học hết cấp, cuối cùng là nó đã lớn tuổi, khó mà bắt đầu cho một cuộc đời mới. Tôi lại đặt vấn đề này. Tại sao em tôi lại không có chồng, nó không tâm sự với ai, hạn hữu mới ra khỏi nhà và lúc đi thì đi với mẹ tôi. Nó không biết đứng tựa ban công như cô A-mi-na, con gái ông láng giềng của tôi, cô A-mi-na rất khéo về khoa này. Tôi không có bạn trai đến chơi nhà để có dịp cho nó làm quen, để nó thoát ra khỏi cái vỏ ốc của nó.

Ngay cả đối với tôi, nó cũng không cởi mở và tôi nhớ rằng chưa có lần nào trong đời chúng tôi, nó đi ra ngoài với tôi. Tôi chưa bao giờ đưa nó đi xem chiếu bóng hoặc đi thăm đâu cả. Tệ hơn nữa, tôi chưa bao giờ ngồi cạnh nó để trò chuyện, để hiểu nó và để nó hiểu tôi. Tôi chỉ nói với nó để sai bảo:

- “Dai-náp, giặt cái áo!” - “Làm ngay đi!”

- “Đơm cái khuy, Dai-náp!” - “Làm ngay đi!”

- “Dọn cơm, Dai-náp!” - “Làm ngay đi!”

Nhưng việc lấy chồng của nó có liên quan gì đến tôi nhỉ? Không phải tôi lo cho nó! Có lẽ đó là việc của bố mẹ tôi hay là em tôi phải tự lo lấy. Tôi hoàn toàn không có trách nhiệm gì cả, nhưng rồi tôi lại không bằng lòng với những ý nghĩ đó: Số phận của Dai-náp chất chứa u sầu, tôi thấy tôi yêu em tôi hơn bao giờ hết. Lòng tôi đau quặn lại. Trách nhiệm lấy chồng cho em tôi thuộc về tôi, nó lồ lộ trước mặt tôi. Tôi tự giải thích cho mình về trách nhiệm này là tôi không thể lấy vợ trước lúc nó lấy chồng.

Rồi ngày tháng trôi qua, tôi quên bằng việc lấy vợ và cũng không hề nghĩ gì đến nữa: Việc lo chồng cho em tôi xâm chiếm cả ý nghĩ của tôi.

Làm thế nào để gả chồng cho nó? Ngày tháng trôi qua tôi chả biết làm thế nào cả. Rồi một hôm, tôi bước vội vào phòng của nó, mừng rỡ gọi to và cười thoải mái: “Dai-náp, đi với anh, đi xem chiếu bóng”. Nó ngừng que đan, lặng lẽ nhìn tôi như nhìn một thằng điên vì chưa bao giờ nó nghe nói như vậy. Tôi vẫn cười và lặp lại “Anh nói với cô là anh mời cô đi xem phim”. Nó

vẫn nhìn tôi một cách khó chịu và trả lời “Anh Ma-hô-mút, liệu cái mặt này mà đi xem phim được à?” Tôi hét tướng lên “tại sao lại không được? Mấy đứa đi xem phim liệu nó đẹp hơn mày sao?” Rồi nó ngồi co lại trong góc ghế tựa như sợ sệt, và nói: “Không, anh Ma-hô-mút ạ, em chả dám”. Tức mình, tôi hét tướng lên buộc nó phải đứng dậy. Tôi bắt nó mặc quần áo lịch sự và chuẩn bị đi. Nó vừa đi mặc quần áo vừa khóc. Không tưởng tượng được!

Nó khóc. Còn mẹ tôi thì mừng rỡ cười. Tôi ngắm nó trong bộ cánh lịch sự. Trông nó nền trong cách ăn vận, quá nền so với tuổi của nó. Nó đã chọn màu sẫm, dù sao thì cách chọn đó cũng phản ánh cái thích yên tĩnh và một cảm giác về cái đẹp. Đầu tóc gọn gàng, không có gì là quá và cũng không hề bắt chước một cái mới để tóc bù xù. Dù sao thì cái tóc cũng gây một ấn tượng tốt: Có lẽ cái đẹp nhất của nó là bộ tóc dài, mềm mại, màu hạt dẻ. Lúc đi xem phim mà nó còn khóc. Nó đi sát vào tôi, vẻ sợ sệt. Trong phòng chiếu bóng, nó ngồi cạnh tôi, đầu nghiêng về phía vai tôi, nó để chân cạnh chân tôi tựa như nó tìm ở tôi một sự che chở để phòng người đàn ông ngồi cạnh nó phía bên kia. Tôi thấy nó có vẻ khó chịu. Mắt nó nháy nháy, đôi môi nó run. Rồi dần dần trong buổi xem phim, nó bắt đầu yên tâm. Nó ngồi ngay ngắn trên ghế. Chân nó xa dần chân tôi. Cuốn phim thu hút nó dần dần. Tôi lén quan sát nó nhiều lần, mắt và môi nó bất động, nó đã mê cuốn phim...

Lúc chúng tôi ra khỏi rạp, trông nó thoải mái hơn, chúng tôi bắt đầu bình luận về phim. Lúc về nhà, cuộc tranh luận về phim vẫn tiếp tục trong phòng của nó. Từ hôm đó, tôi có thói quen trò chuyện với nó. Nội dung trao đổi thật thú vị, nó làm cho phát triển trí tuệ và tâm hồn. Tôi không ngờ là nó có cả một khối óc, một tấm lòng và một tâm hồn trong sáng như vậy. Khi mà con người, nó tìm được sự cân bằng nó trở nên hoàn toàn khác, một con người tự tin dựa vào cái thông minh của nó.

Tôi và em tôi cùng đi chơi nhiều lần khác.

Một hôm, tôi gặp một người bạn, sau vài giây lưỡng lự, tôi giới thiệu nó với bạn tôi “Em mình đây”. Nó chìa tay run run cho bạn tôi đồng thời đứng sát vào tôi tựa như nó sợ sệt. Mỗi lần nó gặp một người lạ thì nó run. Rồi một hôm, tôi làm một việc ngạc nhiên cho cả nhà. Tôi báo cho cả nhà biết là tôi đã mời một anh bạn đến ăn cơm. Đây là lần đầu tiên trong đời, tôi mời một người lạ đến nhà mình, phong tục của chúng tôi cấm điều đó, bố tôi phản đối, em tôi run run nhưng mẹ tôi đã hiểu việc này. Cả nhà xáo động bởi việc chuẩn bị cho sự kiện lớn là bữa cơm khách. Dai-náp chuẩn bị mất hai ngày, tự tay nó làm cả. Rồi tôi làm cho nó ngạc nhiên nữa là: Nó sẽ ngồi cạnh anh bạn tôi. Khi anh bạn tôi mời tôi, anh ta thường để tôi ngồi ăn cơm với gia đình... tại sao tôi lại không thể làm thế được nhỉ? Em tôi lại càng già dặn, mặt nó trở nên tái nhợt đi lúc sắp đến giờ mà bạn tôi hẹn đến. Tôi đảo một vòng để kiểm tra việc chuẩn bị ăn uống có tốt không và xem xem Dai-náp ăn mặc thế nào. Tôi bắt nó ăn mặc bộ quần áo màu sẫm mà tôi thích...

Cuối cùng, anh bạn tôi xuất hiện.

Dai-náp không hề mở miệng nói một tiếng. Nó luôn luôn lạnh như cục nước đá. Mẹ tôi thì nói quá nhiều... về Dai-náp. “Đây là chính tay cô Dai-náp đầu bếp đấy, cô Dai-náp làm... cô Dai-náp nội trợ giỏi... Dai-náp... Dai-náp... v.v...” tôi cảm thấy khó chịu. Bạn tôi cũng lúng túng... còn Dai-náp thì suýt khóc. Tôi dành cả buổi chiều với nó, cố gắng làm cho nó khuây khoả, tôi

thuyết phục nó mà không hề nói trắng ra với nó là việc mời bạn không phải là không có ý đồ. Dai-náp là đứa tể nhị, nhạy cảm. Tôi sợ làm tổn thương đến lòng tự ái của nó. Rồi, tôi mời một anh bạn khác, rồi một anh bạn thứ ba. Tôi có nhiều bạn, tôi đã mời đến hàng chục người đến ăn trưa hoặc ăn tối ở nhà tôi, tôi bỏ tiền ra chi hết. Nhưng vẫn không có người nào cầu hôn với em tôi. Cái lợi cho Dai-náp là nó đã bắt đầu quen với sự lui tới của những chàng trai; nó nói một ít, không phải nói nhiều ngay, nhưng nó đã nói.

Trong cả thời gian này, tình yêu của tôi đối với em tôi lớn dần, vừa cả thương hại nó nữa. Càng ngày tôi càng tin rằng nó sẽ trở thành một người vợ tốt nhất trong các người vợ. Nhưng đôi khi tôi vẫn cáu với nó và cáu đối với tôi. Tôi cảm thấy mình hoàn toàn bất lực trong việc mời các bạn tôi lấy em tôi, tôi cảm thấy mình như một kẻ mối lái làm hại đến phẩm giá của chính mình và cả phẩm giá của em mình nữa. Nhưng rồi cái phản ứng ấy được dẹp ngay bởi lòng yêu thương tôi dành cho em tôi và cái ao ước là được thấy nó hạnh phúc.

Tôi dùng một phương pháp khác. Một trong số bạn trai của tôi có một cô em gái... dở về mọi mặt, có lẽ cô này còn kém sắc hơn em tôi; nhưng nó khác xa Dai-náp về món ăn chơi, lẳng lơ, trơ tráo và vô học. Tôi đến thăm anh bạn đó. Tôi nói với anh ta rằng tôi mong muốn là hai gia đình chúng ta chỉ là một và tôi muốn lấy em anh. Anh ta sung sướng nói to: “Lạy chúa. Chúa cũng chỉ có một”. Anh ta chưa bao giờ mơ tưởng đến một thanh niên thành đạt như tôi đến xin cầu hôn với một cô em như thế.

Anh ta đồng ý ngay, không cần hỏi đương sự cũng không cần xin ý kiến của một người nào khác trong gia đình anh. Tôi như một con chim quý, không từng mong đợi của anh bạn, của em anh và của cả gia đình... Tôi giả vờ mừng rỡ lúc anh đồng ý. Rồi tôi tập trung hết can đảm nói với bạn tôi là để thắt chặt hơn nữa mối quan hệ giữa hai gia đình chúng ta, tôi cũng sẵn sàng đồng ý để anh lấy em tôi như anh đã đồng ý gả em anh cho tôi, nghĩa là chúng ta đánh đổi vậy. Bạn cưới em tôi, tôi cưới em bạn.

Anh bạn im lặng một lát rồi nói nhát gừng: “Nhưng mà Bạn Ma-hô mút biết cho là mình lại chưa muốn lấy vợ”. Đồ khốn nạn! Thằng hèn! Em tao gấp mười lần em mày. Cả nhà mày chưa bằng cái gót của em tao. Mặc dù thế, anh bạn đã từ chối, anh không muốn đánh đổi. Dĩ nhiên tôi cũng từ chối việc lấy em anh ta. Tôi đã đến lúc chán nản về việc lấy chồng cho em tôi. Thực thế, tôi đã mất hết hi vọng. Ngày tháng trôi qua trong sự chán nản. Mỗi lần nhìn Dai-náp tôi lại muốn khóc. Tôi phải trốn đi để khỏi khóc. Rồi chợt có một phương án mới để lấy chồng cho em tôi, một phương án phát sinh từ thất vọng.

Tôi có một người bạn, một thằng tồi. Tất cả ở nó là thấp kém. Nó nghiện ngập, đánh bạc, chi “séc” không có tiền bảo chứng và sẽ vào tù nếu không cố tài thánh. Nó là loại lừa đảo, ăn cắp, nham hiểm. Tất cả ở nó là thấp kém, trừ cái thể xác nó. Nó có cái mắt nhẹ nhõm và đẹp. Đôi mắt nó ngây ngô như mắt đứa trẻ đồng trinh. Ăn mặc sạch sẽ và diện, lại còn bôi nước hoa nữa. Tôi biết mọi cái thấp kém của nó. Mặc dù thế, tôi luôn luôn để ý đến nó vì một lẽ gì đó mà tôi không biết và tôi vẫn giữ tình bạn với nó, điều mà tập quán của chúng tôi hoàn toàn không cho phép. Tôi đến thăm nó và biết là nó đang bối rối, nó đã xoáy của Nhà nước hai trăm năm mươi li-vơ-rơ. Ngay trong ngày nó đánh cắp thì đã bị phát hiện. Và ngày kia nó phải ra toà nếu sáng mai nó không nộp đủ số tiền đã xoáy. Thủ trưởng của nó đã hứa với nó là sẽ không bị gì

nếu nó nộp lại khoản tiền. Trong ngày nó đã gặp hết mọi người, nhưng không tìm được ai có thể cho nó vay khoản tiền lớn như thế. Không ai tin nó cả, nó nghĩ đến cách trốn hoặc tự tử. Nó mất hết tâm trí. Tôi cúi sát đầu vào nó và bình tĩnh: “Mình sẵn sàng đem cho cậu món tiền cậu cần”. Nó nói to: “Bạn nói nghiêm túc đấy chứ?”. Tôi lại bình tĩnh trả lời “Tôi nói nghiêm túc”.

Nó ôm chầm lấy tôi, hôn tôi hai cái và nói: “Anh cứu tôi. Tôi chịu ơn anh cứu sống tôi, tương lai của tôi... anh hãy tin rằng trong khoảng một tuần lễ, tôi sẽ trả lại anh món tiền”. Tôi lạnh lùng trả lời: “Tôi không cần bạn trả lại cho tôi”. Nó dịch ra xa và nhìn tôi rất ngạc nhiên. Nó không tin rằng tôi có thể hi sinh cho tình bạn cả một số tiền lớn như vậy, một số tiền có thể cứu được cuộc đời của nó. Niềm vui tràn trề, nó hỏi lại: “Thế bạn muốn gì nào?”. Tôi vẫn bình tĩnh trả lời: “Mình cho cậu món tiền đó để cậu sẽ giúp mình một việc”. Nó phẩn khởi trả lời: “Rất sẵn sàng... Xin chờ lệnh của bạn... Bạn muốn gì?”. Tôi nói điều đó với nó, không hiểu tại sao trong lúc nói, tôi suýt khóc.

Bạn tôi im lặng một lát rồi bình tĩnh trả lời: “Đó là một vinh dự đối với mình!”. Tôi nhìn vào cặp mắt bạn tôi, tìm ở đó lời hứa danh dự. Đôi mắt nó lạnh lùng nhắm lại. Tôi nói tiếp: “Ngày mai tám giờ sáng, bạn sẽ nhận tiền!”.

Tôi đứng dậy để đi. Nhưng một ý nghĩ vụt đến. Tôi quay lại với nó và nói vẻ lo lắng: “Nhưng lấy gì làm bảo đảm là khi cậu nhận tiền rồi, thì cậu sẽ cưới em mình?”

Cậu bạn tôi trả lời ngay như nó thường làm với những người nghi ngờ về lời hứa của nó: “Tôi sẽ ghi giấy nợ... với giấy đó, cậu sẽ bỏ tù tôi bất cứ lúc nào cậu muốn!”. Nó đã làm cho tôi tin. Tôi còn nói với nó là: “Còn một điều khác nữa! Cậu phải hứa là không để cho ai biết điều mà chúng ta vừa thoả thuận với nhau... nhất là không để cô em mình biết”.

“Xin hứa!”. Nó trả lời quả quyết.

Rồi một giọng sắc sảo, tôi tiếp tục: “Nếu cậu không kết hôn với em *tớ*... *tớ* sẽ cho cậu vào tù với giấy ghi nợ này”. Nó trả lời tôi quả quyết “Cậu cứ yên tâm!”. Tôi bèn nói với nó: “Sau khi ký giấy kết hôn, tôi sẽ xé ngay tờ giấy ghi nợ trước mặt cậu”.

Khi tôi tạm biệt nó, đầu óc tôi căng thẳng với hàng lô ý nghĩ điên loạn... làm sao mà tôi lại có thể lấy chồng cho em tôi là một kẻ mà tôi biết là hư hỏng đến mức đó... nhưng là một kẻ hèn hạ vẫn còn hơn là không có chồng gì cả... Ít ra em tôi cũng có hạnh phúc vài ngày, có chồng, việc đó làm nó tự tin ở nó hơn, thoát được cái phiền toái và làm cho nó cảm thấy là nó cũng là một người đàn bà như mọi người khác. Và nếu nó tự tin nó hơn thì có thể rồi đây nó sẽ li dị và lấy một người khác, ừ, tôi sẽ lấy cho em tôi con người hèn hạ đó làm chồng.

Hôm sau, tôi đến bưu điện Xu-bơ-ra. Tôi rút gần hết cái khoản mà tôi đã tiết kiệm suốt cả đời để cưới vợ... chỉ còn lại trong sổ tiết kiệm có năm mươi li-vơ-rơ. Tôi trao tiền cho cậu bạn đó với một bản ghi nợ rõ ràng và đúng thể thức giấy tờ.

Rồi tôi ấn định chỗ hẹn để chiều hôm đó nó gặp em tôi. Nó đến rất đúng giờ. Tôi đi cùng nó về nhà tôi. Nó gặp bố tôi và xin tìm hiểu em tôi và... lần đầu tiên trong nhà tôi rộn ràng tiếng *yu - vu*^[4]. Trong phòng riêng, em tôi khóc... vì sung sướng.

Pha-mi lui tới nhà tôi hàng ngày. Rồi cậu ta bắt đầu ăn cơm trưa ở nhà tôi, và cả cơm tối

nữa. Trong lúc đó, ngày lại ngày, tôi quan sát sự tiến bộ của em tôi. Em tôi thay đổi rất nhanh.

Nó nói.

Nó cười.

Nó cười ngoạo cả cổ.

Nó đã may một bộ cánh mới. Màu không quá sẫm mà xanh sáng, lại để hở tay.

Món đầu tóc cũng đã thay đổi... nó để tóc theo một mới nhất, mắt nó sáng như chớp. Ngay cả những cái mụn trên mặt hình như đang biến mất.

Dai-náp thường ngồi với Pha-mi... riêng hai người với nhau trong phòng khách... ở trên ban công... mà nó không hề sợ sệt... không run...

Nó ôm lấy tôi mỗi lần tôi đi làm về... điều mà trước đây nó không bao giờ làm.

Nó yêu Pha-mi vô cùng, khi thì nó mỉm cười với Pha-mi khi thì nó cười to; nó nhìn Pha-mi với đôi mắt sáng ngời, nó khẩn khoản bắt tôi phải đi xem phim với nó và Pha-mi. Tôi thật là sung sướng với hạnh phúc của em tôi.

Thế nhưng tôi bắt đầu lo sợ. Sợ cho em tôi, sợ cho mối tình đó khi mà em tôi biết được bản chất của Pha-mi, mối lo càng lớn dần. Em tôi có thể chết lúc biết sự thật. Nó có thể chết. Và nếu như nó không chết thì nó sẽ sống khổ sở hơn trước đây. Tôi phải cứu nó. Tôi không thể đưa nó đến cuộc kết hôn như vậy. Tôi không thể đánh lừa nó như thế. Tôi lưỡng lự rất lâu. Tôi suy nghĩ rất nhiều. Càng suy nghĩ, mối lo âu cho em tôi càng đậm nét. Và cuối cùng, tôi quyết định cứu em tôi... tôi gọi nó và nói, mặt tôi đượm vẻ u buồn:

- Này, mày phải tìm hiểu nó trước khi lấy nó. Phải biết nó nhiều hơn những điều mà mày đã biết... phải thực sự biết nó... biết trước đi còn hơn là mới biết... lấy làm gì nếu nó dối mày về con người của nó!

- “Pha-mi không lừa em”.

Tôi ngạc nhiên về lòng tự tin của em tôi và lòng tin của nó đối với Pha-mi, tôi lại hỏi tiếp:

- Thế mày có biết nó nghiện ngập không?

Em tôi trả lời bình tình “Em biết”

Vẫn ngạc nhiên, tôi hỏi tiếp:

- “Mày có biết nó là loại cờ bạc không?”

Em tôi trả lời: “Em biết”

Tôi thét lên “Thế mày có biết nó chi “séc” không có bảo chứng và sắp sửa vào tù không?”

Em tôi trả lời “Em biết”

Tôi lại thét to: “Tao nghĩ là mày đã biết nó ăn cắp hai trăm năm mươi đồng li-vơ-rơ chứ!”

Em tôi trả lời “Em biết. Em biết là anh đã ứng cho Pha-mi khoản tiền đó... với điều kiện Pha-mi lấy em”.

Tôi vật mình trên ghế, choáng váng điếng người. Dai-náp cúi xuống hôn tôi, rồi nó khẽ khẽ quạt nhẹ vào mặt tôi như thể thức tôi dậy sau cơn choáng váng. Và rồi, nó nói với tôi bằng một giọng dịu dàng: “Anh Ma-hơ-mút ạ, em yêu Pha-mi và Pha-mi yêu em... không phải từ ngày đầu tiên em đã yêu Pha-mi và Pha-mi cũng vậy, anh ấy không yêu em ngay từ ngày đầu tiên. Nhưng rồi tình yêu đến, nó lớn dần đến độ mà Pha-mi đã thú hết với em cả. Pha-mi kể cho em nghe về cuộc đời qua. Pha-mi đã nói với em là lấy em để khỏi phải đi tù... Pha-mi cũng không biết là sẽ yêu em nhưng bây giờ thì Pha-mi đã yêu em và em cũng vậy. Em tin ở tình yêu của Pha-mi, em tin ở sự chân thật của Pha-mi. Anh yên tâm, anh Ma-hơ-mút ạ!

Pha-mi sẽ thay đổi. Pha-mi đã bắt đầu thay đổi thực sự Pha-mi đã bỏ nghiện ngập. Pha-mi không đánh bạc nữa. Pha-mi đã bắt đầu đưa cho em khoản tiền tiết kiệm để trả lại anh. Anh có biết đến ngày hôm nay Pha-mi đã đưa em bao nhiêu rồi không? Mười lăm Li-vơ-rơ! Mỗi tháng, Pha-mi sẽ đưa lại anh năm li-vơ-rơ”.

Tôi vẫn không tin. Tôi không tin tình yêu của Pha-mi đối với em tôi. Nó là thằng ăn cắp, thằng lừa đảo. Không nghi ngờ gì nữa là nó đang chuẩn bị chơi một vố. Nếu không thì nó đã không làm chuyện thú nhận này. Cũng có thể là nó làm vậy để chiếm lòng tin của em tôi và rồi đánh cắp cái giấy ghi nợ. Sau đó, nó trốn. Nhưng làm sao để thuyết phục em tôi là Pha-mi là một thằng ăn cắp, thằng nham hiểm. Em tôi không chịu công nhận như thế. Tình yêu đã làm nó mù quáng, trí khôn và lòng dạ của nó còn đâu nữa.

Tôi suy nghĩ miên man. Rồi một ý nghĩ loé sáng. Tôi gọi Pha-mi đến, em tôi cũng có mặt. Tôi rút tờ giấy ghi nợ ra cho nó xem. Rồi bằng một giọng chắc nịch, tôi nói: “Tôi biết là cậu sẽ lấy em tôi vì cậu sợ tôi cho cậu vào tù bằng tờ giấy này. Tôi sẽ giải thoát cho cậu, tôi không muốn cậu lấy em tôi vì lẽ đó... tôi không chấp nhận việc cậu lấy em tôi vì bị đe dọa... em tôi giá trị hơn mọi thứ đó... em tôi có thể tìm một người khác hơn *cậu*... Đấy, tùy cậu quyết định”.

Và diên tiết, tôi xé toang tờ giấy ghi nợ. Rồi, tôi vất xuống chân chúng nó. Tôi đinh ninh là Pha-mi sẽ thoải mái... sẽ cắt đứt việc kết hôn với em tôi và ba chân bốn cẳng bỏ chạy... Dai-náp sẽ khóc... có lẽ phải khóc mất vài ngày. Nhưng rồi nó sẽ hoàn hồn, lạy chúa phù hộ, nó sẽ đồng tình với việc làm của tôi bởi vì tôi đã tránh *cho* nó việc kết hôn bất hạnh này.

Nhưng những điều đó không hề xảy ra. Pha-mi đứng ngay ngắn trước mặt tôi mỉm cười. Dai-náp cũng thế. Rồi cả hai tiến lại gần tôi.

Pha-mi hôn lên má tôi một cái. Dai-náp cũng làm như thế ở má bên kia. Rồi Pha-mi bình tĩnh nói:

“Ngày mai, em sẽ đến đây vào bốn giờ chiều với cán bộ phụ trách việc đăng ký kết hôn”.

Rồi nó quay lại nói với Dai-náp:

“Em Dai-náp bé nhỏ của anh, em đồng ý chứ”. “Em đồng ý”. Em tôi trả lời, nét mặt then thừng. Pha-mi cũng không xin ý kiến gì của tôi... Tựa hồ như trong việc này tôi không dính

dáng gì cả.

NGUYỄN ĐÌNH NGỌ dịch

Chúng tôi có thói quen chiều nào cũng tụ họp nhà hàng Marê để uống trà Mô^[5] và bàn luận huyền thuyên đủ mọi chuyện, dĩ nhiên là với cái vốn hiểu biết quá ư ít ỏi của mình... Trong những tuần lễ trôi qua ấy, biết bao nhiêu sự kiện to lớn của thời đại đã xảy ra, nào là tình hình Congo thuộc Bỉ căng thẳng, nào là sự vùng dậy của Liên bang Mali, cuộc chiến đấu vì độc lập tự do của nhân dân Angiêri, khoá họp sắp tới của Hội đồng Liên hợp quốc, thế mà chỉ được chúng tôi quan tâm vào hàng thứ yếu mà thôi. Ngay cả chuyện phụ nữ trước kia thường chiếm tới một phần tư thời gian tán gẫu của chúng tôi, bây giờ cũng chẳng còn ai nói tới nữa. Tất cả chỉ tại cái anh chàng Xae mặt khó đăm đăm và lúc nào cũng phớt đời đã hỏi vặn hỏi vẹo chúng tôi:

- Tại sao trên mặt chúng ta có các vết rạch nhỉ?

(Cần phải nói thêm rằng Xae là một người nửa Xênêgan nửa Vontá thật đấy, ấy thế mà mặt anh ta lại không có các vết rạch).

Rõ ràng là cả bọn chúng tôi chẳng có ai có các vết rạch cả. Nhưng đến một năm nay rồi, kể từ ngày chúng tôi thường tụ họp ở nhà Marê, tôi chưa bao giờ được nghe một cuộc tranh luận nào hào hứng và sôi nổi đến thế. Thôi thì đủ mọi lý lẽ cứ thi nhau tuôn trào như sóng, nó còn sôi nổi hơn cả chuyện người ta nói chúng tôi nghe rằng tương lai của các lục địa châu Phi này vẫn còn trong tình trạng lệ thuộc. Suốt mấy tuần lễ liền, chiều nào chúng tôi cũng cố gạn lọc ra những lý lẽ lộn xộn và bất ngờ nhất. Một vài người trong bọn tôi còn đi về các làng lân cận và thậm chí xa hơn nữa để hỏi han các cụ già, các thầy mo đã được mọi người tôn sùng là “tủ sách sống” của cả vùng để cố lôi ra ánh sáng cái điều bí ẩn này đã bị chôn vùi hàng thế kỷ nay rồi.

Những lý lẽ và những chứng cứ đưa ra đều bị anh chàng Xae xố toẹt. Có người hùng hồn nói rằng: “Các vết rạch là dấu hiệu của sự cao quý”. Những người khác gạt đi: “Đó là dấu hiệu của sự nô lệ”. Một số người lại còn tuyên bố: “Đấy chỉ là một cách trang điểm mà thôi! Ở một số bộ lạc, những người đàn ông và đàn bà nào không có các vết sẹo rạch trên mặt và trên thân thể chẳng đã bị khai trừ ngay ra là gì...”. Những người có máu hài hước lại ra vẻ nghiêm trang nói với chúng tôi rằng: “Ngày xưa có một ông vua người Phi giàu có đem gửi cậu con trai của mình sang châu Âu ăn học. Khi đi thì ông hoàng còn bé, lúc về thì đã lớn và ra dáng lắm rồi. Chúng ta phải nói ngay rằng như vậy thì anh ta là một người có học vấn, một người trí thức đấy. Thế nhưng anh ta lại khinh bỉ mọi phong tục tập quán của tổ tiên. Vua cha bực mình lắm, không biết làm thế nào để khép cậu con trai vào khuôn khổ của hoàng cung được. Ông hỏi ý kiến viên quan đại thần... Thế là vào một buổi sáng người ta đem ông hoàng con ra pháp trường rạch mặt”.

Dĩ nhiên chẳng ai tin câu chuyện này được và do đó người ta cũng quên bém ngay tác giả của nó.

Một người khác kể rằng:

- Tôi đã từng làm việc ở học viện châu Phi đen của nước Pháp - I.F.A.N. Tôi cũng đã cố công tìm hiểu rồi mà vẫn chưa đạt được kết quả nào. Tuy nhiên, trong giới thượng lưu của xứ sở này

của chúng ta, các vị phù nhân của các ngài tai to mặt lớn lại cố tìm cách xoá hết các vết rạch mặt đi. Họ phải sang tận châu Âu nhờ các chuyên gia sửa sắc đẹp sửa cho đấy! Bởi lẽ các tiêu chuẩn mới về sắc đẹp của người Phi không còn tuân theo những những tiêu chuẩn thẩm mỹ của xứ sở mình nữa rồi. Các bà các cô bây giờ đang Mỹ hoá hết cả mình. Ảnh hưởng của các ả kỹ nữ da đen ở các đại lộ Thứ năm và đại lộ Thứ một trăm ba mươi bảy của thành phố Niu-Xity đang lan rộng lắm, thịnh hành lắm. Như vậy, cùng với sự tiến hoá, các vết rạch không còn đất sống nữa, chúng bị người ta bãi bỏ.

Người ta còn nói tới sự khác biệt của các vết rạch nữa. Ngay trong cùng một bộ lạc các vết rạch cũng khác nhau; người thì rạch mặt, người thì rạch thân thể. Bằng chứng đó dẫn tới kết luận là: “Nếu các vết rạch này là dấu hiệu của sự cao quý hay là dấu hiệu của đẳng cấp cao hoặc thấp thế thì tại sao chúng không còn sót lại ở những người da đen sống trên đất châu Mỹ?...”

- Hay lắm! Chúng ta đang tiến dần tới vấn đề đấy - Xae ngắt lời.

- Nếu anh biết thì hãy nói mau lên, anh Xae! Chúng tôi mệt lắm rồi - Mọi người nhao nhao giục anh ta.

- Được thôi - Sau một lát im lặng, Xae gật đầu.

Người được cử ra phục dịch thường ngày đi một vòng rót nước trà nóng vào đầy các chén. Hương bạc hà sực nức cả căn phòng.

- Được thôi, - Xae nhắc lại. - Chúng ta đang nói tới châu Mỹ. Theo tôi biết thì không có tài liệu nào nói rằng những người đàn ông và đàn bà bị bắt làm nô lệ ở đấy có các vết rạch hết. Ngay ở Nam Mỹ, tại đó việc thờ linh vật và nghề phù thuỷ trong người nô lệ tới nay vẫn còn được giữ lại, nhưng chúng ta cũng không hề thấy họ có các vết rạch đó! Ở vùng châu thổ sông Caray cũng vậy, những người da đen đều không ai rạch da! Ở Haiti, ở Cuba, ở Xantô-Đômingô vân vân và vân vân... cũng không có nốt! Ta hãy trở lại châu Phi đen xem sao. Trước khi có những tên lái buôn nô lệ da đen, nghĩa là từ thời đế chế Gana, Mali, Gao; thời có những đô thị lớn như Haútxa, Buôcnôn, Bênanh, thời của những lâu đài như Môtxi... Các du khách ghé thăm đây chẳng thấy ai nói tới tục rạch mặt hết! Vậy thì tục rạch mặt từ đâu mà ra?... Cả phòng im phăng phắc, đến một tiếng tộp nước trà cũng không ai nghe thấy.

- ...Nhưng nếu chúng ta nghiên cứu một cách khách quan và vô tư về thời kỳ buôn nô lệ thì chúng ta phải công nhận rằng bọn buôn người da đen thích những nô lệ Ấn Độ hơn vì họ chắc nịch, không có một khuyết tật nào. Ngoài ra, chúng còn biết thêm rằng trong khi bán nô lệ ở chợ nội địa (tại châu Phi) hay ở chợ ngoài (ngoài Đại Tây Dương), người nô lệ bị kiểm tra kỹ lưỡng lắm, bị cân lên cân xuống như một con vật. Một khách mua bất kỳ nào đó không bao giờ lại chịu mua món hàng mà hắn ta thấy có một khuyết tật nhỏ dù đấy chỉ là một vết sẹo mờ, một dấu ấn của công ty buôn người hay một ám hiệu đặc biệt đánh dấu quốc tịch của người da đen đó... Tóm lại, trên thân thể của con vật không được có một dấu vết gì khác lạ. Dĩ nhiên khi bán cũng phải chào hàng: Người nô lệ được tắm rửa sạch sẽ, được đánh bóng, mà như thời đó thì người ta gọi là được tẩy trắng. Có thể món hàng mới được giá. Vậy thì làm sao các vết rạch trên thân thể lại có thể phát sinh được?...

Chúng tôi ngồi im như thóc. Giả thuyết của anh ta có lý lẽ chắc chắn quá chừng. Ngay cả

những cậu ba hoa nhất trong bọn chúng tôi cũng đành ngậm miệng.

- Nói tiếp đi, anh Xae - chúng tôi vội thúc anh, chỉ sợ anh ta không nói nữa.

Nhưng rồi anh cũng đã kể cho chúng tôi nghe câu chuyện như sau:

“Viên thuyền trưởng tàu buôn nô lệ da đen “Châu Phi” đã hạ lệnh cấm neo từ nhiều ngày nay trong vịnh để đợi chuyển hàng rồi sẽ giương buồm thẳng tới Tân-Anh cát lợi (châu Mỹ). Trong hầm tàu đã có trên năm chục nô lệ Ấn Độ và ba chục dân da đen. Còn bọn môi giới bán hàng cho viên thuyền trưởng thì đang đi tấn công sâu vào nội địa để kiếm thêm hàng và nguồn tiếp tế cho tàu. Viên thuyền trưởng, người thầy thuốc và một số người khác ở lại canh giữ. Hôm ấy họ chui cả vào cabin của người thầy thuốc để tán gẫu. Tận cầu tàu phía trước người ta còn nghe thấy tiếng cười nói râm ran của họ.

Amôô cúi gập người xuống và liếc nhanh về phía đám người đang chèo thuyền theo sau anh. Thân hình anh chắc nịch, những bắp thịt nổi lên cuồn cuộn chứng tỏ anh là một người càn cù làm việc, một năng hai sương. Tay phải nắm chặt cán rìu, tay trái lăm lăm một con dao nhọn, anh nhẹ nhàng lao tới mạn tàu bên phải. Từng người một tách ra khỏi đám người mang vũ khí và nhẹ nhàng nhảy xuống lan can. Từ mé trái, người chỉ huy cuộc đột nhập là Mômutu mặc bộ đồng phục màu xanh riềm đỏ, đầu đội chiếc mũ rộng vành, chân đi ủng đen, tay cầm khẩu súng trường to lớn đang ra hiệu cho phân đội của mình bao vây nhà bếp. Một người thợ đóng thùng không biết từ đâu vội vàng chạy ra lao ngay xuống biển. Nhưng anh ta liền bị những người da đen còn lại trên thuyền lao theo một ngọn giáo, xuyên qua người.

Trên cầu tàu cuộc chiến đấu đã bắt đầu. Một thủy thủ tâm phúc trong lúc đánh giáp lá cà với quân đột kích đã bị rạch phanh bụng. Quân đột kích trang bị bằng súng trường và dao găm Tây Ban Nha. Viên thuyền trưởng cùng những người còn lại đóng chặt cửa cabin, lẫn trốn. Mômutu ra lệnh bao vây chặt cabin và bắn từng loạt đạn vào. Những người bên trong gục ngã dần. Một tiếng nổ dữ dội làm con tàu rung mình. Cuộc cướp phá bắt đầu. Sau một loạt đạn, số người xông lên tàu mỗi lúc một tăng. Họ từ những chiếc thuyền gỗ lướt sóng lao thẳng tới tàu, nhảy lên cướp hàng hoá, chất đầy thuyền rồi lại lao đi.

Mômutu truyền lệnh cho bốn tên tùy tùng của mình là bốn gã trai tráng đang ì ạch khiêng vác:

- Bây giờ các người hãy giải phóng cho những kẻ bị giam, đưa chúng ra khỏi hầm tàu ngay.

Mùi thuốc súng lẫn với mùi mồ hôi sặc sụa. Amôô hăm hở mở quây tàu. Những nhát rìu vang lên chát chúa chát xuống ván sàn làm các tấm ván bay ra từng mảnh.

Phía dưới hầm tàu lở nhổ đầu người. Họ bị xích vào nhau thành một chuỗi dài. Lúc nghe thấy tiếng súng nổ mọi người hét ầm lên, phần vì vui sướng, phần vì sợ hãi. Mùi hôi thối xông lên nồng nặc. Giữa sàn hầm, chỗ tập trung đám phụ nữ, vang lên những tiếng thét hãi hùng, chói tai nhức óc. Amôô đang đứng sừng sững trên đầu đám người đó, cổ lẳng nghe xem tiếng con gái ở chỗ nào. Anh ráng hết sức bổ những nhát rìu sắc ngọt lên ván sàn.

- Ê! Ông anh ơi, phá chỗ này cơ mà - Tiếng một người đàn ông nào đấy hét gọi anh - Thế

nào, nóng lòng gặp cô con gái lắm hả?

- Vâng! - Anh trả lời, đôi mắt long lanh đảo vội.

Sau vài giờ chặt phá, sàn tàu đã bị phá thủng một khoảng lớn. Bọn bộ hạ của Mômutu lục tục dẫn đám tù lên tập trung họ lại trên cầu tàu. Ở đó từng kiện hàng để trả cho bọn bán buôn nô lệ đang chất cao từng đống; những thùng rượu lớn, những hòm đầy dao, những hòm hạt cườm bằng thủy tinh, những hòm tơ sợi, dù lọng, quần áo. Bọn người của Mômutu đứng vây xung quanh, hạ lệnh cho các tù nhân xếp hàng. Amô đã tìm thấy con gái của mình là Iônê. Hai bố con đứng cách đám người tù vài bước. Anh biết chắc rằng Mômutu không đời nào thả họ. Hắn sẽ bán họ cho bọn lái buôn khác. Chính hắn đã khuyên viên thuyền trưởng tàu “Châu Phi” thả neo trong vịnh này như vậy.

- Bây giờ tất cả hãy lên bờ! - Mômutu nghiêm giọng ra lệnh - Ta bảo trước cho các người biết rằng bây giờ các người là tù nhân của ta. Kẻ nào mưu toan chạy trốn hoặc tự sát ta sẽ lột da nó và lột da luôn cả đứa đứng bên cạnh nữa.

Mặt trời khuất dần sau đường chân trời, hắt lên một dải sáng đỏ. Những bóng cây đen sẫm in bóng trên nền trời. Đám người hì hục chuyển các đồ cướp được xuống thuyền dưới sự điều khiển của Mômutu. Hắn ra lệnh cho một số tay chân đứng gác xung quanh cabin để báo hiệu cho những người ở dưới biết rằng chúng vẫn còn có mặt trên cầu tàu. Khi mọi người đã xuống hết, Mômutu liền châm lửa vào một dây cháy chậm nối liền với hai thùng thuốc nổ. Viên thuyền trưởng hốt hoảng chạy ra khỏi cabin. Một phát súng nổ vang, viên đạn ghim trúng ngực ông ta làm ông ta ngã gục. Những chiếc thuyền cuối cùng đã xa dần. Một tiếng nổ long trời lở đất: Chiếc tàu “Châu Phi” nhảy khựng lên, tan thành từng mảnh trong ánh lửa đỏ rực.

*

* *

Khi đoàn thuyền tới đất liền thì trời vẫn còn tối. Những người tù bị quây vào một khoảng đất có bộ hạ của Mômutu đứng gác xung quanh. Tay chân họ vẫn bị trói chặt vào nhau. Suốt đêm người ta nghe thấy những tiếng khóc rấm rứt, tiếng thì thầm xen lẫn với tiếng nức nở bị cắt ngang bởi những tiếng roi da rít xé không khí. Cách đây một quãng, Mômutu đang ngồi cùng bọn bộ hạ nhằm tính sổ chiến lợi phẩm to lớn vừa cướp được. Dưới trời sao vắng vặc, bọn chúng vừa tu ừng ực từng gáo rượu lớn vừa hỉ hả tâng bốc thắng lợi của mình.

Mômutu vẫy gọi Amô.

- Lại đây uống với ta vài gáo!

Amô chậm rãi bước lại, trên lưng vẫn cõng con bé Iônê đang thiêm thiếp ngủ. Từ lúc tìm thấy nhau, hai bố con không rời nhau nửa bước, lúc nào cũng như hình với bóng.

- Cảm ơn ông, tôi không uống - Amô từ chối - Tôi phải đi thôi. Đường về làng còn xa quá. Vả lại tôi đã làm việc cho ông hai tháng nay rồi còn gì. Hơn nữa vùng duyên hải này chẳng an toàn chút nào.

- Amô này, có phải anh đã giết chết vợ anh để cô ấy khỏi bị bắt làm nô lệ không? - Một gã mồm sặc sụa hơi men hỏi anh.

- Hừm!

- Ấy thế mà anh lại liều mạng để cứu một đứa con gái thì kể cũng lạ thật.

- Không! Nó là con đẻ của tôi! Tôi đã từng thấy cả gia đình mình hết người này đến người khác bị người ta bắt đi, đem bán tận chân trời góc biển nào chẳng rõ. Tôi đã lớn lên trong lo sợ, trong những cuộc chạy trốn liên miên của bộ lạc mình để khỏi bị sống cuộc đời nô lệ. Trong bộ lạc chúng tôi, không ai chịu làm nô lệ hết... Chúng tôi cũng thế...

- Ấy chẳng qua vì anh không sống ở vùng duyên hải đấy thôi, - một người nào đó ngắt lời anh. Mômutu thích chí cười ngất - Thôi, hãy uống đi một hớp! Anh quả là một chiến sĩ cừ đấy! Tôi đã thấy anh bổ rìu vào tên trinh sát thế nào rồi. Chà! Nhát rìu ngọt lắm!

“... Hãy ở lại với ta. Anh là người khôn ngoan chắc anh đã hiểu - Mômutu vừa nói vừa đẩy một gáo rượu nhỏ về phía Amô; Amô nhả nhận từ chối, - công việc của chúng ta sẽ là công việc của anh. Chúng ta sẽ đi khắp các đồng cỏ bắt tù đem bán cho bọn da trắng. Ta rất quen thân với một số thuyền trưởng. Còn những tên khác, ta sẽ dụ chúng lại đây, lừa chúng đi xa tàu rồi thanh toán hết. Chúng ta sẽ cướp sạch hàng hoá và tù nhân... Còn bọn da trắng trên tàu cũng giết luôn. Thật là một công việc dễ chịu biết bao, rất ngon lành, bao giờ ta cũng nắm chắc phần thắng. Ta đã trả con gái cho anh rồi. Con bé này là một món hàng giá trị lắm đấy, đáng giá hàng chục thỏi sắt chứ chẳng ít đâu (ở thế kỷ thứ mười bảy, ngoài việc trả tiền bằng hàng hoá người ta còn trả bằng sắt thỏi. Chuyện này còn ghi lại trong rất nhiều tài liệu lịch sử).

- Đúng là tôi đã giết người, nhưng không bao giờ giết vì chuyện mua bán hay bắt họ làm tù. Việc ấy là của riêng ông, không phải của tôi. Tôi chỉ muốn về làng sinh sống.

- Hửn là thằng ngốc, lúc quái nào cũng chỉ nghĩ đến làng xóm với vợ con.

Lúc nào Amô cũng dè chừng bọn lính gác. Anh biết rõ bọn chúng luôn luôn sẵn sàng tóm cổ hai bố con anh để bán lại cho tên buôn người nào đến đầu tên. Tuy nhiên, anh không ranh mãnh bằng bọn chúng.

- Tôi muốn đi ngay từ chiều nay...

- Không được - Mômutu giật giọng. Rượu đã làm hửn chuyển choáng. Hửn vội nén cơn giận dữ lại rồi dịu giọng nói tiếp: - Sắp tới còn một trận đánh nữa. Toán người của ta đang phải dẫn một số tên da trắng còn lại đi lòng bắt tù. Chúng ta phải bắt nốt đấy. Sau trận này người sẽ được tự do.

- Tôi xin phép cho con bé đi ngủ. Nó đã phải chịu đựng quá nhiều. - Amô vừa nói vừa lùi lại.

- Nó được ăn chưa?...

- Bố con tôi ăn no rồi... Sáng sớm ngày mai chúng tôi đã phải dậy.

- Thằng này vạm vỡ lắm, đáng giá đến bốn thùng rượu chứ chẳng chơi!

- Hơn thế nữa ấy chứ. Phải mười thỏi sắt là ít, chưa kể số hàng hoá kèm theo.

- Đừng có nóng vội! Ngày mai, sau trận đánh, ta sẽ tìm cách tách nó ra khỏi đứa con gái. Thoát sao nổi tay ta. Ở vùng duyên hải này kiếm được món hàng béo bở như thế đâu phải chuyện dễ.

Sương đêm lạnh giá từ từ lắng đọng. Những ngôi sao nhấp nháy hoài trên nền trời mông lung. Thỉnh thoảng một tiếng roi da vút đen đét, tiếp theo là một tiếng rú xé màn đêm. Amô ngồi bên con gái lônê, ở ngoài hai khu trại. Anh có cặp mắt linh lợi, vẻ mặt điềm tĩnh. Qua hàng chục cuộc chiến đấu anh đã tham dự để tìm kiếm con. Mômutu đã nhận xét và đánh giá đúng giá trị của anh. Sức mạnh và tính nết nhũn nhặn của anh làm bọn họ phải ngạc nhiên, khâm phục. Đã ba tuần trăng trôi qua rồi, kể từ ngày bọn săn nô lệ xông vào cướp bóc bắt bớ tất cả những người đáng giá nhất trong làng anh. Hôm đó anh may mắn thoát được vì đang ở trong rừng. Khi trở lại làng, bà cụ mẹ vợ anh được tha vì đang bệnh chân voi cứ nắm lấy tay anh vừa kể lể vừa khóc...

Khi tìm thấy con trên tàu buôn nô lệ, nhìn con, anh không cầm lòng được, hai hàng nước mắt cứ ứa mãi. Một tay nắm chặt bả vai con, tay kia anh cầm chắc chiếc rìu; máu rỏ giọt suốt từ lưỡi đến cán. Lòng anh xót xa, con bé còn bé quá, mới chín - mười tuổi đầu! Nó cứ ôm chặt lấy bố, khóc nức nở. Anh vuốt mái tóc ngắn của con, an ủi:

- Nín đi con! Đừng khóc nữa! Bố con mình rồi sẽ trở về làng... Bố nói thật đấy... Con biết không?

- Vâng con biết rồi. Bố ơi!

- Thôi thế đừng khóc nữa. Bố đã đến với con rồi mà!

Giờ đây đêm đã khuya, lônê đã ngủ say, đầu gối lên đùi bố. Amô rút chiếc rìu đặt xuống bên cạnh. Anh dựa lưng vào gốc cây và nghe ngóng. Mắt anh nhìn xoáy vào màn đêm, quan sát khắp xung quanh. Một tiếng động rất nhỏ cũng làm anh nhồm người, tay nắm chặt cán rìu. Suốt đêm anh chỉ ngủ chập chờn.

Khi phương đông vừa hừng lên vài tia sáng nhợt nhạt thì Mômutu đã đánh thức bọn bộ hạ dậy. Một tổp làm nhiệm vụ hộ tống đoàn tù và hàng hoá, dẫn họ tới một nơi an toàn. Amô và lônê đứng xa ra chỗ khác. Con bé dong dỏng cao. Nó có vẻ lớn hơn trước tuổi. Cặp mắt sâu đen bóng. Tóc cắt ngắn tề thành hai chiếc đuôi sam vắt vẻo, chia đôi vàng trán. Lônê đứng lọt giữa hai cẳng chân bố. Nó không thể nào quên được cái cảnh bọn bạn nhỏ của nó đã bị người ta bắt đem đi. Có thể nó chưa hiểu được số phận mình rồi sẽ ra sao, nhưng những tiếng roi quất đen đét đủ làm cho nó hiểu được mình đang trong cảnh ngộ nào.

- Ta đợi cho bọn chúng đi xa xa một chút. Không nên để bọn da trắng bắn trúng mình, - Mômutu vừa nói vừa tiến lại chỗ hai bố con Amô đang đứng - Tại sao lúc nào anh cũng giữ rịt con bé thế? Anh có thể gửi một đứa nào đó trong bọn ta trông nom hộ cho.

- Tôi thích để nó ở với tôi. Con bé nhút nhát lắm vả lại nó sợ quá rồi - Amô vừa trả lời,

mắt vẫn nhìn theo đoàn người đi xa dần.

- Con bé đẹp đây!

- Đẹp.

- Có bằng mẹ nó không?

- Kém.

Mômutu quay về chỗ cũ, kiểm tra nhóm bộ hạ còn lại khoảng ba chục tên rồi hạ lệnh lên đường. Đoàn người đi thành hai hàng song song. Khắp vùng rừng mun này không có kẻ nào trong giới buôn bán nô lệ không biết tiếng Mômutu. Thế nhưng hắn không bao giờ tin bất kỳ một tên lái buôn hay một thuyền trưởng nào hết. Trước khi bước vào cái nghề kinh doanh dã man này, hắn đã từng làm tôi tớ cho bọn mộ lính, sau hắn trở thành thông ngôn, vượt biển tới hết pháo đài này sang pháo đài khác, hết nhà tù này sang nhà tù khác. Tới chỗ nào hắn cũng thấy nhan nhản những tù là tù.

Đoàn người đi suốt buổi sáng. Hai bố con Iônê lặng lẽ theo sau. Con bé hết được bố bế trước ngực lại được bố cõng sau lưng. Amô biết mình lúc nào cũng bị theo dõi. Những tên đi phía trước anh đều là những kẻ thô bạo cục cằn, ăn mặc rách rưới, khoác trên vai những khẩu súng dài làm cho chúng có vẻ to lớn hơn lên. Họ đã vượt qua vùng đồng cỏ, qua những cây cổ thụ to lớn cao vút, trên có hàng đàn chim ung bay, đậu. Bỗng cả đoàn im lặng hết. Trong rừng chỉ còn nghe thấy tiếng chim hót líu lo trên cành lá và thỉnh thoảng nghe thấy tiếng vọng lặp lại một tiếng hú tự rất xa dội tới. Họ đã tới khu rừng rậm ẩm thấp đầy đe dọa. Mômutu hạ lệnh cắm trại. Hắn bố trí bọn bộ hạ tản ra thành một vòng cung rộng.

- Này người anh em! Có mệt không? Con bé thế nào?

Iônê ngược đôi mi cong nhìn tên lính gác rồi lại nhìn bố.

- Hơi mệt - Amô trả lời, mắt đảo quanh tìm chỗ nghỉ. Anh dắt tay con đến ngồi nghỉ trên một cành cây nằm lẩn lóc dưới gốc một cây cổ thụ to lớn. Tên bộ hạ của Mômutu đứng cách xa anh vài bước.

Mômutu phân phát cho mỗi người vài củ khoai lang - khẩu phần thức ăn cho cả buổi sáng.

Sau khi ăn xong, Mômutu lại bước tới chỗ hai bố con Amô. Con bé mệt quá đang thêm thiếp ngủ trong lòng bố.

- Nó làm sao thế?

- Nó ngủ một chút - Amô vừa trả lời vừa cầm con dao nhọn hoắt gọt một mẩu gỗ thành hình con búp bê.

- Trông nó khoẻ mạnh đấy chứ - Mômutu tiến sát lại bên Amô. Hắn bỏ chiếc mũ rộng vành xuống rồi cởi đôi ủng đen đã lấm bùn bết.

- Ta dừng lại đây nghỉ ngơi lấy sức. Bọn chúng nhất định phải đi qua đường này.

Amôô càng thêm thận trọng hơn. Anh gạt đầu tỏ ý tán thành nhưng mắt vẫn không rời lônê, tay vẫn cầm con dao sắt gọt mẫu gỗ.

- Anh sắp được tự do ngay rồi. Thế nào, muốn về làng lắm hả?

- Vâng.

- Nhưng ở đây anh còn ai nữa đâu. - Mômutu nói tiếp, không để cho Amôô kịp trả lời. - Trước kia tôi cũng có làng... ở ngay cửa rừng... Có cha, có mẹ, có người thân... và có cả một bộ lạc! Đồng ruộng tươi tốt! Chúng tôi có đủ thịt cá để ăn... Nhưng rồi cùng với năm tháng, làng xóm cứ suy tàn dần, chỉ còn lại tiếng khóc than. Từ khi ra đời đến nay tôi chỉ toàn nghe thấy tiếng khóc, chỉ toàn thấy cảnh chui lủi hết bụi này đến rừng nọ. Trốn vào rừng sâu ư? Sẽ chết vì đau ốm...!... ơ lại đồng cỏ ư? Sẽ bị bắt bán đi... Làm gì bây giờ? Ta phải tự chọn lấy! Tôi thích làm kẻ đi săn người còn hơn là bị người săn.

Amôô không hiểu Mômutu định nói gì. Anh cũng biết cuộc đời là như thế, chẳng lúc nào yên, nơm nớp lo sợ, không bao giờ dám tin chắc vào ngày mai. Anh tự hỏi không biết họ bắt đàn ông và đàn bà để làm gì. Người ta bảo rằng những kẻ da trắng bắt người da đen để lột da làm ủng.

Họ nói chuyện với nhau một lúc lâu. Mômutu nói luôn mồm. Hắn khoe những chiến công, những đêm no say phê phởn. Amôô lặng thinh ngồi nghe. Mỗi lúc anh càng thêm khó hiểu Mômutu hơn. Hắn sống chẳng khác gì một ông vua con. Đối với hắn quyền lực phải thể hiện bằng sức mạnh và bằng sự cưỡng bức. Một lúc sau, - Amôô cảm thấy sốt ruột lắm rồi, - một tên bộ hạ đến báo với Mômutu rằng bọn da trắng đang đến gần. Mômutu bật dậy, hạ lệnh phải giết hết, trừ tù nhân. Trong nháy mắt cả cánh rừng im lặng như tờ. Chỉ còn nghe thấy tiếng gió lao xao trong vòm lá.

Đoàn người đang tiến dần vào rừng rậm. Bốn tên người Âu đi đầu, tên nào lưng cũng giắt hai khẩu súng ngắn, tay cầm một khẩu súng dài. Theo sau là một dãy dài tù nhân gồm đàn ông và đàn bà, người này bị gông liền với người kia bằng một chiếc chạc gỗ, cổ bị xiết chặt bằng một chốt sắt bằng vít, đuôi chạc tì lên vai người đi trước. Ba tên người Âu khác đi khoá đuôi, còn tên cuối cùng chắc đang ốm nên phải nằm trong vồng có bốn người tù da đen khiêng.

Khi những tiếng súng đầu tiên từ trên những ngọn cây cao vừa nổ thì cả cánh rừng bỗng vang dội muôn ngàn tiếng vọng. Mặt đất rung chuyển trong tiếng reo hò. Hai bên xông vào nhau đâm chém túi bụi. Lợi dụng lúc hỗn loạn, Amôô cặp vội con gái, xoay tay lia vút lưới rìu vào cổ tên lính gác rồi lao thẳng vào rừng...

Hai bố con chạy miết trong rừng sâu, băng qua hết sông này suối khác, tìm mọi cách lẩn tránh mọi người. Anh cầm cúi chạy mãi về phía đông nam, vùng rìu và dao chặt cây phá lối. Ban ngày hai bố con ẩn kín... đến chiều tà lại bắt đầu chạy cho tới tận rạng sáng ngày hôm sau.

Suốt ba tuần liền rông rã hai người mới về đến làng. Cả làng chỉ còn khoảng ba chục túp lều con xúm xít bên nhau, nấu mình giữa đám cây rậm bên một nhánh sông. Ban ngày hầu như không một bóng đàn ông đàn bà nào qua lại. Những người khỏe mạnh cứ bị bắt dần bắt mòn, chỉ còn lại thừa thớt vài người. Khi Amôô vừa xuất hiện trước túp lều của mẹ vợ thì đã thấy bà

cụ lật đặt lết chiếc chân bại liệt chạy ra. Cụ hú lên một hồi dài báo cho dân làng cùng biết. Mọi người đổ xô đến vây chặt hai bố con Amô. Người ta reo hò ngạc nhiên, cuống quýt. Tiếng khóc nức nở xen lẫn tiếng thăm hỏi dồn dập. Mừng mừng tủi tủi. Ai cũng phải sờ đầu sờ tay con bé lônê một tí, vuốt ve nó, ngắm nhìn nó ngồi lọt thỏm trong lòng bà ngoại như ngắm nhìn một vật quý giá nhất đời. Con bé meo mào trả lời câu hỏi của mọi người. Nó nói nghẹn ngào trong tiếng khóc nức.

Các già làng chào đón Amô như chào đón một tù trưởng. Anh đang kể lại mọi nỗi gian truân của mình. Một cụ già không biết đã sống được bao nhiêu tuổi, nói:

- Từ lúc cha sinh mẹ đẻ đến giờ, kể cả thời bố tôi lẫn thời ông nội tôi còn sống, cả cái xứ này có bao giờ lại được gặp lại những người đã bị bắt đem bán cho bọn da trắng như thế này đâu. Ôi! Cái quân da trắng thật là tàn bạo!

- Không biết đến bao giờ tai họa mới thôi trút lên đầu chúng ta? Tôi đã phải đau đớn nhìn cái cảnh tất cả con cái mình bị bắt đem đi. Tôi không còn nhớ nổi làng ta đã phải rời chỗ bao nhiêu lần. Đến bây giờ thì không thể nào dọn sâu hơn vào rừng được nữa... Ác thú, bệnh tật, sống làm sao nổi?...

Một người khác nói thêm:

- Ác thú còn hơn bọn săn người. Chúng ta đã sống yên ổn ở đây được năm sáu mùa mưa. Bây giờ không nấn ná lại mãi được đâu. Cách làng mình ba ngày rưỡi đường có một trại tù mới xuất hiện rồi đó!...

Những khuôn mặt nhăn nheo đã trải bao sóng gió đang hằn lên những nét đau khổ không thể nào xóa mờ được của thời đại mình. Họ nêu ra những yêu cầu cấp bách phải rời làng. Một số tán thành, một số nêu lại những nỗi nguy hiểm khi phải sống giữa rừng sâu, nào thiếu nước, nào thiếu những cánh tay khỏe mạnh, nào phải rời bỏ mồ mả cha ông. Vị tộc trưởng là một cụ già tóc bạc phơ phơ, đôi vai gầy nhô cao đỡ lấy chiếc cổ khẳng khiu vươn về phía trước. Cụ lấy bầy tì lên chiếc gậy chống đầy những đốt sần sùi và đề nghị hãy để qua mùa mưa đã rồi sẽ phái một bộ phận đi tìm đất mới rời làng. Rời làng mà không lựa chọn địa điểm là một chuyện điên rồ, vả lại còn phải chuẩn bị lễ cúng thổ thần ở đó nữa. Cuối cùng mọi người đều tán thành ý kiến của cụ. Trong khoảng thời gian ngắn ngủi ở lại làng cũ, họ dốc sức ra trồng cấy, tập trung gia súc của cả làng lại và quây nhốt vào nơi kín đáo. Các bà già được vị tộc trưởng giao cho chăm sóc lũ trẻ và canh gác xóm làng.

Khu làng nhỏ bé như được sống lại sau cuộc trở về của bố con Amô. Mọi người cùng chung lưng làm lụng, cùng phát nương rẫy cỏ, cùng chia nhau rào đất rào làng. Các phụ nữ cặm cụi làm việc bên đám đàn ông, một số chuyên theo dõi đề phòng bọn săn nô lệ bất ngờ ập đến. (Thời đó, bọn săn nô lệ là những tên cầm người bản xứ mặc đồng phục có màu sắc đặc trưng cho quốc gia đã thuê mướn chúng). Lúc nào họ cũng chăm chú nhìn xuống phía dưới thung lũng.

Những trận mưa đầu mùa đã về. Đất có nước sinh sôi nảy lộc. Các hạt gieo trở mầm đâm lá. Nhưng bóng đen tai họa vẫn còn lớn vờn trên đầu dân làng làm cho họ lúc nào cũng nơm nớp lo âu. Đêm đêm, một tiếng động nhỏ cũng làm cả làng choàng dậy, tưởng mình bị đột nhập.

Hai bố con Amô đã dựng một túp lều. Đêm nào nằm ngủ anh cũng gối đầu lên chiếc rìu. Một tiếng gió sột soạt trên vòm lá cũng làm anh tỉnh giấc và làm con bé lônê run sợ. Amô đem hết sức ra làm việc. Mọi người hết lòng chăm sóc lônê, để nó được nghỉ ngơi, vui chơi. Con bé tươi tỉnh dần, trông đã có da thịt, hai má nó đã đầy đặn, đen bóng, cổ đã bắt đầu có ngấn mịn màng. Bắp tay bắp chân trước kia gầy khẳng gầy kheo, bây giờ đã tròn trĩnh...

Từng ngày từng tháng êm ả trôi qua. Những dải đất hẹp giành giật được trong cuộc vật lộn dai dẳng với thiên nhiên đã đem lại cho họ bao nhiêu hứa hẹn. Những nương sắn xanh rờn đâm chồi kết củ. Mọi người đã bắt đầu tích trữ thực phẩm, dầu dừa, bơ, hàng thúng đậu và ép mía lấy mật... nghĩa là họ tích trữ tất cả mọi thứ cần thiết cho khi đến làng mới. Những người được phái đi tìm đất dựng làng đã trở về. Họ phát hiện được một khoảng đất tốt dưới chân núi, nằm cao hơn đồng cỏ, gần đó có một nguồn nước mát chảy qua. Đất ở đấy cũng trồng trọt được, lại có cả một bãi ruộng để chăn nuôi gia súc và bọn trẻ con có chỗ ẩn tránh bọn săn nô lệ.

Người nào người nấy nghe nói reo lên hơn hởi. Vị tộc trưởng liền ấn định ngay ngày khởi hành. Cái viễn cảnh được sống yên ổn làm họ bớt lo âu do đó cũng chảnh mảng việc canh phòng. Trước kia, trời vừa chập tối là mọi bếp lửa đều phải dập tắt hết để khỏi làm lộ làng, bây giờ người ta để chúng cháy hồng thâu đêm. Tiếng cười nói râm ran trong những túp lều nhỏ bé. Bọn trẻ nhớn nhơ chơi trên đường làng... Bố mẹ chúng chỉ nghĩ tới ngày ra đi. Họ bấm đốt ngón tay nhằm tính từng ngày. Trong túp lều công cộng làm nơi hội họp người ta quây quần xem bói, đoán xem điềm gì tốt để còn chuyển nhà. Ai cũng chỉ nghĩ đến gia thần, đến vật tổ, đến mồ mả của gia đình mình...

Hôm ấy là một ngày bình thường như mọi ngày. Mặt trời vẫn chói chang. Những cành lá vẫn đung đưa trước gió. Từng đám mây trắng bồng bênh trôi. Đàn chim sâu nhớn nhơ chuyền hót trên cành. Lũ khỉ nhẩy nhót hết nơi này sang nơi khác. Cả làng đang sống yên vui, mừng rỡ như người sau bao năm lênh đênh trên biển cả nay bỗng được giật vào bờ.

Chính hôm đó bọn săn nô lệ ập đến! Đàn gia súc hoảng hốt chạy tán loạn vào rừng. Đàn ông đàn bà và trẻ con nhớn nhác rú lên kinh hoàng, cầm đầu cầm cổ chạy về phía rừng rậm.

Amô phắt chiếc rìu, vừa chạy vừa đẩy vào lưng con và lưng mẹ vợ. Bà cụ hỗn hển lê chiếc chân đau. Họ luồn ra phía sau làng, chui qua hàng rào và chạy tới mép rừng. Ra khỏi làng ba người gặp ngay Mômutu và đồng bọn... Nhanh như cắt, Amô nhẩy xổ tới vùng rìu... nhưng bọn chúng vẫn reo hò đuổi theo anh như đàn sói đói.

Amô lao sâu vào rừng. Những cành lá quăn quýt lấy chân anh, cản lại. Nếu một mình thì anh thừa sức thoát thân nhưng anh không thể bỏ lại đứa con gái độc nhất được. Hình ảnh người vợ yêu quý mà anh đã giết để cô ấy khỏi bị sống đời nô lệ cứ hiện lên trong óc anh. Nhìn thấy bà cụ là anh lại nhớ tới vợ. Bỏ rơi bà cụ là bỏ rơi vong linh người vợ đã quá cố của mình. Nhiều lần bà cụ phải dừng lại thở; chiếc chân cứng đờ mỗi lúc một nặng thêm. Anh phải giữ lấy người cụ cho cụ đứng vững mà thở. Con bé lônê im lặng bám chặt lấy vai bố: Nó đã được địu trên lưng anh.

Một ý nghĩ thoáng qua trong đầu Amô. Anh xoay tay bế con rồi âu yếm đưa cằm nó lên và nhìn đắm đắm vào đôi mắt đen láy của nó. Hai bố con im lặng nhìn nhau. Nước mắt của Amô

ừa chảy ròng ròng.

- Mẹ ạ, chúng ta không thể nào đi xa hơn được nữa... Đi sâu vào rừng thì cả ba mẹ con mình đều chết... Phía sau là cảnh nô lệ cho Iônê và cho con...

- Mẹ cũng không thể nhấc chân nổi nữa. - Bà cụ vừa nói vừa ôm lấy cháu, ngược bộ mặt gầy nhảnh nheo nhìn Amôô.

- Mẹ ạ! Mẹ và Iônê có thể thoát được... Mẹ già rồi, da đã nhăn hết cả, bọn da trắng không lột để làm ủng được nữa đâu.

- Ôi! Cháu Iônê, vậy là chỉ mỗi mình cháu phải chết thôi sao?... Còn con, con định thế nào?

- Mẹ và cháu phải được tự do! Phần con, để mặc con lo liệu.

- Con ơi! Con không giết hai bà cháu ta chứ? - Bà cụ rên rỉ kêu lên.

- Không, mẹ ạ. Con nhất định phải làm thế nào đây để cháu Iônê được sống tự do... Gấp gấp lắm rồi. Bọn chúng đang đến đây. Con đã nghe thấy tiếng chúng reo hò ngoài kia.

Mắt Amôô bỗng long lanh sáng quắc. Trong đầu anh như có muôn ngàn tiếng sét nổ bùng. Anh cảm thấy đất dưới chân mình rung chuyển. Tay xiết chặt cán chiếc dao nhọn hoắt, anh lao đảo chạy tới một lùm cây cắt lấy một nắm lá. (Những người thuộc bộ lạc Uôlôph gọi cây này là cây bantamarê, lá có chất kháng sinh). Sau đó anh trở lại chỗ hai bà cháu. Bà cụ và con bé đứng sững sờ, chăm chăm nhìn anh. Mắt anh nhoà lệ.

- Đừng sợ, Iônê, con!

- Trời ơi! Anh định giết nó như đã giết mẹ nó đấy à? - Bà cụ kêu thét lên thảng thốt.

- Không... Iônê con! Con sẽ đau đớn lắm... Nhưng rồi con sẽ không phải sống đời nô lệ... Con có hiểu không?...

Con bé đứng im thín thít. Mắt nó không rời lưỡi dao sáng loáng trong tay bố. Nó thoáng nhớ tới con tàu... nhớ tới lưỡi rìu đầm máu!

Không do dự nữa, Amôô túm chặt lấy con, kẹp chặt nó vào hai cẳng chân cuộn cuộn bấp thịt của mình rồi lấy mũi dao rạch lên thân thể nó. Tận ngoài bìa rừng người ta cũng nghe thấy tiếng khóc thét của đứa bé. Nó khóc mãi cho tới khi họng khàn đặc lại không còn ra tiếng nữa. Amôô vừa kịp phủ lá lên thân thể con xong thì bọn săn nô lệ cũng vừa ập tới. Anh bị bắt cùng với nhiều người khác và bị giải ra vùng duyên hải. Bà cụ lôi con bé Iônê trở lại làng. Nhờ cụ biết nhiều cây thuốc nên những vết rạch trên thân thể Iônê nhanh chóng lên da non và thành sẹo.

Những tháng sau đó bọn săn nô lệ lại đến vây làng nhưng Iônê không bị chúng bắt. Da con bé chỉ chút những vết sẹo rạch như vậy thì chẳng còn giá trị gì...

Tiếng lành đồn xa. Từ những làng mạc hẻo lánh xa xôi người ta cũng kéo đến để hỏi bà cụ về chuyện kỳ lạ này. Từ đó, bao nhiêu năm đã trôi qua, bao nhiêu thế kỷ đã trôi qua, tổ tiên chúng ta có tục lệ rạch nát thân thể mình. Họ không cam chịu sống cuộc đời nô lệ.

I

Mvavu bật đèn. Anh ta nhổm dậy cầm lấy chiếc bút bi và bắt đầu viết: “Kính gửi ông chủ bút tạp chí Mốt mới”, nhưng những vỏ chai bia cạn khô đặt trên bàn cứ đập vào mắt anh ta. Anh bê những chiếc vỏ chai, bước ra cửa. Người trực nhật ngoài hành lang lảng xăng chạy ngay lại.

- Thưa ông! Ông sai bảo gì ạ? - Hỏi xong, anh ta buông thõng hai tay xuống với cái vẻ miễn cưỡng làm người ta có thể tưởng rằng lòng nhiệt tình của anh ta là xuất phát từ đáy lòng.

Mvavu chìa những chiếc vỏ chai cho anh ta rồi đóng sầm cửa lại, chẳng buồn nhìn nét mặt nhăn nhó vì thất vọng của người trực nhật đang đợi tiền thù lao. Từ hôm qua Mvavu đã tiêu đến đồng silinh cuối cùng rồi. Khoá trái cửa căn buồng thuê ở “Khách sạn châu Phi”, anh trở lại bàn viết.

“Thưa ông - Mvavu viết, - tôi là một thanh niên người Phi nghèo khổ, bị cảnh bần cùng làm cho tuyệt vọng. Nếu lời kêu cứu này của tôi không được chấp nhận, tôi sẽ nhảy từ nóc khách sạn này xuống. Nhưng trước khi tự kết liễu đời mình, tôi muốn ban cho thế giới này một may mắn cuối cùng. Tôi sẽ bán trái tim mình. Bất kỳ người nào cần đến nó đều có thể mua trái tim tươi trẻ, khoẻ khoắn của tôi với giá tất cả là một triệu đô la. Tiền trả đề nghị gửi ngay cho tôi bằng điện báo. Sau mười năm, người mua sẽ hoàn toàn sở hữu trái tim tôi. Kỳ hạn này cần thiết đối với tôi để tôi kịp tiêu hết số tiền đó. Chân thành cảm tạ ông, Giêcxơn Mvavu, hộp thư 95579, Nairôbi Kênia”.

Run run vì xúc động, anh gấp tờ giấy màu xanh da trời có in sẵn dòng chữ “thư máy bay” lại rồi ghi địa chỉ, đứng dậy xỏ chân vào giày. Cần phải gửi bức thư đi ngay. Càng gửi sớm càng chóng nhận được thư phúc đáp. Bước ra khỏi phòng trà Mvavu chạy xuống cầu thang, nhảy bổ ra ngoài đường rồi rảo bước tới nhà bưu điện thành phố. Vừa bước anh vừa nhắm tính trong đầu xem phải sử dụng một triệu đô la như thế nào. Buổi chiều hôm đó là một buổi chiều nhiệt đới ấm áp. Mvavu đi dọc đại lộ Kêniata, lơ đãng nhìn những bộ mặt thuộc nhiều màu da trong đám người đang lững thững dạo chơi hai bên đường. Gửi xong thư, anh quay lại khách sạn ngay.

- Ê! Ông Mvavu! - Viên quản lý gọi anh.

- Ông cần gì? - Mvavu ngạc nhiên hỏi lại.

Anh thừa biết ông ta cần gì rồi.

- Hôm nay chưa có ai gửi thư tới cho ông à? - ông già dò hỏi.

- Ông nói đúng đấy, chẳng có ai gửi thư cho tôi cả!

- Thế nhà ngân hàng cũng không gọi điện cho ông sao?

- Rõ ràng là không.

- Ra thế. Nay ông Mvavu này, ông vẫn chưa nhận được chi phiếu hay điện chuyển ngân từ châu Mỹ sao?

- Có thể vào ngày mai...

- Nhưng ông đã nói chắc chắn với tôi rằng hôm nay ông sẽ nhận được kia mà.

- Ông thấy đấy...

- Tôi định thế này nhé, ông Mvavu! Số tiền ông nợ đã quá tám trăm silinh rồi. Tôi không bao giờ cho khách hàng nợ nhiều đến thế đâu.

- Nhưng tiền đang được chuyển mà. Chỉ nội tuần sau là tôi sẽ nhận được đầy đủ thôi. Một triệu đô la đấy nhé. Trăm phần trăm.

- Một triệu đô la cơ à, ông Mvavu? Có thật thế không?

- Đúng đấy, một triệu đô la.

- Dẫu sao tôi vẫn cần ông trả tám trăm silinh ngay. Tôi còn phải trả công cho người làm chứ. Thôi ông hãy ký gửi đồ đạc của ông lại rồi mời ông ra ngoài phố mà ở.

- Nếu ông cho phép như vậy, thì ông sẽ bị thiệt thòi đấy. Trong trường hợp này tôi sẽ không phải trả tám trăm silinh cho ông nữa, coi như tôi đã trả ông rồi.

- Cái tâm địa ấy của ông, chẳng làm tôi hài lòng chút nào cả, ông Mvavu ạ,

- Viên quản lý vừa nói vừa lấy tay xoa bụng.

- Thì tôi đã khuyên ông rồi mà, - Mvavu thờ ơ đáp lại.

Ngẫm nghĩ một lát, viên quản lý nói tiếp:

- Vậy sẵn sàng thôi.

- Dưới hình thức thư tay chứ?

- Dĩ nhiên. Ông đưa giấy đây.

- Hay lắm! - Viên quản lý chìa giấy bút ra - Ông viết đi: "Tôi là người ký tên dưới đây, tôi xin giao hẹn trả cho ông quản lý "khách sạn châu Phi" một nghìn silinh vào một ngày hai mươi tháng tư năm 1968... Nếu tôi không giữ đúng lời hẹn, ông quản lý có quyền tịch biên mọi của cải của tôi và dẫn tôi tới cảnh sát". Thế! Ông viết thế! Đúng rồi. Cảm ơn ông.

Viên quản lý mỉm cười và quay ra cửa.

- Đợi tí đã! Mvavu gọi lại - Bây giờ ông đã có giấy cam đoan rồi thì tôi có thể tiếp tục ăn chịu ở quán ăn được chứ?

- Hừm, thôi được - Viên quản lý âm ừ trả lời.

Mvavu bước vội vào tiệm rượu.

Vừa mới đặt chân vào căn phòng ồn ào anh đã nhận thấy ngay vẻ mặt lạnh nhạt của người hầu bàn. Từ ngày ở đây, Mvavu mới chỉ cho anh ta có độc một lần tiền thù lao; đó là lần anh ngồi ăn cùng bàn với một cô gái. Leo xong lên chiếc ghế đầu cao lênh khênh, Mvavu chống khuỷu tay lên mặt quầy hàng và ngắm bóng mình trong gương: Bộ mặt anh trông thật khủng khiếp.

Chủ quầy rượu là một gã Ấn Độ mới lớn, dáng vóc khảng khiu. Anh ta chậm chạp tiến lại phía Mvavu. Ở đây ai cũng biết Mvavu đang lẫn vào bước đường cùng quẫn. Trông anh còn tồi tệ hơn cả người quý tộc cùng khổ, một con cừu đội lột sói!

- Chủ quầy! - Mvavu gọi giật giọng, cố ý làm cho anh chàng mặng sữa này bót kênh kiệu với mình đi.

- Ông cần gì? - Anh ta vừa hỏi lại vừa nhếch mép cười.

- Cho bốn suất rượu mạnh “Giônni Oocken”!

- Ông trả tiền ngay chứ?

- Ghi nợ!

- Ồ! Tôi chịu thôi! Thưa ông.

- Ông quản lý đã cho phép - Mvavu mỉm cười thích thú khi nhìn thấy vẻ bối rối trên khuôn mặt non choẹt của gã chủ quầy.

- Thật không?

- Sao? Theo anh thì tôi nói dối đấy hả?

Mvavu biết ngay mà. Anh chàng bán bar bước vội về phía đầu quầy cầm máy điện thoại gọi tới viên quản lý. Cuối cùng hắn đặt xuống trước mặt Mvavu một chiếc cốc vại, rót vào đó bốn suất rượu Uytki màu vàng óng rồi pha thêm nước xô đa. Mvavu nâng cốc uống một hơi cạn tới nửa. Hơi men đem cái ấm áp vui tươi tưới vào mạch máu trong thân thể anh ta.

Cố lẩn tránh không nhìn bóng mình trong gương, Mvavu gọi thêm một gói kẹo bạc hà và một bao diêm nữa. Những ngón tay anh cứ gõ gõ mãi lên mặt quầy bóng loáng theo nhịp điệu của một bản nhạc phát ra từ chiếc máy quay đĩa. Anh mê mải trong làn khói thuốc lá đang chui tọt vào mũi anh, làm mắt anh cay xè. Gọi thêm một cốc rượu nữa, Mvavu thử ngắm nhìn những người đang ngồi uống trong quán xem sao, nhưng anh chỉ còn thấy những quầng ánh sáng đang nhảy múa chập chờn trước mặt.

Bức thư gửi cho tạp chí Mỹ *Mốt mới* làm đầu óc anh muốn nổ tung ra từng mảnh. Sau mười năm sắp tới anh sẽ vĩnh biệt cuộc sống này để làm cho một người nào đó có thể sống thoải mái, thoải mái theo đúng ý mình. Hai chân loạng choạng, Mvavu đứng dậy bước ra khỏi chỗ. Phải giữ lại bức thư và kết thúc câu chuyện ngu xuẩn này đi. Nhưng nghĩ lại, anh biết rằng

không thể làm được. Anh giận dữ gầm lên. Một người hầu bàn chạy bổ lại phía anh, tưởng anh đã quá say, Mvavu vội bảo rằng anh không cần tới sự giúp đỡ nào hết. Những người hầu bàn khác đưa mắt nhìn nhau.

Mvavu lại quay lại quầy hàng gọi thêm một cốc rượu nữa. Đến mười một giờ tối quầy rượu đóng cửa, những người hầu bàn phải dìu Mvavu về phòng. Anh chẳng còn xu nào để cho họ tiền thù lao dù chỉ một xu để họ đem lại thêm một chút xúi thu nhập cho vợ con mình...

II

Năm ngày đã trôi qua kể từ lúc thượng nghị sĩ Pinpô Gienkin Moogan từ bang Alabama đến thăm người tình của mình là cô Mêri - Em Môn-rô ở Niu-Yooc. Chiều hôm ấy ông nghị sĩ đáp máy bay từ Oasinhton tới. Thế là cô Môn-rô - trợ lý chủ bút tạp chí *Một mới* trước khi hết giờ làm việc đã vội vã trở về nhà - một căn phòng ở đại lộ Thứ bảy mươi. Ông nghị sĩ nhận làm cha dưỡng của cô. Nhưng thực ra cô là nhân tình của ông. Nhờ có ông mà cô Môn-rô đã đổi đời từ một kẻ tầm thường, sa sút thành một quý phu nhân của khu Manhattan. Cô đã biết khéo léo khai thác sự hào phóng của ông nghị. Tuần nào cô cũng nhận được từ nơi ông một số tiền lớn mặc dù với số lương của mình cô đã có thể sống tạm đủ. Tiện thể ông cũng đã thu xếp luôn cho cô vào làm việc trong tạp chí *Một mới*.

Ông nghị sĩ khoác một chiếc áo dài trang nhã, chân đi đôi dép lông thú. Ông thả người trong chiếc đi văng sang trọng và ngắm nghía cô Môn-rô đang pha cho ông một cốc rượu cồctay bạc hà mà ông ưa thích. Cô tự mình rót rượu rồi tự tay đem cốc rượu lạnh mát lại cho ông. Ông khẽ hôn lên bàn tay cô rồi vòng tay ôm ngang lấy tấm lưng, kéo cô vào lòng mình.

- Mêri - Em bé bỏng. - Giọng ông vuốt ve mơn trớn, - nói thật đấy, về mặt pha rượu thì không có ai trên cái địa giới Mêhicô - Mỹ này lại khéo được bằng em!

- Ô, Pinpô, cứ giễu cợt em mãi! - Cô vừa cười vừa lấy tay vuốt chòm râu lơ thơ của ông.

- Nói thật đấy, rượu ngon quá! Uống xong khỏi cổ là miệng muốn ăn ngấu ăn nghiền ngay. Giá em có con gà giò bỏ xó nào đấy đem quay lên cho ta như thời thượng cổ người ta nướng ấy thì hay biết bao!

- Có chứ, Pinpô! Khi em biết tin ông đến, việc trước hết là em phải đi mua ngay gà giò.

- Ôi bé cưng của ta, em thơm thảo quá. Ta cần được quan tâm như vậy lắm. Những kẻ theo chủ nghĩa tự do đáng ghét đang xỉ vả phong cách sống của chúng ta. Chúng làm ta hao tổn sức lực không ít.

- Pinpô ạ, họ cũng làm em phải tức lên được.

- Chính vì thế ta mới nói với em điều này, Mêri-En ạ: Những người da trắng chúng ta đang tìm cách truất hết quyền của bọn da đen đấy! Chắc chắn thuở nhỏ họ đã được cưỡi lên đầu lên cổ bọn làm công da đen ở các đồn điền của cha họ rồi. Thế là bọn linh mục liền nhảy ngay xuống đường, khoác tay bọn da đen rách rưới ở Xenlê, ở Môngômêri, thậm chí ở cả Oasinhton nữa. Em có biết vì sao họ trở thành những người truyền giáo không? Họ làm thế để dễ quyến rũ những tên da đen rách rưới, phá hoại tình nghĩa vợ chồng và thậm chí cưỡi luôn cả vợ họ!

Em thử hình dung xem: Một cô gái da trắng trinh bạch hơn cả nước trong, một cô gái tóc vàng óng có đôi mắt xanh biếc lại đi lấy một thằng chồng da đen rách rưới để rồi để ra cho hắn một lũ nhãi ranh màu hạt dẻ. Nói thật đấy, cái bọn súc sinh ấy đã leo lên được cả thượng nghị viện rồi.

- Em không thể hiểu nổi vì sao những phụ nữ da trắng lại có thể lấy một thằng chồng da đen được! Dù có cho em tới mười nghìn đô la em cũng chẳng thèm sờ vào một thằng đàn ông da đen!

- Em gái bé bỏng, em cừ thật! Đã đến lúc phải đặt những tên da đen rách rưới ngu si đó vào đúng chỗ của chúng rồi. Chúng muốn được bình đẳng với chúng ta! Ha! ha!...

- Thật là một lũ điên, - Cô Môn-rô phụ họa thêm - Cả thành phố Niu-Yooc phải ngột ngạt lên vì chúng. Đã thế lại còn thêm bọn người Âu, người Ý cộng với bọn da đen cùng đình làm người ta hoa cả mắt. Lạy chúa! Đất nước này đang rơi xuống vực thẳm. Ngay ở Mông-ô-mê-ri này cũng có một tên súc sinh là Mactin Luthơ Kinh đấy!...

Cô Môn-rô kinh hoàng: Cơn xúc động làm cho ông thượng nghị sĩ ngồi không vững. Tim ông đau nhói. Cô vuốt ve ông, cô lôi ông ra khỏi cơn nguy kịch. Cô còn nhớ như in lần ông lên cơn đau trong phòng cô!... Bà vợ ông chết vì ngã ngựa. Tin bà Moocgan chết được điện ngay tới Oasinhton trong lúc Ông thượng nghị sĩ đã lên đường đi Niu-Yooc. Một người bạn cũ của ông đã gọi điện cho cô, yêu cầu cô báo ngay cái tin đau buồn đó cho ông nghị sĩ biết. Ông chưa kịp bước vào nhà đã vội kể lại chuyện với ông. Thế là ông ngất luôn!...

- Ồ, ông nghị sĩ! - Vừa chợt nhớ lại một chuyện gì đó, cô Môn-rô liền kêu lên:

- Có chuyện gì thế em gái bé bỏng? - Ông hồi hộp khi nghe thấy câu hỏi quá trịnh trọng của cô.

- Có thể đây là một chuyện ngu xuẩn, nhưng...

- Em nói sao, em Môn-rô?...

- Ông đã nghe nói tới những trường hợp ghép tim ở Nam Phi chưa?

- Có nghe. Nhưng thôi, em đừng an ủi ta nữa. Chuyện đó đáng nghi lắm. Hơn nữa việc “Thượng nghị sĩ Moocgan đã nhận một trái tim không được sự thoả thuận của thân nhân người cho” chỉ là một sự quảng cáo tầm thường đối với một chiến sĩ đáng tin tưởng đang chống lại tệ tham nhũng ở nước Mỹ, một con người đang nghiên cứu đất nước mình khỏi sự suy đồi, khỏi chủ nghĩa cộng sản, khỏi sự xuyên tạc và những tai họa khác. Không được, xin miễn thôi!

- Em biết rằng ông sợ dư luận xã hội, ông nghị sĩ à. Nhưng nếu ta làm thật khôn khéo thì sẽ chẳng có gì ầm ĩ lên đâu. Vả lại, một đảng thì ở châu Phi, một đảng ở đây cơ mà..,

- Ở châu Phi à? Quỷ quái nhỉ? Em nói ba láp gì thế? Cái lục địa lạc hậu ấy cho ta được cái gì kia chứ?

- Cho trái tim...

- Tim à? Sao thế em?

- Ông bình tĩnh nào, ông Pinpô. Đừng quá xúc động.

- Ta đã yêu cầu em đừng bao giờ dả động tới trái tim ta rồi kia mà.

- Vâng, nhưng...

- Không “nhưng” gì hết, em thân yêu! - Anh nghị sĩ vừa bước đứng dậy để nói hết câu thì mắt đã hoa lên. Sự căng thẳng cơ bắp này hình như quá mức chịu đựng của ông. Ông gập người lại, lấy bàn tay ra hiệu cho Môn-rô đem thuốc tới. Mê-ri-En cuống cuồng chạy lại chiếc tủ đứng treo chiếc áo vét - tông của ông. Cô đưa cho ông một viên thuốc và một cốc nước rồi dìu ông ngồi xuống chiếc đi-văng, rót rượu. Khi ông nghị sĩ đã hoàn toàn bình phục cô mới ngồi xuống bên cạnh, âu yếm xoa nhẹ vai ông.

- Không thể để mãi thế này được Pinpô ạ. Phải làm thế nào chứ.

- Làm gì bây giờ, Mê-ri-En?

- Ông giàu lắm, Pinpô ạ. Ông có thể dùng tiền mua một trái tim mới.

- Mua tim à, Mê-ri-En?...

- Vâng. Một thanh niên Phi trẻ, khoẻ mạnh muốn bán trái tim mình với giá tất cả là một triệu đô la.

- Em biết tin ấy từ đâu?

- Hẳn đã gửi thư tới tạp chí *Một mới*. Chính em đọc bức thư đó mà.

- Tại sao hẳn lại muốn bán?

- Vì nghèo quá, nghèo xơ xác. Những tên da đen nghèo thường nông cuồng lắm!

- Nhưng Mê-ri-En ạ, ta không thể mua tim của một thằng da đen rách rưới được đâu. Lạy chúa, chỉ mới nghĩ là ta đã ghê tởm!...

- Lần ghép tim đầu tiên ở Nam Phi chính là một tên da đen đã cho tim đấy chứ. Ở châu Mỹ chúng ta thì đừng hòng!...

- Ở Nam Phi trừ vàng ra thì tất cả đều là mọi đen hết! Ta không thể nhúng tay vào chuyện này được...

- Cứ có tiền là bịt miệng được hết! Hiện giờ mới chỉ có ông chủ bút nhìn thấy bức thư đó thôi. Ông sẽ liên hệ với tên da đen đó qua luật sư riêng của mình. Mười năm sau, lúc tim ông đã hoàn toàn già yếu rồi, ta sẽ đi châu Phi, làm ra vẻ mình thích đi du lịch ấy, rồi sau đó người ta sẽ ghép tim cho ông.

- Vì sao em lại khuyên ta như vậy? Mê-ri-En?

- Vì em muốn được là người vợ tốt của ông.

- A! Bé con, im đi nào! Không ngờ em lại thích cái lão già cũ kỹ này ư.

- Cũ thật đấy, nhưng rất nhiều tiền.

- Không, em chẳng muốn lấy ta làm chồng đâu. Em chỉ muốn trêu ghẹo, hành hạ cái lão già Pinpo này thôi.

- Pinpô!

- Ô-kê^[6], Mêri-En. Ông chủ của em hiện nay là tay nào vậy?

- Ông Etmôn-x.

- Tưởng ai, ra cái thằng vô lại đó. Thế thì được lắm! Hắn đang nằm trong tay ta! Hắn sẽ phải làm tất cả mọi điều ta muốn, nếu không thì nó đã đến ngày tận số rồi. Có phải em nói là mười năm sau phải không?

- Vâng, đúng thế.

- Tốt lắm! Nếu vậy thì bây giờ cần quái gì phải giữ sức nữa. Em thấy thế nào, cô bé?...

- Ôi, ông thật đúng là một con hổ già, Pinpô ạ!

III

Khoảng năm giờ chiều, Mvavu mặc vội quần áo rồi lao vào quán rượu. Anh không còn có gan uống đến say mềm được nữa. Mặc xác chú nhóc bán bar và những người hầu bàn muốn nghĩ gì thì nghĩ. Hôm qua, chú nhóc bán bar đã mĩa mai anh rằng trông anh có vẻ mặt như người suốt đêm không ngủ ấy. Thật ra thì Mvavu không còn trụ nổi nữa rồi. Chiều nào cũng vậy, mỗi lần ký vào tấm biên lai tiền nợ thường lệ khoảng năm mươi hay một trăm silinh là anh lại run lên, lo lắng và hồi hộp. Đã mấy ngày trôi qua, kể từ hôm anh gửi thư cho tạp chí *Một mới*, thế mà đến nay vẫn bất vô âm tín.

Ngồi nép vào tít một góc để có thể nhìn bao quát cả căn phòng, Mvavu rụt rè gọi hai suất rượu trắng pha chanh. Anh chẳng thể trả tiền ngay như những người khác được, đành ghi sổ nợ. Những phụ nữ có mặt trong phòng cứ tưởng anh là chủ khách sạn, Mvavu lấy thế làm thích thú. Anh có cảm tưởng như mình là một diễn viên đã thủ vai kịch thật thành công trước công chúng.

Người vào quán rượu mỗi lúc một đông. Theo sau một vài người Ấn trong số khách hàng quen thuộc và dăm bảy chàng trai thường chào hỏi nhau bằng cách ôm lấy nhau như những người da trắng, anh còn thấy xuất hiện một phụ nữ khoảng bốn mươi tuổi. Bà cố làm ra vẻ tự nhiên nhưng vẫn không giấu nổi vẻ bối rối trước những cặp mắt tinh đời. Các khách hàng quay lại soi mói nhìn bà! Trên khuôn mặt bốn mươi ấy còn ẩn giấu vẻ đẹp của một thời còn trẻ đã sống cuộc đời phong sương. Một mệnh phụ phu nhân thì chẳng bao giờ lại rẽ vào quán rượu này để ăn uống một mình. Cảm thấy những cái nhìn thiếu thiện cảm đang đổ dồn về phía mình, người phụ nữ tạt nhanh sang quầy bán đồ ăn, không đi ngang qua phòng nữa.

Mvavu cảm thấy mũi lòng. Anh thương hại bà như thương hại một nữ nghệ sĩ xấu xí và béo

mập lại phải thủ vai Thần vệ nữ. Anh ngạc nhiên và khâm phục lòng can đảm của bà bởi lẽ viên quản lý đã cấm bất kỳ một phụ nữ đơn độc nào bước vào quán rượu. Anh không muốn họ xua đuổi bà ra khỏi cửa. Không có một nghệ sĩ chân chính nào lại muốn chứng kiến cái cảnh bạn đồng nghiệp của mình bị ném trứng thối và cà chua thối! Anh phân vân mãi không hiểu vì sao người đàn bà này lại làm anh phải chú ý đến thế. Cuối cùng, anh cho rằng vì bà ấy hao hao giống mẹ anh. Mẹ anh cũng xấp xỉ tuổi bà, cũng có khuôn mặt, có màu da và những nếp nhăn như vậy. Anh càng ngắm bà lòng càng hồi hộp. Những ý nghĩ về mẹ đã kéo anh từ thế giới mộng tưởng trở lại thực tại phũ phàng. Anh bàng hoàng ngơ ngác như một diễn viên từ thời Hy Lạp cổ đại bị đẩy ra ngoài sân khấu chói loà ánh điện của cái thế kỷ thứ hai mươi này... Mẹ anh đã phải chật chiu nuôi mười người con bằng số tiền ít ỏi ba mươi silinh một tháng. Bà đã biết đọc biết viết mặc dù chưa bao giờ bà được bước chân đến trường. Bà đã phải ngâm đắng nuốt cay, nhịn nhục mà sống với người chồng rượu chè be bét, say khướt mỗi khi trong túi rủng rỉnh vài silinh. Ôi nụ cười hiền dịu của mẹ! Những mưu tính tuyệt vọng của mẹ khi mẹ mặc quần áo và xỏ giày cho các con.

Sau một lúc cãi vã van nài. Mvavu đã thuyết phục được chú bán rượu cho anh vay ít tiền. Bốn giờ sau anh đã trở lại khách sạn “Châu Phi” với một cô gái làm tiền - cô Xyêphani. Người gác cửa chìa cho anh một lá thư từ Oasinhton gửi tới. Mvavu giật ngay lấy, nhét vội vào túi áo vét tông dắt cô gái lên phòng mình....

IV

Tháng mười hai của năm cuối cùng trong kỳ hạn mười năm đang trôi đi, kể từ ngày người luật sư riêng của thượng nghị sĩ Moocgan ký giao ước với Mvavu.

- Tù số 876025! Giêcxơn Mvavu! Có khách tới thăm! - Viên giám ngục béo lẫm, lúc nào cũng cau có, đang réo gọi tên Mvavu từ ngoài hành lang nhà tù “Ruatkhia”.

Một người tù có cặp mắt nhỏ tinh ranh, vóc người thấp lùn, bị giam vì tội giết chết một tên mộ phu, vội ngược mắt lên khỏi cuốn sách nhỏ đã sờn, lắng tai nghe rồi bước lại tấm ván kê bên cạnh và lấy tay lắc vai Mvavu đang nằm ngay trên đó.

- Ê! Dậy đi! Người ta đang gọi cậu đấy! - Anh ta nói bằng tiếng Anh vì biết Mvavu chỉ hiểu lồm bồm tiếng Xuahili, còn tiếng Camba hay tiếng Kikuiô thì Mvavu mù tịt.

- Cái gì thế? - Mvavu choàng dậy và nhảy xuống khỏi tấm ván.

- Người ta gọi cậu đấy! Tôi nghe rõ số tù của cậu.

- Số tù của tôi?

- Phải, số 876025.

- Đúng rồi. Không biết họ cần gì nhỉ?

- Có khách đến thăm cậu.

- Khách à? Làm gì có chuyện đó - Mvavu lăm bắm như nói với chính mình

- Chỉ riêng Xtêphani mới biết mình đang ở đây thôi. Nhưng đã nửa năm nay rồi nàng có hề

đến thăm mình đâu.

- Có thể cô ấy biết cậu thừa sức đút lót rồi. Ấy đấy, bao giờ tôi cũng giấu được mẹ vợ tôi ít tiền làm của riêng. Mẹ chẳng khi nào biết nổi tôi có bao nhiêu tiền.

- Anh khác tôi. Tôi yêu và tin cô ấy. Cô ấy chẳng hề lơ đãng một xu nhỏ mặc dù quản lý mọi công việc của tôi. Thực ra chúng tôi đã tha hồ vui chơi thoải thích suốt chín năm nay. Anh không thể tưởng tượng nổi là chúng tôi đã tiêu tung tiêu vãi những hai triệu đô la cơ đấy!...

Người tù thấp lùn kia chẳng hề cau mày ngạc nhiên tí nào. Trong ngục thiếu gì những kẻ ba hoa khoác lác.

- Nói thật đấy, chúng tôi đã tiêu xài nào xe hơi Xovrôlê, nào tivi, radiô và thuê cả căn phòng rất sang ở khách sạn Harambê nữa...

- Số 876025 đâu! - Viên giám ngục sấn sổ cắt lời Mvavu - Mày điếc đấy hả, đồ chó đẻ!

- Tôi đây, thưa ngài! - Anh đứng bật dậy, cười khúm núm, dậm hai gót chân đi đất vào nhau và đánh bạo nhìn thẳng vào cặp mắt đỏ ngầu của viên giám mục.

- Mày lẽ mề làm cái gì thế hả?

- Thưa ngài, xà lim bị khoá trái rồi ạ - Mvavu vừa trả lời vừa ra hiệu rằng anh đã cố hết sức xô cửa mà chẳng ăn thua gì.

- Đồ ngu! - Viên giám ngục vừa mắng nhiếc vừa lấy tay xoay chiếc chìa khoá - Ra ngay!

Mvavu chuồn ra ngoài hành lang, hai bên là những dãy xà lim san sát. Anh lê bước theo viên giám ngục. Vào tới phòng đợi, người ta nhốt Mvavu vào trong một tấm lưới sắt đan bằng những song sắt to xù.

- Mày đợi đấy ! - Viên giám ngục hạ lệnh rồi bước thẳng ra cửa.

Mvavu đoán mãi mà vẫn không biết người tới thăm mình là ai. Bố mẹ chẳng? Nhưng hai ông bà ở tận Uganda cơ mà. Anh không hề viết thư báo cho bố mẹ biết về việc mình bị bắt giam, hơn nữa trước tòa anh đã tuyên bố rằng anh không còn một người thân thích nào hết. Cách đây nửa năm. Mvavu có gửi cho mẹ năm trăm silinh. Bà đã trả lời anh bằng một bức thư đầy cảm kích và hân hoan.

Cánh cửa bỗng mở toang. Một phụ nữ trung niên và một ông già trông có vẻ phúc hậu bước vào phòng, cả hai đều là người da trắng. Mvavu trở mắt ra nhìn. Họ đến gặp anh làm gì nhỉ? Suốt mười năm trở lại đây có điều gì mà anh chưa trải đâu. Tám năm sống trong hoa lệ chưa từng thấy, trước kia dù có nằm mơ cũng chẳng thể tưởng tượng nổi. Sau đấy là hai năm sống nặng nề cùng cực đắng cay, là những cuộc ẩu đả với bọn thương nhân với các chủ phòng, là những cuộc tấn công vào đám lái buôn người Á rách rưới và tằn tiện. Lúc sẵn tiền trong tay, Mvavu đã đóng những màn kịch vĩ đại, nhưng rồi bỗng nhiên màn hạ xuống, Mvavu bừng tỉnh trở lại với bản thân mình. Anh choáng váng, lao đao.

Viên giám ngục rón rén bước tới cửa nhòm vào rồi sau đấy lại rón rén bước thụt lùi, để

mặc hai vị khách ở giữa phòng. Người phụ nữ trông khá xinh đẹp. Bà ta mặc bộ y phục mùa hè đắt tiền, đầu đội chiếc mũ rộng vành. Ông già mặc bộ y phục màu sáng, đầu đội mũ phớt, tay cầm chiếc can có nút đen bóng, Mvavu chắc rằng đây là ông bố và cô con gái từ Luôston đến. Có lẽ họ là những người quen cũ đây! Để tỏ vẻ tôn trọng phụ nữ, Mvavu quyết định đứng dậy và nói cái giọng ồm ồm, anh ngẩng đầu lên chào. Nhưng ông già đã cướp lời:

- Chào chú. Trông chú khá lắm.

Mvavu ngơ ngác.

- Vâng, thưa cụ - Anh ta lúng túng trả lời.

- Ngồi xuống đi, Mêri-En Môn-rô.

- Tôi rất vui mừng được gặp cụ, được gặp bà Môn-rô. - Mvavu ngồi xuống theo.

- Thế nào, công việc ra sao, anh bạn trẻ? - Thiếu phụ hỏi - Họ đối xử với anh thế nào? Tôi hy vọng rằng họ không đánh đập anh, không bắt mang vác nặng nhọc đầy chứ?

- Không, không ạ - Mvavu lớn tiếng trả lời, chỉ sợ lúc này viên giám ngục đang nghe trộm. - Không ai làm tôi buồn phiền cả. Tôi vẫn sống khoẻ mạnh như con bò mộng ấy!

Mvavu nghĩ thầm: Thôi đúng rồi, họ trong “Hội đồng” đây.

- Trong những năm gần đây, anh không lần nào bị bệnh nặng đấy chứ? - Thiếu phụ hỏi tiếp, bà ta không còn mỉm cười nữa.

Mvavu nhớ lại bệnh lậu mà Xtêphani đã truyền sang cho anh ta, hành hạ anh suốt trong năm thứ năm khi họ chung sống bên nhau. Thực ra Xtêphani đã chối phăng chuyện đó. Cô lại còn buộc tội anh ta đã phản bội cô. Cô khẳng khái cho rằng anh đã làm lỗi chung đụng với bọn gái làm tiền bán thịt, chứ cô thì đâu có thuộc hạng người ấy. Nhưng chẳng lẽ lại đem chuyện này kể với một phụ nữ da trắng hay sao?

- Không, không, tôi không hề bệnh tật ốm đau gì hết. - Mvavu vội chối phăng.

- Tuyệt lắm! Ông già và thiếu phụ cùng reo lên. Họ nhìn nhau và thở phào nhẹ nhõm. - Thật là tuyệt!

Mvavu không còn kiên nhẫn nổi. Thế này là thế nào? Họ cần gì ở anh? Thôi, có lẽ ông già là một người theo chủ nghĩa tự do, ông muốn gả con gái cho anh chàng da đen này rồi! Mvavu đã đọc ở đâu đó một câu chuyện nói về một anh chàng da trắng vừa phải đi kiếm sống, vừa phải nường nhịn để nuôi vợ mình - một cô sinh viên da đen, kháu khỉnh...

Xtêphani! Người đàn bà da trắng này có cái gì đó phảng phất giống Xtêphani. Em là người phụ nữ tốt nhất, dịu dàng nhất trong những người phụ nữ mà anh đã gặp! Thật đáng tiếc em lại không muốn trở thành người mẹ của con cái anh... Ngay cả lúc cô ta bỏ đi, lấy theo chiếc xe hơi “Sơ-rô-lê” và năm mươi ngàn silinh thì Mvavu vẫn không vì thế mà chán ghét cô. Đối với anh một vài ngàn có nghĩa lý gì đâu. Anh đã từng nắm trong tay bạc triệu rồi kia mà.

Khi nhận được năm trăm silinh của con, mẹ Mvavu viết thư hỏi anh làm thế nào mà trở

nên giàu có đến thế. Mvavu trả lời bà: “Mẹ ơi con trai của mẹ đã du học ở Mỹ đấy. Những tri thức con thu nhận được ở đây đã làm biến đổi đời con. Lần trước con đã gửi cho mẹ năm trăm silinh và lần này con gửi thêm ba trăm silinh nữa. Đây là kết quả của việc con học vấn cao đấy mẹ ạ...”.

- Chú em này, - Ông già cắt ngang ý nghĩa của Mvavu, - Chúng ta muốn ban cho chú một vinh dự lớn lao - chú sẽ là người đầu tiên được chứng kiến lễ đính hôn.

- Vâng, thưa cụ! - Mvavu phân vân quá, anh ta sẽ đóng cái vai gì trong vở kịch này bây giờ. Chà, nếu ở dưới nhìn lên sân khấu thì chắc thấy hay lắm đây!

- Tôi mong rằng anh không từ chối chứ? - Thiếu phụ hỏi lại.

- Thời hạn sắp hết rồi, Mêri-En ạ, - Ông già cướp lời thiếu phụ. - Không thể nào thay đổi được nữa. Hẳn đã ký vào giao kèo rồi. Này, nói đi chú em. - Ông ta quay lại hỏi Mvavu. - Vì sao lại bị tổng giam thế?

- Vì tôi hành hung.

- Rồi rồi.

- Tôi xin kể hết cho ngài nghe từ đầu, thưa ngài, - Mvavu muốn cho họ hiểu đúng về con người anh - Viên quản lý khách sạn “Grăng Medông” là một người Âu. Hắn gọi tôi là tên mọi đen. Ấy thế mà tôi đã quẳng vào cái xưởng của hắn gần một triệu silinh đấy. Nhưng chính tôi cũng đã nện cho hắn ta một trận nên thân.

- Chú dám đánh người da trắng hả? - Ông già giận dữ hỏi lại.

- Vâng, thưa ngài. Nhưng tại hắn gây ra đấy chứ!

- Người ta giam anh trong thời hạn bao lâu?

- Hai mươi tháng. Tôi sắp được tha rồi.

- Như vậy người có thể... - Ông già định nói toạc ra, nhưng nghĩ đi nghĩ lại ông thấy mình đã quá chú ý tới việc phóng thích Mvavu, ông liền đổi giọng - Chú còn bị giam bao lâu nữa?

- Chỉ còn mười ngày nữa thôi, nếu như tôi không làm thêm điều gì sằng bậy.

- Mvavu mỉm cười với thiếu phụ, như muốn tỏ ra cho bà ta thấy là mình tuyệt nhiên chẳng khi nào dám chê bà một điểm nào hết. Nhưng không biết vì sao thiếu phụ lại không mỉm cười đáp lại.

- Tốt lắm, chú em ạ! Tốt lắm! Lúc đó chúng ta sẽ tới lãnh địa của ta... Nhưng trước tiên ta phải tuyên bố lễ đính hôn đã. Nếu như ở nhà ngạc nhiên vì sao chúng ta lại quyết định đính hôn ở châu Phi thì ta sẽ nói rằng chỉ tại cái phong vị nhiệt đới này nó đã tác động lên con người chúng ta! - Ông già cười ha hả. - Còn khi nào người ta tha chú em ra, chúng ta sẽ cùng tới Nam Phi để gặp bác sĩ Vanna Haoxo.

Lúc này thiếu phụ cũng cười theo. Hai vị khách đứng dậy lục tục ra về. Mvavu cũng đứng

dậy. Anh cố làm cho ông già có ấn tượng rằng anh là một người rất có giáo dục.

- Thừa cụ, tôi đồng ý cưới bà ấy! - Mvavu quả quyết nói với ông già trong lúc ông ta đang bận ngắm anh như một con sói nhìn mồi.

- Sao? Chú mày nói gì? Cưới ai? - Ông già nổi khùng hỏi lại.

Nhưng Mvavu không trả lời được nữa. Anh ta đứng lạng người khi thấy viên giám ngục đang bước vào.

- Dạ... Cưới... Cưới con gái cụ ạ! - Anh vừa lắp bắp nói vừa liếc trộm thiếu phụ.

- Đồ ngu, quân mọi đen! Bà đây không phải là con gái tao mà là vị hôn thê của tao! Tao sẽ cưới nàng sau khi tao có một quả tim mạnh khỏe. Mày hiểu chưa?

Ông già sức nhớ rằng ông ta đang ở trên đất châu Phi, ông cần phải giữ mồm giữ miệng. Khoác tay người thiếu phụ, ông già vội vã bước ra cửa. Ông vừa bước lấy bầy vừa nghĩ thầm: "Hừ, thế đấy! Bọn súc sinh da đen láo xược!". Ông không còn nghe thấy Mvavu đang rên rĩ. Viên giám ngục đã giáng cho anh ta một cái tát tai vì tội dám làm cho người da trắng nổi giận !

V

Mvavu nằm sõng xoài trên tấm ván và giương mắt nhìn trùng trùng lên lỗ cửa hẹp sau chấn song sắt ngay dưới trần nhà. Thật là một cuộc gặp gỡ kỳ lạ! Rõ ràng những người Mỹ này mới đến Kênia. Vậy thì họ cần gì ở anh? Sau gần chín năm sống mê mết, sống say sưa trồng hoa, trí nhớ của Mvavu đã suy sụp hết rồi. Anh không còn nhớ cái điều mà nếu anh nhớ tới thì lòng anh sẽ đau thắt lại. Khi luật sư của ông Moocgan cho anh không phải là một triệu mà những hai triệu đôla - một triệu để thưởng cho lòng dũng cảm - thì Mvavu đã quên khuấy mất điều cam kết cuồng dại của mình với những người Mỹ giàu có. Anh ta đã bịa đặt ra đủ mọi thứ chuyện để giải thích với những người xung quanh vì sao bỗng chốc anh trở thành triệu phú! Kết quả cuối cùng là chính anh lại tự huỷ hoại mình, chính anh cũng tin vào những điều tự mình bịa đặt và quên khuấy hẳn việc đã ký bán trái tim mình.

Mvavu cố bình tĩnh lại để đánh giá tình thế xảy ra nhưng trong xà lim ngọt ngào quá. Đã thế muỗi và rệp lúc nào cũng quấy rầy... Lại còn anh chàng bạn tù Phrenxix nữa, cứ lải nhải mãi bên tai anh:

- Này, anh bạn, kể cho tôi nghe một tí nào. Anh thấy đấy, ngoài tôi ra anh còn tâm sự được với ai nữa đâu! Tôi lúc nào cũng mong anh được mọi sự tốt lành mà.

- Thôi để tôi yên. Chính tôi cũng chẳng biết quái gì cả.

- Chẳng lẽ họ đến đây để chơi đấy chắc? Thế họ đã nói gì với anh?

- Họ hỏi thăm sức khoẻ tôi, hỏi xem người ta có bắt tôi làm lụng cực nhọc không, có đánh đập tôi không.

- À, biết rồi! Họ là người của ủy ban điều tra nhà tù đây mà.

- Không phải thế đâu. Đây là một cặp đang yêu đương nhau cơ mà.

- Thế hả?... Chồng và vợ đẩy hả?

- Không phải, chồng chưa cưới và vợ chưa cưới.

- Chà, cái đó thì tôi bái phục những người da trắng! Ai đời lại đợi đến lúc già mồm rồi mới lấy nhau bao giờ - Phrenxix phì cười.

- Ông già đã hoàn toàn lẩm cẩm rồi - Mvavu cười tủm tỉm.

Anh lại tiếp tục suy nghĩ. Tại sao họ quan tâm tới sức khỏe của mình đến thế? Có thể đó là công việc riêng của Ủy ban chẳng? Thế còn chuyện cưới xin của họ thì có liên quan gì tới việc này? Họ nói đến quả tim nào nhỉ? Quái quỷ thật!

Bỗng Mvavu hét lên, nháy phốc khỏi tấm ván và chạy bổ ra cửa xà lim, hai tay điên cuồng lay những chấn song sắt. Phrenxix tái mặt nhìn lên, không dám ho he.

- Giám ngục! Giám ngục đâu? - Mvavu hét lên tuyệt vọng.

- Chuyện gì thế? - Giám ngục hốt hoảng chạy lại. - Mày ốm à?

- Xin ông, ông hãy nói cho tôi biết những người ấy là ai, những người vừa đến gặp tôi ấy!

- Mày chả nói chuyện với họ rồi đấy thôi!

- Xin ông! Chuyện này quan trọng lắm. Ông ơi, tên họ là gì?

- Để tao xem lại sổ đã. - Ông ta căn nhắc. - Cái lão già rồ dại ấy muốn làm xáo trộn khắp từ nóc đến móng nhà tù này đấy!

- Anh làm sao thế? - Phrenxix rụt rè hỏi Mvavu.

- Mặc xác tôi!

- Nhưng...

- Im đi!

- Này, mày đọc đi - Viên giám ngục chìa cho anh quyển sổ ghi tên khách vào thăm.

Hai tay run run, Mvavu cầm lấy quyển sổ đọc dò từng hàng. Anh dừng lại khi thấy tên thiếu phụ. Dưới tên bà ta là dòng tên ông già: "Thượng nghị sĩ Pinpô Gienkin Moogan ở Môngômeri, bang Alabama". Mvavu sững người. Quyển sổ rút khỏi tay. Anh lê bước vào tấm ván, gục xuống khóc nức nở.

- Nhặt quyển sổ lên ngay! - Viên giám ngục hạ lệnh cho Phrenxix.

Phrenxix vội vã cúi xuống nhặt quyển sổ và mỉm cười nịnh nọt. Nhưng nụ cười trên mặt anh ta vụt tắt. Hai mắt anh ta trợn lên, mồm há hốc: Những ngón tay cứng như sắt của Mvavu đang siết chặt cổ họng anh ta. Phrenxix giãy đành đạch, Mvavu lồng lộn như một con thú dữ lên cơn.

- Tao sẽ trốn. Bằng bất kỳ giá nào tao cũng trốn! - Anh gầm lên.

Viên giám ngục mở tung được khoá khi Phrenxix chỉ thoi thóp trong cánh tay siết chặt của Mvavu. Cánh cửa xà lim đóng sầm lại phía sau viên giám ngục. Chiếc dù cui loang loáng vụt xuống đầu Mvavu. Suốt hai mươi năm làm cái nghề này, viên giám ngục chưa hề thấy tên tù nào lại đột ngột điên khùng như thế!

ĐOÀN CHẤN dịch

Năm tuần lễ trôi qua mà vẫn chưa có tin tức gì về Naema. Hoàn toàn biệt vô âm tín. Một vài người nói rằng cô ấy bị giam trong trại lính Bơđô. Trại Bơđô... Ai bị giam ở đây coi như cuộc đời bị bắt làm con tin, người ta đã dồn đại nhiều điều khủng khiếp xảy ra đối với họ.

Kiểm tra bằng cách nào? Làm sao có thể nhận được nguồn tin chính xác, bởi từ trước đến nay chưa có ai rơi vào trại lính đó mà lại được trở về. Chỉ còn biết chờ đợi vài tin tức lọt ra, chờ đợi Naema, nhờ một sự kỳ diệu nào đó, được đưa ra toà. Chờ đợi - đó là tất cả những gì dành cho chúng tôi.

Tôi thường dẫn các con ra mấy vườn hoa công cộng mà chúng tôi gọi là “vườn nhỏ” để dạo chơi chốc lát buổi chiều. Mùa thu đang nhuộm màu trên cây lá, sắc nâu đỏ và sắc vàng hoà lẫn với sắc trời xanh lam. Chúng tôi không thể ở đâu lâu được. Khi chiều xuống là mọi người vội vã ra về, nấn ná thì càng thêm nguy hiểm. Lúc này, bọn trẻ vẫn đang chơi trong vườn. Còn tôi, tôi ra đây để cho lòng vội đi đôi chút lo âu bấy lâu nay đè nặng trong tôi. Trong cuộc chiến tranh này, tất cả chúng ta ai mà chẳng phải trải qua những giờ phút lo âu như vậy.

Bây giờ những người sống cùng nhà với tôi hân hỷ lắm mới nhắc đến tên Naema. Tôi cố gắng hết sức làm tròn trách nhiệm của một người mẹ khi cô ấy còn phải sống trong tù. Những người phụ nữ ở các căn hộ khác đã giúp đỡ tôi rất nhiều trong công việc nội trợ lật vật hàng ngày, đổ rác, nấu ăn, giặt rũ, và tắm rửa cho bọn trẻ. Họ thay phiên nhau tự nguyện làm việc đó, không hề tính toán. Ai nỡ để một người đàn ông phải làm những việc như thế bao giờ. Khi tôi vắng nhà, họ đã chia sẻ thức ăn của mình cho các con tôi ăn: Bé Benala, bé Dahya và bé Rahim. Một phụ nữ choàng mặt thường xuyên đem tới một khoản tiền trợ cấp thường kỳ của Mặt trận Giải phóng gửi chuyển cho tôi. Người phụ nữ này chẳng bao giờ lộ mặt với những người trong hộ, và những người này cũng chẳng bao giờ dò hỏi xem bà ấy là ai. Ngoài ra, họ rất thận trọng trong lời ăn tiếng nói, chẳng thích hỏi nhiều.

Cả khu nhà nằm trong tình trạng náo động thường xuyên. Sáng hôm ấy trời vẫn còn tối, một ngày mát mẻ và đằm hương thơm vừa mới ló rạng thì những tiếng lao xao sợ hãi đã nổi lên suốt từ căn hộ này sang căn hộ khác. May quá, đó chỉ là một sự báo động nhầm. Những cơn co thắt thần kinh như vậy thường diễn ra rất căng thẳng và đạt tới cực điểm sau những lần có tiếng bom nổ. Nguyên do là một vài người ở thuê trong khu đã hốt hoảng chạy về hét toáng lên một tin tức gì đó cho những người khác biết. Thế là mọi người vội vã chạy xô xuống khoảnh sân nhỏ, nhao nhao hỏi thêm cho rõ hoặc bàn ra tán vào. Nhưng sáng hôm nay không xảy ra chuyện gì như vậy, bởi vẫn còn sớm lắm.

Giữa tất cả những biến động đột ngột, lúc này tâm tư tôi cũng quay về với Naema. Không biết bây giờ cô ấy ở đâu. Bọn chúng đã làm gì cô. Nỗi đau cứ dần vạt, day dứt tôi hoài. Trong thành phố, số người mất tích, số người chết và số đám tang đã nhiều đến nỗi không ai đếm xuể; và số người chết trong ngày hôm nay làm người ta quên mất số người đã chết trong ngày

hôm qua.

Những tờ cáo lịch dán nhan nhản khắp nơi in ảnh và tên tuổi những người đang bị truy lùng. Hàng ngày, các tòa án đưa nhau tuyên án tử hình. Số người bị kết án tử hình cứ tăng lên và mỗi sáng tinh mơ người ta lại thấy vô số xác người bị đâm chết. Hầu hết những người láng giềng với tôi đều nghĩ rằng Naema sẽ không bao giờ về nữa. Họ không dám nói thẳng những ý nghĩ đó với tôi, nhưng cứ nhìn mặt họ là tôi hiểu.

Ngày hôm qua có hai người lạ mặt chặn tôi lại ngay trên đường phố và bắt tôi đứng gác ngoài cửa một hiệu may. Khi họ đi khỏi ông thợ may điềm nhiên bảo tôi:

- Xong rồi, họ để lại một số thứ.

- Bác nghĩ thế nào?

- Tốt thôi! - Bác ta nói.

Tôi đã hiểu.

Chỉ cần một phản ứng nhỏ coi là có tính chất khiêu khích, lập tức tôi sẽ bị nguy hiểm ngay.

Trưa hôm nay, trong lúc tôi đi ngang qua một đường phố đó về quảng trường, Xôxen-Ghêde luôn luôn tấp nập người qua lại, tôi đã gặp một chuyện không hay. Đầu tiên, làn sóng người đang chen chúc nhau bỗng ùn chạy dồn trở lại; những tiếng kêu thét nổi lên. Hai phát súng rền vang, tiếp theo một tiếng nổ rung chuyển. Người ta xô đẩy nhau chạy thực mạng; chỉ nháy mắt cả quảng trường đã vắng tanh, để lại xác một người đàn ông nằm đó, mặt úp xấp. Tôi vội tìm chỗ lẩn trốn để khỏi bị cảnh sát tóm cổ, vì lúc đó tiếng còi đã rúc lên nhức nhối cả bầu không khí trên quảng trường.

Tôi lẩn nhanh vào một hiệu giày nằm sâu trong một ngõ hẻm gần đấy.

- Sao, có chuyện gì thế hả ông? Có tin gì mới không, ông? - Người thợ chữa giày vội hỏi. Bác ta ngạc nhiên khi thấy tôi hốt hoảng chạy vào.

- Có một người bị giết trên quảng trường Xôxen - Ghêde, bác ạ! - Tôi vừa nói vừa dừng lại thở.

- À, ra thế! - Bác ta chỉ bình luận có vậy. Một nụ cười làm rạn vẻ xanh xao trên khuôn mặt dài, thanh tú của bác ta.

- Thế mà tôi mới đánh cuộc rằng bây giờ hòa bình rồi, và tôi cũng đánh cuộc rằng các ông đang mang lại hoà bình.

- Hoà bình ấy à? - Tôi nói - Đã có ai được nghe điều đó bao giờ đâu!

Tới bây giờ, những lời nói của bác thợ giày vẫn còn văng vẳng bên tai tôi, tôi vẫn còn nhớ rõ như in. Mọi sự việc còn rõ ràng hơn nữa khi tôi vừa thôi nói và ngừng cười đến chảy nước mắt vì sự hoảng sợ của mình, thì lại có hai tiếng nổ nữa làm rung chuyển đường phố. Chúng tôi nghe thấy những tiếng thét man rợ ở gần sát đây, tiếng súng nổ loạn xạ bên ngoài đang lan nhanh thành những loạt súng nổ tập trung. Mọi hình ảnh bỗng rung rinh, nhòe đi và đổ sập

trước mắt chúng tôi.

Tiếng súng tiểu liên rền rẹt mỗi lúc một gần. Tôi dè chừng bảo bác thợ giày rằng có lẽ chúng sẽ bắn vào cửa hiệu của bác mất. Bác ta lẳng lặng ra cài chặt chốt cửa lại rồi cả hai chúng tôi nằm dính sát xuống nền nhà.

Lúc này tôi đã nghe rõ tiếng la lối om sòm lướt ngoài đường phố. Tôi không nhớ là mình đang hoảng sợ, chỉ biết rằng lúc đó tôi vẫn bình tĩnh và nằm ngậm tăm, tò mò muốn biết chuyện gì sẽ xảy ra tiếp sau. Từng giây phút trôi qua chậm chạp.

Có tiếng nện cửa thành thành như ai đó đang cố phá tung nó ra. Bác thợ giày nhồm lên nhìn tôi dò hỏi; bác đã muốn mở cửa lắm. Tôi ra hiệu bảo bác hãy nằm im. Tiếng đập cửa càng thêm mãnh liệt, thôi thúc hơn, giận dữ hơn. Cuối cùng chiếc cửa bị bật tung, một tên lính xắn xô bước vào. Hắn chẳng thèm ngó nghiêng gì hết, túm ngay lấy gáy ông bạn tôi và lôi xềnh xệch ra ngoài. Lôi tới ngưỡng cửa, hắn lấy hết sức giáng mạnh chiếc báng súng xuống ngực bác thợ giày; bác ta oẹ ra một ngụm máu tươi rồi ngã vật xuống đất, mặt vẫn ngẩng lên cao. Tôi nhận thấy trên đầu mình có một cái gác thấp để đó, tôi leo lên và nép mình vào đó. Nhưng tên lính đã không quay lại.

Tôi nằm thu mình trong bóng tối giữa những trục cán da và chờ đợi. Qua một kẽ hở giữa hai tấm ván sàn tôi có thể nhìn thấy một khoảng đường phố. Trong cửa hiệu bụi bắn phủ đầy. Tôi vẫn nằm im quan sát, hít thở mùi da thuộc và đợi từng giây phút trôi qua.

Sự hỗn loạn đã chấm dứt. Người ta đã có thể nghe thấy mọi tiếng động ỉ ầm ở phía xa. Tôi đứng dậy phủ bụi bám đầy trên quần áo. Khi bước ra ngoài, đi qua chiếc cửa bị phá sập, tôi dừng lại cúi mình trên xác bác thợ giày. Mọi đường phố tôi qua đều lặng lẽ và hoang vắng đến kỳ lạ.

Chúng ta đã sẵn sàng chết, nhưng chưa học được cách từ giã cuộc sống này. Đêm nay, bốn bề im ắng như tờ, những ý nghĩ của tôi cũng đã ngủ im, cả thành phố và cả chiến tranh cũng vậy. Tôi trở dậy nhìn khắp xung quanh; các con tôi đã ngủ say. Tại sao chúng lại sinh ra trong lúc này? Chúng làm gì nơi đây? Tôi bỗng muốn mặc ngay quần áo và hối hả bước ra giữa cái thành phố cổ này, mặc xác lệnh giới nghiêm. Tôi nằm trần trọc mãi, khi đầu óc hình như đã bị quay cuồng trong một dòng nước triều cứ dâng lên, dâng lên cao mãi, tôi mới lại thiếp đi.

Lúc vầng đông vừa mới le lói vài vệt ánh sáng tôi đã thức dậy và bước ra đường. Mọi người đang hối hả đeo đuổi công việc của mình. Những chiếc xe đạp lách lượn giữa đám đông, rung chuông inh ỏi; những người bán rong làm tắc nghẽn cả hè đường. Ở quảng trường Xôsea-Ghêde chỉ những cửa hiệu nào mà chủ nhân bị giết mới còn đóng cửa.

Những bức tường lỗ chỗ các vết đạn cào xé trông thật kinh khủng, và những thanh cửa chớp trên các cửa hiệu vẫn còn lởm chởm đầy vết xước. Tôi không hề mơ ước một chút nào. Những mảnh kính vỡ và những cục gạch vụn vương lăn lóc suốt hai bên đường vẫn còn đây.

Tôi bước lên hiệu chữa giày.

Cửa hiệu đóng kín. Hôm qua, lúc tôi rời nơi đây thì cánh cửa trông ra đường phố vẫn mở.

Thế mà sáng nay đã có một chiếc khoá móc lại. Tôi dừng chân đứng nhìn. Không hiểu bác thợ giày bây giờ ra sao? Tôi ghé thăm mấy người chủ hiệu gần đây, hy vọng biết thêm chút tin tức nào mới nữa chẳng; nhưng chẳng ai nói với tôi một điều gì khác, ngoài cái điều ở đây vừa có một đám tang. Tất cả các xác chết đã được thu nhặt từ đêm trước đem tới nghĩa trang và được nhà cầm quyền chôn cất mà không hề báo một tí gì cho thân nhân người chết.

Tôi quay lại và đi lang thang vô định trong thành phố. Tôi cảm thấy mình bơ vơ, tách biệt hẳn với cái ngày đầy nắng này. Đầu óc rộn lên bao ý nghĩ. Nhưng bầu trời buồn buồn, không khí ẩm hương hoa và bao nhiêu hương vị khác đầy hấp dẫn làm tôi không tài nào suy nghĩ nổi.

Tôi muốn đi quanh quẩn một lúc lâu; nhưng nhận thấy mọi vật đều có mùi máu và có những vết máu bắn vào...

Trời lại tối. Và tôi lại mất ngủ. Tôi nằm im lắng nghe. Những tiếng quát tháo và những tiếng kêu la từ các ngôi nhà phía xa vẳng lại. Sự náo động mỗi lúc một tăng lên cùng với nỗi khủng khiếp lan tràn hết chốn này sang chốn khác. Tiếng đạn rít veo veo trong không khí, bị ngắt quãng bằng những tràng súng tiểu liên nổ rồn. Tôi nằm im nín thở. Những tiếng rú vì đau đớn và hoảng sợ của đàn ông và đàn bà vẳng từ xa vẳng lại. Sau đó tất cả lại im lìm. Tôi nhắm mắt cố chợp đi một lát. Tiếng giầy đinh của những con người - thú lang thang trên mặt đường lộp cộp.

Chỉ còn lại tiếng động cơ xe hơi ì ầm ở nơi xa rồi tắt hẳn.

Buổi sáng lại bắt đầu. Một bầu trời xanh nhạt và những tia nắng chói loà. Không có người nào bước chân ra khỏi nhà mà trên nét mặt lại không lộ rõ vẻ lo âu.

Vô số xác người đã gục ngã trước những cổng thành. Mười hai người tất cả, trong đó có ba phụ nữ.

*

* *

Cuộc chiến tranh vẫn tiếp diễn; nó có thể còn kéo dài nhiều năm nữa. Hiện nay chưa ai hình dung nổi rồi cuộc sống sẽ ra sao sau khi không có tiếng súng nổ liên hồi và những tiếng bom rung trời chuyển đất. Mọi người bàn tán xì xào về bao nhiêu chuyện khủng khiếp đã xảy ra xung quanh. Tôi chưa bao giờ bước dọc theo các phố mà lại phải mắt la mày lét như bây giờ, lúc nào cũng nơm nớp lo sợ một trái lựu đạn nào đó quăng ra hoặc một điệu bộ khả nghi cũng làm tôi phải đề phòng. Tôi không bao giờ chờ đợi để thấy một sự việc nào đấy xảy ra. Cứ mỗi lần bạn bước chân ra khỏi nhà là bạn lại không dám tin chắc rằng bạn sẽ còn sống sót trở về.

Tôi bao giờ cũng tránh xa một số quảng trường, một số chợ và những nơi đầu mối giao thông, nhất là những nơi đã bị Quân Nổi Loạn kiểm soát, cũng như tôi thường tránh xa những đường phố và những lối qua lại bị chặn bằng hàng rào dây thép gai. Chạy trốn vào những khu phố đó khi có sự náo động xảy ra là một điều dại dột vô cùng, có khác gì bị sa vào cạm bẫy.

Khi chúng ta còn sống dưới quyền kiểm soát của những tên đồ tể này, bị chúng trói chân trói tay trong khi cuộc chiến tranh thực sự đang diễn ra ở một nơi nào khác, thì lúc nào chúng

ta cũng phải phòng thủ chống lại sự tàn bạo đang diễn ra hàng ngày dưới những sự náo động và phá vỡ mọi luật lệ và trật tự. Chúng ta đã phải trả giá bằng quá nhiều điều quý giá cho sự hốt hoảng hoặc sự tháo chạy của mình. Có những chuyện xảy ra thậm chí còn tồi tệ hơn cả chiến tranh.

Có lần tôi tưởng mình không còn sống sót nổi sau một trong vô số những cuộc náo động ngày nào cũng diễn ra như thế. Máu đã bắn vào người chúng tôi; mùi hôi thối như từ một lò sát sinh bốc ra đã làm tôi choáng váng và lộn mửa. Tôi bỗng cảm thấy khát khao cuộc sống vô hạn, là một kẻ khát nước mong muốn kiếm tìm một giọt nước. Tôi sẵn sàng mặt đối mặt với tất cả mọi lực lượng quân sự và cảnh sát.

Tôi tới quán cà-phê Tidani cũng chưa phải là quá sớm. Vừa mới đây một toán lính tuần tra đã ập vào chỗ chúng tôi. Và, cũng như tất cả những người khách hàng khác ngồi trước những chiếc bàn trên mảnh sân trước quán, tôi bị chúng dồn vào một phía, hai tay giơ lên cao quá đầu. Chúng tôi đứng sát vào nhau chờ bọn lính tới khám xét và nhận điện. Những họng súng đen ngòm sẵn sàng gieo cái chết cho bất kỳ người nào đại dột nhúc nhích. Chúng tôi đứng thẳng chân và im lặng; một sự im lặng nặng nề. Tôi tự nhủ: “Chúng mày sẽ uống công. Chúng mày sẽ chẳng tìm được một điều gì ở chúng tao hết”.

Cuộc khám xét kéo dài một giờ liền. Trong suốt một giờ đồng hồ đó, mọi người đều được thử thách lòng tự chủ của mình. Tới gần trưa chúng tôi được giải thoát sau khi bị hăm dọa một thôi một hồi. Cổ họng tôi đau rát vì đã phải nuốt giận. Lệnh giới nghiêm vào lúc bốn giờ rưỡi chiều nhưng trời vẫn còn sớm nên đường phố vẫn đầy người. Tôi rời quán cà-phê. Đáng lẽ định đi thẳng về nhà nhưng tôi lại quyết định đi loanh quanh một lát nữa. Mặt trước những ngôi nhà đóng chặt im ỉm như đang có tang. Trong nhà, một vài người im lặng và thận trọng đi qua đi lại. Cả thành phố như đang khom xuống, tang thương và tiêu điều.

Ở phía cuối đại lộ, những chóp nhọn của đồi Manxuara xanh sẫm vẫn nhô lên sừng sững trên nền trời nhợt nhạt như hứa hẹn với tôi một niềm hạnh phúc bất tận đang chờ tôi phía trước. Tôi sẽ đi xung quanh tường thành, qua những cửa ô và... nếu như vẫn còn được phép đi qua!

Mục đích cuộc đi dạo của tôi là chỉ để đến quán sách báo ở quảng trường. Khách sạn Thành phố. Nơi đó tôi quen thân với người bán báo tôi có thể xem qua các báo mà không cần phải mua.

Tôi đọc những tin tức mới xảy ra trong ngày hôm trước rồi quay về. Khi tôi đang vượt qua những hàng rào chắn song của Viện Bảo Tàng và vừa đặt chân tới góc phố thì sự việc nổ ra. Những phát đạn chát chúa xối vào những bức tường xung quanh tôi mạnh đến nỗi tôi phải đưa tay che mặt tránh đỡ luồng khí nóng phả vào người phần phật. Cùng lúc đó, tiếng kính vỡ loảng xoảng, những tiếng kêu thét đình tai nhức óc nổi lên từ mọi phía. Mọi người chạy tán loạn, băng qua cả những thanh ngang bằng gỗ ngăn cách lòng đường với vỉa hè. Tôi chạy tọt ngay vào một phố nhỏ gần nhất. Những tiếng thét, tiếng súng nổ và những tiếng hô vang lên náo loạn.

Từng loạt đạn của loại vũ khí nhẹ quét ngang qua khu phố nhỏ. Một người đàn ông gục ngã

ngay trước mặt tôi, tiếp đó đến một người đàn bà nằm sõng sượt mặt vẫn choàng chiếc mạng dài.

Đường phố vắng tanh.

Tiếng còi báo động rúc lên xé tai. Một số xe quân sự ầm ầm lao tới, đổ xuống những toán lính dù trang bị đầy người. Một tên lính dù có cặp mắt xanh lè ra hiệu cho tôi có thể đi được. Nhưng ở một góc nhỏ gần đấy mấy tên lính Địa phương quân người Ả-rập lại quát tôi đứng lại.

Tôi đứng lại, nhìn thẳng vào mặt chúng. Sau đó tôi quyết định bước thẳng về phía chúng. Mỗi bước đi tôi chờ đợi chúng xả đạn lên người tôi. Lòng tôi giá băng và yên tĩnh, chỉ tràn đầy một sự khinh miệt. “Chúng không bao giờ thích thú khi nhìn thấy người chúng bắn khúm núm, lay van trước mặt chúng”. Nghĩ vậy tôi lại hết sức đi đứng cho thật đàng hoàng. Tôi nhận ra trong bọn chúng có vài bộ mặt quen quen, đó là những tên đã học cùng trường với tôi.

- Đứng im! - Một tên trong bọn quát.

Tôi bước thêm vài bước nữa, cảm thấy cổ họng mình buồn nôn. Tôi không còn nhớ rõ sau đấy sự việc đã diễn ra thế nào, chỉ biết rằng tôi đã quay lại chỗ quảng trường và đã nghe thấy những tiếng nói lao xao. Tôi thấy mình đang đứng với một số người Angiêri gốc Ả-rập khác bị giữ lại trước mũi súng. Đây đó, những xác người đã chết và đang chết nằm rải rác khắp mặt đường. Ngay trước mặt chúng tôi có một người đàn ông bị thương nặng đang run rẩy kêu lên khe khẽ: “Cứu tôi với, cứu...”.

Không ai dám nhúc nhích ra cứu người đó. Việc săn người vẫn đang diễn ra trên quảng trường và trong các phố bị chặn. Bóng những bộ quân phục nắm chặt vũ khí đang lom khom xông lên truy lùng những bóng khác đang trốn chạy. Thỉnh thoảng lại có một tên trong bọn này buông rơi vũ khí và ngã sấp về phía trước; bộ quân phục màu xám của hắn lập tức hoà lẫn vào màu xám của nền đường.

Ngay sau đó có một gã đàn ông từ một quán rượu bước ra, gã vừa phát hiện được một người nào đó trốn trong góc phố. Gã vung tay kêu lên: “Hắn kia kìa! Hắn là tên đã đặt bom đấy! Chính mắt tôi trông thấy!”.

Mọi cặp mắt đổ xô lại nhìn. Người ta thấy một con người nhỏ bé đang lộ vẻ hoang mang, tay nắm chặt chiếc rổ rách bần ghì sát vào chiếc áo vét-tông màu đen nhàu nát. Vài tên lính Địa phương quân chạy xô lại bẻ quặt ngay hai tay anh ta. Người này không chút kháng cự. Bọn chúng lôi anh ra giữa quảng trường, nổ liên tiếp hai ba loạt súng vào ngực và bụng anh. Người đàn ông gục xuống, tay vẫn giữ chặt chiếc rổ rách bần.

Kẻ nào đó tố cáo anh là một gã bán sách; hắn hô lớn: “Công lý muôn năm!”.

Không còn nghi ngờ gì nữa, anh ta - con người nhỏ bé, nghèo khổ này - đã cứu sống tất cả chúng tôi. Nhìn bề ngoài chúng tôi biết ngay anh là một người lao công cho lão chủ; khi chết trông anh còn nhỏ bé hơn nữa. Anh nằm đó giữa quảng trường lạnh cóng, nhưng hình như anh đang thách thức cả cái thế giới này. Tôi không thể cầm được nước mắt trước cái chết của anh và sự hy sinh thầm lặng của anh cứ giào vò tâm tư tôi mãi.

Ngay sau đó chúng tôi thực sự được phép đi lại. Những hàng rào dây kẽm gai bị tháo dỡ. Những chiếc xe đạp lại phóng trên đường và những cửa hàng lại tấp nập người vào ra. Một người đàn ông gầy dơ xương, áo quần tơi tả, hét lên một tiếng ghê sợ và một người bán hàng rong đi dọc theo phố đang đẩy chiếc xe ba gác của mình. Chỉ có mùi tanh của máu là vẫn còn nồng nặc, nó bám vào mọi vật, bám vào tâm tư nặng trĩu của mọi người.

*

* *

Vẫn còn đây cái tình trạng thấp thỏm lo âu, cái cảnh tượng điêu rờ. Vẫn còn đây cái địa ngục toang hoác đang nhận chìm cuộc sống của chúng tôi.

Sáng nay có mười hai xác chết nằm lẫn lóc trên quảng trường trong khu thành phố cổ. Tôi vội vã tới đây như rất nhiều người khác. Từ các ngôi nhà, những khuôn mặt với những đôi mắt rực lửa đang trừng trừng nhìn qua các ô cửa sổ.

Bọn lính đang dồn ép những đám người lùi lại phía sau, không cho tiến gần tới quảng trường và đang dựng lên những hàng rào dây thép gai ngăn tất cả mọi lối vào. Không thể đi tiếp được nữa. Tôi đành len lỏi hết chỗ này sang chỗ khác.

Bỗng trên quảng trường xuất hiện một đoàn diễu hành kỳ lạ nhất từ xưa tới nay; một đoàn diễu hành chưa hề có trong thành phố này. Đoàn gồm toàn trẻ em và những người phụ nữ Ả-rập mặt không choàng mạng. Cái thác ào ào ấy đang tràn về phía trước, hát vang Bài ca Giải phóng. Bao lực, khổ đau hay sự thách thức đã làm cho những phụ nữ và trẻ em chân đi đất này ngang nhiên đương đầu với những kẻ mang súng tiểu liên? Tôi chưa hiểu rõ. Một lá cờ nửa đỏ nửa xanh[9] may bằng quần áo cũ, cắm trên một chiếc gậy đang bay phấp phật trên đầu đoàn người. Bọn lính dù lập tức tản ra thành từng đội ngũ xung quanh quảng trường. Đoàn phụ nữ vừa đi qua lập tức chúng kéo sụp những chiếc mũ nổi trên đầu chúng xuống.

Ngay sau đó, những khẩu tiểu liên cực nhanh bắt đầu khạc lửa man rợ. Mọi vật quay cuồng trước mắt tôi. Khi nghe thấy những tiếng kêu thét vang lên ngút trời, chúng tôi cũng như những người đang có mặt tại đây, chúng tôi tưởng như mình đang cùng hoà mình vào trong cái chảo lớn chứa đầy máu và xác người này. Tôi muốn xông ngay tới chỗ họ, cùng họ hát vang Bài ca Giải Phóng và phoir ngực sẵn sàng nhận những viên đạn man rợ này.

Trận mưa đạn đã chĩa về phía chúng tôi. Mọi người vội chạy tản ra, dẫm đạp lên nhau; những tiếng thét thất thanh; nhiều người ngã quỵ.

*

* *

Hai giờ sáng.

Một tiếng nổ rung chuyển phá tan sự yên tĩnh. Những chấn động âm âm từ phía xa dội lại. Rồi những đường đạn đỏ lừ cào rách màn đêm, bay ra từ những tràng tiếng nổ không đều, lúc lắng xuống, lúc rộn ràng cấp tập. Các ngôi nhà rung lên bần bật khi những chiếc xe xích rầm rầm lướt qua. Tất cả chỉ có thế. Sau đấy không còn nghe thấy gì hơn. Màn đêm lại chìm trong yên tĩnh.

Vùng đông trời dậy trong tà áo màu hồng nhạt tươi mát. Và cả một đại dương ánh sáng chảy tràn trề. Ngay những tiếng ve kêu lạnh lạnh cũng hấp dẫn lòng người. Bọn trẻ lũ lượt kéo nhau ra phố.

Hôm nay, một niềm hy vọng trào dâng làm lòng tôi phấn chấn. Phải chăng do lòng khát khao sự sống mà mùa xuân đã trời dậy từ cảnh hoang tàn đổ nát này, bất chấp mọi sự? Dù ai tin hay không, tôi vẫn cam đoan rằng ngày mai sẽ lại được sống bình yên và chúng ta sẽ Chiến thắng! Tôi đứng dậy, tràn đầy sức mạnh và niềm tin. Không, tôi phải đem niềm tin tới những người khác nữa; phải dưng cảm tin.

Tuy nhiên, vẫn có những người đang bắt đầu tụ tập thành từng đoàn để tránh ra nước ngoài. Vội vã và mệt lử, người họ bám đầy đất bụi; họ mang theo mùi đất bụi, mang theo hơi thở của sự run sợ và của sự cưỡng bức âm thầm. Tôi nghĩ tới vẻ bình yên của những cánh đồng bao quanh thành phố và sự đe dọa ẩn náu dưới cái vẻ bình yên này. Ngay cả những hàng cây cũng hoàn toàn đứng lặng. Những cành lá màu nâu vàng của chúng bị lửa đạn lướt qua hình như cũng đang theo dõi một chuyện gì.

Nhưng khi nhìn những phụ nữ đứng tựa cửa hoặc túm năm tụm ba ngoài sân, khi nghe thấy tiếng nói liến thoắng của họ, tôi lại có ấn tượng kỳ dị rằng chưa có gì thay đổi hết. Giống như cái thời tiết đáng yêu này vẫn chưa hề thay đổi. Không có sương mù nào, không có trận mưa nào có thể làm tổn hại nó được. Cái thời tiết này ngày ngất, tuyết vùi làm sao!

*

* *

Tôi vẫn sống yên ổn và tự do. Nhưng ngày nào tôi cũng tự hỏi mình đã làm được gì để xứng đáng với ngày Chiến Thắng và ngày đó sẽ vô cùng tốt đẹp. Nơi đây, tiếng súng vẫn ầm ầm; mọi ý nghĩ của tôi lại quay về với Naema, quay về với mọi sự nguy hiểm từng giờ từng phút có thể ập đến. Tôi nghĩ tới Naema trong lúc đêm khuya, khi tôi nằm trần trọc, mắt mở trừng trừng nhìn vào bóng tối và lắng nghe tiếng ì ầm từ thành phố cổ vọng vào. Nhất là buổi sáng, khi các con tôi thức dậy, chúng tôi lại cần sự có mặt của Naema; Tôi càng nhớ Naema da diết. Những buổi ban mai trong xanh, rạng nắng, chẳng khác gì những buổi sáng mùa xuân này, đã làm lòng tôi nguôi dịu đi đôi chút để hoà vào thế giới xung quanh. Nếu không thế thì dù thức hay ngủ, bao giờ nỗi đau khổ cũng đè nặng tim tôi.

Cuộc sống của tôi lúc này như một cơn ác mộng làm tôi tê liệt, dù tôi dần dần chấp nhận rằng sự chờ đợi là không tránh khỏi. Tôi bắt đầu có ý nghĩ sẽ chẳng bao giờ được gặp lại Naema, rằng vợ tôi sẽ chẳng trở về, sẽ chẳng bao giờ nhìn thấy cô ấy đi lại trong căn nhà này nữa. Tuy nhiên tôi vẫn phải sống, tôi vẫn còn nghe những âm thanh, những giọng nói trong khu nhà này và lắng tai nghe chuyện của láng giềng.

*

* *

Những ngày đầu của mùa đông giá lạnh đã về. Vẻ rực rỡ của mùa thu đã bị quét sạch,

nhường chỗ cho bầu trời xám sẫm. Cây cối cũng co mình lại. Những đám mây mù đè nặng trên những cành trụi lá. Mặc dù đang trong cơn tuyệt vọng và thờ ơ với cảnh vật, nhưng sự đổi thay này cũng làm tôi vui lên. Những ngày cuối cùng của mùa thu với cái nắng vàng rực rỡ, trong sáng đã làm tôi không chịu nổi.

Trời bắt đầu mưa - một sự giải thoát thực sự. Mưa tầm tã suốt một thời gian dài, dai dẳng không dứt, tràn ngập khắp nơi, phủ kín và chậm chạp lướt trên những mảnh đất khô nẻ. Ngoài đường phố, những trận độ súng đã tạm thời ngừng.

Khi tôi lật những trang nhật ký này thì trời vẫn đang mưa. Hình như mưa chưa bao giờ dứt kể từ khi tôi ghi nó. Tôi đã mất và sẽ còn mất bao nhiêu ngày, bao nhiêu tuần lễ nữa đi lang thang trong thành phố đắm nước này để cố hỏi thăm tin tức, để gõ cửa bao nhiêu nhà, cố tìm lại vợ tôi. Nhưng tất cả đều vô ích. Từ bầu trời âm u mưa vẫn xối xuống những hàng cây trụi và những ngôi nhà sẫm lại vì ướt. Tôi nhìn ra ngoài, trước mắt tôi vẫn một bầu trời phủ đầy mây, vẫn những con đường phố ngập nước và mù sương, vẫn những bóng người mờ ảo đi qua đi lại. Tôi cố chống trả lại hoàn cảnh bằng vài tia hy vọng; nhưng hy vọng đã khép kín trong một nơi nào đó không tới được mà tôi vẫn vội vàng gọi đó là hy vọng. Một viên sỏi rơi trên máng nước, tôi nghe rõ tiếng lăn lạch cách không dứt của nó. Tôi cũng như viên sỏi này và niềm hy vọng gặp lại Naema mà tôi cố níu lấy cũng chỉ là một niềm hy vọng chẳng bao giờ đạt được.

Đôi lúc, khi trời hửng và toả xuống vài dải sáng mờ nhạt trên thành phố, tôi lại ra khỏi nhà và đi lang thang trên đường. Tôi cố tìm lại niềm vui sống trên những khuôn mặt người khác để lượm lấy đôi chút niềm vui cho riêng mình; bằng cách đó, tôi tự quên mình đi. Rồi một buổi sáng, trời còn rất sớm, đã có một người nào đó tới tìm gặp tôi ngoài cửa.

Tôi chỉ mang máng nhớ mặt người đàn ông này. Ông ta kéo tôi ra một góc và thì thầm nói chuyện. Ông giải thích từ khi có một bác thợ giày nào đó qua đời thì họ đã gặp phải một số khó khăn trong công tác. Cửa hàng của bác thợ giày ở một vị trí rất thuận lợi, hơn nữa, bọn cảnh sát chưa phát hiện được vai trò của nó, mặc dù ở đây đã có sự cố xảy ra. Vì vậy cần phải sử dụng lại cửa hàng.

“Nhất định ông là bạn của bác ta, - người đàn ông nói thêm - bởi chính ông đã tới hỏi thăm những người láng giềng về bác ta vào buổi sáng sau ngày xảy ra cuộc thảm sát. Từ đó đến nay chúng tôi chưa tìm được ai có thể thay thế bác ấy để cửa hàng hoạt động lại. Nhất là lại phải tìm một người nào đó quen biết với những người xung quanh. Đó là một vấn đề chủ yếu để sử dụng lại những tài sản này. Có lẽ ông thích hợp với... Ồ, ông có thời gian để suy nghĩ. Chúng tôi không muốn thúc ép ông. Ông không cần phải trả lời gì hết, nếu như ông không muốn nhận nhiệm vụ đó”.

Tôi để yên cho ông ta nói vì như vậy tôi có thời gian suy nghĩ hơn. Cuối cùng, tôi quyết định phải tham gia.

- Ông có chìa khoá không? - Tôi hỏi, sau khi thấy ông ta đã ngừng lời.

Ông ta móc túi quần lấy ra một chùm có hai chiếc chìa khoá đưa cho tôi. Tôi cầm lấy, và ông ta đi ngay.

Tôi khép cuốn nhật ký lại. Tôi nhớ tới Naema - vợ tôi, nhớ tới bác thợ giày và nhiều người khác; những người đã cứu mạng, đã giúp tôi sống được tới hôm nay. Họ hiểu rõ vì lẽ gì họ dám hy sinh, và họ đã hy sinh.

ĐOÀN CHẤN dịch

Từ màn sương mù, anh ta hiện ra trước những bậc thềm lúc trời chiều chạng vạng. Người chú đang cạo bùn bám trên đôi ủng từ từ quay lại khi nghe thấy tiếng chân bước nhẹ trên mặt đất ẩm ướt. Ánh mắt họ vừa chạm nhau, người Dulu giơ cánh tay phải lên chào kính cẩn:

- Kính chào ông chủ...

Anh ta khoác chiếc áo ca-pô nhà binh cũ bằng vải ka-ki đã sẫm lại vì bẩn; vạt áo rách bươm, lủng lảng những mảnh dẻ bao quanh hai bắp chân để trần; nách trái kẹp chặt một cái chùy; một tay cầm gậy, tay kia cầm cành ô-liu đại màu xanh nhạt để héo. Cách người Dulu vài bước có một chú bé. Nhìn bề ngoài có thể đoán ra ngay chú là con anh ta.

Ông chủ trại hết nhìn bố lại nhìn con và ông bỗng vụt nhớ tới một bộ mặt trẻ trung, cân đối, từ bóng tối của ký ức ba mươi năm về trước đột ngột hiện ra.

- A, Matan đấy phải không? Tôi nhận ra anh rồi!

Người Dulu vội ngẩng đầu, nét mặt vui lên, nở một nụ cười. Hai hàm răng trắng bóng làm dịu những nét khắc khổ trên khuôn mặt anh ta trong chốc lát.

- Ông chủ chẳng mấy khi đoán nhầm.

- Tôi nào có nói vậy.

- Ông chủ càng ngày càng giống cụ chủ, nhất là giọng nói. Tôi còn nhận ra cả vết sẹo của ông chủ nữa...

Người da trắng đưa ngón tay sờ lên vết sẹo chạy dọc từ đuôi mắt lên trán và lấn dần vào mái tóc.

- Đây là vết đạn bắn sượt trong thời kỳ chiến tranh^[10] đây. Người ta đã định mai táng tôi rồi đấy.

- Nhưng ngược lại, ông chủ đã mai táng những kẻ thù của mình. - Matan nói - Đối với người đàn ông, những chiến tích trên mặt là những dấu vết vinh quang nhất.

- Tôi nào có nói vậy. Anh vừa đi xa, lạnh cóng và mệt. Hãy vào nhà sưởi ấm và ăn một chút đã. Chúng ta sẽ nói chuyện sau.

- Không, tôi muốn nói chuyện ngay với ông chủ. Thưa ông, tôi đến đây để đón cha tôi về.

- Sao? Anh nói cái gì? - Ông chủ trại nói nhanh, cố giấu sự kinh ngạc của mình - Cha anh đã chết từ ba mươi năm nay rồi mà.

- Tôi đến đón linh hồn cha tôi...

Bà chủ trại đang ngồi trong buồng kho cạnh bếp xếp trứng để sáng mai đem bán. Ông chủ bước vào ghé tai vợ thầm thì. Vừa lúc đó Matan cũng xuất hiện ngoài cửa bếp. Anh ta không cầm gậy và chiếc chùy nữa, nhưng vẫn cầm cành ô-liu héo. Dưới ánh lửa, khuôn mặt rắn đanh như tạc bằng đá hoa cương; chỉ có đôi mắt sáng quắc như mắt người đang lên cơn sốt là còn lay động. Thằng bé áo quần rách rưới đứng sau cha.

- Vào đây, Matan, vào đây - Ông chủ trại gọi xong liền quay sang nói với vợ: - Đây, người này đây!

Người Dulu cúi chào bà chủ trại rồi bước vào chỗ sáng, ngồi sụp xuống. Ông chủ trại hỏi han về cuộc sống, về gia đình Matan. Người Dulu không cầm lòng được, cứ luôn tay chùi nước mắt.

Phải, từ ngày rời bỏ vùng Thung lũng Gai này anh đã phiêu bạt nhiều nơi. Bây giờ anh sang bên sông Xuludi, ở đó có một mảnh vườn, chỉ phải nổi không có bờ, không thể cày cấy đất.

- Thế còn gia đình? - Ông chủ trại hỏi. Ông chợt nhìn thấy hình ảnh lũ con ông đang ngon giấc trên giường đệm ấm. Ông vội liếc nhìn Matan và thấy hai hàm răng cứng chắc, run lập cập của anh đang cố ngiên chặt lại. Những giọt nước mắt ứa ra từ đôi mắt trũng sâu.

- Đây, cả gia đình tôi đây - Người Dulu chĩa ngón tay xương xẩu chỉ vào thằng bé rách rưới. Những người khác chết cả rồi. Hai trai và một gái. Vợ tôi cũng đã chết. Chỉ còn lại mỗi thằng bé này. Bây giờ tôi cũng đã có một mảnh đất cắm dùi. Từ chỗ tôi có thể vượt sông Xuludi đến thăm nơi cha tôi ngày trước đã dựng lều.

- Ờ, vậy là anh đang ở Đunka?

- Vâng, ở Đunka.

- Sao anh không đến với tôi? Tôi sẽ cho anh mảnh đất ngày trước cha anh đã dựng lều, đã từng cày cấy. Mọi thứ vẫn còn nguyên kể từ khi anh ra đi.

Matan trầm ngâm nghĩ cách trả lời. Mảnh đất của cha ông đã bị người ta cướp đoạt. "Sức mạnh bản thủ" đã giết chết người cha thân yêu... Anh bỗng bật ho, trả lời:

- Tôi chưa lo liệu xong. Bây giờ tôi chỉ biết làm theo lòng mình. Khi nào chín chắn được như cha tôi, nghĩa là bằng tuổi ông cụ khi còn làm ở đây...

- Tôi nhớ rõ cụ Macôphin lắm, nhớ cả cái tai nạn khủng khiếp đã xảy ra. Lúc ấy tôi đi tìm thầy thuốc. Chúng tôi đã nói chuyện với nhau suốt đêm trên mình ngựa...

- Ông chủ ạ, chiếc xe kéo màu đỏ và dài ấy đã chệt chết cha tôi trong khi chở hàng. Hôm ấy tôi cũng đi theo cha. Ông cụ đẩy xe; khi giẫm chân lên càng xe thì cha tôi bị trượt, ngã lăn xuống dưới bánh xe. Những con bò kéo không hề dừng lại, chúng cứ thế lôi cả chiếc xe chở nặng đè qua người ông cụ. Chính tay tôi đã kéo cha ra khỏi bánh xe. Tôi thấy ngay ông cụ không thể nào sống nổi.

- Nhưng ông ấy có kêu la gì đâu.

- Đến đêm thì cha tôi qua đời. Chúng tôi đã chôn cất ông cụ ở đây. Thừa ông, ông cũng có một người cha, xin ông hãy nghĩ lại một chút tới tôi. Ba mươi năm qua cha tôi đã phải nằm đây, dưới những vòm cây rừng lạnh lẽo, cô độc một mình. Tôi không thể lưu lại đây được, không thể cùng sống với chiếc xe chở hàng màu đỏ và dài - cái “sức mạnh bắn thiu” như mọi người vẫn gọi - và cùng sống với lũ bò đã giết chết cha mình. Tôi bỏ đi lang thang... đi làm thuê và làm phu ở mỏ vàng, làm công trong các đồn điền trồng mía. Tôi đã lấy vợ - cô Ntulix - và cùng sống bên nhau. Nhưng dù ở đâu thì con quỷ độc ác cũng vẫn bám theo tôi. Tôi sinh được một thằng con trai, thật vô cùng sung sướng, sau đó lại được một đứa nữa rồi lại một đứa nữa. Tôi cứ tưởng “cái sức mạnh bắn thiu” ấy đã buông tha mình. Nhưng bỗng nhiên đứa con đầu lòng ốm yếu, còi cọc dần. Nó gầy đét như que củi rồi chết. Thế là tôi vội thu nhặt mọi thứ đồ đạc và xua mấy con bò của mình đi xa hơn. Nhưng con quỷ vẫn bám riết không rời. Biết nói gì nữa bây giờ? Tôi chỉ còn lại có mỗi mình thằng bé này.

Người Dulu đảo mắt tìm con. Thằng bé đã chui tọt vào bếp; nó đang nhảy nhót trước lò than:

- Thằng bé khó bảo quá, nghịch ngợm luôn chân luôn tay. Giá có bọp tai cho một cái thì lại òa khóc. Nhưng chỉ được một lát. Lát sau lại chứng nào tật ấy. Người Dulu quay lại, nhún vai nét mặt đăm chiêu, sau đó rồi tiếp:

- Bởi vậy tôi phải đến đây đón cha tôi về.

Vợ chồng ông chủ trại lặng người đợi anh ta nói tiếp. Cuối cùng một người Dulu nhấn mạnh từng lời và kể tiếp. Anh đã tìm đến một thầy mo, một ixangôm. Ixangôm bảo rằng con quỷ đã thả linh hồn Macôphin, cha của Matan, vào vùng Thung lũng Gai cách nhà hai ngày đường, sống cô đơn lạnh lẽo, xa mảnh đất của tổ tiên, xa nơi ông đã từng chăn đàn gia súc, lúa của ông đã bao mùa trở bông, và mặt trời đã từng làm da ông rát bỏng. Ixangôm luyện một đạo bùa và ngâm cành ô-liu vào chậu nước phép. Sau đó lão bảo anh: “Đến đêm anh hãy ra mộ ngồi chờ. Linh hồn của Macôphin sẽ bò ra khỏi mộ và nhập vào cành ô-liu. Anh hãy đem linh hồn về nhà làm lễ chôn cất. Trong khi đem linh hồn về, suốt dọc đường phải hoàn toàn im lặng, có vậy thì anh và gia đình anh mới sống được yên ổn. Nếu anh mở miệng, dù chỉ một lời, thì linh hồn sẽ hoảng sợ bay đi, trở về ngôi mộ lạnh lẽo cũ của mình”.

Người Dulu gơ cao cành ô-liu héo lên.

- Tôi sẽ đưa cha tôi về nhà bằng cành ô-liu này.

Ông chủ trại liếc nhanh sang phía bà vợ... Matan không nhìn họ, anh sợ họ không tin lời anh. Anh rút hộp thuốc ra, hai tay run run mở nắp và véo một nhúm thuốc. Sau đấy anh lại hai tay vo tròn liều thuốc và trấn tĩnh lại. Bây giờ anh đã có thể trình bày rõ ràng hơn mục đích chuyến đi của mình.

Chắc chắn đây là một chuyến đi vượt quá sức người vì không được hé răng nói một lời nào. Trong mơ, môi anh có thể tự mấp máy nói hoặc vô tình anh buột miệng một điều gì đó với người bạn đồng hành hoặc với con. Thế nhưng, nếu anh được trở về nhà bằng xe tải thì... Nói tóm lại, nếu ông chủ chịu giúp cho cha con anh trở về nhà nhanh chóng cùng với linh hồn của cha anh thì tốt quá.

Anh thấp thỏm chờ đợi người chủ trại trả lời và để giết thời gian căng thẳng, anh lại véo thêm một điếu thuốc nữa. Anh nghe thấy tiếng con anh léo nhéo hát trong phòng bên và vợ chồng ông chủ trại đang bàn tán với nhau bằng ngôn ngữ riêng của họ. Cuối cùng bà chủ hỏi lại anh:

- Anh Matan này, anh đã trả công cho thầy mo chưa?
- Tôi đã trả như thường lệ, - anh lúng búng nói, chẳng hề phật lòng vì câu hỏi của bà ta.
- Trả bao nhiêu?
- Một con bò sữa, - Người Dulu trả lời cộc lốc rồi nói thêm - con bò sữa cuối cùng.
- Thế anh tin rằng chuyện này có thật sao?

Câu hỏi làm Matan sồn gai ốc, nó là câu hỏi đã dày vò anh bấy lâu nay.

- Tôi còn biết làm gì nữa, thưa bà?
- Tôi không biết. Tôi không hiểu rõ cha anh bằng chồng tôi. Nhưng anh không sợ linh hồn của cha anh sẽ đi theo quỷ chứ không về nhà với anh sao?
- Chuyện gì xảy ra thì sẽ phải xảy ra! - Anh nói dần giọng, nét mặt bỗng lộ vẻ tức giận.

Bà chủ muốn nói thêm nhưng ông chồng đã đặt tay lên vai bà ta.

- Anh Matan này, chúng tôi không định đến vùng Thung lũng Gai đâu. Chiếc xe tải của tôi bị gãy rồi, đang đem sửa lại. Nhưng sáng mai anh có thể đi bằng xe hàng có mui rồi từ chỗ ngã tư anh đi theo xe chở sữa đến thẳng ga. Sau đó đi xe lửa tới Thung lũng. Từ đấy về nhà gần lắm...

Người Dulu chớp mắt, lặng im. Trong người anh còn vài si-linh bọc kín trong một mảnh vải, mà có đi xe lửa thì cũng chỉ mất vài ba xu. Lúc này thằng bé đã bước tới cửa. Nó lắng nghe ông chủ trại trình bày kế hoạch rồi nháy cựa lên. Chà, đã được ngồi ô tô chở sữa rồi sau đấy lại được đi xe lửa, thật là khỏe! Còn Matan thất vọng đứng dậy, uể oải chào vợ chồng người chủ trại da trắng rồi bước ra ngoài, một tay anh đặt lên vai con, tay kia cầm cành ô-liu mà anh không hề rời từ lúc ra đi.

- Ông thật hồ đồ - Bà chủ trại cắn nhảu chồng.
- Bà biết đấy, cái mả của lão Macôphin bao giờ cũng làm tôi rờn rợn. Đất đai của lão đã hết, thằng con bây giờ cũng chẳng còn gì... Tôi còn nhớ lúc người ta chôn cất lão. Họ quấn bộ mặt nhẵn nhúm vì đau đớn của lão bằng chiếc mền chần, đặt thức ăn vào nôi cho lão, chôn theo cả chùy và cả mũi lao. Macôphin là một người chiến đấu lừng danh. Khi lão còn sống, mọi người sợ phục lão như ta sợ lửa; khi chết, họ càng tôn kính lão hơn. Chính bọn làm công cũng không muốn để cái mả của lão trong rừng.

- Trông thằng con ốm yếu lắm, - bà vợ nhận xét. - Hẳn có vẻ hung ác và phờ phạc như một con ngựa đã kiệt sức.

Ông chủ trại không nói gì, chỉ nhìn bà vợ và nhún vai. Phương pháp xử sự của ông bây giờ

với bọn người Dulu là mặc xác họ, càng tránh được những cuộc chạm trán với họ càng tốt, dù bất kỳ ở đâu.

Matan lần bước trong bóng tối, rời xa dần khu nhà của những người da trắng, một tay lúc nào cũng đặt trên vai con. Vầng trăng khi ẩn khi hiện qua những đám mây. Gió lạnh và ẩm vi vút thổi. Khi đi ngang qua nhà kho mở toang cửa, anh ta ngoái lại nhìn chiếc xe ngựa bịt mũi. Những máy kéo và ô tô của trại đã đưa đi hết, chỉ mỗi chiếc xe sơn đỏ bịt mũi có bò kéo là còn nằm lại; nó đứng sừng sững trên những vành bánh sắt như chôn chặt xuống đất và đang được chuẩn bị để sẵn sàng lăn bánh tiếp trên con đường định mệnh của mình. “Sức mạnh bản thủ”... Người Dulu lau bầu sau khi liếc nhìn khiếp sợ vào cái hòng đen ngòm của nhà kho, nét mặt anh lăm lì, dữ tợn.

Matan đến dãy lều, chỗ mọi người đang quây quần quanh đồng lửa. Thấy anh đến, họ ngồi im lặng một lát rồi mời anh ăn, rồi lại tiếp tục nhúng những ngón tay sạch bóc vào lòng những chiếc nồi gang đen sì; trông họ như một đàn gà con đang co rúm vào nhau khi điều hâu xuất hiện. Thằng bé chẳng cần suy tính gì hết, nó ngồi sụp ngay xuống cạnh một cái nồi và thò tay vào bốc lấy bốc để những hạt ngô nóng đang bốc khói, những mẩu khoai tây và những miếng dưa ngọt.

Matan ngồi im lìm trên khúc gỗ nhẵn và nghiêng người về phía đám lửa đang cháy bập bùng. Anh cố giấu kín cành ô-liu dưới vạt áo ca-pô-t, rồi phanh ngực áo ra, hở bộ ngực xương xẩu của mình vào hơi lửa ấm. Trên cổ anh, lá bùa làm bằng da ác thú xâu qua một sợi dây đen đang đung đưa; dưới hai dải tai lưng lẳng hai đạo bùa khác hình vòng khuyên, làm bằng hai miếng sừng sơn dương. Bên ánh lửa, khuôn mặt có những nếp hằn sâu của anh sáng loáng như một mẩu gỗ đánh bóng. Một vài người đang ăn nhìn thấy anh liền đứng dậy bỏ đi. Anh liếc cặp mắt héo hắt, buồn phiền nhìn theo họ.

Matan ngồi lặng một lát, cổ kéo dài cái giây phút phải đi vào rừng đêm và dăm dăm nhìn con đường phùng mồm nhai thức ăn. Khi thằng bé không thể nuốt thêm được nữa, nó mới đẩy chiếc nồi gang ra xa; bụng căng tròn như cái trống. Anh uể oải giục con đi ngủ theo bọn trẻ. Họ ném cho thằng bé vài chiếc bao tải ngô sạch sẽ; nó trái ngay lên mặt đất rồi ngả lưng xuống, nằm duỗi thẳng cẳng như một cái xác ướp nhỏ, quần mền suốt từ đầu đến chân.

Bây giờ anh mới thở phào đứng dậy, cài chặt các khuy áo, cầm chiếc chùy và cây gậy. Những người còn lại ngồi giả bộ như không nhìn thấy anh ra đi. Anh bước theo con đường mòn băng qua những cánh đồng trồng ngô, trồng bắp cải và củ cải trắng. Càng đến gần rừng, cao nguyên càng trũng dần xuống. Vầng trăng mờ nhạt; bóng tối đông dày đặc giữa những thân cây tưởng chừng muốn đi qua nó phải đục thủng ra mới đi lọt được. Thỉnh thoảng bị lạc đường, anh lại phải đưa tay sờ soạng tìm lối, vấp cả vào những đoạn rễ cây chồi lên và những dây leo quấn chẹt cổ anh làm anh nghẹt thở.

Càng đến gần ngôi mộ, hai chân anh càng nín lại. Anh căng mắt nhìn, hy vọng nhận ra được ánh phản quang nào đó loé lên. Có những tiếng rào rào lướt trên các ngọn cây. Trời bắt đầu đổ mưa. Anh thấy mặt mình lạnh lạnh. Khi anh đến được chỗ ngôi mộ thì bóng tối trước mặt anh hình như cũng nhạt dần.

Anh kẹp cành ô-liu và chiếc gậy dưới nách, khó khăn lắm mới bật nổi một que diêm bằng đôi bàn tay run rẩy. Trong nháy mắt ánh lửa đẩy lùi bóng tối vào sâu trong rừng và rọi sáng một mô đất đắp cao cùng với đá. Trước khi que diêm cháy hết anh đã kịp lướt mắt thấy những đám rêu xanh và cỏ dại mọc trên nấm mộ và những chùm rễ địa y dài rủ từ thân cây xuống; lớp đá bao quanh chân mộ đã chồi lên một nửa, phủ đầy rêu. Ấm thấp, thê lương và tịch mịch! Và linh hồn của bất kỳ ai đó nếu ẩn khuất nơi đây, dưới những lớp rễ cây này, cũng sẽ cảm thấy kinh sợ và co rúm lại.

Anh đứng lặng một hồi... Thôi, không cần nghĩ ngợi nữa. Anh sẽ làm đúng lời thầy mo đã dặn. Đây là niềm hy vọng cuối cùng. Sức khỏe của anh sẽ được phục hồi, gia súc sẽ lại chậ lều, và đứa con trai duy nhất còn lại của anh sẽ như một thân ngô non vươn thẳng dưới mặt trời.

Matan ưỡn thẳng lưng và cất cao giọng:

- Cha ơi, con đây! - Hơi thở của anh đã điều hoà hơn. Anh sẵn sàng thức trắng đêm. Anh bước lên phía trước, giơ chân dấp sờ viên đá mộ, rồi bật một que diêm nữa, chụm lòng bàn tay che lửa và bước tới thân cây gần nhất. Đến đây, anh ngồi thụp xuống, gập người về phía đám rễ cây chẳng chịt rồi vén ca-pôt phủ đôi vai, tay cầm lăm lăm cành ô-liu héo. Anh thở dài, miệng lẩm bầm một điều gì đó. Anh cảm thấy giá có người nào đó cùng thức trong đêm nay với anh thì lòng anh sẽ nhẹ nhõm biết bao nhiêu. Nhưng nơi đây cách biệt quá, không đường đi lối lại. Thường thì những con bò nhà không dám đến đây; còn về đêm, chỉ có những con vật nhút nhát cứ ở trong các vòm cây hoảng hốt vụt bay ra khi nghe tiếng báo gầm. Bây giờ giá có báo xuất hiện thì anh cũng chẳng buồn chống cự.

Lạnh và mưa - mưa và lạnh cứ thay nhau luân chuyển không ngừng trên vùng haivende [\[11\]](#) khô cằn này.

- Cha ơi, con đã lìa cha bao nhiêu năm rồi, - Matan cất giọng khàn khàn cầu khẩn. Một ánh chớp loé lên đáp lời anh. Anh lặng im chờ đợi, tập trung mọi suy nghĩ về cha, rồi khẩn tiếp: - Hỡi cha Macôphin, con trai của Pôli, vì sao cha lại lén lút lấy đi mọi thứ của con? Trước kia cha có thể đâu. Cha là một chiến binh đáng kính thuộc dòng giống vĩ đại và ai ai cũng tôn kính, nghe lời cha. Có lẽ người ta đã dâng cho cha trong lúc ra đi quá ít đồ ăn, và vì thế cha đã phải ăn cả châu chấu trên khu đồi trơ trọi này chẳng? Cha ơi, nếu cha bắt con phải chết và bắt đi nốt đứa con trai cuối cùng của con thì còn ai thờ cúng và an ủi vong hồn cha? Cha còn biết về đâu sau cuộc hành trình, khi cha muốn lại được nhìn thấy ánh mặt trời?... - Matan lặp đi lặp lại lời cầu khẩn. Anh cảm thấy lòng mình càng thêm trống trải, tan nát.

Những tia chớp loằng ngoằng loáng qua các ngọn cây và tiếng sấm rền vang mỗi lúc một gần; mặt đất rung lên như có một đàn mãnh thú đang rầm rập chạy... Những dòng nước mưa xối lên người anh. Anh co rúm lại, run rẩy vì lạnh và hầu như vô vọng, không hiểu mình đến đây để làm gì.

*

* *

Mưa đã tạnh, gió đã ngừng, bóng tối và sự cô tịch lại trùm lên khu rừng. Anh như thấy

trong những giờ phút này, dưới lớp đất kia, linh hồn cha anh đang chấp chờn run rẩy trước chiếc nồi gang trống rỗng và chiếc bếp lò tắt ngấm, và những giọt nước mưa lạnh, bắn, từ trên mặt đất lạnh lẽo này đang rỏ từng giọt xuống người ông. Ông hoàn toàn cô đơn, hung dữ, hai con mắt loé lên những tia ác nghiệt.

Anh còn thấy cành ô-liu trong tay anh đang tự lay động; anh rung mình kinh hãi, rời tay buông rơi... Anh cúi xuống sờ soạng tìm kiếm, chỉ sợ không tìm lại được cành ô-liu. Khi bàn tay run lật bật của anh đã nắm được nó rồi, anh vẫn còn tin rằng cành cây tự nó lay động. Nỗi khát khao muốn thoát khỏi nơi đây làm hai chân anh muốn tự vùng chạy như hai đôi chân của con chó săn mơ ngủ. Anh nheo mắt, tựa hần đầu và lưng vào một thân cây để các thớ thịt trên người bớt co giật. Anh hầu như không còn cảm nhận được điều gì.

Trên cao, một màn sáng mờ đục. Đó là ánh trăng xuyên qua lớp mây mù và dội qua những tán cây im lìm. Đây đó lơ mờ hiện ra bóng những thân cây. Matan nhìn trùng trùng vào cái hốc đen ngòm của bóng tối, rồi lại cúi nhìn chăm chú vào một điểm trên nắm mộ như đang chờ đợi ở đó một sự gì. Bỗng anh không tin vào mắt mình nữa, anh vội dụi mắt. Trên nắm mộ hiện ra một cái bóng trắng lớn. Khi vầng trăng ló ra khỏi mây, rọi sáng mặt đất thì cái bóng trắng lại càng hiện lên rõ rệt hơn và anh đã có thể nhìn thấy hai hốc mắt đen sẫm.

- Hỡi cha Macôphin, con trai của Pôli, - Anh thử cắn môi cắn lưỡi mình xem: Môi và lưỡi hầu như đã tê liệt - A! Cha đã hiện lên rồi! Cha ơi! Cha hãy về nhà cùng con ở bên sông Xulud đi!

Anh nhìn thấy hai cái bóng giống nhau và kỳ quặc hiện ra trên mộ, cong như hai chiếc sừng dê. Chúng hình như cũng lay động. Anh bật kêu, cổ vùng dậy nhưng không được. Người anh lão đảo, đu đưa, miệng sủi bọt.

Một đám mây đen che khuất vầng trăng. Bóng tối dày đặc lại trùm lên cánh rừng. Dưới gốc cây lớn, một người đen xì nằm ngã ngửa, miệng há hốc, không còn biết đau đớn và lạnh giá là gì. Những con cú vỗ cánh bay ra khỏi hang; một con báo gầm gừ lần mò đi rình mồi. Có tiếng rào rào và tiếng cành cây gãy răng rắc, rồi sau đó lại tiếng móng guốc gõ lộp cộp, xa dần. Người Dulu vẫn nằm im lìm bên ngôi mộ. Đàn kiến đang bò lên người anh. Khi ban mai ló rạng, anh khẽ cựa mình và từ từ mở mắt. Anh tưởng mình mù tịt, mặt bị móng vuốt của một con thú nào đó cào xé. Anh la hoảng. Đàn kiến đã bâu kín mặt. Anh lảo lộn trên đám cỏ, quẩn quại như một con lươn, lấy tay đập lên mặt mình: Hai ống tay áo ca-pôt phất lên thành phách.

- Hỡi cha Macôphin, con trai của Pôli, con đến đây với cha với một tấm lòng hiền hòa. Cha đừng ác nghiệt với con nữa. Cha hãy bình tĩnh trở về cùng con, trở về với con trai của cha. - Anh rên la, nhặt chiếc chùy nằm lăn lóc trên mặt đất, sợ sệt và kính cẩn nhìn cành ô-liu rồi cầm lên.

Sau đó anh lê bước như một ông già, lần trở về. Bỗng anh nhìn thấy ở mép bên kia của nắm mộ có nhiều vết chân thú còn in hằn trên lớp cỏ. Anh sững sờ giây lát, cố tìm người lên chiếc gậy cho khỏi ngã, tâm thần chấn động và nỗi hoài nghi lại day dứt lòng anh mạnh hơn. Con bò rừng đã xuất hiện ở đây khi nào? Trong đêm vừa qua hay đêm trước nữa? Nước đã đọng lại trong một dấu chân... Anh tiếp tục lê bước, đầu khe khẽ lắc lư. Khi những tia nắng mặt trời ló hắt anh

mới về đến khu trại.

... Đến chỗ ngã tư, những người phu khuân vác oang oang dẫn dò cha con Matan trong lúc chia tay, còn hai cha con vẫn im lặng chuyển từ chiếc xe mui sang xe chở sữa và đi thẳng ra ga.

Tới nhà ga thẳng bé phải làm đủ mọi thủ tục cần thiết trong lúc cha nó quều quào bới tung đám giẻ vụn ẩm ướt, lôi ra một cái túi nhỏ đựng vài si-linh với dăm xu lẻ để mua vé.

Khi anh lên được tàu và ngồi vào chỗ rồi thì thẳng bé còn lao băng băng dọc theo hành lang, bám lên bục lên xuống, nhảy qua chân những hành khách rồi mới chui tọt vào một toa xe chật ních. Cha nó đang ngồi im lìm như pho tượng đá, hai môi mím chặt khế nhếch một nụ cười khổ não khi nhìn thấy con. Thằng bé the thé giải thích với mọi người rằng cảnh ô-liu cha nó đang cầm không phải là một cảnh ô-liu bình thường, đó là một cảnh ô-liu đặc biệt, trong mỗi chiếc lá đã giấu kín một phần linh hồn của ông nội nó.

Những hành khách trong toa la ó om sòm, quất mắng thẳng bé và xô đẩy nó. Họ muốn chuồn nhanh khỏi người hành khách quái gở này. Khi người khách cuối cùng chạy ra xong thì trên sàn tàu, ở gần giữa toa, có một đồng sáu xu bằng bạc rơi nằm lấp lánh. Thằng bé reo lên cú nhặt đồng xu và chạy đuổi theo đám hành khách đang nhốn nháo. Nó giơ đồng sáu xu lên cao kêu ầm ĩ:

- Ai mất tiền đây? Ai đánh rơi tiền? - Mọi người giận dữ lãng xa nó và vờ như không nhìn thấy gì. Thằng bé đành miễn cưỡng bỏ đồng xu vào cái túi khâu dưới vạt áo bông chần của nó. Đám hành khách không ngớt than phiền về Matan; vài phút sau một nhân viên soát vé da trắng bước vào:

- Người không có quyền kèm một linh hồn lên tàu, hiểu chưa? - hấn quát Matan.

Chỉ có ánh mắt đỏ ngầu từ hai hốc mắt lõm sâu giận dữ loé ra đáp lời. Hấn vội lùi lại:

- Ta không biết, người phải mua thêm một vé nữa... cho con ma này!

Nhìn thấy cái cười khinh mạn trên bộ mặt béo phì của tay soát vé da trắng, Matan vội quay mặt đi, giấu sự tức giận và vẻ bối rối của mình.

- Vì sao người không trả lời ta?

- Đây là cha tôi, ông ấy không nói được - Thằng bé vội giải thích.

- Được rồi vậy thì mày bảo bố mày hãy rút cái linh hồn ấy ra ngoài cửa sổ đi, hoặc phải ra đầu toa mà ngồi. Chúng tao không thể để hành khách đứng ngổn ngang ở lối đi qua đi lại được.

Matan miễn cưỡng đứng dậy và lần theo lối hành lang hẹp ra ngoài đầu toa, hai tay vẫn nắm chặt cây gậy, khoác chiếc tay nải và cầm cảnh ô-liu. Đám hành khách vội rảo bước khi đi ngang qua anh hoặc tỏ vẻ như không nhìn thấy anh; một con người rách rưới, phờ phạc, bước đi lảo đảo.

Matan phải ngồi đầu toa cho tới tận khi con tàu dừng lại ở ga Côlenxô bên sông Tughula rộng lớn và bẩn thỉu. Ở đây, trên một vùng bình nguyên hầu như không người ở và lác đác vài

lùm cây, chỉ có những tháp nước và những ống dẫn của trung tâm nhiệt điện mọc sừng sững như những tên khổng lồ trong câu chuyện cổ.

Anh phải chật vật lắm mới lần ra được sân ga, ngồi phịch xuống một chiếc ghế đá, đưa mắt nhìn theo đoàn tàu lăn bánh xa dần. Hai ngày nay anh chưa ăn một tí gì và cơn sốt rét đang hành hạ anh dữ dội.

Thằng bé hớn hỏ chạy nhảy khắp sân ga. Nó vui sướng ngắm nhìn những chiếc đầu máy, những toa xe, những đường dây điện chằng chịt trên cao, những trạm biến thế phức tạp và bí ẩn có những công nhân da đen mặc đồng phục màu đỏ, đang làm việc; nó lắng nghe tiếng gió huýt và tiếng kêu vo vo phát ra từ những vật kỳ lạ này, và khoái trá hơn hết là được ngắm nhìn những đụn khói đang cuộn cuộn bốc lên bầu trời trong xanh. “Sẽ có ngày ta được đến nhà máy điện này làm việc” - nó nghĩ vậy. Thằng bé lại lao ra ga, luồn lách giữa đám hành khách và đám phu khuân vác, lôi đồng xu ra tung hứng trên không. Còn cha nó vẫn ngồi co ro trên chiếc ghế.

Matan nhìn con, suy nghĩ không biết làm sao đi nốt được quãng đường còn lại; bây giờ phải đi bộ trèo qua một mạch núi mới sang được thung lũng Xuludi. Đồng xu của thằng bé bỗng loang loáng vạch lên một vòng cung sáng rồi rơi xuống, lăn ra phía đường tàu. Thằng bé vội chạy theo, cúi xuống tìm kiếm đồng xu giữa đường ray. Từ xa, một đầu tàu chạy điện sơn màu xanh lá cây đang vùn vụt lao tới không một tiếng động. Thằng bé không hề hay biết; nó vẫn lom khom trên những thanh tà vẹt.

Matan hoảng hốt...

- Bhêka! - Anh ta thét lên - Ivêtxơ iditimêla! (Nhìn kìa - tàu đang tới!).

Thằng bé ngoái lại, lao bật ra ngoài đường tàu như bị ai tông cho một quả đấm rất mạnh. Chuyển tàu không dừng lại; nó ầm ầm lao qua ga; và khi toa cuối cùng vừa đi khỏi, thằng bé lại cúi xuống tìm. Kìa rồi, đồng xu của nó vẫn nằm nguyên giữa đám sỏi đá. Nó nhảy xuống, nhặt lên.

Bỏ xong đồng xu vào túi, thằng bé vội vàng nhảy phốc lên sân ga và chạy lại phía cha; tay nó vẫn kẹp chặt miệng túi; đôi mắt sáng long lanh.

- Cha ơi, sao cha nói to thế!?...

Matan vẫn cầm cành ô-liu trong tay, răng đang nhe ra; anh không nghe thấy tiếng con, cũng không nhìn thấy nó; anh đang nhìn đăm đăm lên cành ô-liu. Như trêu gan anh, không một chiếc lá nào trên cành ô-liu lay động.

- Đi thôi con, - anh mệt mỏi đứng dậy, - mọi người đã đi xa rồi.

Anh gặng sai bước, người khom khom về phía trước. Một sức mạnh vô hình nào đó thúc anh bước mỗi lúc một nhanh hơn. Thằng bé khi thì đứng lại, khi thì chạy lon ton theo cha, bám chặt vào vạt áo ca-pô rách bươm đang bay phàn phật.

Hai cha con đã đi được vài dặm dọc theo con đường đất đầy bụi lượn gần làng. Trời nóng như thiêu như đốt. Cái nóng như hiện hình nhảy múa trước mặt họ trên mặt đất sét cứng khô.

Trong những bụi cây vang lên tiếng vo ve rền rĩ của hàng ngàn hàng vạn côn trùng. Matan hầu như không nhìn thấy, không nghe thấy gì hết; anh đắm đắm ngược đôi mắt bất động nhìn về phía trước; mỗi khi gặp khách đi đường anh chỉ lặng lặng giơ tay chào.

- Cha tôi không thể nói được, - thằng bé vội vàng giải thích rồi hai cha con lại vội vã vượt lên.

Họ dừng lại vài lần bên sông để uống nước và rửa mặt, sau đấy băng ngang qua dòng nước sông Xuluđi lở bờ chảy, lội sang bờ bên kia. Cuối cùng họ đã về đến nhà: Hai túp lều làm bằng lau sậy nép dưới chân đồi. Một bà già là bà con thân thuộc của Matan vội ngừng xay ngô, đem ra một bầu nước.

Bà cụ lo lắng nhìn Matan, thấy anh tiêu tụy đi nhiều quá. Cụ không dám nói ra, chỉ vội chào anh rồi đưa mắt nhìn sang phía khác. Anh để thằng bé đứng lại với bà cụ rồi bước vào lều. Trong bóng tối lơ mờ cụ thấy Matan rút ra một chiếc lao dài cài trên mái, cắm cành ô-liu vào vách lều và bước ra ngoài dưới ánh nắng ban trưa chói chang. Anh băng băng lội qua dòng nước Xuluđi. Tới bờ bên kia anh dừng lại, lấy cát đánh bóng mũi lao nhọn sắc rồi mài lên phiến đá. Sau đấy anh rửa sạch toàn bộ cây lao xuống dòng nước đang lững lờ chảy rồi dùng tay áo lau khô mũi lao. Đã có lệnh cấm mang những thứ vũ khí nguy hiểm này nhưng bây giờ anh chẳng sợ gì hết.

Matan rảo bước băng qua một cái truông và trước khi mặt trời lặn thì anh đã có mặt trước một khu làng giàu có. Ở đây tối đến trẻ con lừa hàng đàn bò dê vào làng. Lều trong làng đều được xây bằng đá, mái lợp lau sậy đầy mặt trên những hàng cột vững chắc được trang trí bằng đầu và sừng thú và bằng cả những túi mật căng phồng. Chỉ có một túp lều trông có vẻ tồi tàn cũ kỹ và hơi hám hoàn toàn làm bằng lau sậy như đang giấu cột tất cả những căn lều khác. Thầy mo đang đứng đợi Matan ở chính túp lều này.

- Anh đã mở miệng nói rồi anh không nghe lời tôi. - Thầy mo nói đột ngột không cần chào hỏi Matan theo nghi thức.

- Tôi đã nói một tiếng thế thì đã sao?

- Anh quên điều tôi căn dặn anh rồi sao?

- Tôi nhớ hết - Matan giương cặp mắt hung dữ quay sang nhìn ông ta.

- Vậy anh cầm lao đến đây làm gì?

- Tôi đến đây để nghe ông nói. Tôi muốn biết cha tôi có trở về không. Tôi muốn biết bây giờ thì hai cha con tôi được sống yên ổn chưa?

- Tôi đã hứa với anh như vậy, nhưng anh đã vi phạm điều răn của các thần linh!

- Tôi đã cúng ông con bò cuối cùng của mình để ông giúp chúng tôi được sống yên ổn và ông sẽ phải làm cho chúng tôi được sống yên ổn, hỡi con trai của Nôcômphela!

- Anh đến đây để dọa dẫm tôi đấy phỏng? Này, tôi có thể giết chết anh chỉ bằng một ngón tay út thôi.

- Tôi đến trả lễ ông. Bây giờ ông phải đi với tôi để chôn cất linh hồn cha tôi. Huyệt mộ đã đào xong... Và nếu như ông không có gì chứng tỏ rằng linh hồn cha tôi đã trở lại thì tôi sẽ chôn sống ông, hỡi con người tham lam kia!

Anh quả quyết đặt lòng bàn tay vào mũi lao sáng quắc và khom người chui qua khung cửa thấp, bước ra ngoài lều.

Hai người nối nhau đi theo một con đường nhỏ băng qua truông. Thầy mo đi trước; đó là một con người ăn mặc tồi tàn, đầu đội chiếc mũ lông cừu, tay cầm một thanh gậy mảnh màu sẫm. Trời bắt đầu tối mịt.

Ngôi huyệt nằm trong một cái hang bên sông; trên huyệt mọc một cây ký ninh thân xám nhợt như báo trước một điềm dữ. Tự tay Matan đã đào chiếc huyệt này trước khi đón linh hồn cha. Anh đem ra cành ô-liu cùng vài chiếc nồi đựng thức ăn và ngô hạt rồi dắt một con bò tới giết thịt. Đầu tiên anh lấy mũi lao đâm cổ con bò rồi mổ phanh bụng nó. Sau đấy anh bật một que diêm đưa lên soi; thầy mo nhòm vào bụng con bò cắt lấy túi mật. Que diêm tắt, nhưng lúc này từ trên nền trời tối tăm mảnh trăng đã rọi sáng. Dưới ánh trăng, Matan chui xuống huyệt và kính cẩn đặt vào đó những nồi đựng thức ăn, đồ uống. Khi đứng thẳng người lên anh thấy thầy mo đã ôm được một đồng cành khô và đã nhen lên một đám lửa nhỏ, sau đấy lão cầm một chiếc sừng dê và rắc lên đồng lửa một thứ bột gì đó. Ngọn lửa kêu xèo xèo, bốc lên một làn khói đặc xịt, cay xé. Matan bật ho sặc sụa.

- Hãy để cả vũ khí của anh vào mộ! - Thầy mo nói như hạ lệnh.

Matan giữ chặt chiếc lao có mũi nhọn đang lấp lánh dưới ánh trăng và hoen ố máu bò. Anh từ từ bò ra khỏi huyệt mộ. Người anh muốn rũ xuống. Cơn sốt hằm hập đang thiêu đốt trong mạch máu anh, làm đầu anh choáng váng, hai tai ù đi. Nhưng rồi anh cũng chui được ra ngoài và đứng mặt đối mặt với thầy mo.

- Linh hồn cha tôi đã về sau một chuyến đi dài đấy à? - Matan khẩn khoản hỏi.

- Phải, đã trở về!

- Đến bây giờ ông vẫn còn lừa dối tôi. Lời nói phát ra từ miệng tôi mà ông lại bảo là của linh hồn.

- Linh hồn đã phải bay từ rất xa về đây; nó chỉ đi bộ với anh có một phần đường, một phần thôi. Bây giờ nó đã ở đây và rất hài lòng.

- Lại một điều dối trá nữa. Tôi chưa nghe thấy tiếng nói của linh hồn.

- Anh không còn có thể nghe và nhìn được nữa vì đời anh sắp hết rồi. Hỡi con trai của Macôphin, người sẽ chết...

- Thế đấy, lời cuối cùng người đã nói thật, - Matan cay đắng chậm rãi nói, tay vẫn tì lên cán lao. - Chính ta đã cảm thấy điều đó... Sức ta không thể nào qua nổi...

- Người đã hiến đời mình cho cha người và con trai người.

- Vậy thì người sẽ cùng chết với ta! - Matan hét lên và lao mạnh mũi lao vào kẻ thù. Thầy mo cũng hét lên một tiếng hét kinh hoàng...

Khi mặt trời đã lên cao, thằng bé đi tìm cha và thấy cha nó đang nằm sóng soài dưới gốc cây ký ninh, nét mặt bình thản, hai chân kê bên miệng huyết. Mũi lao nhọn cắm phập vào gốc cây sâu tới vài phân.

Matan hé mắt nhìn lên. Trông thấy con lòng anh ảm lại.

- Cha đã tỉnh rồi, con ạ. Thầy mo đâu, con của Nôcômphela ấy?

- Lão không có ở đây.

- Con nhìn kỹ xem, lão nằm đâu đó; bị mũi lao của cha đâm chết mà.

- Không, con không thấy lão.

- Mũi lao đâu?

- Nó cắm vào kia.

Matan ngược mắt cao hơn nữa và nhìn thấy cán lao cùng một phần mũi nhọn của nó đang cắm vào thân cây ký ninh phía trên đầu mình. Anh bỗng thở phào nhẹ nhõm.

- Bao giờ con khôn lớn, - Matan thều thào nói với con. - Con hãy trở về đất tổ tự tạo nên cuộc sống bình yên ở đó. Đừng tin vào những điều nhảm nhí, đừng vì quẫn bách quá mà để cho ai cũng lừa dối được mình. Cha chỉ ân hận vì chẳng có gì để lại cho con!...

Thằng bé cởi cái nắp túi áo bông chần và móc ra sáu đồng xu:

- Sao cha lại bảo chẳng có gì? Cha xem này, con có sáu xu đây. Con sẽ lớn lên, to, khỏe; con sẽ đi ủng và làm việc ở nhà máy điện.

ĐOÀN CHẤN dịch.

Tôi là ai?

CO'LARIX RAXIPHANDO'RIKHAMANANA
(Madagascar)

Một hôm giữa đêm khuya tôi tỉnh dậy, toát cả mồ hôi hột. Có một ý nghĩ cứ trăn trở mãi không để tôi yên. Cứ y như là một cuộn chỉ rối không biết đầu mà lần, dù có muốn cũng chẳng biết gỡ từ chỗ nào nữa. “Tôi là ai?” - tôi cứ tự hỏi như vậy mãi. Là con ai? Là chồng ai? Bố vợ ai? Con rể ai? Bố ai? Cháu ai? Ông ai? Có lẽ tôi ốm và mất trí nhớ mất rồi. Mà nhớ tôi ốm thật thì sao nhỉ? Không, không phải. Bởi vì tôi vẫn trò chuyện bình thường với tất cả mọi người, vẫn trả lời đúng những câu họ hỏi. Nhưng một đôi khi ý nghĩ cứ trôi tuột đi, không sao giữ lại được và tôi đang phát điên lên.

Tôi xin kể từ đầu. Hồi xưa, tôi hãy còn nhớ như in, trí nhớ của tôi rất bình thường, thậm chí có thể nói là phi thường nữa. Thí dụ, tôi vẫn luôn luôn nhớ những sự kiện xảy ra từ hồi tôi còn bé. Tôi nhớ cái làng nơi tôi đã sinh ra. Tôi còn nhớ cái nguồn nước ở vùng ngoại ô phía tây. Tôi nhớ cái hào nước bao quanh làng. Tôi có thể chỉ ra từng khe hở ở hàng rào, nhắm mắt lại tôi cũng có thể vẽ lại cây cối mà bọn chúng tôi thường vẫn leo trèo khi còn là những chú oắt con. Bất kể lúc nào tôi cũng có thể hình dung ra cha tôi. Và nếu như tôi tự hỏi: Tôi là ai? Thì điều đó cũng có lý do của nó.

Thời gian qua đi. Tôi đã lớn thành một thanh niên cao, hơi gầy nhưng cân đối. Các nhà vận động viên xì po có thể ghen với tôi vì những bắp thịt của tôi. Và có lẽ chính vì vậy mà tôi lại lấy một cô vợ rất mảnh mai. Tôi yêu nàng và nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa. Nhưng số mệnh không cho nàng được sống lâu...

Tôi rất đau khổ sau khi vợ chết nhưng vẫn gắng chịu và người giúp tôi chịu được chính là Xêli. Ít lâu sau, tôi hiểu rằng tôi không thể sống thiếu Xêli được. Nhiều người chê trách tôi khi tôi quyết định lấy nàng. Họ hàng đằng vợ thì cứ tùm lum lên: “Vợ mày chết chưa kịp lạnh chân, mà mày đã tìm được người thay thế rồi”. Tôi chịu hết. Rồi tôi lấy Xêli. Cha tôi không phản đối. Chỉ có một lần ông cụ nói bằng quơ: “Mày hãy còn trẻ, con ạ, mới có hai mươi lăm tuổi đầu. Mà vợ mày hơn mày những mười lăm tuổi. Suy nghĩ kĩ đi. Người ta bảo phải cân nhắc kĩ chuyện này không phải là sai đâu”.

Quả là Xêli có nhiều tuổi hơn tôi thật. Nhưng chuyện đó không làm tôi nhụt chí. Nàng rất niềm nở, yêu đời và đầy nghị lực. Tôi rất hạnh phúc vì có người vợ tươi trẻ, tràn trề sức sống như vậy. Nàng như gắn bó mãi với tuổi thanh xuân. Quả thế, Xêli hãy còn trẻ lắm, da mịn màng, dáng đi uyển chuyển, ngực mọng căng. Một người đẹp thật sự. Đẹp tự nhiên chứ không hề son phấn. Tôi có cảm tưởng là thời gian không thể làm sắc đẹp nàng tàn lụi. Không ai tin là Dôri, con gái nàng đã mười tám. Cô cũng xinh đẹp như mẹ.

Tôi vô cùng thích thú vì đã có con gái lớn như thế. Dôri bắt đầu gọi tôi bằng bố. Lúc đầu cũng có hơi gượng. Nhưng sau đó khi về nhà tôi ở chung với chúng tôi thì rồi nó cũng quen đi. Thế rồi hạnh phúc và niềm vui như chen chân vào cửa nhà chúng tôi. Tôi và Xêli rất yêu nhau. Dôri là niềm vui của hai vợ chồng. Tôi rất muốn kiếm thêm được nhiều tiền, vì cũng phải chăm

lo cho cô con gái lớn chứ. Ít lâu sau thì Xêli có mang. Dôri hồi hộp chờ đợi sự ra đời của một sinh vật nhỏ nhoi mới. Tôi luôn luôn nghĩ bụng là mình phải cố gắng để khỏi thua kém gì cha ông. Nhưng dù cho có bao nhiêu con đi chăng nữa thì chúng vẫn cứ là em trai, em gái của Dôri.

Nhưng... đúng là đến đây thì bắt đầu mọi chuyện lộn xộn. Tôi cứ loay hoay cuống quýt hết cả lên mà không sao thoát ra khỏi cái vòng luẩn quẩn. Cha tôi lấy vợ! Tôi không trách ông cụ, vì mẹ tôi mất đã lâu lắm rồi. Nhưng đối với tôi thì quả là sét đánh ngang tai, khi tôi được biết rằng vợ của cha tôi sẽ là... Dôri. Cho đến nay tôi vẫn còn thấy bàng hoàng.

Cha tôi gần năm mươi nhưng chưa thể gọi là già. Thân hình vững chắc, tóc chưa hề có sợi bạc, không một nếp nhăn, răng lợi còn nguyên vẹn cả. Lưng vẫn thẳng, vai ngang và rộng. Trong làng mọi người đùa vẫn cứ hay gọi là “chàng trai đứng tuổi”.

Cha tôi mê tí Dôri, mê say đắm. Con bé lại cũng yêu ông cụ nữa mới chết. Và thế là tôi mới có mẹ kế. Từ đó bắt đầu mọi sự rối loạn trong tâm hồn tôi.

Dôri bây giờ không gọi tôi bằng bố nữa. Cũng phải thôi, vì tôi bây giờ là con của nó rồi cơ mà. Tuy vậy mỗi bận nghĩ mình là con của Dôri là đầu óc tôi cứ rối beng cả lên.

“Tôi là ai?” - câu hỏi đó tôi không muốn nghĩ tới, nhưng nó cứ ám ảnh tôi như hình với bóng. Trước đây tôi là bố của Dôri. Nhưng Dôri, con gái tôi ấy, bây giờ lại thành mẹ tôi, bởi vì nó thay thế mẹ tôi, nó lại mang họ cha tôi, nó là vợ của cha tôi một cách hợp pháp, hợp tình, trước mọi người và trước Thượng đế. Vâng, bây giờ nó đã là mẹ tôi... Và theo đúng mọi qui tắc thì tôi phải gọi nó bằng mẹ cũng như phải gọi cha tôi bằng cha.

Tiếp theo lại còn phức tạp hơn nữa... Cha tôi, người mà tôi gọi bằng cha từ cái khi tôi mới bập bẹ tập nói, thì bây giờ lại thành con rể tôi, bởi vì ông ấy là chồng của con gái tôi.

Gia đình ngày càng tăng nhân khẩu. Tôi và Xêli sinh con trai. Chúng tôi đặt tên cho nó là Niri. Niri là con thứ hai của chúng tôi. Con đầu là Dôri. Vâng Niri là con trai của chúng tôi, là em của Dôri. Là em của Dôri ư? Có nghĩa là nó là em vợ của cha tôi đấy ư? Vâng, đúng vậy, nó là em của vợ cha tôi. Và có nghĩa là Niri không phải là con trai tôi, mà tôi phải gọi nó bằng cậu, vì nó là em gái của Dôri, mẹ kế tôi.

Tôi ôm lấy đầu. Không, không, Niri là con tôi cơ mà. Chính mắt tôi trông thấy Xêli, vợ tôi, sinh ra nó. Nhưng nhìn tận mắt thì có là cái gì? Chính cha tôi gọi nó là em vợ. Em vợ của cha tôi ư? Nhưng nếu vậy thì Niri lại đúng là cậu tôi rồi.

Cha tôi và mẹ kế tôi cũng sinh con trai. Tôi lại có một thằng em xinh xinh mũm mĩm. Nó tên là Manga. Nhưng không, tôi nhầm mất rồi. Manga không phải là em tôi, bởi vì nó là con của Dôri. Mà Dôri là con gái lớn của chúng tôi, do vậy mà Manga là cháu ngoại của chúng tôi chứ.

Tôi không thể nào nghĩ tiếp chuyện đó được nữa. Lẫn lộn hết cả. Tôi cố gắng đi tìm cái phả hệ của Niri: Dôri là con gái lớn của vợ chồng tôi. Thằng Manga, con trai của nó sẽ là cháu ngoại chúng tôi. Nhưng vì Dôri là mẹ kế của tôi, cho nên hiển nhiên là Niri, con trai chúng tôi là cháu nội của nó. Do đó Niri lại không phải là con của vợ chồng tôi. Bởi vì nếu nó là cháu của Dôri, con gái lớn của chúng tôi, thì nó phải là chắt của cha chúng tôi chứ.

Nhưng làm sao mà có thể đồng ý với chuyện đó được mặc dù nó cũng gần đúng với sự thật? Sự thật là ở chỗ Niri không phải là cháu gọi bằng cậu của Manga, mà là con tôi, cho nên nó là cậu của Manga, bởi vì tôi và vợ tôi là bố mẹ của Dôri, mẹ nó. Như thế tức là Niri chẳng phải là gì khác mà là cậu của Manga.

Tôi chưa thể nào yên lòng khi chưa gỡ ra chuyện này được. Tôi sẽ nhờ người vợ yêu của tôi, nhờ Xêli vậy. Chúng tôi sẽ tìm cho ra lời giải, bởi vì chuyện này làm cho tôi điên đầu lắm. Mà liệu Xêli có phải là vợ tôi không? Dứt khoát là không. Nàng là mẹ của Dôri, mẹ kế tôi và do đó là bà ngoại tôi. Đúng vậy, Xêli là bà ngoại tôi, và tôi là cháu ngoại của nàng, nếu như Dôri, mẹ kế tôi là con gái của Xêli.

Xêli ư? Ừ mà quả nàng là bà ngoại tôi thật rồi. Mà vì chồng của bà ngoại là ông ngoại... Lạy Chúa xin Người cứu rỗi linh hồn con. Xin Người phán bảo con, con là ai? Con là chồng Xêli, mà Xêli lại là bà ngoại của con, chẳng hóa ra con lại là ông ngoại của chính mình ư? Lạy Chúa tôi, tôi phát điên lên mất. Tôi là ai?

NGUYỄN HỮU GIÁT dịch.

Chú thích:

[1.](#) Rượu uống sau bữa ăn để dễ tiêu

[2.](#) R.I.P: “rest in Peace”: Xin hãy yên nghỉ (N.D)

[3.](#) Tên một món ăn Bắc Phi (N.D.)

[4.](#) Yu - vu là tiếng phát ra từ cổ họng của người đàn bà biểu lộ sự vui mừng phấn khởi khi trong gia đình có điều vui mừng như cưới xin, sinh đẻ. Điều này vẫn còn thấy ở các nước châu Phi

[5.](#) Xứ Mô - trước kia gọi là Môritani, bao gồm Angiêri, Tuynidi và Marôc (N.D.).

[6.](#) O.K (tiếng lóng, Mỹ) – thôi được, đồng ý.

[7.](#) Những ngôn ngữ của các bộ lạc lớn sống ở châu Phi.

[8.](#) Truyện viết về thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp gần thắng lợi hoàn toàn. Quân Pháp phải dồn về các thành phố và tăng cường khủng bố trắng. (N.D.).

[9.](#) Cờ của Mặt trận dân tộc giải phóng Angiêri (N.D).

[10.](#) Cuộc chiến tranh dai dẳng suốt từ cuối thế kỷ XIX đến gần giữa thế kỷ XX giữa bọn thực dân Anh và người Dulu. Người Dulu bị đẩy vào những nơi khô cằn, chết dần chết mòn vì nghèo đói, mê tín, thiếu vệ sinh và bị bóc lột thậm tệ. (N.D).

[11.](#) Haivendê – vùng thảo nguyên nằm trên núi ở Nam Phi.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>